

| <b>Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Việt Thọ</b><br>Địa chỉ: Lô A1, Đường Số 4, KCN Sông Mỹ, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai |                                              |                                    |             |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|-------------|--|
| 3386                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung Vitamin và acid amin         | ADE B COMPLEX<br>+ B <sub>12</sub> | VT.ĐN.01/09 |  |
| 3387                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung Vitamin                      | ADE B COMPLEX<br>- C               | VT.ĐN.02/09 |  |
| 3388                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung Vitamin ADE                  | ADE SOLUBLE                        | VT.ĐN.03/09 |  |
| 3389                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho Gà                       | ANTIGUM                            | VT.ĐN.04/09 |  |
| 3390                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm         | BACILACZYM                         | VT.ĐN.05/09 |  |
| 3391                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm         | BACILACZYM<br>PREMIX               | VT.ĐN.06/09 |  |
| 3392                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm         | B COMPLEX -<br>SUPER               | VT.ĐN.07/09 |  |
| 3393                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung Vitamin – khoáng vi<br>lượng | CALCI ADE -VIT                     | VT.ĐN.08/09 |  |
| 3394                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung Calci                        | CALCIVIT-<br>SOLUBLE               | VT.ĐN.09/09 |  |
| 3395                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung Vitamin ADE                  | DONA - ADE                         | VT.ĐN.10/09 |  |
| 3396                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung Vitamin B và vitamin C       | DONA - B<br>COMPLEX C              | VT.ĐN.11/09 |  |
| 3397                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm         | DONA - BIOTIN<br>PLUS              | VT.ĐN.12/09 |  |
| 3398                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho gia súc có kháng sinh    | DONA - E.COLI                      | VT.ĐN.13/09 |  |
| 3399                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm         | DONAMILK -<br>SPRAY                | VT.ĐN.14/09 |  |
| 3400                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho heo con 15 – 30 kg       | DONAMIX 01                         | VT.ĐN.15/09 |  |
| 3401                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho heo thịt 30 – 60 kg      | DONAMIX 02                         | VT.ĐN.16/09 |  |
| 3402                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho heo nái và heo giống     | DONAMIX 03                         | VT.ĐN.17/09 |  |
| 3403                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho gà đẻ, vịt đẻ            | DONAMIX 04                         | VT.ĐN.18/09 |  |
| 3404                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho vịt con và vịt thịt      | DONAMIX 05                         | VT.ĐN.19/09 |  |
| 3405                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho gà thịt công nghiệp      | DONAMIX 06                         | VT.ĐN.20/09 |  |
| 3406                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho gà ta và gà tam<br>hoàng | DONAMIX 07                         | VT.ĐN.21/09 |  |
| 3407                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho bò sữa                   | DONAMIX 09                         | VT.ĐN.22/09 |  |
| 3408                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho heo con 15 – 30 kg       | DONAMIX 010                        | VT.ĐN.23/09 |  |
| 3409                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho heo thịt 30 – 60 kg      | DONAMIX 011                        | VT.ĐN.24/09 |  |
| 3410                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho heo thịt 60 – 100 kg     | DONAMIX 012                        | VT.ĐN.25/09 |  |
| 3411                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho heo giống                | DONAMIX 013                        | VT.ĐN.26/09 |  |
| 3412                                                                                                                                 | Thức ăn bổ sung cho gia cầm đẻ trứng         | DONAMIX 021                        | VT.ĐN.27/09 |  |

|      |                                                      |                            |             |  |
|------|------------------------------------------------------|----------------------------|-------------|--|
| 3413 | Thức ăn bổ sung Vitamin – khoáng cho heo             | DONAMIX - SUPER            | VT.ĐN.28/09 |  |
| 3414 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia cầm                  | DONA TRỨNG                 | VT.ĐN.29/09 |  |
| 3415 | Thức ăn bổ sung chất điện giải cho gia súc, gia cầm. | ELECTROLYTE                | VT.ĐN.30/09 |  |
| 3416 | Thức ăn bổ sung Sorbitol cho gia súc, gia cầm.       | HEPASOL B12                | VT.ĐN.31/09 |  |
| 3417 | Thức ăn bổ sung khoáng cho gia cầm                   | KHOÁNG GIA CẦM             | VT.ĐN.32/09 |  |
| 3418 | Thức ăn bổ sung khoáng cho gia súc                   | KHOÁNG GIA SÚC             | VT.ĐN.33/09 |  |
| 3419 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                 | KÍCH SỮA - TĂNGTRỨNG       | VT.ĐN.34/09 |  |
| 3420 | Thức ăn cung cấp đạm cho gia súc, gia cầm            | MILKLAC                    | VT.ĐN.35/09 |  |
| 3421 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                 | SELENVIT - E 50            | VT.ĐN.36/09 |  |
| 3422 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                 | SELENVIT - E 50 PREMIX     | VT.ĐN.37/09 |  |
| 3423 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia cầm                  | ÚM GÀ VỊT                  | VT.ĐN.38/09 |  |
| 3424 | Thức ăn bổ sung cho gia cầm                          | VITALACZYM - EMIVEST       | VT.ĐN.39/09 |  |
| 3425 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia cầm                  | VITALACZYM - SUPER         | VT.ĐN.40/09 |  |
| 3426 | Thức ăn bổ sung Vitamin C                            | VITAMIN C 15%              | VT.ĐN.41/09 |  |
| 3427 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                 | VITAMIN C 15% PREMIX       | VT.ĐN.42/09 |  |
| 3428 | Thức ăn bổ sung Vitamin K                            | VITAMIN K                  | VT.ĐN.43/09 |  |
| 3429 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                 | VITALEC - SOL              | VT.ĐN.44/09 |  |
| 3430 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                 | VITAMIN C 10%              | VT.ĐN.45/09 |  |
| 3431 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                 | VITAMIN C 10% PREMIX       | VT.ĐN.46/09 |  |
| 3432 | Thức ăn bổ sung Vitamin - khoáng cho heo 15 – 30 kg  | SIÊU ĐẶM ĐẶC 1 (PREMIX 4%) | VT.ĐN.47/09 |  |
| 3433 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia súc, gia cầm         | ANALGIN – C                | VT.ĐN.48/09 |  |
| 3434 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia súc, gia cầm         | DONA RESPIRA               | VT.ĐN.49/09 |  |
| 3435 | Thức ăn bổ sung Vitamin B và vitamin C               | B COMPLEX C                | VT.ĐN.50/09 |  |
| 3436 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                 | MILKLAC NEW                | VT.ĐN.51/09 |  |
| 3437 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia súc                  | FLORFENICOL 0,8%           | VT.ĐN.53/09 |  |

|      |                                                              |                            |              |  |
|------|--------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------|--|
| 3438 | Thức ăn bổ sung Vitamin - khoáng cho heo 30 – 60 kg          | SIÊU ĐẬM ĐẶC 2 (PREMIX 4%) | VT.ĐN.54/09  |  |
| 3439 | Thức ăn bổ sung Vitamin - khoáng cho heo 60 kg – xuất chuồng | SIÊU ĐẬM ĐẶC 3 (PREMIX 4%) | VT.ĐN.55/09  |  |
| 3440 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia súc, gia cầm                 | DONA – LINSPEC             | VT.ĐN.56/09  |  |
| 3441 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                         | AMPIDOOXY                  | VT.ĐN.58/09  |  |
| 3442 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia súc, gia cầm                 | TYLOSUL – C                | VT.ĐN.59/09  |  |
| 3443 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia súc, gia cầm                 | COLISTIN – 600             | VT.ĐN.60/09  |  |
| 3444 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia cầm                          | TETRA – TRỨNG              | VT.ĐN.62/09  |  |
| 3445 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia súc                          | DIAR – STOP                | VT.ĐN.63/09  |  |
| 3446 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho gia cầm                          | TETRACOLI - FORT           | VT.ĐN.64/09  |  |
| 3447 | Thức ăn bổ sung Vitamin - khoáng cho heo                     | PREMIX NÁI NUÔI CON 4%     | VT.ĐN.01/10  |  |
| 3448 | Thức ăn bổ sung Vitamin - khoáng cho heo 15 – 30 kg          | PREMIX 1% – 001            | VT.ĐN.02/10  |  |
| 3449 | Thức ăn bổ sung Vitamin - khoáng cho heo 30 – 60 kg          | PREMIX 1% – 002            | VT.ĐN.03/10  |  |
| 3450 | Thức ăn bổ sung Vitamin - khoáng cho heo 60 kg – xuất chuồng | PREMIX 1% – 003            | VT.ĐN.04/10  |  |
| 3451 | Thức ăn bổ sung khoáng cho heo                               | PROMILK                    | VT.ĐN.05/10  |  |
| 3452 | Thức ăn bổ sung khoáng cho gia cầm                           | PROEGG                     | VT.ĐN.06/10  |  |
| 3453 | Thức ăn bổ sung acid amin - khoáng cho heo                   | SIÊU CHỐNG CÒI             | VT.ĐN.07/10  |  |
| 3454 | Thức ăn bổ sung acid amin - khoáng cho heo                   | SIÊU TĂNG TRỌNG            | VT.ĐN.08/10  |  |
| 3455 | Thức ăn bổ sung chất điện giải                               | ORESOL                     | VT.ĐN 09/10  |  |
| 3456 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                         | DONAMILK                   | VT.ĐN 10/10  |  |
| 3457 | Thức ăn bổ sung men tiêu hoá cho gia súc, gia cầm            | $\beta$ - GLUCAN BIOTIC    | VT. ĐN 11/10 |  |
| 3458 | Thức ăn bổ sung cho heo 15 – 30 kg                           | POLYMIX 01                 | VT. ĐN.12/10 |  |
| 3459 | Thức ăn bổ sung cho heo 30 – 60 kg                           | POLYMIX 02                 | VT. ĐN.13/10 |  |
| 3460 | Thức ăn bổ sung cho heo 60 kg – xuất chuồng                  | POLYMIX 03                 | VT. ĐN.14/10 |  |
| 3461 | Thức ăn bổ sung cho heo nái                                  | POLYMIX 04                 | VT. ĐN.15/10 |  |
| 3462 | Thức ăn bổ sung Vitamin - khoáng cho gia súc, gia cầm        | VIAMIN                     | VT. ĐN.16/10 |  |

|      |                                                                                                                                                                    |                    |               |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|--|
| 3463 | Thức ăn bổ sung acid amin cho cho gia súc, gia cầm                                                                                                                 | DONA – HEPATOL B12 | VT. ĐN.17/10  |  |
| 3464 | Thức ăn bổ sung chất điện giải                                                                                                                                     | NEW ELECTROLYTE    | VT.ĐN.18/10   |  |
| 3465 | Thức ăn bổ sung Vitamin - khoáng cho cho gia súc, gia cầm                                                                                                          | CALCIBIO-VIT       | VT. ĐN.19/10  |  |
| 3466 | Thức ăn bổ sung cho cho gia súc, gia cầm                                                                                                                           | C-K-GLUCOSE        | VT. ĐN.20/10  |  |
| 3467 | Thức ăn bổ sung Sorbitol cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                     | HEPASOL - AVI      | VT. ĐN.21/10  |  |
| 3468 | Thức ăn bổ sung Vitamin - khoáng cho cho gia súc, gia cầm                                                                                                          | PARA-C             | VT. ĐN.22/10  |  |
| 3469 | Thức ăn bổ sung Vitamin cho cho gia súc, gia cầm                                                                                                                   | ASPIRIN - B        | VT. ĐN.24/10  |  |
| 3470 | Dung dịch bổ sung cho cho gia súc, gia cầm                                                                                                                         | HEPAMITOL          | VT.ĐN.02/11   |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH VINA</b><br/> Địa chỉ: 64 Quốc lộ 51, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.<br/> Điện thoại : 0613.930798. Fax: 0613.930412.</p> |                    |               |  |
| 3471 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                                                                                         | ĐÔNG Á SH 22       | 01:2009/ViNa  |  |
| 3472 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 70kg                                                                                         | ĐÔNG Á SH 24       | 02:2009/ViNa  |  |
| 3473 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai                                                                                         | ĐÔNG Á SH 28       | 03:2009/ViNa  |  |
| 3474 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo nái nuôi con                                                                                                      | ĐÔNG Á SH 30       | 04:2009/ViNa  |  |
| 3475 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                                                                                         | ĐÔNG Á H 65        | 05:2009/VINA  |  |
| 3476 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg                                                                                         | ĐÔNG Á H 66        | 06:2009/VINA  |  |
| 3477 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 60kg cho đến xuất chuồng                                                                                  | ĐÔNG Á H 67        | 07:2009/VINA  |  |
| 3478 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai                                                                                         | ĐÔNG Á H 68        | 08:2009/VINA  |  |
| 3479 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo nái nuôi con                                                                                                      | ĐÔNG Á H 69        | 09:2009/VINA  |  |
| 3480 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                                                                                         | VINA 65            | 10:2009/VINA  |  |
| 3481 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo nái nuôi con                                                                                                      | ALPHA S130         | 100:2009/VINA |  |
| 3482 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                                                                                         | LUCKY S5022        | 101:2009/VINA |  |

|      |                                                                                                    |                    |               |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|--|
| 3483 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 70kg                         | LUCKY S5024        | 102:2009/VINA |  |
| 3484 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai                         | LUCKY S5028        | 103:2009/VINA |  |
| 3485 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo nái nuôi con                                      | LUCKY S5030        | 104:2009/VINA |  |
| 3486 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                  | ĐÔNG Á SUPER Đ 48A | 105:2009/VINA |  |
| 3487 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt siêu nạc từ 15kg cho đến xuất chuồng | ĐÔNG Á SĐ1930      | 106:2009/VINA |  |
| 3488 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt siêu nạc từ 5kg cho đến xuất chuồng  | ALPHA S2930        | 107:2009/VINA |  |
| 3489 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                  | VINa 9001          | 108:2009/VINA |  |
| 3490 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                  | ĐÔNG Á Đ50         | 109:2009/VINA |  |
| 3491 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg                         | VINA 66            | 11:2009/VINA  |  |
| 3492 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                  | ĐÔNG Á Đ48         | 110:2009/VINA |  |
| 3493 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                  | ĐÔNG Á Đ46         | 111:2009/VINA |  |
| 3494 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                  | ĐÔNG Á Đ44         | 112:2009/VINA |  |
| 3495 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con, heo đực giống                       | ĐÔNG Á Đ38         | 113:2009/VINA |  |
| 3496 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                  | ViNa SUPER 48A     | 114:2009/VINA |  |
| 3497 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                  | ViNa SIÊU HẠNG 48  | 115:2009/VINA |  |
| 3498 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                  | ViNa SIÊU TỐC 46   | 116:2009/VINA |  |
| 3499 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                  | ViNa SIÊU TỐC 44   | 117:2009/VINA |  |
| 3500 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt siêu nạc từ 5kg cho đến xuất chuồng  | ViNa S1930         | 118:2009/VINA |  |
| 3501 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt siêu nạc từ 15kg cho đến xuất chuồng | ViNa S1900         | 119:2009/VINA |  |

|      |                                                                                                   |                  |               |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|--|
| 3502 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 60kg cho đến xuất chuồng                 | VINA 67          | 12:2009/VINA  |  |
| 3503 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến xuất chuồng                 | ViNa 115         | 120:2009/VINA |  |
| 3504 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái khô, nái chữa                                | ViNa 3           | 121:2009/VINA |  |
| 3505 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con, heo đực giống                      | ViNa 109         | 122:2009/VINA |  |
| 3506 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                 | HAPPY SUPER 600  | 123:2009/VINA |  |
| 3507 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                 | HAPPY 601A       | 124:2009/VINA |  |
| 3508 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                 | HAPPY 606        | 125:2009/VINA |  |
| 3509 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                 | HAPPY 601        | 126:2009/VINA |  |
| 3510 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt siêu nạc từ 5kg cho đến xuất chuồng | HAPPY S6930      | 127:2009/VINA |  |
| 3511 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến xuất chuồng                 | HAPPY 605        | 128:2009/VINA |  |
| 3512 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái khô, nái chữa                                | HAPPY 604        | 129:2009/VINA |  |
| 3513 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai                        | VINA 69          | 13:2009/VINA  |  |
| 3514 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                 | ALPHA 160        | 130:2009/VINA |  |
| 3515 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                 | ALPHA 170        | 131:2009/VINA |  |
| 3516 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                 | ALPHA 210        | 132:2009/VINA |  |
| 3517 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến xuất chuồng                 | ALPHA 190        | 133:2009/VINA |  |
| 3518 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con, heo đực giống                      | ALPHA 230        | 134:2009/VINA |  |
| 3519 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                 | Lucky 7200       | 135:2009/VINA |  |
| 3520 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                 | Lucky SUPER 8000 | 136:2009/VINA |  |
| 3521 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                 | Lucky 7000       | 137:2010/VINA |  |

|      |                                                                                                         |                 |               |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--|
| 3522 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 05kg cho đến xuất chuồng                       | Lucky 7100      | 138:2010/VINA |  |
| 3523 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt siêu nạc từ 5kg cho đến xuất chuồng       | Lucky S8930     | 139:2010/VINA |  |
| 3524 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con                                           | VINA 68         | 14:2009/VINA  |  |
| 3525 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến xuất chuồng                       | Lucky 6000      | 140:2010/VINA |  |
| 3526 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái khô, nái chữa                                      | Lucky 7800      | 141:2010/VINA |  |
| 3527 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con, heo đực giống                            | Lucky 7900      | 142:2010/VINA |  |
| 3528 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho cút đẻ.                                                    | ĐÔNG Á C49      | 143:2010/VINA |  |
| 3529 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho cút hậu bị từ 01 -35 ngày tuổi.                            | ĐÔNG Á C39      | 144:2010/VINA |  |
| 3530 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho cút đẻ.                                                    | ViNa 450        | 145:2010/VINA |  |
| 3531 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho cút hậu bị từ 01 -35 ngày tuổi.                            | ViNa 440        | 146:2010/VINA |  |
| 3532 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg, nái nuôi con, heo đực giống | ViNa D ĐẶC BIỆT | 147:2010/VINA |  |
| 3533 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg.                             | ViNa 6 ĐẶC BIỆT | 148:2010/VINA |  |
| 3534 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo từ 60kg cho đến xuất chuồng                            | ViNa 7 ĐẶC BIỆT | 149:2010/VINA |  |
| 3535 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                              | HAPPY 665       | 15:2009/VINA  |  |
| 3536 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái chữa, nái khô                          | ViNa 9 ĐẶC BIỆT | 150:2010/VINA |  |
| 3537 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                              | HAPPY 552       | 151:2010/VINA |  |
| 3538 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg.                             | HAPPY 553       | 152:2010/VINA |  |
| 3539 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo từ 60kg cho đến xuất chuồng                            | HAPPY 554       | 153:2010/VINA |  |
| 3540 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con.                                          | HAPPY 556       | 154:2010/VINA |  |
| 3541 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái chữa, nái khô                          | HAPPY 557       | 155:2010/VINA |  |

|      |                                                                                                         |              |               |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------|--|
| 3542 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg, nái nuôi con, heo đực giống | QUANG VINH 6 | 156:2010/VINA |  |
| 3543 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg, nái nuôi con.               | ĐÔNG Á H15   | 157:2010/VINA |  |
| 3544 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg.                             | ĐÔNG Á H16   | 158:2010/VINA |  |
| 3545 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo từ 60kg cho đến xuất chuồng                            | ĐÔNG Á H17   | 159:2010/VINA |  |
| 3546 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg                              | HAPPY 666    | 16:2009/VINA  |  |
| 3547 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái chữa, nái khô                          | ĐÔNG Á H19   | 160:2010/VINA |  |
| 3548 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg, nái nuôi con.               | ViNa D       | 161:2010/VINA |  |
| 3549 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg.                             | ViNa 6       | 162:2010/VINA |  |
| 3550 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo từ 60kg cho đến xuất chuồng                            | ViNa 7       | 163:2010/VINA |  |
| 3551 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái chữa, nái khô                          | ViNa 9       | 164:2010/VINA |  |
| 3552 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg.                             | ALPHA 121    | 165:2010/VINA |  |
| 3553 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg.                             | ALPHA 131    | 166:2010/VINA |  |
| 3554 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo từ 60kg cho đến xuất chuồng                            | ALPHA 141    | 167:2010/VINA |  |
| 3555 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái chữa, nái khô                          | ALPHA 181    | 168:2010/VINA |  |
| 3556 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg, nái nuôi con.               | Lucky 5010   | 169:2010/VINA |  |
| 3557 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 60kg cho đến xuất chuồng                       | HAPPY 667    | 17:2009/VINA  |  |
| 3558 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg.                             | Lucky 5020   | 170:2010/VINA |  |
| 3559 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo từ 60kg cho đến xuất chuồng                            | Lucky 5030   | 171:2010/VINA |  |
| 3560 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái chữa, nái khô                          | Lucky 5040   | 172:2010/VINA |  |

|      |                                                                                                                          |                |               |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|--|
| 3561 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg, nái nuôi con.                                | QUANG VINH 6   | 173:2010/VINA |  |
| 3562 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg.                                              | QUANG VINH 7   | 174:2010/VINA |  |
| 3563 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo từ 60kg cho đến xuất chuồng                                             | QUANG VINH 8   | 175:2010/VINA |  |
| 3564 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên ,hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái chữa, nái khô                                           | QUANG VINH 10  | 176:2010/VINA |  |
| 3565 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho bò sữa                                                                      | ĐÔNG Á B90     | 177:2010/VINA |  |
| 3566 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho bò sữa                                                                      | ViNa 900       | 178:2010/VINA |  |
| 3567 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho bò sữa                                                                      | ViNa 901       | 179:2010/VINA |  |
| 3568 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai                                               | HAPPY 669      | 18:2009/VINA  |  |
| 3569 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho bò lai Sind, bò thịt, bò vỗ béo, bò cái sinh sản; Bê; Dê; Cừu               | ViNa 910       | 180:2010/VINA |  |
| 3570 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho bò sữa                                                                      | Lucky 9010     | 181:2010/VINA |  |
| 3571 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo con từ tập ăn cho đến 20kg                                              | ĐÔNG Á H14     | 182:2010/VINA |  |
| 3572 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo con từ tập ăn cho đến 20kg                                              | ViNa AAA       | 183:2010/VINA |  |
| 3573 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo con từ tập ăn cho đến 20kg                                              | HAPPY 551      | 184:2010/VINA |  |
| 3574 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo con từ tập ăn cho đến 20kg                                              | ALPHA 120      | 185:2010/VINA |  |
| 3575 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo con từ tập ăn cho đến 20kg                                              | Lucky 5115     | 186:2010/VINA |  |
| 3576 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo con từ tập ăn từ 07 ngày tuổi cho đến 08kg hoặc đến sau cai sữa 02 tuần | ViNa SUPER LAC | 187:2010/VINA |  |
| 3577 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 01-21 ngày tuổi .                                                | HAPPY 231      | 188:2011/VINA |  |
| 3578 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 22- 42 ngày tuổi .                                               | HAPPY 232      | 189:2011/VINA |  |
| 3579 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con                                                            | HAPPY 668      | 19:2009/VINA  |  |

|      |                                                                                                    |             |               |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|--|
| 3580 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 01-21 ngày tuổi .                          | ALPHA 454   | 190:2011/VINA |  |
| 3581 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 22- 42 ngày tuổi .                         | ALPHA 464   | 191:2011/VINA |  |
| 3582 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 01-21 ngày tuổi .                          | LUCKY 2225  | 192:2011/VINA |  |
| 3583 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 22- 42 ngày tuổi .                         | LUCKY 2235  | 193:2011/VINA |  |
| 3584 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo từ 20- 50kg                                       | VINA 65S    | 194:2011/VINA |  |
| 3585 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo từ 50kg cho đến xuất chuồng                       | VINA 66S    | 195:2011/VINA |  |
| 3586 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai.                        | VINA 68S    | 196:2011/VINA |  |
| 3587 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con.                                     | VINA 69S    | 197:2011/VINA |  |
| 3588 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo con từ tập ăn cho đến 20kg                        | VIFEED 711  | 198:2011/VINA |  |
| 3589 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo từ 20- 50kg                                       | VIFEED 721S | 199:2011/VINA |  |
| 3590 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                         | ALPHA 265   | 20:2009/VINA  |  |
| 3591 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo từ 50kg cho đến xuất chuồng                       | VIFEED 731S | 200:2011/VINA |  |
| 3592 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai.                        | VIFEED 741S | 201:2011/VINA |  |
| 3593 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con.                                     | VIFEED 751S | 202:2011/VINA |  |
| 3594 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái khô, nái chữa                                 | VIFEED 763  | 203:2011/VINA |  |
| 3595 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con, heo đực giống                       | VIFEED 764  | 204:2011/VINA |  |
| 3596 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt siêu nạc từ 15kg cho đến xuất chuồng | VIFEED S770 | 205:2011/VINA |  |
| 3597 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt siêu nạc từ 15kg cho đến xuất chuồng | VIFEED S773 | 206:2011/VINA |  |
| 3598 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                         | VIFEED 721  | 207:2011/VINA |  |
| 3599 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg                         | VIFEED 731  | 208:2011/VINA |  |

|      |                                                                                    |            |              |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|--|
| 3600 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg         | ALPHA 266  | 21:2009/VINA |  |
| 3601 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 60kg cho đến xuất chuồng  | ALPHA 267  | 22:2009/VINA |  |
| 3602 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai         | ALPHA 268  | 23:2009/VINA |  |
| 3603 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con                      | ALPHA 269  | 24:2009/VINA |  |
| 3604 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg         | LUCKY 5120 | 25:2009/VINA |  |
| 3605 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 60kg         | LUCKY 5130 | 26:2009/VINA |  |
| 3606 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 60kg cho đến xuất chuồng  | LUCKY 5140 | 27:2009/VINA |  |
| 3607 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai         | LUCKY 5150 | 28:2009/VINA |  |
| 3608 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con                      | LUCKY 5160 | 29:2009/VINA |  |
| 3609 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01-21 ngày tuổi.               | ĐÔNG Á V61 | 30:2009/VINA |  |
| 3610 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 22-42 ngày tuổi.               | ĐÔNG Á V62 | 31:2009/VINA |  |
| 3611 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01-21 ngày tuổi.               | ĐÔNG Á V71 | 32:2009/VINA |  |
| 3612 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 22 ngày tuổi cho đến xuất bán. | ĐÔNG Á V72 | 33:2009/VINA |  |
| 3613 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt vỗ béo                            | ĐÔNG Á V73 | 34:2009/VINA |  |
| 3614 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01 ngày tuổi cho đến xuất bán. | ĐÔNG Á V74 | 35:2009/VINA |  |
| 3615 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt đẻ thương phẩm                    | ĐÔNG Á V76 | 36:2009/VINA |  |
| 3616 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt đẻ .                              | ĐÔNG Á V77 | 37:2009/VINA |  |
| 3617 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01-21 ngày tuổi.               | VINA 320   | 38:2009/VINA |  |
| 3618 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 22-42 ngày tuổi.               | VINA 321   | 39:2009/VINA |  |
| 3619 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01-21 ngày tuổi.               | VINA 355   | 40:2009/VINA |  |
| 3620 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 22 ngày tuổi cho đến xuất bán. | VINA 356   | 41:2009/VINA |  |

|      |                                                                                    |            |              |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|--|
| 3621 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt vỗ béo                            | VINA 357   | 42:2009/VINA |  |
| 3622 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01 ngày tuổi cho đến xuất bán. | VINA 358   | 43:2009/VINA |  |
| 3623 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt đẻ thương phẩm                    | VINA 370   | 44:2009/VINA |  |
| 3624 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt đẻ .                              | VINA 380   | 45:2009/VINA |  |
| 3625 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01-21 ngày tuổi.               | HAPPY 431  | 46:2009/VINA |  |
| 3626 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 22-42 ngày tuổi.               | HAPPY 432  | 47:2009/VINA |  |
| 3627 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01-21 ngày tuổi.               | HAPPY 441  | 48:2009/VINA |  |
| 3628 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 22 ngày tuổi cho đến xuất bán. | HAPPY 442  | 49:2009/VINA |  |
| 3629 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01 ngày tuổi cho đến xuất bán. | HAPPY 443  | 50:2009/VINA |  |
| 3630 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt đẻ thương phẩm                    | HAPPY 445  | 51:2009/VINA |  |
| 3631 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt đẻ .                              | HAPPY 444  | 52:2009/VINA |  |
| 3632 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01-21 ngày tuổi.               | ALPHA 311  | 53:2009/VINA |  |
| 3633 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 22-42 ngày tuổi.               | ALPHA 321  | 54:2009/VINA |  |
| 3634 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01-21 ngày tuổi.               | ALPHA 313  | 55:2009/VINA |  |
| 3635 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 22 ngày tuổi cho đến xuất bán. | ALPHA 323  | 56:2009/VINA |  |
| 3636 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt vỗ béo                            | ALPHA 343  | 57:2009/VINA |  |
| 3637 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt đẻ .                              | ALPHA 373  | 58:2009/VINA |  |
| 3638 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01-21 ngày tuổi.               | LUCKY 4504 | 59:2009/VINA |  |
| 3639 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 22-42 ngày tuổi.               | LUCKY 4514 | 60:2009/VINA |  |
| 3640 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01-21 ngày tuổi.               | LUCKY 4505 | 61:2009/VINA |  |
| 3641 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 22 ngày tuổi cho đến xuất bán. | LUCKY 4515 | 62:2009/VINA |  |

|      |                                                                                    |            |              |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|--|
| 3642 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt vỗ béo                            | LUCKY 4525 | 63:2009/VINA |  |
| 3643 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt từ 01 ngày tuổi cho đến xuất bán. | LUCKY 4535 | 64:2009/VINA |  |
| 3644 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt đẻ thương phẩm                    | LUCKY 4905 | 65:2009/VINA |  |
| 3645 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho vịt đẻ .                              | LUCKY 4805 | 66:2009/VINA |  |
| 3646 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 01-21 ngày tuổi .          | ĐÔNG Á G61 | 67:2009/VINA |  |
| 3647 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 22- 42 ngày tuổi .         | ĐÔNG Á G62 | 68:2009/VINA |  |
| 3648 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 01-28 ngày tuổi .      | ĐÔNG Á G54 | 69:2009/VINA |  |
| 3649 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 28 ngày tuổi- xuất bán | ĐÔNG Á G55 | 70:2009/VINA |  |
| 3650 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 01 ngày tuổi- xuất bán | ĐÔNG Á G56 | 71:2009/VINA |  |
| 3651 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 01 ngày tuổi- xuất bán .   | ĐÔNG Á Đ60 | 72:2009/VINA |  |
| 3652 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 01-21 ngày tuổi .          | VINA 220   | 73:2009/VINA |  |
| 3653 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 22- 42 ngày tuổi .         | VINA 221   | 74:2009/VINA |  |
| 3654 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 01-28 ngày tuổi .      | VINA 254   | 75:2009/VINA |  |
| 3655 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 28 ngày tuổi- xuất bán | VINA 255   | 76:2009/VINA |  |
| 3656 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 01 ngày tuổi- xuất bán | VINA 257   | 77:2009/VINA |  |
| 3657 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà vỗ béo                             | VINA 258   | 78:2009/VINA |  |
| 3658 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà đẻ thương phẩm trên 18 tuần tuổi . | VINA 272   | 79:2009/VINA |  |
| 3659 | Thức ăn đậm đặc dạng bột, viên, hạt dùng cho gà thịt từ 01 ngày tuổi- xuất bán .   | VINA 200   | 80:2009/VINA |  |
| 3660 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 01-28 ngày tuổi .      | HAPPY 331  | 81:2009/VINA |  |
| 3661 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 28 ngày tuổi- xuất bán | HAPPY 332  | 82:2009/VINA |  |
| 3662 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 01 ngày tuổi- xuất bán | HAPPY 333  | 83:2009/VINA |  |

|      |                                                                                                                                                             |            |              |             |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|-------------|
| 3663 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 01-28 ngày tuổi .                                                                               | ALPHA 414  | 84:2009/VINA |             |
| 3664 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 28 ngày tuổi- xuất bán                                                                          | ALPHA 424  | 85:2009/VINA |             |
| 3665 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 01-28 ngày tuổi .                                                                               | LUCKY 2255 | 86:2009/VINA |             |
| 3666 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 28 ngày tuổi- xuất bán                                                                          | LUCKY 2265 | 87:2009/VINA |             |
| 3667 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho gà lông màu từ 01 ngày tuổi- xuất bán                                                                          | LUCKY 2275 | 88:2009/VINA |             |
| 3668 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                                                                                  | VINA S22   | 89:2009/VINA |             |
| 3669 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 70kg                                                                                  | VINA S24   | 90:2009/VINA |             |
| 3670 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai                                                                                  | VINA S28   | 91:2009/VINA |             |
| 3671 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con                                                                                               | VINA S30   | 92:2009/VINA |             |
| 3672 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                                                                                  | HAPPY S522 | 93:2009/VINA |             |
| 3673 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 70kg                                                                                  | HAPPY S524 | 94:2009/VINA |             |
| 3674 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai                                                                                  | HAPPY S528 | 95:2009/VINA |             |
| 3675 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái nuôi con                                                                                               | HAPPY S530 | 96:2009/VINA |             |
| 3676 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 15kg cho đến 30kg                                                                                  | ALPHA S122 | 97:2009/VINA |             |
| 3677 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo thịt từ 30kg cho đến 70kg                                                                                  | ALPHA S124 | 98:2009/VINA |             |
| 3678 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên, hạt dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai                                                                                  | ALPHA S128 | 99:2009/VINA |             |
|      | <b>Công ty TNHH Woosung Vina</b><br>Địa chỉ: KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.<br>Điện thoại: 0613.923350-55. Fax: 0613.923350-53. |            |              |             |
| 3679 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con cai sữa từ 8kg đến 20kg                                                                                               | FOPIG 200  | 09:2011/WSĐN | 2185/SNN-NN |
| 3680 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15kg đến 45kg                                                                                                     | FOPIG 250  | 10:2011/WSĐN | 2185/SNN-NN |
| 3681 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 20kg đến 40kg                                                                                                     | FOPIG 300  | 11:2011/WSĐN | 2185/SNN-NN |

|      |                                                                                                                                                                                                                     |                     |              |             |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------|-------------|
| 3682 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 45kg đến 70kg                                                                                                                                                             | FOPIG 350           | 12:2011/WSĐN | 2185/SNN-NN |
| 3683 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 40kg đến 70kg                                                                                                                                                             | FOPIG 400           | 13:2011/WSĐN | 2185/SNN-NN |
| 3684 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai                                                                                                                                                                     | FOPIG 600           | 14:2011/WSĐN | 2185/SNN-NN |
| 3685 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái nuôi con                                                                                                                                                                      | FOPIG 700           | 15:2011/WSĐN | 2185/SNN-NN |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Zagro Việt Nam</b></p> <p align="center">Địa chỉ: Lô số 9, Đường số 5, KCN Long Thành, xã Tam An, Long Thành, Đồng Nai.<br/>Điện thoại : 0613.514676 – 677. Fax: 0613.514675.</p> |                     |              |             |
| 3686 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung vitamin cần thiết cho heo lứa, heo vỗ béo                                                                                                                                                   | Zagromix S 251      | 02/2011/ZVN  |             |
| 3687 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung khoáng cần thiết cho heo lứa, heo vỗ béo                                                                                                                                                    | Zagromin S 291      | 03/2011/ZVN  |             |
| 3688 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung vitamin cần thiết cho heo con, heo lứa                                                                                                                                                      | Zagromix S 252      | 04/2011/ZVN  |             |
| 3689 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung khoáng cần thiết cho heo con, heo lứa                                                                                                                                                       | Zagromin S 292      | 05/2011/ZVN  |             |
| 3690 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung vitamin cần thiết cho heo nái, đực giống                                                                                                                                                    | Zagromix S 253      | 06/2011/ZVN  |             |
| 3691 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung khoáng cần thiết cho heo nái, đực giống                                                                                                                                                     | Zagromin S 293      | 07/2011/ZVN  |             |
| 3692 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung vitamin cần thiết cho gà thịt                                                                                                                                                               | Zagromix PB 152     | 08/2011/ZVN  |             |
| 3693 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung khoáng cần thiết cho gà thịt                                                                                                                                                                | Zagromin PB 192     | 09/2011/ZVN  |             |
| 3694 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung vitamin cần thiết cho gà đẻ                                                                                                                                                                 | Zagromix PL 153     | 10/2011/ZVN  |             |
| 3695 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung khoáng cần thiết cho gà đẻ                                                                                                                                                                  | Zagromin PB 193     | 11/2011/ZVN  |             |
| 3696 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung vitamin và khoáng cần thiết cho heo lứa, heo vỗ béo                                                                                                                                         | Zagromix SGF NL 351 | 12/2011/ZVN  |             |
| 3697 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung vitamin và khoáng cần thiết cho heo con, heo lứa                                                                                                                                            | Zagromix SPS NL 352 | 13/2011/ZVN  |             |
| 3698 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung vitamin và khoáng cần thiết cho heo nái, đực giống                                                                                                                                          | Zagromix SB NL 353  | 14/2011/ZVN  |             |
| 3699 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung khoáng cần thiết cho vịt đẻ                                                                                                                                                                 | Zagromin DL 891     | 15/2011/ZVN  |             |
| 3700 | Thức ăn hỗn hợp bổ sung vitamin cần thiết cho vịt đẻ                                                                                                                                                                | Zagromix DL 851     | 16/2011/ZVN  |             |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Thức ăn thủy sản New Hope Đồng Tháp</b></p>                                                                                                                                       |                     |              |             |

|      |                                                                                                     |      |             |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------|--|
|      | Địa chỉ: Lô I3-I5 Khu C Mở Rộng KCN Sa Đéc, Đồng Tháp.<br>Điện thoại: 0673764988. Fax: 0673.764978. |      |             |  |
| 3701 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ giai đoạn đẻ trứng                                                 | 768  | NH ĐT 01/10 |  |
| 3702 | Thức ăn hỗn hợp thay sữa cho heo từ tập ăn - 20 kg                                                  | 6620 | NH ĐT 01/11 |  |
| 3703 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 20 kg –60 kg                                                        | 6618 | NH ĐT 02/11 |  |
| 3704 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 20kg-50kg                                                           | 662  | NH ĐT 03/09 |  |
| 3705 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60 kg - xuất chuồng                                                 | 6616 | NH ĐT 03/11 |  |
| 3706 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 50kg- xuất chuồng                                                   | 663  | NH ĐT 04/09 |  |
| 3707 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chữa và chờ phối                                                        | 667  | NH ĐT 05/09 |  |
| 3708 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con                                                                | 668  | NH ĐT 06/09 |  |
| 3709 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ siêu trứng                                                               | 984S | NH ĐT 06/11 |  |
| 3710 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ cai sữa-xuất chuồng                                                 | 1680 | NH ĐT 07/11 |  |
| 3711 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5kg- xuất chuồng                                                    | 1630 | NH ĐT 08/09 |  |
| 3712 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn - xuất chuồng                                                | 1049 | NH ĐT 08/11 |  |
| 3713 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái chữa và nuôi con                                                        | 1638 | NH ĐT 09/09 |  |
| 3714 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 ngày - 21 ngày                                                     | 610  | NH ĐT 10/09 |  |
| 3715 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 ngày - 42 ngày                                                    | 611  | NH ĐT 11/09 |  |
| 3716 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 43 ngày - xuất chuồng                                                | 612  | NH ĐT 12/09 |  |
| 3717 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 ngày - 28 ngày                                                     | 765  | NH ĐT 13/09 |  |
| 3718 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan từ 29 ngày-xuất chuồng                                                 | 766  | NH ĐT 14/09 |  |
| 3719 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ từ 20 tuần tuổi trở lên                                                  | 767  | NH ĐT 15/09 |  |
| 3720 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15 kg- 40 kg                                                        | 918  | NH ĐT 23/09 |  |

|      |                                                                                                                                             |           |             |           |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------|
| 3721 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 40 kg- 75 kg                                                                                                | 917       | NH ĐT 24/09 |           |
| 3722 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con                                                                                                        | 916       | NH ĐT 25/09 |           |
| 3723 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chữa và chờ phối                                                                                                | 915       | NH ĐT 26/09 |           |
| 3724 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 05 kg – 100 kg                                                                                              | 151S-2000 | NH ĐT 28/09 |           |
| 3725 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 10kg – 100kg                                                                                                | 151       | NH ĐT 29/09 |           |
| 3726 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái chữa và nuôi con                                                                                                | 154       | NH ĐT 30/09 |           |
| 3727 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 ngày - 21 ngày                                                                                             | 510       | NH ĐT 31/09 |           |
| 3728 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 ngày - 42 ngày                                                                                            | 511       | NH ĐT 32/09 |           |
| 3729 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 43 ngày - xuất chuồng                                                                                        | 512       | NH ĐT 33/09 |           |
| 3730 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 ngày - 21 ngày                                                                                             | 988       | NH ĐT 38/09 |           |
| 3731 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 22 ngày- xuất chuồng                                                                                         | 989       | NH ĐT 39/09 |           |
| 3732 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 ngày - 21 ngày                                                                                             | 6588      | NH ĐT 40/09 |           |
| 3733 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ từ 20 tuần tuổi trở lên                                                                                          | 984       | NH ĐT 41/09 |           |
| 3734 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ giai đoạn đẻ trứng                                                                                               | 986       | NH ĐT 42/09 |           |
| 3735 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi trở lên                                                                                          | 767D      | NH ĐT 45/09 |           |
|      | <b>Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng</b><br>Địa chỉ: Khu C, KCN Sa Đéc, Đồng Tháp.<br>Điện thoại: 067.3762678. Fax: 067.3762679. |           |             |           |
| 3736 | Hỗn hợp dùng cho heo từ tập ăn đến cai sữa                                                                                                  | VT-H01    | H01.11      | 08/CB-SNN |
| 3737 | Hỗn hợp dùng cho heo từ tập ăn đến 15kg                                                                                                     | VT-H02    | H02.11      | 08/CB-SNN |
| 3738 | Hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg                                                                                                       | VT-H03    | H03.11      | 08/CB-SNN |

|      |                                                                 |          |          |           |
|------|-----------------------------------------------------------------|----------|----------|-----------|
| 3739 | Hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 60kg                           | VT-H04   | H04.11   | 08/CB-SNN |
| 3740 | Hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất thịt                      | VT-H05   | H05.11   | 08/CB-SNN |
| 3741 | Hỗn hợp dùng cho heo nái mang thai                              | VT-H08   | H08.11   | 08/CB-SNN |
| 3742 | Đạm đặc heo thịt từ 35kg - xuất thịt                            | VT-H09   | H09.11   | 08/CB-SNN |
| 3743 | Đạm đặc cho heo thịt từ 35kg đến xuất thịt                      | VT-H100  | H100.11  | 08/CB-SNN |
| 3744 | Đạm đặc cho heo thịt từ 15kg đến xuất thịt                      | VT-H100S | H100S.11 | 08/CB-SNN |
| 3745 | Đạm đặc cho heo nái mang thai và nái nuôi con                   | VT-H180  | H0180.11 | 08/CB-SNN |
| 3746 | Hỗn hợp dùng cho gà con từ 01-15 ngày tuổi                      | VT-G21   | G21.11   | 09/CB-SNN |
| 3747 | Hỗn hợp dùng cho gà giò từ 16-32 ngày tuổi                      | VT-G22   | G22.11   | 09/CB-SNN |
| 3748 | Hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 33 ngày - xuất thịt                 | VT-G23   | G23.11   | 09/CB-SNN |
| 3749 | Hỗn hợp dùng cho gà con thả vườn từ 01 - 45 ngày tuổi           | VT-G221  | G221.11  | 09/CB-SNN |
| 3750 | Hỗn hợp dùng cho gà thịt thả vườn từ 45 ngày tuổi đến xuất thịt | VT-G222  | G222.11  | 09/CB-SNN |
| 3751 | Hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 01-10 tuần                        | VT-G26   | G26.11   | 09/CB-SNN |
| 3752 | Hỗn hợp dùng cho gà hậu bị 2 từ 11-19 tuần                      | VT-G27   | G27.11   | 09/CB-SNN |
| 3753 | Hỗn hợp dùng cho gà đẻ trứng thương phẩm                        | VT-G28   | G28.11   | 09/CB-SNN |
| 3754 | Đạm đặc gà thịt dùng cho gà từ 01 ngày tuổi - xuất thịt         | VT-G200  | G200.11  | 09/CB-SNN |
| 3755 | Đạm đặc gà hậu bị dùng cho gà từ 01 ngày tuổi - 19 tuần         | VT-G260  | G260.11  | 09/CB-SNN |
| 3756 | Đạm đặc gà đẻ dùng cho gà đẻ trứng thương phẩm                  | VT-G280  | G280.11  | 09/CB-SNN |
| 3757 | Hỗn hợp dùng cho gà ta, gà tàu từ 01-21 ngày tuổi               | VT-G211  | G211.11  | 09/CB-SNN |
| 3758 | Hợp hỗn dùng cho vịt con từ 01 -21 ngày tuổi                    | VT-V31   | V31.11   | 10/CB-SNN |
| 3759 | Hỗn hợp dùng cho vịt lứa từ 22-42 ngày tuổi                     | VT-V32   | V32.11   | 10/CB-SNN |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |          |               |           |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|-----------|
| 3760 | Hỗn hợp dùng cho vịt thịt từ 43 ngày - xuất thịt                                                                                                                                                                                                                                 | VT-V33   | V33.11        | 10/CB-SNN |
| 3761 | Hỗn hợp dùng cho vịt đẻ                                                                                                                                                                                                                                                          | VT-V38   | V38.11        | 10/CB-SNN |
| 3762 | Hỗn hợp dùng cho vịt đẻ chạy đồng                                                                                                                                                                                                                                                | VT-V338  | V338.11       | 10/CB-SNN |
| 3763 | Hỗn hợp dùng cho vịt đẻ trứng giống                                                                                                                                                                                                                                              | VT-V39   | V39.11        | 10/CB-SNN |
| 3764 | Hỗn hợp dùng cho cút từ 1 - 40 ngày tuổi                                                                                                                                                                                                                                         | VT-C71   | C71.11        | 11/CB-SNN |
| 3765 | Hỗn hợp dùng cho cút đẻ                                                                                                                                                                                                                                                          | VT-C78   | C78.11        | 11/CB-SNN |
|      | <p align="center"><b>Công ty Chăn nuôi &amp; Chế biến thực phẩm Sài Gòn</b><br/> <b>(Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi An Phú)</b></p> <p align="center">Địa chỉ: 189 Điện Biên Phủ , Phường 15 Quận Bình Thạnh , TP. Hồ Chí Minh.<br/> Điện thoại: 08.37470122. Fax: 08.37470431.</p> |          |               |           |
| 3766 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bồ câu                                                                                                                                                                                                                                             | P911     | AP. HCM 01/11 |           |
| 3767 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt chạy đồng từ 1 ngày tuổi trở lên                                                                                                                                                                                                          | V902     | AP. HCM 02/11 |           |
| 3768 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt chạy đồng (giai đoạn vỗ béo)                                                                                                                                                                                                              | V88      | AP. HCM 02/11 |           |
| 3769 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng                                                                                                                                                                                                                                   | D33, D31 | AP. HCM 02/11 |           |
| 3770 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con                                                                                                                                                                                                                                            | D4, D44  | AP. HCM 03/11 |           |
| 3771 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt                                                                                                                                                                                                                                                | D3       | AP. HCM 03/11 |           |
| 3772 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15 đến 35 kg                                                                                                                                                                                                                                          | 6        | AP. HCM 04/11 |           |
| 3773 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 35 đến 60 kg                                                                                                                                                                                                                                          | 7        | AP. HCM 04/11 |           |
| 3774 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg trở lên                                                                                                                                                                                                                                          | 8        | AP. HCM 04/11 |           |
| 3775 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái khô, nái có chửa                                                                                                                                                                                                                                     | 10A      | AP. HCM 04/11 |           |
| 3776 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con, heo nọc                                                                                                                                                                                                                                    | 10B      | AP. HCM 04/11 |           |
| 3777 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn 1-42 ngày tuổi                                                                                                                                                                                                                         | 44T      | AP. HCM 05/11 |           |
| 3778 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn trên 42 ngày tuổi                                                                                                                                                                                                                      | 55T      | AP. HCM 05/11 |           |
| 3779 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ                                                                                                                                                                                                                                              | G309     | AP. HCM 06/11 |           |
| 3780 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 1-21 ngày tuổi                                                                                                                                                                                                                          | G409     | AP. HCM 06/11 |           |
| 3781 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22-42 ngày tuổi                                                                                                                                                                                                                         | G509     | AP. HCM 06/11 |           |

|      |                                                                                                                                                                          |                          |               |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------|--|
| 3782 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 43 ngày tuổi - xuất thịt                                                                                                        | G609                     | AP. HCM 06/11 |  |
| 3783 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà hậu bị(gà ta, gà tàu)                                                                                                                   | 2T                       | AP. HCM 07/11 |  |
| 3784 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ(gà ta, gà tàu)                                                                                                                       | 3T                       | AP. HCM 07/11 |  |
| 3785 | Thức ăn đậm đặc đặc biệt cho heo từ 5kg- xuất thịt                                                                                                                       | BF501                    | AP. HCM 08/11 |  |
| 3786 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg- xuất thịt                                                                                                                                | BF9999                   | AP. HCM 08/11 |  |
| 3787 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái khô,nái có chửa,nái nuôi con , heo nọc                                                                                                       | BF504                    | AP. HCM 08/11 |  |
| 3788 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng viên cho bò câu                                                                                                                          | P907                     | AP. HCM 10/11 |  |
|      | <b>Công ty TNHH AN VẾT</b><br>Địa chỉ: 93/1034G, Lê Đức Thọ, Phường 6, Quận Gò Vấp. Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 0903900545. 0908997209 08.62568167. Fax: 08.39849011. |                          |               |  |
| 3789 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa và vitamin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                            | ENZYMIN – ANV            | ANV.HCM 01/09 |  |
| 3790 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                                             | BROMHE-VIT               | ANV.HCM 01/10 |  |
| 3791 | Thức ăn bổ sung vitamin, men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm                                                                                                               | SUPPER AD <sub>3</sub> E | ANV.HCM 01/11 |  |
| 3792 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                            | PARA + C                 | ANV.HCM 01/12 |  |
| 3793 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin, men tiêu hóa và khoáng chất cho gia súc.                                                                                             | VITAZYM                  | ANV.HCM 02/09 |  |
| 3794 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                                             | AMO-VIT 1000             | ANV.HCM 02/10 |  |
| 3795 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                                             | STRONG LIFE              | ANV.HCM 02/11 |  |
| 3796 | Thức ăn bổ sung vitamin, Acid amin, khoáng, cho gia súc, gia cầm                                                                                                         | ACID LACTO WAY 4X        | ANV.HCM 02/12 |  |
| 3797 | Thức ăn bổ sung khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                        | ĐIỆN GIẢI – ANV          | ANV.HCM 03/09 |  |
| 3798 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                                             | DOX-VIT 1000             | ANV.HCM 03/10 |  |
| 3799 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                                             | BROMHEAD                 | ANV.HCM 03/11 |  |
| 3800 | Thức ăn bổ sung vitamin, Acid amin, khoáng, cho gia súc, gia cầm                                                                                                         | MULTI - GOLD             | ANV.HCM 03/12 |  |
| 3801 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                            | ADE + BCOMPLEX - C       | ANV.HCM 04/09 |  |

|      |                                                                                        |                 |               |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--|
| 3802 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                           | BCOMPLEX+C      | ANV.HCM 04/10 |  |
| 3803 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất cho gia súc.                                      | CALCIPHOS - VIT | ANV.HCM 04/11 |  |
| 3804 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất cho gia súc.                                      | GLUCO K+C       | ANV.HCM 04/12 |  |
| 3805 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc.                                              | GLUCAN BIOTIC   | ANV.HCM 05/09 |  |
| 3806 | Thức ăn bổ sung vitamin, Acid Amin cho gia súc, gia cầm                                | VITA GOLD       | ANV.HCM 05/10 |  |
| 3807 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất cho gia súc.                                      | ORALYTE Vit – C | ANV.HCM 05/11 |  |
| 3808 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất cho gia súc.                                      | VIT K           | ANV.HCM 05/12 |  |
| 3809 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc.                         | TẠO SỮA HEO NÁI | ANV.HCM 06/09 |  |
| 3810 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và men tiêu hóa và khoáng chất cho Heo sau cai sữa. | COVIT FEED      | ANV.HCM 06/10 |  |
| 3811 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                           | VITASOR         | ANV.HCM 06/11 |  |
| 3812 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc.                         | DILAC – ANV     | ANV.HCM 07/09 |  |
| 3813 | Thức ăn bổ sung men tiêu hoá, vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc.           | MAX ONE         | ANV.HCM 07/10 |  |
| 3814 | Thức ăn bổ sung vitamin, men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm                             | SUPER – BIO     | ANV.HCM 07/11 |  |
| 3815 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc                          | MILK LAC        | ANV.HCM 08/09 |  |
| 3816 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                                     | MEN TIÊU HÓA    | ANV.HCM 08/10 |  |
| 3817 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                           | FLOXY – VIT     | ANV.HCM 08/11 |  |
| 3818 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                           | SELEN – E       | ANV.HCM 09/09 |  |
| 3819 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                                     | BIOZYM          | ANV.HCM 09/10 |  |
| 3820 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm                     | SUPER - VIT     | ANV.HCM 09/11 |  |
| 3821 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc.                         | VIT – E         | ANV.HCM 10/09 |  |
| 3822 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gà con.                                     | ANV – MIX G1    | ANV.HCM 10/10 |  |

|      |                                                                               |                           |               |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------|--|
| 3823 | Thức ăn bổ sung vitamin, Acid amin, khoáng, men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm | NUTRI - VIT               | ANV.HCM 10/11 |  |
| 3824 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc                 | NHUẬN TRĂNG<br>HEO NÁI    | ANV.HCM 11/09 |  |
| 3825 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gà thịt.                           | ANV – MIX G2              | ANV.HCM 11/10 |  |
| 3826 | Thức ăn bổ sung Acid amin, khoáng, đậm, béo cho gia súc, gia cầm              | ONE FOR                   | ANV.HCM 11/11 |  |
| 3827 | Thức ăn bổ sung acid amin và khoáng chất cho gia súc.                         | SUMO                      | ANV.HCM 12/09 |  |
| 3828 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gà đẻ.                             | ANV – MIX G3              | ANV.HCM 12/10 |  |
| 3829 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất cho gia súc.                             | VINOLYTE – VIT<br>C       | ANV.HCM 12/11 |  |
| 3830 | Thức ăn bổ sung khoáng chất cho gia súc.                                      | KHOÁNG HEO                | ANV.HCM 13/09 |  |
| 3831 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                            | BACI – GLUCAN             | ANV.HCM 13/10 |  |
| 3832 | Thức ăn bổ sung khoáng chất cho gia cầm.                                      | KHOÁNG GIA<br>CẦM         | ANV.HCM 14/09 |  |
| 3833 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                 | COLIVIT 1200              | ANV.HCM 14/10 |  |
| 3834 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                  | CALCI – D.VIT             | ANV.HCM 15/09 |  |
| 3835 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho vịt thịt, vịt đẻ.                  | MIX – V4                  | ANV.HCM 15/10 |  |
| 3836 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin khoáng chất cho gia súc.                   | MIX – GROWTH              | ANV.HCM 15/11 |  |
| 3837 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                            | LACTOZYM –<br>ANV         | ANV.HCM 16/09 |  |
| 3838 | Thức ăn bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm.                    | FOSRENOL                  | ANV.HCM 16/10 |  |
| 3839 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, Enzyme cho gia súc, gia cầm                     | ENZYME – MAX              | ANV.HCM 16/11 |  |
| 3840 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia cầm.                                          | TĂNG TRƯNG                | ANV.HCM 17/09 |  |
| 3841 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                 | AMCOLI - VIT              | ANV.HCM 17/10 |  |
| 3842 | Thức ăn bổ sung vitamin, Acid amin, chất điện giải cho gia súc, gia cầm       | HEPASOL –<br>Super        | ANV.HCM 17/11 |  |
| 3843 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc.                | CALCI –<br>AMINOVIT       | ANV.HCM 18/09 |  |
| 3844 | Thức ăn bổ sung men tiêu hoá, vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc.  | THỨC HEO CON<br>– HEO CÔI | ANV.HCM 18/10 |  |

|      |                                                                  |                            |               |  |
|------|------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------|--|
| 3845 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin khoáng chất cho gia súc.      | MULTIZYM                   | ANV.HCM 18/11 |  |
| 3846 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                    | C. VIT PLUS                | ANV.HCM 19/09 |  |
| 3847 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.               | BETA – GLUCAN              | ANV.HCM 19/10 |  |
| 3848 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin khoáng chất cho gia súc.      | GLUCAN – V9                | ANV.HCM 19/11 |  |
| 3849 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia cầm.   | GUM – ANV                  | ANV.HCM 20/09 |  |
| 3850 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                    | B – 200                    | ANV.HCM 20/10 |  |
| 3851 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất cho gia súc.                | TN-PARA – VIT C            | ANV.HCM 20/11 |  |
| 3852 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia cầm.                             | ÚM GÀ, VỊT, CÚT CON        | ANV.HCM 21/09 |  |
| 3853 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.     | ELECTROLYTE – C            | ANV.HCM 21/10 |  |
| 3854 | Thức ăn bổ sung vitamin, Acid amin, khoáng, cho gia súc, gia cầm | ADE + BCOMPLEX .C          | ANV.HCM 21/11 |  |
| 3855 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.     | C – ELECTROLYTE            | ANV.HCM 22/09 |  |
| 3856 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.               | ONE – FORT                 | ANV.HCM 22/10 |  |
| 3857 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin khoáng chất cho gia súc.      | VITALEC K+C                | ANV.HCM 22/11 |  |
| 3858 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                    | BCOMPLEX – C               | ANV.HCM 23/09 |  |
| 3859 | Thức ăn bổ sung acid amin và khoáng chất cho gia súc.            | REDMAX                     | ANV.HCM 23/10 |  |
| 3860 | Thức ăn bổ sung vitamin, cho gia súc.                            | ADE+BCOMPLEX C             | ANV.HCM 23/11 |  |
| 3861 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.     | VIT A + BIOTIN             | ANV.HCM 24/09 |  |
| 3862 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.               | LACTIZYM 2000              | ANV.HCM 24/10 |  |
| 3863 | Thức ăn bổ sung vitamin, Acid amin, khoáng, cho gia súc, gia cầm | ANTI - CM                  | ANV.HCM 24/11 |  |
| 3864 | Thức ăn bổ sung vitamin và acid amin cho gia cầm.                | SORBITOL + B <sub>12</sub> | ANV.HCM 25/09 |  |
| 3865 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin cho gia súc, gia cầm.         | VITOL + B <sub>12</sub>    | ANV.HCM 25/10 |  |

|      |                                                                               |                            |               |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------|--|
| 3866 | Thức ăn bổ sung vitamin, Acid amin, khoáng, men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm | GROW - ONE                 | ANV.HCM 25/11 |  |
| 3867 | Thức ăn bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm.                    | SORBITOL + B <sub>12</sub> | ANV.HCM 26/09 |  |
| 3868 | Thức ăn bổ sung acid amin cho gia súc, gia cầm.                               | RENOL - FORT               | ANV.HCM 26/10 |  |
| 3869 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm                             | ANZYM                      | ANV.HCM 26/11 |  |
| 3870 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia cầm                 | AMINERAL                   | ANV.HCM 27/09 |  |
| 3871 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                 | GLUCOSE K + C              | ANV.HCM 27/10 |  |
| 3872 | Thức ăn bổ sung vitamin, cho gia súc, gia cầm                                 | VITAMIN C 10%              | ANV.HCM 27/11 |  |
| 3873 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                 | AD <sub>3</sub> E + C      | ANV.HCM 28/09 |  |
| 3874 | Thức ăn bổ sung khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                             | KHOÁNG GIA SÚC – GIA CẦM   | ANV.HCM 28/10 |  |
| 3875 | Thức ăn bổ sung vitamin, Acid amin, khoáng, cho gia súc, gia cầm              | PAKWAY 2X                  | ANV.HCM 28/11 |  |
| 3876 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                  | ANALGI + C                 | ANV.HCM 29/09 |  |
| 3877 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia cầm.                | ANTIGUM                    | ANV.HCM 29/10 |  |
| 3878 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, cho gia súc, gia cầm                         | ROYALET - C                | ANV.HCM 29/11 |  |
| 3879 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                  | MULTIVIT                   | ANV.HCM 30/09 |  |
| 3880 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                            | BIOLACZYM                  | ANV.HCM 30/10 |  |
| 3881 | Thức ăn bổ sung vitamin, Acid amin, chất điện giải cho gia súc, gia cầm       | SORBIMIN                   | ANV.HCM 30/11 |  |
| 3882 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                 | VITOL                      | ANV.HCM 31/09 |  |
| 3883 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                 | Vitamin C 10%              | ANV.HCM 31/10 |  |
| 3884 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                  | BROM - VIT                 | ANV.HCM 31/11 |  |
| 3885 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc.                           | PIG – MILK                 | ANV.HCM 32/09 |  |
| 3886 | Thức ăn bổ sung khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                             | ELECTROLYTE                | ANV.HCM 32/10 |  |

|      |                                                                              |                                    |               |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--|
| 3887 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin, men tiêu hóa và khoáng chất cho gia súc. | SUPER ONE                          | ANV.HCM 33/09 |  |
| 3888 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                 | PARA + C                           | ANV.HCM 33/10 |  |
| 3889 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.     | OLAMINVIT                          | ANV.HCM 34/09 |  |
| 3890 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                | Brom - BC                          | ANV.HCM 34/10 |  |
| 3891 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.      | HEPANOL                            | ANV.HCM 35/09 |  |
| 3892 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.      | Điện Giải Gluco K + C              | ANV.HCM 35/10 |  |
| 3893 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                | POUTRY - MILK                      | ANV.HCM 36/09 |  |
| 3894 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                           | PHARMA-ZYM                         | ANV.HCM 36/10 |  |
| 3895 | Thức ăn bổ sung acid amin cho gia súc, gia cầm.                              | HEADER-NOL                         | ANV.HCM 37/10 |  |
| 3896 | Thức ăn bổ sung vitamin và chất điện giải cho gia súc, gia cầm.              | BIO-VIT C                          | ANV.HCM 38/10 |  |
| 3897 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                           | GLUCAN – TD                        | ANV.HCM 39/10 |  |
| 3898 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin, men tiêu hóa và khoáng chất cho gia súc. | PACI FEED                          | ANV.HCM 40/09 |  |
| 3899 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                | MIX – H9                           | ANV.HCM 41/09 |  |
| 3900 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin, men tiêu hóa và khoáng chất cho gia súc. | NUTRIO – SUPER                     | ANV.HCM 45/09 |  |
| 3901 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin, men tiêu hóa và khoáng chất cho gia súc. | BIOMIN – ANV                       | ANV.HCM 46/09 |  |
| 3902 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho Heo                               | MIX – H10                          | ANV.HCM 47/09 |  |
| 3903 | Thức ăn bổ sung vitamin cho Heo                                              | FLORCOL PREMIX                     | ANV.HCM 48/09 |  |
| 3904 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.      | BẠI LIỆT CHÂN GÀ, VỊT, NGAN, NGỒNG | ANV.HCM 49/09 |  |
| 3905 | Tăng cường khả năng cầm máu                                                  | VITAMIN K                          | ANV.HCM 50/09 |  |
| 3906 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                 | MIX – H5                           | ANV.HCM 37/09 |  |
| 3907 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                 | MIX – H7                           | ANV.HCM 38/09 |  |

|      |                                                                                                                                                                                 |                       |               |                    |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------|--------------------|
| 3908 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                    | MIX – H8              | ANV.HCM 39/09 |                    |
| 3909 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                         | LIỆT CHÂN GÀ VỊT      | ANV.HCM 42/09 |                    |
| 3910 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                    | ANTIGAS               | ANV.HCM 43/09 |                    |
| 3911 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                    | BACIZYM               | ANV.HCM 44/09 |                    |
|      | <b>Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie</b><br>Địa chỉ: 2/3 Tầng Nhơn Phú, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.<br>Điện thoại: (08) 37313489. Fax: (08) 37313488. |                       |               |                    |
| 3912 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo con và heo thịt                                                                                                                       | BIO-LEAN MAX          | 02:2010/LD-BP | 02/2010/CB TC/BP   |
| 3913 | Thức ăn bổ sung vitamin C và chất điện giải cho gia súc, gia cầm                                                                                                                | BIO ANTI-STRESS       | BP.HCM 01/07  | 65/SNN/CB TC/TACN  |
| 3914 | Thức ăn bổ sung men vi sinh cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                | BIO-ZYME PLUS         | BP.HCM 02/08  | 40/SNN/CB TC/TACN  |
| 3915 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho bò, dê, cừu                                                                                                                               | BIO-CALCIVIT (Cattle) | BP.HCM 07/07  | 195/SNN/C BTC/TACN |
| 3916 | Thức ăn bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm                                                                                                                       | BIO-VITAMAX           | BP.HCM 09/05  | 710/SNN-NN         |
| 3917 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gà, vịt nuôi thịt                                                                                                                         | BIO-PREMIX 11         | BP.HCM 10/08  | 136/SNN/C BTC/TACN |
| 3918 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gà đẻ, vịt đẻ                                                                                                                             | BIO-PREMIX 12         | BP.HCM 11/08  | 136/SNN/C BTC/TACN |
| 3919 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo con                                                                                                                                   | BIO-PREMIX 16         | BP.HCM 12/08  | 136/SNN/C BTC/TACN |
| 3920 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo lứa, heo thịt                                                                                                                         | BIO-PREMIX 17         | BP.HCM 13/08  | 136/SNN/C BTC/TACN |
| 3921 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo giống                                                                                                                                 | BIO-PREMIX 18         | BP.HCM 14/08  | 136/SNN/C BTC/TACN |
| 3922 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho bò sữa                                                                                                                                    | BIO-PREMIX 26         | BP.HCM 15/08  | 136/SNN/C BTC/TACN |
| 3923 | Thức ăn bổ sung đậm, béo, vitamin, khoáng và chất điện giải cho bò, dê, cừu                                                                                                     | BIO-LAC (For Cattle)  | BP.HCM 20/05  | 851/SNN-NN         |
| 3924 | Thức ăn bổ sung vitamin, đậm, béo và khoáng cho gia súc                                                                                                                         | BIO-MILK REPLACER     | BP.HCM 23/05  | 863/SNN-NN         |
| 3925 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng và chất điện giải cho gia súc, gia cầm                                                                                                          | BIO-VITAMINERAL       | BP.HCM 24/05  | 863/SNN-NN         |
| 3926 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho heo con và heo thịt                                                                                                                         | BIO-MIX ONE           | BP.HCM 25/08  | 136/SNN/C BTC/TACN |

|      |                                                                                                                                                                                                   |                          |                      |                       |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|
| 3927 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho heo con và heo thịt                                                                                                                                           | BIO-ONE                  | BP.HCM 26/08         | 136/SNN/C<br>BTC/TACN |
| 3928 | Thức ăn bổ sung vitamin, đạm, béo và vi khoáng cho gia súc                                                                                                                                        | BIO MILK                 | BP.HCM 32/05         | 1106/SNN-<br>NN       |
| 3929 | Thức ăn bổ sung chất đạm, béo, khoáng và vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                                             | BIO-NUTRI<br>FERM        | BP.HCM 37/05         | 1106/SNN-<br>NN       |
| 3930 | Thức ăn bổ sung vitamin, đạm, béo và khoáng cho chó mèo                                                                                                                                           | BIO MILK For Pet         | BP.HCM 38/05         | 1106/SNN-<br>NN       |
| 3931 | Thức ăn bổ sung vitamin và acid amin cho heo                                                                                                                                                      | BIO-VITA                 | BP.HCM 70/05         | 1571/SNN-<br>NN       |
| 3932 | Thức ăn bổ sung acid amin thiết yếu cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                          | BIO-AMINOSOL             | BP.HCM 71/05         | 1571/SNN-<br>NN       |
| 3933 | Thức ăn bổ sung mùi sữa cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                      | BIO-SWEET<br>MILK FLAVOR | BP.HCM 85/05         | 1520/SNN-<br>NN       |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn chăn nuôi Đại Hưng</b><br/> Địa chỉ: C10/29B quốc lộ 1, Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP HCM.<br/> Tel: 0837605531. Fax: 0837605103.</p> |                          |                      |                       |
| 3934 | Thức ăn cho bò sữa                                                                                                                                                                                | BÒ SỮA THÔNG<br>NHẤT     | BÒ SỮA THÔNG<br>NHẤT |                       |
| 3935 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg - 30kg                                                                                                                                                            | ĐẠI HƯNG 105             | ĐH 105               |                       |
| 3936 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 60kg                                                                                                                                                            | ĐẠI HƯNG 106             | ĐH 106               |                       |
| 3937 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg - 100kg                                                                                                                                                           | ĐẠI HƯNG 107             | ĐH 107               |                       |
| 3938 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai                                                                                                                                                             | ĐẠI HƯNG 109             | ĐH 109               |                       |
| 3939 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái tiết sữa                                                                                                                                                              | ĐẠI HƯNG 110             | ĐH 110               |                       |
| 3940 | Thức ăn cho vịt từ 1 - 21 ngày tuổi                                                                                                                                                               | ĐẠI HƯNG 1415            | ĐH 1415              |                       |
| 3941 | Thức ăn cho vịt từ 21 ngày đến xuất                                                                                                                                                               | ĐẠI HƯNG 1416            | ĐH 1416              |                       |
| 3942 | Thức ăn cho vịt từ 1 ngày đến xuất chuồng                                                                                                                                                         | ĐẠI HƯNG 1417            | ĐH 1417              |                       |
| 3943 | Thức ăn cho vịt đẻ                                                                                                                                                                                | ĐẠI HƯNG 1503            | ĐH 1503              |                       |
| 3944 | Thức ăn cho vịt đẻ vỗ béo                                                                                                                                                                         | ĐẠI HƯNG 1504            | ĐH 1504              |                       |
| 3945 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 36% đạm                                                                                                                                            | ĐẠI HƯNG 151             | ĐH 151               |                       |
| 3946 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 42% đạm                                                                                                                                            | ĐẠI HƯNG 152             | ĐH 152               |                       |
| 3947 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 - 28 ngày tuổi                                                                                                                                                        | ĐẠI HƯNG 1520            | ĐH 1520              |                       |
| 3948 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 28 ngày tuổi đến xuất                                                                                                                                                   | ĐẠI HƯNG 1521            | ĐH 1521              |                       |
| 3949 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày đến xuất                                                                                                                                                         | ĐẠI HƯNG 1522            | ĐH 1522              |                       |
| 3950 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 45% đạm                                                                                                                                            | ĐẠI HƯNG 153             | ĐH 153               |                       |

|      |                                                        |                 |         |  |
|------|--------------------------------------------------------|-----------------|---------|--|
| 3951 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 47% đậm | ĐẠI HƯNG 154    | ĐH 154  |  |
| 3952 | Thức ăn hỗn hợp cho heo tập ăn đến 15kg                | ĐẠI HƯNG 1630   | ĐH 1630 |  |
| 3953 | Thức ăn hỗn hợp cho siêu nạc 15kg - 30kg               | ĐẠI HƯNG 1631   | ĐH 1631 |  |
| 3954 | Thức ăn hỗn hợp cho siêu nạc 30kg đến xuất             | ĐẠI HƯNG 1632   | ĐH 1632 |  |
| 3955 | Thức ăn hỗn hợp cho siêu nạc 60kg - 100kg              | ĐẠI HƯNG 1633   | ĐH 1633 |  |
| 3956 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai                  | ĐẠI HƯNG 1634   | ĐH 1634 |  |
| 3957 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái tiết sữa                   | ĐẠI HƯNG 1635   | ĐH 1635 |  |
| 3958 | Thức ăn cho gà thả vườn từ 1 - 42 ngày                 | ĐẠI HƯNG 225    | ĐH 225  |  |
| 3959 | Thức ăn cho gà thả vườn từ 43 ngày - xuất chuồng       | ĐẠI HƯNG 325    | ĐH 325  |  |
| 3960 | Cám tập ăn cho heo từ 5kg - xuất chuồng                | ĐẠI HƯNG 351    | ĐH 351  |  |
| 3961 | Thức ăn cho vịt từ 1 - 21 ngày tuổi                    | ĐẠI HƯNG 404    | ĐH 404  |  |
| 3962 | Thức ăn cho vịt từ 1 ngày đến xuất chuồng              | ĐẠI HƯNG 405    | ĐH 405  |  |
| 3963 | Thức ăn cho gà thả vườn từ 1 ngày - xuất chuồng        | ĐẠI HƯNG 425    | ĐH 425  |  |
| 3964 | Thức ăn cho vịt đẻ                                     | ĐẠI HƯNG 503    | ĐH 503  |  |
| 3965 | Thức ăn cho vịt đẻ vỗ béo                              | ĐẠI HƯNG 504    | ĐH 504  |  |
| 3966 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg - 30kg                 | LASER 6105      | LS 6105 |  |
| 3967 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 60kg                 | LASER 6106      | LS 6106 |  |
| 3968 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg - 100kg                | LASER 6107      | LS 6107 |  |
| 3969 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai                  | LASER 6109      | LS 6109 |  |
| 3970 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái tiết sữa                   | LASER 6110      | LS 6110 |  |
| 3971 | Thức ăn cho gà thả vườn từ 1 - 42 ngày                 | LASER 6225      | LS 6225 |  |
| 3972 | Thức ăn cho gà thả vườn từ 43 ngày - xuất chuồng       | LASER 6325      | LS 6325 |  |
| 3973 | Cám tập ăn cho heo từ 5kg - xuất chuồng                | LASER 6351      | LS 6351 |  |
| 3974 | Thức ăn cho gà thả vườn từ 1 ngày - xuất chuồng        | LASER 6425      | LS 6425 |  |
| 3975 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 60kg                 | THỐNG NHẤT 6    | TN 6    |  |
| 3976 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg - 100kg                | THỐNG NHẤT 7    | TN 7    |  |
| 3977 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái tiết sữa                   | THỐNG NHẤT 7110 | TN 7110 |  |
| 3978 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 36% đậm | THỐNG NHẤT 7151 | TN 7151 |  |
| 3979 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 42% đậm | THỐNG NHẤT 7152 | TN 7152 |  |

|                                                                                                                                                                                                |                                                        |                 |               |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--|
| 3980                                                                                                                                                                                           | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 45% đậm | THỐNG NHẤT 7153 | TN 7153       |  |
| 3981                                                                                                                                                                                           | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 47% đậm | THỐNG NHẤT 7154 | TN 7154       |  |
| 3982                                                                                                                                                                                           | Thức ăn cho gà thả vườn từ 1 - 42 ngày                 | THỐNG NHẤT 7225 | TN 7225       |  |
| 3983                                                                                                                                                                                           | Thức ăn cho gà thả vườn từ 43 ngày - xuất chuồng       | THỐNG NHẤT 7325 | TN 7325       |  |
| 3984                                                                                                                                                                                           | Cám tập ăn cho heo từ 5kg - xuất chuồng                | THỐNG NHẤT 7351 | TN 7351       |  |
| 3985                                                                                                                                                                                           | Thức ăn cho gà thả vườn từ 1 ngày - xuất chuồng        | THỐNG NHẤT 7425 | TN 7425       |  |
| 3986                                                                                                                                                                                           | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai                  | THỐNG NHẤT 9    | TN 9          |  |
| 3987                                                                                                                                                                                           | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg - 30kg                 | THỐNG NHẤT D    | TN D          |  |
| 3988                                                                                                                                                                                           | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 47% đậm | TĂNG TỐC 01     | TT 01         |  |
| 3989                                                                                                                                                                                           | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 45% đậm | TĂNG TỐC 02     | TT 02         |  |
| 3990                                                                                                                                                                                           | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 42% đậm | TĂNG TỐC 03     | TT 03         |  |
| 3991                                                                                                                                                                                           | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg đến xuất chuồng 36% đậm | TĂNG TỐC 04     | TT 04         |  |
| 3992                                                                                                                                                                                           | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg - 30kg                 | VIỆT ÚC 9105    | VU 9105       |  |
| 3993                                                                                                                                                                                           | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 60kg                 | VIỆT ÚC 9106    | VU 9106       |  |
| 3994                                                                                                                                                                                           | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg - 100kg                | VIỆT ÚC 9107    | VU 9107       |  |
| 3995                                                                                                                                                                                           | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai                  | VIỆT ÚC 9109    | VU 9109       |  |
| 3996                                                                                                                                                                                           | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái tiết sữa                   | VIỆT ÚC 9110    | VU 9110       |  |
| 3997                                                                                                                                                                                           | Thức ăn cho gà thả vườn từ 1 - 42 ngày                 | VIỆT ÚC 9225    | VU 9225       |  |
| 3998                                                                                                                                                                                           | Thức ăn cho gà thả vườn từ 43 ngày - xuất chuồng       | VIỆT ÚC 9325    | VU 9325       |  |
| 3999                                                                                                                                                                                           | Cám tập ăn cho heo từ 5kg - xuất chuồng                | VIỆT ÚC 9351    | VU 9351       |  |
| 4000                                                                                                                                                                                           | Thức ăn cho gà thả vườn từ 1 ngày - xuất chuồng        | VIỆT ÚC 9425    | VU 9425       |  |
| <p style="text-align: center;"><b>Công ty TNHH Đại Nhuận</b><br/> Địa chỉ: 399 Tô ngọc Vân, phường Thạnh Xuân, quận 12, TP Hồ Chí Minh.<br/> Điện thoại : 08.3716 8783. Fax: 08-3716 8781.</p> |                                                        |                 |               |  |
| 4001                                                                                                                                                                                           | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt vỗ béo              | 548             | 01:2009ĐN     |  |
| 4002                                                                                                                                                                                           | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt đẻ                  | 4442            | ĐN. HCM 11/06 |  |
| 4003                                                                                                                                                                                           | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 7 -15kg          | 1020            | ĐN. HCM 01/06 |  |

|      |                                                                        |           |               |  |
|------|------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|--|
| 4004 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho bò vỗ béo                               | B54       | ĐN. HCM 01/08 |  |
| 4005 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 15-30kg                          | 1100      | ĐN. HCM 02/06 |  |
| 4006 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ                                   | 3200      | ĐN. HCM 03/07 |  |
| 4007 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 60kg đến xuất chuồng             | 1300      | ĐN. HCM 04/06 |  |
| 4008 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo nái mang thai                       | 1700      | ĐN. HCM 05/06 |  |
| 4009 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo nái nuôi con                        | 1800      | ĐN. HCM 06/06 |  |
| 4010 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai và nuôi con                      | 40        | ĐN. HCM 10/06 |  |
| 4011 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt đẻ chạy đồng                        | 4452      | ĐN. HCM 12/06 |  |
| 4012 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt đẻ siêu trứng                       | 744S      | ĐN. HCM 12/07 |  |
| 4013 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt vỗ béo                              | 4302      | ĐN. HCM 13/06 |  |
| 4014 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt con từ 01-21 ngày tuổi              | 4102      | ĐN. HCM 14/06 |  |
| 4015 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt con từ 01-21 ngày tuổi              | 4152      | ĐN. HCM 15/06 |  |
| 4016 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho bò sữa                                  | B52       | ĐN. HCM 15/06 |  |
| 4017 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ tập ăn –xuất chuồng                         | 1680S     | ĐN. HCM 16/08 |  |
| 4018 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 20kg-40kg                        | 1102S     | ĐN. HCM 17/08 |  |
| 4019 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo con tập ăn từ 7 ngày-8kg            | 1010      | ĐN. HCM 18/07 |  |
| 4020 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 40kg-xuất chuồng                 | 1202S     | ĐN. HCM 18/08 |  |
| 4021 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai và nuôi con                      | 1800S     | ĐN. HCM 19/08 |  |
| 4022 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thịt từ 01 ngày tuổi đến xuất chuồng | 530, 5303 | ĐN. HCM 20/08 |  |
| 4023 | Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ                                              | 3600      | ĐN. HCM 21/08 |  |
| 4024 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 20kg đến xuất chuồng             | Tạo nạc   | ĐN. HCM 25/08 |  |
| 4025 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 30-60kg                          | 1200      | ĐN. HCM 30/05 |  |
| 4026 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo con tập ăn từ 7 ngày-8kg            | 1012      | ĐN. HCM 30/07 |  |

|      |                                                                                                                                                                                  |                         |               |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------|--|
| 4027 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 15kg đến xuất chuồng                                                                                                                                  | 48                      | ĐN. HCM 35/05 |  |
| 4028 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 15kg đến xuất chuồng                                                                                                                                  | 50                      | ĐN. HCM 36/05 |  |
| 4029 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 15kg đến xuất chuồng                                                                                                                                  | 999                     | ĐN. HCM 37/05 |  |
|      | <b>Công ty TTNHH Thương mại Sản xuất thuốc thú y Gấu Vàng</b><br>Địa chỉ: 458 Cách Mạng Tháng 8, Phường 04, Quận Tân Bình, TP.HCM.<br>Tel: (08) 38113924/25. Fax: (08) 38111167. |                         |               |  |
| 4030 | Thức ăn bổ sung Premix Vitamin cho Gia súc                                                                                                                                       | TẠO SỮA                 | 137-1:2011/GV |  |
| 4031 | Thức ăn bổ sung men vi sinh cho Gia súc, gia cầm                                                                                                                                 | GAVA LACTYL             | 138-1:2011/GV |  |
| 4032 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho Gia súc, Gia cầm                                                                                                                                    | P.T.C 306               | 207-1:2011/GV |  |
| 4033 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho Gà, Vịt, Cút con 1 ngày tuổi                                                                                                                        | U 510                   | 257:2011/GV   |  |
| 4034 | Thức ăn bổ sung Premix Khoáng dạng dung dịch cho Gia súc, gia cầm                                                                                                                | GAVA CaP 610            | 258:2011/GV   |  |
| 4035 | Thức ăn bổ sung Premix Vitamin-Khoáng cho Gia súc                                                                                                                                | THANH NHIỆT-GS          | 259:2011/GV   |  |
| 4036 | Thức ăn bổ sung Premix Vitamin dạng dung dịch cho Gia súc, gia cầm                                                                                                               | HEPATOL+B <sub>12</sub> | 260:2011/GV   |  |
| 4037 | Thức ăn bổ sung Premix Vitamin-Khoáng cho Gia cầm                                                                                                                                | GAVA TRỨNG VÀNG         | 261:2011/GV   |  |
| 4038 | Thức ăn bổ sung Premix Khoáng cho Gia cầm                                                                                                                                        | KHOÁNG GÀ VỊT           | 42-1:2011/GV  |  |
| 4039 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho Heo con tập ăn, Heo con cai sữa                                                                                                                     | GAVA 100                | 43-1:2011/GV  |  |
| 4040 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho Heo từ 15 kg đến khi xuất thịt                                                                                                                      | GAVA 200                | 44-1:2011/GV  |  |
| 4041 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho nái chữa và nái nuôi con                                                                                                                            | GAVA 300                | 45-1:2011/GV  |  |
| 4042 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho Gà con 1 ngày tuổi                                                                                                                                  | GAVA CHICK              | 46-1:2011/GV  |  |
| 4043 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho Heo còi                                                                                                                                             | GAVA TĂNG TỐC 909       | 48-1:2011/GV  |  |
| 4044 | Thức ăn thay thế sữa mẹ dạng bột cho Heo con theo mẹ                                                                                                                             | SỮA 87                  | 49-1:2011/GV  |  |
| 4045 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho Heo con tập ăn, Heo nái nuôi con                                                                                                                    | SUPERSTOCK-P            | 51-1:2011/GV  |  |

|      |                                                                                                                                                                                  |                                                                      |              |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|--|
| 4046 | Thức ăn bổ sung Premix Vitamin-Khoáng cho Heo                                                                                                                                    | BIOTIN COMPLEX                                                       | 52-1:2011/GV |  |
| 4047 | Thức ăn bổ sung Premix Vitamin-Khoáng cho Gia súc                                                                                                                                | MIX HEO                                                              | 56-1:2011/GV |  |
| 4048 | Thức ăn bổ sung Premix Khoáng cho Gia súc, Gia cầm                                                                                                                               | CALCIZYME 540                                                        | 63-1:2011/GV |  |
| 4049 | Thức ăn bổ sung men vi sinh cho Gia súc, Gia cầm                                                                                                                                 | MEN GẤU VÀNG 1002                                                    | 65-1:2011/GV |  |
|      | <b>Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Giang Châu</b><br>Địa chỉ: 36/253D, Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.<br>Điện thoại: 083.9876628. Fax: 083.9968150 |                                                                      |              |  |
| 4050 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng                                                                                                                     | Siêu tăng tốc 9999, Siêu thân tốc 8000, WinFeed 9900, DiamonFeed 820 | GC.HCM 01/04 |  |
| 4051 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho bò thịt                                                                                                                                             | WINFEED 20                                                           | GC.HCM 01/05 |  |
| 4052 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột hoặc viên cho heo con tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 7 kg                                                                                                    | HIGIC -122 , DIA - 322 ;WINFEED - 222;HIFEED - 422 ; KAYSI - 22      | GC.HCM 01/07 |  |
| 4053 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                                  | KAYSIFEED-5050                                                       | GC.HCM 01/08 |  |
| 4054 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng                                                                                                                     | Siêu tốc 8000 , HiGic 9000                                           | GC.HCM 02/04 |  |
| 4055 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng                                                                                                                     | ROBOT 9630                                                           | GC.HCM 02/05 |  |
| 4056 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột hoặc viên cho heo con tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 15 kg                                                                                                   | HIGIC -120 , WINFEED -220; DIA - 320; HIFEED - 420 ;KAYSI -20        | GC.HCM 02/07 |  |
| 4057 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                                  | KAYSIFEED-4848                                                       | GC.HCM 02/08 |  |
| 4058 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng                                                                                                                     | WinFeed 9500                                                         | GC.HCM 03/04 |  |
| 4059 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng                                                                                                                     | ROBOT 46%                                                            | GC.HCM 03/05 |  |
| 4060 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột hoặc viên cho heo thịt từ 15 kg đến 30 kg                                                                                                               | HIGIC - 117 , WINFEED -217; HIFEED - 417; KAYSI -17                  | GC.HCM 03/07 |  |
| 4061 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                                  | KAYSIFEED-4646                                                       | GC.HCM 03/08 |  |

|      |                                                                            |                                                                           |              |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------|--|
| 4062 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng               | DiamonFeed 818                                                            | GC.HCM 04/04 |  |
| 4063 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng            | SUPEGIC-100                                                               | GC.HCM 04/05 |  |
| 4064 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột hoặc viên cho heo thịt từ 30 kg đến 60 kg         | HIGIC - 115<br>;WINFEED -215;<br>HIFEED - 415;KAYSI-15                    | GC.HCM 04/07 |  |
| 4065 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái mang thai và nái nuôi con .           | KAYSIFEED-3838                                                            | GC.HCM 04/08 |  |
| 4066 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng               | Siêu tốc 999                                                              | GC.HCM 05/04 |  |
| 4067 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng            | SIÊU ĐẠM-01                                                               | GC.HCM 05/05 |  |
| 4068 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột hoặc viên cho heo thịt từ 60 kg đến xuất chuồng . | HIGIC - 113;WINFEED - 213; HIFEED - 413;KAYSI -13                         | GC.HCM 05/07 |  |
| 4069 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng               | HiGic151 , HiFeed 1600 ,Gold 1500, WinFeed9300,EuroFeed979, DiamonFeed800 | GC.HCM 06/04 |  |
| 4070 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng            | DULUX-1000                                                                | GC.HCM 06/05 |  |
| 4071 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột hoặc viên cho heo thịt từ 30 kg đến xuất chuồng.  | HIGIC-112<br>;WINFEED -212;<br>HIFEED- 412;<br>KAYSI-12                   | GC.HCM 06/07 |  |
| 4072 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng            | DULUX - 500                                                               | GC.HCM 07/05 |  |
| 4073 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột hoặc viên cho heo nái mang thai                   | HIGIC-114<br>;WINFEED -214;<br>HIFEED- 414;KAYSI-14                       | GC.HCM 07/07 |  |
| 4074 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng               | Sao Bắc 9303 , Nam Dương 9302                                             | GC.HCM 08/04 |  |
| 4075 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng            | SUPER - 1630                                                              | GC.HCM 08/05 |  |
| 4076 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột hoặc viên cho heo nái nuôi con .                  | HIGIC- 116;WINFEED - 216; HIFEED-416; KAYSI-16                            | GC.HCM 08/07 |  |

|      |                                                                         |                                                     |              |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------|--|
| 4077 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái mang thai và nái nuôi con          | HiGic 156 , Gold Feed2500, HiFeed1800,WinFeed9306   | GC.HCM 09/04 |  |
| 4078 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng         | JOLITE - 50, CALIFEED - 2006                        | GC.HCM 09/05 |  |
| 4079 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ trứng                              | HIGIC-777;KAYSI-666; HIFEED-888;WINFEED-555         | GC.HCM 10/07 |  |
| 4080 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 15 kg   | GOLDFEED - 8200                                     | GC.HCM 11/05 |  |
| 4081 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 01 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi. | HIGIC-720;KAYSI- 620; WINFEED-520;HIFEED-820        | GC.HCM 11/07 |  |
| 4082 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo con tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 15 kg    | HiGic 351, GoldFeed 3000 , WinFeed 9305,HiFeed 1300 | GC.HCM 12/04 |  |
| 4083 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15kg đến 30 kg                | GOLDFEED - 8300                                     | GC.HCM 12/05 |  |
| 4084 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt vỗ béo .                              | HIGIC-715; KAYSI- 615; HIFEED-815;WINFEED - 515     | GC.HCM 12/07 |  |
| 4085 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 15kg đến 30 kg                 | GoldFeed 2270                                       | GC.HCM 13/04 |  |
| 4086 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 30kg đến 60 kg                | GOLDFEED - 8400                                     | GC.HCM 13/05 |  |
| 4087 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt chạy đồng .                      | HIGIC-712; KAYSI- 612; HIFEED-812;WINFEED - 512     | GC.HCM 13/07 |  |
| 4088 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 30kg đến 60 kg                 | GoldFeed 2280                                       | GC.HCM 14/04 |  |
| 4089 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ trứng                              | HIGIC - 718;WINFEED-518; HIFEED-818;KAYSI-618       | GC.HCM 14/07 |  |
| 4090 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 60kg đến xuất chuồng           | GoldFeed 2290                                       | GC.HCM 15/04 |  |

|      |                                                                                       |                                                            |              |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------|--|
| 4091 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ trứng                                            | GOLDFEED - 7000                                            | GC.HCM 15/05 |  |
| 4092 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh hoặc viên cho gà thả vườn từ 01 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi. | HIGIC-716;HIFEED-816; WINFEED-516;KAYSI-616                | GC.HCM 15/07 |  |
| 4093 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo lai nuôi thịt từ 60kg đến xuất chuồng                | Tạo Nạc , WinFeed04                                        | GC.HCM 16/04 |  |
| 4094 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 01 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi.               | GOLDFEED - 7100                                            | GC.HCM 16/05 |  |
| 4095 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh hoặc viên cho gà thả vườn từ 5 tuần tuổi đến 8 tuần tuổi.   | HIGIC-714;GOLDFEED-7600; WINFEED-514;HIFEED-814; KAYSI-614 | GC.HCM 16/07 |  |
| 4096 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt chạy đồng từ 01 ngày tuổi đến xuất bán .       | GOLDFEED - 7200                                            | GC.HCM 17/05 |  |
| 4097 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn từ 8 tuần tuổi đến xuất bán .               | HIGIC-713; WINFEED-513; HIFEED-813;KAYSI-613               | GC.HCM 17/07 |  |
| 4098 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ trứng                                            | GOLDFEED - 7300                                            | GC.HCM 18/05 |  |
| 4099 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà sinh sản hướng trứng .                               | HIGIC-7205;WINFEED-5205; HIFEED-8205;KAYSI-6205            | GC.HCM 18/07 |  |
| 4100 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo lai nuôi thịt từ 15kg đến 30kg                       | HiGic D                                                    | GC.HCM 19/04 |  |
| 4101 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ trứng .                                           | HIGIC-7155;WINFEED-5155; HIFEED-8155;KAYSI-6155            | GC.HCM 19/07 |  |
| 4102 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo lai nuôi thịt từ 30kg đến 60kg                       | HiGic 6                                                    | GC.HCM 20/04 |  |
| 4103 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo lai nuôi thịt từ 60kg đến 100kg                      | HiGic 7                                                    | GC.HCM 21/04 |  |
| 4104 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái mang thai                                        | HiGic 8                                                    | GC.HCM 22/04 |  |
| 4105 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái nuôi con                                         | HiGic E                                                    | GC.HCM 23/04 |  |
| 4106 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng                          | Siêu tăng tốc 99999                                        | GC.HCM 24/04 |  |

|      |                                                                                                                                                             |               |              |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|--|
| 4107 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng                                                                                                | Thần tốc 9999 | GC.HCM 32/04 |  |
| 4108 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng                                                                                                | EUROFEED 48%  | GC.HCM 33/04 |  |
|      | <b>Công ty TNHH Hải Xuyên</b><br>Địa chỉ: 36 lầu 5, Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.<br>Điện thoại: 08.5434 1641. Fax: 08.5434 1642. |               |              |  |
| 4109 | Premix bổ sung Vitamin và thảo dược cho gia súc, gia cầm                                                                                                    | HX – HEN      | HX HCM 01/04 |  |
| 4110 | Premix – bổ sung vitamin và thảo dược cho gia súc, gia cầm                                                                                                  | HX – HEN 2    | HX HCM 01/05 |  |
| 4111 | Premix – Vitamin A.D.E cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                | HX – A.D.E    | HX HCM 02/04 |  |
| 4112 | Premix Vitamin E & Selen cho gia súc, gia cầm                                                                                                               | HX-E.SELEN    | HX HCM 03/04 |  |
| 4113 | Thức ăn bổ sung men phức hợp tiêu hóa cho gia súc, gia cầm                                                                                                  | PAC 101       | HX HCM 03/05 |  |
| 4114 | Premix – Cung cấp chất điện giải cho gia súc, gia cầm                                                                                                       | HX – ELEC     | HX HCM 04/04 |  |
| 4115 | Thức ăn bổ sung men phức hợp tiêu hóa cho heo con                                                                                                           | PAC 301       | HX HCM 04/05 |  |
| 4116 | Thức ăn bổ sung men phức hợp tiêu hóa cho gia cầm                                                                                                           | PAC 501       | HX HCM 05/05 |  |
| 4117 | Thức ăn bổ sung men phức hợp tiêu hóa cho heo trưởng thành                                                                                                  | PAC 701       | HX HCM 06/05 |  |
| 4118 | Thức ăn bổ sung Premix vitamin, khoáng cho gà, vịt con dưới 21 ngày tuổi                                                                                    | C - 11        | HX HCM 07/05 |  |
| 4119 | Thức ăn bổ sung Premix vitamin, khoáng cho gà, vịt lớn trên 42 ngày tuổi                                                                                    | C – 13        | HX HCM 08/05 |  |
| 4120 | Premix khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                          | HX - 04       | HX HCM 09/03 |  |
| 4121 | Thức ăn bổ sung dinh dưỡng thiên nhiên cho gia súc, gia cầm tăng trưởng nhanh                                                                               | AQA           | HX HCM 09/05 |  |
| 4122 | Premix bổ sung chất dinh dưỡng cho heo chữa và heo nái nuôi con                                                                                             | HX - 05       | HX HCM 10/03 |  |
|      | <b>Công ty Cổ phần Hoa Nước</b><br>Địa chỉ: 27 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Bình Thạnh, TP HCM.<br>Tel: 0838418484. Fax: 0838418624.                       |               |              |  |
| 4123 | Thức ăn bổ sung enzyme tiêu hóa và vi sinh vật có lợi cho gia súc, gia cầm                                                                                  | HENZYMES      | 01:2012/HBIO |  |
| 4124 | Thức ăn bổ sung giải độc tiêu hóa và cải tạo môi trường                                                                                                     | HEPT-25       | 02:2012/HBIO |  |
|      | <b>Công ty TNHH Thuốc thú y quốc tế Đồng Nghi (INVET)</b>                                                                                                   |               |              |  |

|      |                                                                                                             |                                 |             |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------|--|
|      | Địa chỉ: 11 Nguyễn Văn Giai, Phường Đa káo, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.<br>Tel: 08.22405062. Fax: 08. 39846897. |                                 |             |  |
| 4125 | Thức ăn bổ sung khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                 | CaP. Milk                       | 01-2010/INV |  |
| 4126 | Thức ăn bổ sung đậm, khoáng, vitamin cho gia súc, gia cầm                                                   | P24 Liquid Mineral              | 04-2010/INV |  |
| 4127 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                | Soluble ADE                     | 08-2010/INV |  |
| 4128 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                | Soluble Vitamix                 | 09-2010/INV |  |
| 4129 | Thức ăn bổ sung protein, lipid cho gia súc, gia cầm                                                         | Multiferm 40 Plus               | 10-2010/INV |  |
| 4130 | Thức ăn bổ sung khoáng, acid amin cho gia súc, gia cầm                                                      | Calci Platin Plus               | 12-2010/INV |  |
| 4131 | Thức ăn bổ sung enzyme tiêu hóa, vi sinh vật hữu ích cho gia súc, gia cầm                                   | Enzyme Probye Plus              | 13-2010/INV |  |
| 4132 | Thức ăn bổ sung protein, vitamin, khoáng, enzyme tiêu hóa cho gia súc, gia cầm                              | Enzyme UGF 5000                 | 14-2010/INV |  |
| 4133 | Thức ăn bổ sung protein, vitamin, khoáng cho heo                                                            | Pig Grow Super                  | 15-2010/INV |  |
| 4134 | Sữa tươi sấy khô dùng cho chó, mèo                                                                          | Gold Milk                       | 16-2010/INV |  |
| 4135 | Thức ăn bổ sung protein, enzyme tiêu hóa cho gà                                                             | EC Grow                         | 21-2010/INV |  |
| 4136 | Thức ăn bổ sung đậm, béo, xơ cho gia súc, gia cầm                                                           | Bio-DPP 30                      | 22-2010/INV |  |
| 4137 | Thức ăn bổ sung enzyme tiêu hóa, vi sinh vật hữu ích cho gia súc, gia cầm                                   | Super Enzyme                    | 23-2010/INV |  |
| 4138 | Thức ăn bổ sung vitamin, chất điện giải cho gia súc, gia cầm                                                | Vital Force                     | 24-2010/INV |  |
| 4139 | Thức ăn bổ sung acid amin cho gà, vịt                                                                       | Viamino Liquid                  | 25-2010/INV |  |
| 4140 | Thức ăn bổ sung vitamin, chất điện giải cho gia súc, gia cầm                                                | Antido Soluble                  | 26-2010/INV |  |
| 4141 | Sữa tươi sấy khô dùng cho nai và heo con                                                                    | Gold milk <sup>++</sup> Campina | 27-2010/INV |  |
| 4142 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                | Vitamin C 15%                   | 29-2010/INV |  |
| 4143 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                | ADE-C                           | 32-2010/INV |  |
| 4144 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                | ADE Liquid                      | 33-2010/INV |  |
| 4145 | Thức ăn bổ sung vitamin, chất điện giải cho gia súc, gia cầm                                                | Electrolyte-C                   | 34-2010/INV |  |

|      |                                                                                                                                                                          |                  |               |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|--|
| 4146 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng vi lượng cho gia súc, gia cầm                                                                                                            | Selen E          | 35-2010/INV   |  |
| 4147 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                                             | Vitamix Liquid   | 39-2010/INV   |  |
|      | <b>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y NAPHA</b><br>Địa chỉ: 159 Bùi Công Trừng, Nhị Bình, Hóc Môn, TP. HCM.<br>Điện thoại : (08)37120481. Fax: (08)37120601 |                  |               |  |
| 4148 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gà con                                                                                                                             | PREMIX – G1      | NAP.HCM.01/02 |  |
| 4149 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gà thịt                                                                                                                            | PREMIX – G2      | NAP.HCM.02/02 |  |
| 4150 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gà đẻ                                                                                                                              | PREMIX – G3      | NAP.HCM.03/02 |  |
| 4151 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gà giống                                                                                                                           | PREMIX – G4      | NAP.HCM.04/02 |  |
| 4152 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo con                                                                                                                            | PREMIX – H5      | NAP.HCM.05/02 |  |
| 4153 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo lứa                                                                                                                            | PREMIX – H6      | NAP.HCM.06/02 |  |
| 4154 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo thịt                                                                                                                           | PREMIX – H7      | NAP.HCM.07/02 |  |
| 4155 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo giống                                                                                                                          | PREMIX – H8      | NAP.HCM.08/02 |  |
| 4156 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho vịt                                                                                                                                | PREMIX – V9      | NAP.HCM.09/02 |  |
| 4157 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho bò sữa                                                                                                                             | PREMIX – B10     | NAP.HCM.10/02 |  |
| 4158 | Thức ăn bổ sung acid amin, vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                        | NP - CALFOSNIC   | NAP.HCM.11/02 |  |
| 4159 | Thức ăn bổ sung acid amin, vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                        | NP - AMINOVIT    | NAP.HCM.12/02 |  |
| 4160 | Thức ăn bổ sung thay thế sữa cho heo                                                                                                                                     | NP – DILAC       | NAP.HCM.13/02 |  |
| 4161 | Thức ăn bổ sung khoáng cho gia cầm                                                                                                                                       | KG - 400         | NAP.HCM.14/02 |  |
| 4162 | Thức ăn bổ sung khoáng cho heo                                                                                                                                           | KH - 500         | NAP.HCM.15/02 |  |
| 4163 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                    | MULTI 340        | NAP.HCM.16/02 |  |
| 4164 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                  | ADE BCOMPLEX C   | NAP.HCM.17/02 |  |
| 4165 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                  | CALCIVIT ADE     | NAP.HCM.18/02 |  |
| 4166 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo.                                                                                                                               | VITAMIN A BIOTIN | NAP.HCM.19/02 |  |
| 4167 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                            | NP – C.VIT PLUS  | NAP.HCM.20/02 |  |

|      |                                                                                   |                               |               |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------|--|
| 4168 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                     | SOLUBLE ADE                   | NAP.HCM.21/02 |  |
| 4169 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm.                           | VITAMIN ELECTROLYTE           | NAP.HCM.22/02 |  |
| 4170 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                     | NP – VITAMIX - PLUS           | NAP.HCM.23/02 |  |
| 4171 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                     | NP – BCOMPLEX C               | NAP.HCM.24/02 |  |
| 4172 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                     | NAPHAGUM                      | NAP.HCM.25/02 |  |
| 4173 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                     | AD <sub>3</sub> E + C SOLUBLE | NAP.HCM.26/02 |  |
| 4174 | Thức ăn bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm.                        | NP – C.BITOLMIN               | NAP.HCM.27/02 |  |
| 4175 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm.                           | MULTIVITAMIN                  | NAP.HCM.28/02 |  |
| 4176 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                     | VITAMIN BCK COMPLEX           | NAP.HCM.29/02 |  |
| 4177 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng và acid amin cho gia súc, gia cầm.                | CALCIUM C - PLUS              | NAP.HCM.30/02 |  |
| 4178 | Thức ăn bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm.                        | ELECT – HEMAVIT               | NAP.HCM.31/02 |  |
| 4179 | Thức ăn bổ sung kích thích tạo sữa cho heo.                                       | TẠO SỮA HEO NÁI               | NAP.HCM.32/02 |  |
| 4180 | Thức ăn bổ sung chất dinh dưỡng cho gia súc, gia cầm.                             | MULTI 440 SUPER               | NAP.HCM.33/02 |  |
| 4181 | Thức ăn bổ sung chất dinh dưỡng cho bò sữa.                                       | CALCUM C PLUS                 | NAP.HCM.34/02 |  |
| 4182 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                                | LACTIZYM - NPV                | NAP.HCM.35/02 |  |
| 4183 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                                | ENZYM - NPV                   | NAP.HCM.36/02 |  |
| 4184 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                                | FERZYM 20                     | NAP.HCM.37/02 |  |
| 4185 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, protein, vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm. | BACIFERM – NPV                | NAP.HCM.38/03 |  |
| 4186 | Thức ăn bổ sung khoáng, vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm.                | CALPHOS – OTC                 | NAP.HCM.39/03 |  |
| 4187 | Bột sữa dinh dưỡng cho heo                                                        | NP – MILK – PLUS              | NAP.HCM.40/03 |  |
| 4188 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                                | PROZYM 24                     | NAP.HCM.41/03 |  |

|      |                                                                          |                        |               |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|--|
| 4189 | Thức ăn bổ sung chất điện giải phòng ngừa stress cho gia súc, gia cầm.   | NP - ELECTROLYTE       | NAP.HCM.42/03 |  |
| 4190 | Thức ăn bổ sung vitamin và chất điện giải cho gia súc, gia cầm.          | NP – C. ORESOL         | NAP.HCM.43/03 |  |
| 4191 | Thức ăn bổ sung vitamin và chất điện giải tan trong nước                 | NP – VITA – ELEC 505   | NAP.HCM.44/03 |  |
| 4192 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho heo nái.                      | NAPHA – G.N.T 180 PLUS | NAP.HCM.45/03 |  |
| 4193 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho heo thịt.          | NP – FEED – D.H.T PLUS | NAP.HCM.46/03 |  |
| 4194 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, acid amin và chất điện giải.               | NP – ZYMSAC - ABB      | NAP.HCM.47/04 |  |
| 4195 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa.                                            | NP – SACCILLUS – T10   | NAP.HCM.48/04 |  |
| 4196 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất.                                  | NP – FEED – T.T.N5     | NAP.HCM.49/04 |  |
| 4197 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin, acid amin và chất điện giải.      | NP – BIOZYM – BAS      | NAP.HCM.50/04 |  |
| 4198 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin và khoáng chất.                    | NP – FEEMAX – 80N      | NAP.HCM.51/04 |  |
| 4199 | Thức ăn bổ sung khoáng chất.                                             | NP – BIONERAL          | NAP.HCM.52/04 |  |
| 4200 | Thức ăn bổ sung vitamin, và khoáng chất.                                 | NP – CALCI – D. PLUS   | NAP.HCM.53/04 |  |
| 4201 | Thức ăn bổ sung vitamin, và khoáng chất.                                 | NP – MINETIN - PLUS    | NAP.HCM.54/04 |  |
| 4202 | Thức ăn bổ sung khoáng chất cho vật nuôi.                                | TT-M500                | NAP.HCM.55/04 |  |
| 4203 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin và khoáng chất.                    | NP – ANTI - STUNTED    | NAP.HCM.56/04 |  |
| 4204 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất.                       | KÍCH SỮA HEO NÁI       | NAP.HCM.57/04 |  |
| 4205 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất.                       | VITA - METHILYSINE     | NAP.HCM.58/04 |  |
| 4206 | Thức ăn bổ sung vitamin.                                                 | NP – VITAZYME          | NAP.HCM.59/04 |  |
| 4207 | Thức ăn bổ sung vitamin.                                                 | B.COMPLEX ADE          | NAP.HCM.60/04 |  |
| 4208 | Thức ăn bổ sung acid amin và khoáng chất.                                | NASUMO                 | NAP.HCM.61/05 |  |
| 4209 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa.                                            | PROBIOTIC              | NAP.HCM.62/05 |  |
| 4210 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.  | NAPHA - CALCIUM        | NP.HCM 01/05  |  |
| 4211 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm. | FERZYM 20              | NP.HCM 01/07  |  |

|      |                                                                                         |                           |              |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------|--|
| 4212 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, enzyme và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.               | SUPER – ZYM               | NP.HCM 01/08 |  |
| 4213 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                           | VITAVIT                   | NP.HCM 01/09 |  |
| 4214 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                           | NP – HEXIN                | NP.HCM 01/10 |  |
| 4215 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất, acid amin và chất điện giải cho gia súc, gia cầm. | NP – POLY - AMINOVIT      | NP.HCM 02/05 |  |
| 4216 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa và vitamin cho gia súc, gia cầm.                           | NP – BIOZYME              | NP.HCM 02/07 |  |
| 4217 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia cầm.                                                    | TĂNG TRƯNG                | NP.HCM 02/08 |  |
| 4218 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc.            | FEED – ONE                | NP.HCM 02/09 |  |
| 4219 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất cho gia súc.                                       | SUPER – GAIN WEIGHT       | NP.HCM 02/11 |  |
| 4220 | Thức ăn bổ sung acid amin cho gia súc, gia cầm (dạng dung dịch).                        | NP – SORAMIN              | NP.HCM 03/05 |  |
| 4221 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng cho gia cầm.                               | NP – AMINERAL             | NP.HCM 03/07 |  |
| 4222 | Thức ăn bổ sung khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                       | NƯỚC BIỂN KHÔ             | NP.HCM 03/08 |  |
| 4223 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc.                                     | PIG – MILK                | NP.HCM 03/09 |  |
| 4224 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc.            | THỨC HEO CON HEO CÒI      | NP.HCM 03/10 |  |
| 4225 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc.            | NUMBER ONE                | NP.HCM 03/11 |  |
| 4226 | Thức ăn bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm (dạng dung dịch).             | AMINOVIT                  | NP.HCM 04/05 |  |
| 4227 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                              | COLI - SP                 | NP.HCM 04/06 |  |
| 4228 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                           | VITAMIN C 10%             | NP.HCM 04/07 |  |
| 4229 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm.                | MICROZYM                  | NP.HCM 04/08 |  |
| 4230 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                 | VIMASOL                   | NP.HCM 04/09 |  |
| 4231 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và chất điện giải cho gia súc, gia cầm.              | ĐIỆN GIẢI GLUCOSE – K + C | NP.HCM 04/10 |  |
| 4232 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc.                          | NERAL VIT                 | NP.HCM 04/11 |  |

|      |                                                                                                                                                                                                       |                 |              |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|--|
| 4233 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                                         | LINCO – STC     | NP.HCM 05/06 |  |
| 4234 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                 | PROVIMIN        | NP.HCM 05/08 |  |
| 4235 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, acid amin và khoáng chất cho gia súc.                                                                                                                                   | ACID LACTO WAY  | NP.HCM 05/11 |  |
| 4236 | Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                               | VIBRANCY        | NP.HCM 06/06 |  |
| 4237 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                          | MULTI 440       | NP.HCM 06/08 |  |
| 4238 | Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                                         | ANALGIN + C     | NP.HCM 07/06 |  |
| 4239 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất và acid amin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                               | TẠO SỮA HEO NÁI | NP.HCM 07/08 |  |
| 4240 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                              | BACIFERM – NPV  | NP.HCM 08/08 |  |
| 4241 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                            | PROZYM 24       | NP.HCM 09/08 |  |
| 4242 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                          | CALCIVIT A.D.E  | NP.HCM 10/08 |  |
| 4243 | Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                          | NP – SELEN – E  | NP.HCM 11/08 |  |
| 4244 | Thức ăn bổ sung men tiêu hóa và vitamin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                         | OLAMIN          | NP.HCM 12/08 |  |
| 4245 | Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng chất và acid amin cho gia súc.                                                                                                                                        | NP - PROMILK    | NP.HCM 13/08 |  |
| 4246 | Thức ăn bổ sung vitamin và chất điện giải cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                       | C.ELECTROLYT E  | NP.HCM 15/08 |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nguyên Phong</b><br/> Địa chỉ: 36/56 Quốc lộ 1A, An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.<br/> Điện thoại: 08.37195214. Fax: 08.37195215.</p> |                 |              |  |
| 4247 | Thức ăn hỗn hợp cho heo 7ngày tuổi -7kg                                                                                                                                                               | Sacomfeed 850   | 01:2007/NP   |  |
| 4248 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con                                                                                                                                                                           | Sacomfeed V930  | 01:2007/NP   |  |
| 4249 | Thức ăn hỗn hợp cho heo 7ngày tuổi -7kg                                                                                                                                                               | Gold Feed 1630  | 01:2011/NP   |  |
| 4250 | Thức ăn hỗn hợp cho heo 7kg-15kg                                                                                                                                                                      | Sacomfeed 860   | 02:2007/NP   |  |
| 4251 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con                                                                                                                                                                           | VR 4242         | 02:2010/NP   |  |
| 4252 | Thức ăn hỗn hợp cho heo 7ngày -20kg                                                                                                                                                                   | Gold Feed 1650  | 02:2011/NP   |  |
| 4253 | Thức ăn hỗn hợp cho heo 15kg-30kg                                                                                                                                                                     | Sacomfeed 870   | 03:2007/NP   |  |
| 4254 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt vỗ béo từ 22 ngày tuổi-xuất                                                                                                                                                   | VR 5252         | 03:2010/NP   |  |

|      |                                                |                                                          |            |  |
|------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------|--|
| 4255 | Thức ăn hỗn hợp cho heo 20kg-50kg              | Gold Feed 1660                                           | 03:2011/NP |  |
| 4256 | Thức ăn hỗn hợp cho heo 30kg-60kg              | Sacomfeed 880                                            | 04:2007/NP |  |
| 4257 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ thương phẩm         | Gold Feed A390                                           | 04:2008/NP |  |
| 4258 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn 1ngày-xuất     | GR 4343                                                  | 04:2010/NP |  |
| 4259 | Thức ăn hỗn hợp cho heo 60kg-xuất              | Gold Feed 1670                                           | 04:2011/NP |  |
| 4260 | Thức ăn hỗn hợp cho heo 60kg-xuất              | Sacomfeed 890                                            | 05:2007/NP |  |
| 4261 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai          | Gold Feed 1680                                           | 05:2011/NP |  |
| 4262 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai          | Sacomfeed 900                                            | 06:2007/NP |  |
| 4263 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con           | Gold Feed 1690                                           | 06:2011/NP |  |
| 4264 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con           | Sacomfeed 910                                            | 07:2007/NP |  |
| 4265 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con                    | Gold Feed 2650V                                          | 07:2011/NP |  |
| 4266 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ giống               | Gold Feed 2690V                                          | 08:2011/NP |  |
| 4267 | Thức ăn hỗn hợp cho heo 15kg-30kg              | Đắc Lợi 2200                                             | 09:2010/NP |  |
| 4268 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ tập ăn –xuất        | Super Gold 9630                                          | 09:2011/NP |  |
| 4269 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ giống               | Sacomfeed V960                                           | 10:2007/NP |  |
| 4270 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai          | Đắc Lợi 2500                                             | 10:2010/NP |  |
| 4271 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ tập ăn –xuất        | Gold Feed 1640                                           | 10:2011/NP |  |
| 4272 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai-nuôi con | Gold Feed 1600                                           | 11:2011/NP |  |
| 4273 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con                     | NP G21, SAGO G21, Redstar G21, Redlion G21, S.P Feed G21 | 12:2011/NP |  |
| 4274 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt vỗ béo             | NP G24, SAGO G24, Redstar G24, Redlion G24, S.P Feed G24 | 13:2011/NP |  |
| 4275 | Thức ăn hỗn hợp cho heo lai 15-30kg            | NP D, SAGO D, Redstar D, Redlion D, S.P Feed D           | 14:2011/NP |  |
| 4276 | Thức ăn hỗn hợp cho heo lai 30-60kg            | NP 6, SAGO 6, Redstar 6, Redlion 6, S.P Feed 6           | 15:2011/NP |  |
| 4277 | Thức ăn hỗn hợp cho heo lai 60kg –xuất         | NP 7, SAGO 7, Redstar 7, Redlion 7, S.P Feed 7           | 16:2011/NP |  |

|      |                                                     |                                                                          |            |  |
|------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 4278 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ tập ăn –xuất             | Sacomfeed 920                                                            | 17:2007/NP |  |
| 4279 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái khô, nái chữa           | NP E, SAGO E, Redstar E, Redlion E, S.P Feed E, HR 6363                  | 17:2011/NP |  |
| 4280 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 15kg –xuất               | D930                                                                     | 18:2007/NP |  |
| 4281 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con                | NP 9, SAGO 9, Redstar 9, Redlion 9, S.P Feed 9                           | 18:2011/NP |  |
| 4282 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai-nuôi con      | Sacomfeed 990                                                            | 19:2007/NP |  |
| 4283 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái khô,hậu bị, tạo nạc     | NP 10, SAGO 10, Redstar 10, Redlion 10, S.P Feed 10                      | 19:2011/NP |  |
| 4284 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ thương phẩm              | SacomfeedV9610                                                           | 20:2007/NP |  |
| 4285 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con                         | NP V21                                                                   | 20:2011/NP |  |
| 4286 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con                         | SAGO V21                                                                 | 20:2011/NP |  |
| 4287 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con                         | Redstar V21                                                              | 20:2011/NP |  |
| 4288 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con                         | Redlion V21                                                              | 20:2011/NP |  |
| 4289 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con                         | S.P Feed V21                                                             | 20:2011/NP |  |
| 4290 | Thức ăn hỗn hợp cho cút con                         | Sacomfeed 1001                                                           | 21:2007/NP |  |
| 4291 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng giống              | S.P Feed V2500, SAGO V2500, Redstar V2500, Redlion V2500, S.P Feed V2500 | 21:2011/NP |  |
| 4292 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ                          | Sacomfeed 1002                                                           | 22:2007/NP |  |
| 4293 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ thương phẩm              | Redstar 3030RS                                                           | 22:2011/NP |  |
| 4294 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 1ngày tuổi-xuất          | NP V27, SAGO V27, Redstar V27, Redlion V27, S.P Feed V27                 | 23:2011/NP |  |
| 4295 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt vỗ béo từ 22 ngày tuổi-xuất | NP V99                                                                   | 24:2011/NP |  |
| 4296 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ thương phẩm              | Gold Feed 986                                                            | 25:2007/NP |  |
| 4297 | Bò vỗ béo                                           | NP 1060, SAGO 9, Redstar 9, Redlion 9, S.P Feed 9                        | 25:2011/NP |  |
| 4298 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 15kg –xuất               | Z150                                                                     | 26:2011/NP |  |
| 4299 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 15kg –xuất               | 151                                                                      | 27:2011/NP |  |

|      |                                                                                                                                                                                                         |                                                          |            |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------|--|
| 4300 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ thương phẩm                                                                                                                                                                  | NP 1010NP                                                | 28:2011/NP |  |
| 4301 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ thương phẩm                                                                                                                                                                  | SAGO 2020SG                                              | 29:2011/NP |  |
| 4302 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ thương phẩm                                                                                                                                                                  | Redlion 5050RL                                           | 30:2011/NP |  |
| 4303 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt vỗ béo từ 22 ngày tuổi-xuất                                                                                                                                                     | SAGO V99                                                 | 31:2011/NP |  |
| 4304 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt vỗ béo từ 22 ngày tuổi-xuất                                                                                                                                                     | Redstar V99                                              | 32:2011/NP |  |
| 4305 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt vỗ béo từ 22 ngày tuổi-xuất                                                                                                                                                     | Redlion V99                                              | 33:2011/NP |  |
| 4306 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt vỗ béo từ 22 ngày tuổi-xuất                                                                                                                                                     | S.P Feed V99                                             | 34:2011/NP |  |
| 4307 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 15kg –xuất                                                                                                                                                                   | Gold Feed 1620                                           | 36:2011/NP |  |
| 4308 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt vỗ béo                                                                                                                                                                          | NP V24, SAGO V24, Redstar V24, Redlion V24, S.P Feed V24 | 37:2011/NP |  |
| 4309 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ thương phẩm                                                                                                                                                                  | S.P Feed 4040SP                                          | 40:2011/NP |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Thương mại Thuốc Thú y, thủy sản Phước Lộc</b><br/> Địa chỉ: 240 Đào Sư Tích, Phước Lộc, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.<br/> Điện thoại: 08.38112272. Fax: 08.38112273.</p> |                                                          |            |  |
| 4310 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà, vịt, cút con 1 ngày tuổi                                                                                                                                               | ÚM GÀ VỊT                                                | 22:2011/PL |  |
| 4311 | Thức ăn bổ sung Premix vitamin - khoáng cho heo con tập ăn, heo con cai sữa                                                                                                                             | MIX HEO CON                                              | 23:2011/PL |  |
| 4312 | Thức ăn bổ sung Premix vitamin - khoáng cho heo thịt                                                                                                                                                    | MIX HEO THỊT                                             | 24:2011/PL |  |
| 4313 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo còi                                                                                                                                                                    | CHỐNG CÒI 911                                            | 25:2011/PL |  |
| 4314 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo con tập ăn, heo con cai sữa                                                                                                                                            | SUMO 100                                                 | 26:2011/PL |  |
| 4315 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo từ 15 kg đến khi xuất thịt                                                                                                                                             | SUMO 200                                                 | 27:2011/PL |  |
| 4316 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho nái chữa và nái nuôi con                                                                                                                                                   | SUMO 300                                                 | 28:2011/PL |  |
| 4317 | Thức ăn bổ sung Premix khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                      | CALCI-MAX                                                | 29:2011/PL |  |
| 4318 | Thức ăn bổ sung men vi sinh cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                        | MEN H.G.V                                                | 30:2011/PL |  |
| 4319 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo con tập ăn, heo nái nuôi con                                                                                                                                           | SUPER GROW-P                                             | 31:2011/PL |  |
| 4320 | Thức ăn bổ sung Premix vitamin cho gia súc                                                                                                                                                              | LỢI SỮA                                                  | 32:2011/PL |  |

|      |                                                                                                                                                                               |               |               |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|--|
| 4321 | Thức ăn thay thế sữa mẹ dạng bột cho heo con theo mẹ                                                                                                                          | PHULOMILK     | 33:2011/PL    |  |
| 4322 | Thức ăn bổ sung Premix vitamin khoáng cho heo                                                                                                                                 | BIOTIN PLUS   | 34:2011/PL    |  |
| 4323 | Thức ăn bổ sung men vi sinh cho gia súc, gia cầm                                                                                                                              | MEN TIÊU HÓA  | 35:2011/PL    |  |
| 4324 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                 | N.T.C         | 36:2011/PL    |  |
| 4325 | Thức ăn bổ sung Premix khoáng cho gia cầm                                                                                                                                     | KHOÁNG GÀ VỊT | 37:2011/PL    |  |
|      | <b>Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi ĐỖ</b><br>Địa chỉ: 63/8 Đường số 8, khu phố 1, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.<br>Điện thoại: 0866791582. Fax: 0862829665. |               |               |  |
| 4326 | Thức ăn hỗn hợp heo tập ăn từ 7-15kg                                                                                                                                          | RED 01        | TAD.HCM 01/11 |  |
| 4327 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt siêu nạc từ 15-30kg                                                                                                                                  | RED 2S        | TAD.HCM 02/11 |  |
| 4328 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 15-30kg                                                                                                                                           | RED 02        | TAD.HCM 03/11 |  |
| 4329 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 30-60kg                                                                                                                                           | RED 03        | TAD.HCM 04/11 |  |
| 4330 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 15-50kg                                                                                                                                           | RED 04        | TAD.HCM 05/11 |  |
| 4331 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 30kg-xuất chuồng                                                                                                                                  | RED 05        | TAD.HCM 06/11 |  |
| 4332 | Thức ăn hỗn hợp heo nái mang thai                                                                                                                                             | RED 06        | TAD.HCM 07/11 |  |
| 4333 | Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con                                                                                                                                              | RED 07        | TAD.HCM 08/11 |  |
| 4334 | Thức ăn hỗn hợp heo nái mang thai địa phương                                                                                                                                  | RED 10        | TAD.HCM 09/11 |  |
| 4335 | Thức ăn đậm đặc heo nái mang thai và nái nuôi con                                                                                                                             | RED 60S       | TAD.HCM 10/11 |  |
| 4336 | Thức ăn đậm đặc heo sau cai sữa -xuất chuồng                                                                                                                                  | RED 70S       | TAD.HCM 11/11 |  |
| 4337 | Thức ăn đậm đặc heo sau cai sữa -xuất chuồng                                                                                                                                  | RED 80S       | TAD.HCM 12/11 |  |
| 4338 | Thức ăn đậm đặc heo nái mang thai và nái nuôi con                                                                                                                             | RED 60        | TAD.HCM 13/11 |  |
| 4339 | Thức ăn đậm đặc heo sau cai sữa -xuất chuồng                                                                                                                                  | RED 70        | TAD.HCM 14/11 |  |
| 4340 | Thức ăn đậm đặc heo sau cai sữa -xuất chuồng                                                                                                                                  | RED 80        | TAD.HCM 15/11 |  |
| 4341 | Thức ăn hỗn hợp vịt đẻ thương phẩm                                                                                                                                            | RED 08        | TAD.HCM 16/11 |  |
| 4342 | Thức ăn hỗn hợp vịt đẻ thương phẩm cao cấp                                                                                                                                    | RED 09        | TAD.HCM 17/11 |  |
| 4343 | Thức ăn hỗn hợp vịt thịt từ 1-28 ngày tuổi                                                                                                                                    | RED 11        | TAD.HCM 18/11 |  |

|      |                                                                                                                                                                             |                                            |                 |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|--|
| 4344 | Thức ăn hỗn hợp vịt thịt từ 28 ngày tuổi - xuất                                                                                                                             | RED 12                                     | TAD.HCM 19/11   |  |
| 4345 | Thức ăn hỗn hợp vịt thịt từ 1 ngày tuổi - xuất                                                                                                                              | RED 13                                     | TAD.HCM 20/11   |  |
| 4346 | Thức ăn hỗn hợp gà siêu thịt từ 1 - 28 ngày tuổi                                                                                                                            | RED 14                                     | TAD.HCM 21/11   |  |
| 4347 | Thức ăn hỗn hợp gà siêu thịt từ 28 ngày tuổi - xuất                                                                                                                         | RED 15                                     | TAD.HCM 22/11   |  |
| 4348 | Thức ăn hỗn hợp gà siêu thịt từ 1 ngày tuổi - xuất                                                                                                                          | RED 16                                     | TAD.HCM 23/11   |  |
| 4349 | Thức ăn hỗn hợp bò vỗ béo                                                                                                                                                   | RED 17                                     | TAD.HCM 24/11   |  |
|      | <b>Cơ Sở Thái Mỹ</b><br>Địa chỉ: Số 19 đường 702, ấp Mỹ Khánh B, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.<br>Điện thoại: 08.37913326. Fax: 08.37913086.                   |                                            |                 |  |
| 4350 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột và viên cho heo từ 15 kg đến xuất chuồng và nái mang thai                                                                                          | TM105, TM106, TM107, TM109                 | TM.HCM 01/03    |  |
| 4351 | Thức ăn đậm đặc dạng bột và viên cho heo                                                                                                                                    | TM 151                                     | TM.HCM 02/03    |  |
| 4352 | Thức ăn đậm đặc dạng bột và viên cho heo                                                                                                                                    | Super 2002, Super 2003                     | TM.HCM 03/03    |  |
| 4353 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột và viên cho heo con                                                                                                                                | TM 351                                     | TM.HCM 05/03    |  |
| 4354 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột và viên cho heo từ 15kg đến xuất chuồng và nái mang thai                                                                                           | T.Lan 651, T.Lan 652, T.Lan 653, T.Lan 654 | TM.HCM 06/03    |  |
| 4355 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột và viên cho heo con                                                                                                                                | T.Lan 650                                  | TM.HCM 07/03    |  |
| 4356 | Thức ăn đậm đặc dạng bột và viên cho heo                                                                                                                                    | T.Lan 6000, T.Lan 6100, T.Lan 6200         | TM.HCM 08/03    |  |
|      | <b>Công ty CP Phát triển nông nghiệp Thanh Niên Xung Phong</b><br>Địa chỉ: 636 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Tp.Hồ Chí Minh.<br>Điện thoại: 08.39245341. Fax: 08.39245346. |                                            |                 |  |
| 4357 | Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn từ 5 ngày tuổi đến 8 kg                                                                                                                  | AV910                                      | ADECO.HCM.01/10 |  |
| 4358 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn từ 8 kg đến 15 kg                                                                                                              | AV911                                      | ADECO.HCM.02/10 |  |
| 4359 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15 kg đến 30 kg                                                                                                                   | AV912                                      | ADECO.HCM.03/10 |  |
| 4360 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 30 kg đến 60 kg                                                                                                                   | AV913                                      | ADECO.HCM.04/10 |  |
| 4361 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 60 kg đến xuất                                                                                                                    | AV914                                      | ADECO.HCM.05/10 |  |

|      |                                                                    |       |                 |  |
|------|--------------------------------------------------------------------|-------|-----------------|--|
| 4362 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai                    | AV915 | ADECO.HCM.06/10 |  |
| 4363 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái nuôi con                     | AV916 | ADECO.HCM.07/10 |  |
| 4364 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt lai từ 15kg đến 30 kg       | AV922 | ADECO.HCM.08/10 |  |
| 4365 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt lai từ 30kg đến 60 kg       | AV923 | ADECO.HCM.09/10 |  |
| 4366 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt lai từ 60kg đến xuất        | AV924 | ADECO.HCM.10/10 |  |
| 4367 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái lai mang thai                | AV925 | ADECO.HCM.11/10 |  |
| 4368 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái lai nuôi con                 | AV926 | ADECO.HCM.12/10 |  |
| 4369 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 15 kg đến 30 kg           | AB912 | ADECO.HCM.13/10 |  |
| 4370 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 30 kg đến 60 kg           | AB913 | ADECO.HCM.14/10 |  |
| 4371 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 60 kg đến xuất            | AB914 | ADECO.HCM.15/10 |  |
| 4372 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái mang thai                     | AB915 | ADECO.HCM.16/10 |  |
| 4373 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái nuôi con                      | AB916 | ADECO.HCM.17/10 |  |
| 4374 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt lai từ 15kg đến 30 kg        | AB922 | ADECO.HCM.18/10 |  |
| 4375 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt lai từ 30kg đến 60 kg        | AB923 | ADECO.HCM.19/10 |  |
| 4376 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt lai từ 60kg đến xuất         | AB924 | ADECO.HCM.20/10 |  |
| 4377 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái lai mang thai                 | AB925 | ADECO.HCM.21/10 |  |
| 4378 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái lai nuôi con                  | AB926 | ADECO.HCM.22/10 |  |
| 4379 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15 kg đến xuất                     | AD912 | ADECO.HCM.23/10 |  |
| 4380 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt lai từ 15 kg đến xuất                 | AD922 | ADECO.HCM.24/10 |  |
| 4381 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái chữa, nuôi con                         | AD915 | ADECO.HCM.25/10 |  |
| 4382 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà công nghiệp từ 1 ngày đến 14 ngày | AV511 | ADECO.HCM.26/10 |  |

|      |                                                                     |       |                 |  |
|------|---------------------------------------------------------------------|-------|-----------------|--|
| 4383 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà công nghiệp từ 15 ngày đến 28 ngày | AV512 | ADECO.HCM.27/10 |  |
| 4384 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà công nghiệp từ 29 ngày đến xuất    | AV513 | ADECO.HCM.28/10 |  |
| 4385 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà màu từ 1 ngày đến 28 ngày          | AV521 | ADECO.HCM.29/10 |  |
| 4386 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà màu từ 29 ngày đến xuất            | AV522 | ADECO.HCM.30/10 |  |
| 4387 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 1 tuần đến 8 tuần            | AV530 | ADECO.HCM.31/10 |  |
| 4388 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 9 tuần đến 12 tuần           | AV531 | ADECO.HCM.32/10 |  |
| 4389 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 13 tuần đến 18 tuần          | AV532 | ADECO.HCM.33/10 |  |
| 4390 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 19 tuần đến 40 tuần          | AV533 | ADECO.HCM.34/10 |  |
| 4391 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 41 tuần đến 60 tuần          | AV534 | ADECO.HCM.35/10 |  |
| 4392 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 61 tuần đến thải loại        | AV535 | ADECO.HCM.36/10 |  |
| 4393 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà công nghiệp từ 1 ngày đến 14 ngày   | AB511 | ADECO.HCM.37/10 |  |
| 4394 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà công nghiệp từ 15 ngày đến 28 ngày  | AB512 | ADECO.HCM.38/10 |  |
| 4395 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà công nghiệp từ 29 ngày đến xuất     | AB513 | ADECO.HCM.39/10 |  |
| 4396 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà màu từ 1 ngày đến 28 ngày           | AB521 | ADECO.HCM.40/10 |  |
| 4397 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà màu từ 29 ngày đến xuất             | AB522 | ADECO.HCM.41/10 |  |
| 4398 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 1 tuần đến 8 tuần             | AB530 | ADECO.HCM.42/10 |  |
| 4399 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 9 tuần đến 12 tuần            | AB531 | ADECO.HCM.43/10 |  |
| 4400 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 13 tuần đến 18 tuần           | AB532 | ADECO.HCM.44/10 |  |
| 4401 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 19 tuần đến 40 tuần           | AB533 | ADECO.HCM.45/10 |  |
| 4402 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 41 tuần đến 60 tuần           | AB534 | ADECO.HCM.46/10 |  |
| 4403 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 61 tuần đến thải loại         | AB535 | ADECO.HCM.47/10 |  |

|      |                                                                                                                                                                                 |               |                 |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------|--|
| 4404 | Thức ăn đậm đặc gà đẻ 18 tuần đến loại                                                                                                                                          | AD533         | ADECO.HCM.48/10 |  |
| 4405 | Thức ăn đậm đặc gà công nghiệp từ 1 ngày đến xuất                                                                                                                               | AD511         | ADECO.HCM.49/10 |  |
| 4406 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt chạy đồng từ 1 ngày đến 28 ngày                                                                                                               | AV111         | ADECO.HCM.50/10 |  |
| 4407 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt chạy đồng từ 28 ngày đến xuất                                                                                                                 | AV112         | ADECO.HCM.51/10 |  |
| 4408 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt chạy đồng từ 1 ngày đến xuất                                                                                                                  | AV113         | ADECO.HCM.52/10 |  |
| 4409 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng                                                                                                                                  | AV121         | ADECO.HCM.53/10 |  |
| 4410 | Thức ăn đậm đặc cho vịt đẻ chạy đồng                                                                                                                                            | AD122         | ADECO.HCM.54/10 |  |
|      | <b>Công ty TNHH TMSX Thảo mộc xanh</b><br>Địa chỉ: 92/10/20/27/9 Bùi Tư Toàn, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.<br>Điện thoại: (08) 2218 6936. Fax: (08) 3752 3131 |               |                 |  |
| 4411 | AGROCONSYL 50- Chế phẩm giảm mùi hôi chuồng trại                                                                                                                                | AGROCONSYL 50 | 01:2012/TMX     |  |
| 4412 | GREEN ALLICIN – Kháng sinh chiết xuất từ thảo dược, ngăn ngừa và trị bệnh cho gia súc, gia cầm                                                                                  | GREEN ALLICIN | 02:2012/TMX     |  |
| 4413 | C20 Plus – Chế phẩm bổ sung vitamin và vi sinh vật cho gia súc, gia cầm                                                                                                         | C20 Plus      | 03:2012/TMX     |  |
| 4414 | GREEN BIO- Men tiêu hóa giúp cải thiện sức khỏe đường ruột và tăng năng suất                                                                                                    | GREEN BIO     | 04:2012/TMX     |  |
| 4415 | GREEN ENZYME – Hỗn hợp đặc biệt enzyme, vitamin, dinh dưỡng...cải thiện tiêu hóa, tăng năng suất                                                                                | GREEN ENZYME  | 05:2012/TMX     |  |
| 4416 | HERBAL TONIC – Hỗn hợp acid amin, vitamin...cải thiện chức năng gan, hỗ trợ tiêu hóa                                                                                            | HERBAL TONIC  | 06:2012/TMX     |  |
| 4417 | HẠ CHÂU THẢO- Hỗn hợp acid amin, vitamin, đường...tăng khả năng bài tiết gan mật, hiệu quả giải độc gan                                                                         | HẠ CHÂU THẢO  | 07:2012/2012    |  |
| 4418 | IRON B12-Cung cấp sắt, chống các bệnh do thiếu máu do sắt gây ra                                                                                                                | IRON B12      | 08:2012/TMX     |  |
| 4419 | PHYLLAMAX – Tăng khả năng bài tiết gan mật và giúp vật nuôi mau phục hồi bệnh                                                                                                   | PHYLLAMAX     | 09:2012/TMX     |  |
|      | <b>Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Thức ăn chăn nuôi Vạn Sanh</b><br>Địa chỉ: 616 Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hoà B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.            |               |                 |  |

|      |                                                         |                                                     |                      |  |
|------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------|--|
|      | Điện thoại: 08.38755025 – 37501393. Fax: 08.38755379.   |                                                     |                      |  |
| 4420 | Thức ăn hỗn hợp cho heo (07ngày - 15kg)                 | IN 551, HL 351,<br>VS 111, AUS 551,<br>OP 50S       | 01:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4421 | Thức ăn hỗn hợp cho heo ngoại (15 - 30kg)               | IN1530,HL D, VS<br>1530, AUS D, OP<br>52S           | 02:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4422 | Thức ăn hỗn hợp cho heo ngoại (30kg - 60kg)             | IN 3060, HL 6, VS<br>3060, AUS 63060,<br>OP 53S     | 03:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4423 | Thức ăn hỗn hợp cho heo ngoại (60kg - 100kg)            | IN 6010, HL 7, VS<br>6010, AUS 76010,<br>OP 54S     | 04:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4424 | Thức ăn hỗn hợp cho heo (Tạo Nạc)                       | IN 9000, HL 9000,<br>VS 9000, AUS<br>9000           | 05:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4425 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai & nái khô, nọc    | IN 8000, HL 10A,<br>VS 8000, AUS 8A                 | 06:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4426 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con                    | IN 8001, HL 10B,<br>VS 8001, AUS 8B                 | 07:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4427 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con từ 1-28 ngày tuổi            | IN 5021                                             | 13:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4428 | Thức ăn hỗn hợp cho gà cao cấp từ 29 ngày - xuất chuồng | IN 5019                                             | 14:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4429 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con từ 1-28 ngày tuổi            | HL 3004                                             | 14:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4430 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 29 ngày - xuất chuồng         | IN 5003, AUS<br>C503                                | 15:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4431 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày - xuất chuồng          | HL 3006, IN 5006,<br>AUS C506,                      | 16:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4432 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi           | IN 6002, HL 4004,<br>VS 7720, AUS<br>D602, OP C622  | 17:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4433 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt 4 tuần -xuất chuồng        | IN 6003, HL 4005,<br>VS 7716                        | 18:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4434 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt 1 ngày -xuất chuồng        | IN 6006, HL 4006,<br>VS 7714, AUS<br>D606,          | 19:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4435 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt chạy đông 4 tuần tuổi trở lên   | IN 6000, HL 7V,<br>VS 7715, AUS<br>D600,            | 20:2010/VASAFE<br>ED |  |
| 4436 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ từ 20 tuần trở lên           | IN 6005, HL 4003,<br>VS 7718, AUS<br>D605, OP C6400 | 22:2010/VASAFE<br>ED |  |

|      |                                                                                                                                                                                    |                                               |                    |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|--|
| 4437 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ siêu trứng                                                                                                                                              | IN 6007, HL 2003, VS 7777, AUS D607, OP C6500 | 23.:2010/VASAFE ED |  |
| 4438 | Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa, bò thịt                                                                                                                                                | IN 6600, TS 5200, HL 8800, VS 626             | 25:2010/VASAFE ED  |  |
|      | <b>Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Vì nhà nông</b><br>Địa chỉ: 257 Trịnh Đình Trọng, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.<br>Tel: (08) 39760107. Fax: (08) 3973 8417. |                                               |                    |  |
| 4439 | ADE B.COMPLEX - Thức ăn bổ sung Premix Vitamin                                                                                                                                     | ADE B.COMPLEX                                 | 01:2012/VNN        |  |
| 4440 | ANATOLIVER - Tăng khả năng bài tiết gan mật, hiệu quả giải độc gan với hỗn hợp Acid amin và Vitamin                                                                                | ANATOLIVER                                    | 02:2012/VNN        |  |
| 4441 | ANTISTRESS - Kích thích miễn dịch                                                                                                                                                  | ANTISTRESS                                    | 03:2012/VNN        |  |
| 4442 | CALCIPHOS EXTRA - Chống còi, mau lớn, tăng trứng, cứng vỏ                                                                                                                          | CALCIPHOS EXTRA                               | 04:2012/VNN        |  |
| 4443 | FRAMIN - chống còi, tăng trứng, mau lớn                                                                                                                                            | FRAMIN                                        | 05:2012/VNN        |  |
| 4444 | VIMIZYME - Men tiêu hóa ngăn ngừa phân trắng                                                                                                                                       | VIMIZYME                                      | 06:2012/VNN        |  |
| 4445 | VITA PRO - Tăng trọng nhanh                                                                                                                                                        | VITA PRO                                      | 07:2012/VNN        |  |
| 4446 | ADE B.COMPLEX C - Thức ăn bổ sung Premix Vitamin, Acid amin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                  | ADE B.COMPLEX C                               | 08:2012/VNN        |  |
| 4447 | B.COMPLEX C - Thức ăn bổ sung Premix Vitamin, Acid amin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                      | B.COMPLEX C                                   | 09:2012/VNN        |  |
| 4448 | BIOSUBTYL - Thức ăn bổ sung Premix Vitamin - Vi sinh vật hữu ích cho heo                                                                                                           | BIOSUBTYL                                     | 10:2012/VNN        |  |
| 4449 | CALCIMIX - Thức ăn bổ sung Men tiêu hóa, khoáng cho gia súc gia cầm.                                                                                                               | CALCIMIX                                      | 11:2012/VNN        |  |
| 4450 | ENZYMIX - Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, Vi sinh vật hữu ích cho gia súc, gia cầm.                                                                                                  | ENZYMIX                                       | 12:2012/VNN        |  |
| 4451 | PROZYM - Thức ăn bổ sung hỗn hợp Đạm, Men tiêu hóa, Acid amin, Vitamin, Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                | PROZYM                                        | 13:2012/VNN        |  |
| 4452 | VITAMIN C10% - Thức ăn bổ sung hỗn hợp Vitamin cho gia súc, gia cầm.                                                                                                               | VITAMIN C10%                                  | 14:2012/VNN        |  |
| 4453 | SUPER GROWITH - Thức ăn bổ sung hỗn hợp Vitamin, Acid amin, Khoáng cho gia súc, gia cầm.                                                                                           | SUPER GROWITH                                 | 15:2012/VNN        |  |
| 4454 | GLUCAN - Thức ăn bổ sung hỗn hợp Vitamin, Acid amin, Vi sinh vật hữu ích, Men tiêu hóa, Khoáng cho gia súc, gia cầm.                                                               | GLUCAN                                        | 16:2012/VNN        |  |

|      |                                                                                                                                                                            |             |               |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|--|
| 4455 | HEPASOL B12 - Thức ăn bổ sung hỗn hợp Vitamin, Acid amin cho gia súc, gia cầm.                                                                                             | HEPASOL B12 | 17:2012/VNN   |  |
|      | <b>Công ty Cổ phần Việt Phong</b><br>Địa chỉ: Lô II -3, Đường số 1, nhóm CN II, KCN Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.<br>Điện thoại: 08.38163074 – 08.38163076. Fax: 08.38163079. |             |               |  |
| 4456 | Thức ăn hỗn hợp gà con (từ 1 ngày- 6 tuần tuổi)                                                                                                                            | 1           | VFC.HCM 01/03 |  |
| 4457 | Thức ăn hỗn hợp gà giò (từ 7 tuần – 21 tuần tuổi)                                                                                                                          | 2           | VFC.HCM 01/03 |  |
| 4458 | Thức ăn hỗn hợp gà đẻ (nuôi gà trong kỳ đẻ trứng)                                                                                                                          | 3           | VFC.HCM 01/03 |  |
| 4459 | Thức ăn hỗn hợp gà con thịt (1 ngày – 21 ngày tuổi)                                                                                                                        | 4           | VFC.HCM 01/03 |  |
| 4460 | Thức ăn hỗn hợp gà giò thịt (22 ngày –42 ngày tuổi)                                                                                                                        | 5           | VFC.HCM 01/03 |  |
| 4461 | Thức ăn hỗn hợp gà giò thịt (42 ngày –56 ngày tuổi)                                                                                                                        | 5B          | VFC.HCM 01/03 |  |
| 4462 | Thức ăn hỗn hợp gà thịt vỗ béo                                                                                                                                             | 5C          | VFC.HCM 01/03 |  |
| 4463 | Thức ăn đậm đặc nuôi heo từ 5kg – xuất chuồng                                                                                                                              | FX2         | VFC.HCM 01/06 |  |
| 4464 | Thức ăn đậm đặc gà thịt                                                                                                                                                    | X4000       | VFC.HCM 02/03 |  |
| 4465 | Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan vỗ béo                                                                                                                                           | 9V          | VFC.HCM 02/04 |  |
| 4466 | Thức ăn hỗn hợp nuôi heo từ 10 ngày tuổi-15kg                                                                                                                              | 600S        | VFC.HCM 02/06 |  |
| 4467 | Thức ăn hỗn hợp gà thịt (trên 42 ngày tuổi)                                                                                                                                | 112         | VFC.HCM 03/03 |  |
| 4468 | Thức ăn đậm đặc nuôi heo                                                                                                                                                   | FX1         | VFC.HCM 03/04 |  |
| 4469 | Thức ăn hỗn hợp vịt con (1 ngày – 28 ngày tuổi)                                                                                                                            | 4V          | VFC.HCM 05/03 |  |
| 4470 | Thức ăn hỗn hợp vịt hậu bị (từ 57 ngày – bắt đầu đẻ                                                                                                                        | 2V          | VFC.HCM 05/03 |  |
| 4471 | Thức ăn hỗn hợp vịt đẻ                                                                                                                                                     | 3V          | VFC.HCM 05/03 |  |
| 4472 | Thức ăn hỗn hợp vịt vỗ béo (trước khi bán 10 ngày)                                                                                                                         | 5V          | VFC.HCM 05/03 |  |
| 4473 | Thức ăn hỗn hợp vịt con (1 ngày – 28 ngày tuổi)                                                                                                                            | 14V         | VFC.HCM 06/03 |  |
| 4474 | Thức ăn hỗn hợp vịt lứa (29 ngày- 56 ngày tuổi)                                                                                                                            | 11V         | VFC.HCM 06/03 |  |
| 4475 | Thức ăn hỗn hợp vịt đẻ                                                                                                                                                     | 13V         | VFC.HCM 06/03 |  |
| 4476 | Thức ăn hỗn hợp vịt con (từ 2 ngày–đến 3 tuần tuổi)                                                                                                                        | 114V        | VFC.HCM 06/03 |  |
| 4477 | Thức ăn hỗn hợp vịt vỗ béo                                                                                                                                                 | 115V        | VFC.HCM 06/03 |  |

|      |                                                                                                                                                                                                               |                 |               |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--|
| 4478 | Thức ăn hỗn hợp vịt đẻ                                                                                                                                                                                        | 113V            | VFC.HCM 06/03 |  |
| 4479 | Thức ăn hỗn hợp heo con (từ 13kg – 30 kg)                                                                                                                                                                     | 601             | VFC.HCM 08/03 |  |
| 4480 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt(từ 30kg – 55kg)                                                                                                                                                                      | 602             | VFC.HCM 08/03 |  |
| 4481 | Thức ăn hỗn hợp heo nái khô, nái chữa, nọc                                                                                                                                                                    | 10A             | VFC.HCM 08/03 |  |
| 4482 | Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con                                                                                                                                                                              | 10B             | VFC.HCM 08/03 |  |
| 4483 | Thức ăn hỗn hợp heo con(từ 12kg – 30kg)                                                                                                                                                                       | 16              | VFC.HCM 09/03 |  |
| 4484 | Thức ăn hỗn hợp heo lứa (từ 30kg – 60kg)                                                                                                                                                                      | 17              | VFC.HCM 09/03 |  |
| 4485 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt (từ 60kg – xuất chuồng)                                                                                                                                                              | 18              | VFC.HCM 09/03 |  |
| 4486 | Thức ăn hỗn hợp heo nái khô, nái chữa, nọc                                                                                                                                                                    | 20              | VFC.HCM 09/03 |  |
| 4487 | Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con                                                                                                                                                                              | 21              | VFC.HCM 09/03 |  |
| 4488 | Thức ăn đậm đặc nuôi heo (từ 5kg – xuất chuồng)                                                                                                                                                               | S6000           | VFC.HCM 10/03 |  |
| 4489 | Thức ăn đậm đặc nuôi heo (Trước khi xuất một tháng)                                                                                                                                                           | S9000           | VFC.HCM 10/03 |  |
| 4490 | Thức ăn đậm đặc nuôi heo (từ 18kg – xuất chuồng)                                                                                                                                                              | 999             | VFC.HCM 10/03 |  |
| 4491 | Thức ăn đậm đặc heo nái nuôi con                                                                                                                                                                              | 100B            | VFC.HCM 10/03 |  |
| 4492 | Thức ăn đậm đặc nuôi heo (từ 5kg – xuất chuồng)                                                                                                                                                               | S6010           | VFC.HCM 10/03 |  |
| 4493 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt (từ 30kg – xuất chuồng)                                                                                                                                                              | 181             | VFC.HCM 24/03 |  |
| 4494 | Thức ăn hỗn hợp gà con (1 ngày- 42 ngày tuổi)                                                                                                                                                                 | 111             | VFC.HCM03/03  |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Thương mại Sản xuất thú y thủy sản Việt Tân</b><br/> Địa chỉ: 94/1035A1 Dương Quảng Hàm, phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM.<br/> Điện thoại:08 39842240, Fax: 08 39842230.</p> |                 |               |  |
| 4495 | Premix vitamin - khoáng                                                                                                                                                                                       | Premix Heo      | 01:2002/VT    |  |
| 4496 | Hỗn hợp vitamin - acid amin                                                                                                                                                                                   | Lutamine Liquid | 01:2010/VT    |  |
| 4497 | Hỗn hợp vitamin - acid amin                                                                                                                                                                                   | Yomine Liquid   | 02:2010/VT    |  |
| 4498 | Hỗn hợp acid amin                                                                                                                                                                                             | Goldmine Liquid | 03:2010/VT    |  |
| 4499 | Hỗn hợp acid amin                                                                                                                                                                                             | Aquamine Liquid | 04:2010/VT    |  |
| 4500 | Premix khoáng                                                                                                                                                                                                 | Khoáng heo      | 05:2002/VT    |  |
| 4501 | Đạm bổ sung gia súc –gia cầm                                                                                                                                                                                  | BIO-DPP50       | 05:2010/VT    |  |
| 4502 | Premix acid amin                                                                                                                                                                                              | Nutrimin        | 06:2010/VT    |  |
| 4503 | Premix vitamin                                                                                                                                                                                                | Vitalec Pro     | 08:2010/VT    |  |
| 4504 | Chế phẩm sinh học - men vi sinh                                                                                                                                                                               | Bio-Super       | 09:2010/VT    |  |

|      |                                                                                                                                                                                               |                               |             |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------|--|
| 4505 | Premix vitamin                                                                                                                                                                                | ADE Bcomplex                  | 16:2002/VT  |  |
| 4506 | Premix vitamin                                                                                                                                                                                | Vitamin C15%                  | 18:2002/VT  |  |
| 4507 | Men vi sinh tổng hợp- vitamin                                                                                                                                                                 | Multifeed-MF6                 | 27:2002/VT  |  |
| 4508 | Premix vitamin - khoáng                                                                                                                                                                       | Plastin-ADVit                 | 31:2002/VT  |  |
| 4509 | Premix vitamin - khoáng                                                                                                                                                                       | Calci ADEVit                  | 34:2002/VT  |  |
| 4510 | Hỗn hợp đậm - acid amin                                                                                                                                                                       | Biopro 50                     | 35:2002/VT  |  |
| 4511 | Premix vitamin - khoáng - acid amin                                                                                                                                                           | Vitamix super                 | 36:2002/VT  |  |
| 4512 | Chế phẩm sinh học - men vi sinh                                                                                                                                                               | Laczyme-20                    | 37:2003/VT  |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH TM SX Việt Viên</b></p> <p align="center">Địa chỉ: 14G Phan Văn Trị , phường 7, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.<br/>Tel: (08)38943854. Fax: (08)38943855.</p> |                               |             |  |
| 4513 | SOLUBLE VITAMIX - Cung cấp nguồn dinh dưỡng tối ưu cho vật nuôi.                                                                                                                              | SOLUBLE VITAMIX VIT - 01      | 01:2012/VIV |  |
| 4514 | VITAMINERAL - Cung cấp vitamin, khoáng chất cho vật nuôi.                                                                                                                                     | VITAMINERAL VMI - 02          | 02:2012/VIV |  |
| 4515 | NUTRIZYME 10X - Men vi sinh đường ruột giúp tăng cường khả năng tiêu hóa cho vật nuôi                                                                                                         | NUTRIZYME 10X VEN - 03        | 03:2012/VIV |  |
| 4516 | MICRO II ENZYME - Men vi sinh đường ruột giúp tăng cường khả năng tiêu hóa cho vật nuôi                                                                                                       | MICRO II ENZYME ENZ - 04      | 04:2012/VIV |  |
| 4517 | PREMIX 30 - Giúp vật nuôi tăng trọng nhanh , giảm tiêu tốn thức ăn                                                                                                                            | PREMIX 30 VMI -05             | 05:2012/VIV |  |
| 4518 | VITAGROWTH - Cung cấp vitamin, khoáng chất giúp vật nuôi tăng trọng nhanh , giảm tiêu tốn thức ăn.                                                                                            | VITAGROWTH VMI - 06           | 06:2012/VIV |  |
| 4519 | LIỆT CHÂN GÀ VỊT - Cung cấp vitamin, acid amin thiết yếu, khoáng cho vật nuôi.                                                                                                                | LIỆT CHÂN GÀ VỊT VMI – 07     | 07:2012/VIV |  |
| 4520 | SOLUBLE ADE - Cung cấp nguồn vitamin đậm đặc hoạt lực cao đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng tối ưu cho vật nuôi.                                                                                     | SOLUBLE ADE VIT – 08          | 08:2012/VIV |  |
| 4521 | BCOMAX – E - Bổ sung Premix vitamin                                                                                                                                                           | BCOMAX – E VIT – 09           | 09:2012/VIV |  |
| 4522 | VITAMAX – 100 - Premix vitamin – khoáng ngăn ngừa các trường hợp thiếu hụt vitamin và khoáng , giúp giảm tỉ lệ còi cọc, chậm lớn.                                                             | VITAMAX – 100 VMI - 10        | 10:2012/VIV |  |
| 4523 | MINERAL - Bổ sung khoáng vi lượng và đa lượng cho vật nuôi.                                                                                                                                   | MINERAL MIN - 11              | 11:2012/VIV |  |
| 4524 | VITAMIN C ANTISTRESS - Cung cấp nguồn vitamin C cho vật nuôi.                                                                                                                                 | VITAMIN C ANTISTRESS VIT – 12 | 12:2012/VIV |  |

|      |                                                                                                                                            |                          |             |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|--|
| 4525 | ELECTROLYTE – C 0 Bổ sung chất điện giải hòa tan trong nước cho vật nuôi.                                                                  | ELECTROLYTE – C MIN - 13 | 13:2012/VIV |  |
| 4526 | PROBIOTIC - Cung cấp men tiêu hóa cho vật nuôi                                                                                             | PROBIOTIC ENZ - 14       | 14:2012/VIV |  |
| 4527 | GUMBEST - Cung cấp nguồn vitamin và chất điện giải hòa tan trong nước cho vật nuôi                                                         | GUMBEST VMI - 15         | 15:2012/VIV |  |
| 4528 | BIO – PSN 35 - Cung cấp vitamin và acid amin cho vật nuôi.                                                                                 | BIO – PSN 35 VAA – 16    | 16:2012/VIV |  |
| 4529 | VITA ADE - Cung cấp nguồn vitamin đậm đặc hoạt lực cao đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng tối ưu cho vật nuôi.                                     | VITA ADE VIT – 17        | 17:2012/VIV |  |
| 4530 | SUPERSOL - Bổ sung Vitamin cần thiết cho vật nuôi.                                                                                         | SUPERSOL VIT – 18        | 18:2012/VIV |  |
| 4531 | VITAMINO - Cung cấp nguồn acid amin tự do cho vật nuôi.                                                                                    | VITAMINO AA – 19         | 19:2012/VIV |  |
| 4532 | DPS 50 RD - Cung cấp nguồn acid amin tự do cho vật nuôi.                                                                                   | DPS 50 RD AA - 20        | 20:2012/VIV |  |
| 4533 | AD - BIOMIX - Bổ sung Vitamin, cần thiết cho vật nuôi                                                                                      | AD - BIOMIX VIT – 21     | 21:2012/VIV |  |
| 4534 | PEP GRO 50 - Nguồn cung cấp acid amin, protein dễ tiêu và peptides trong thức ăn vật nuôi.                                                 | PEP GRO 50 AA - 22       | 22:2012/VIV |  |
|      | <b>Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hoa Kỳ</b><br>Địa chỉ: Hưng Thịnh, Bình Giang, Hải Dương<br>Điện thoại: 0320.3777514. Fax: 0320.3777120. |                          |             |  |
| 4535 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút đẻ                                                                                                         | 4040                     | AF.HD.01/08 |  |
| 4536 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn sữa (từ sơ sinh-cải sữa)                                                                                   | 1000                     | AF.HD.01/11 |  |
| 4537 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút (từ 1-35 ngày tuổi)                                                                                        | 4010                     | AF.HD.02/09 |  |
| 4538 | Thức ăn hỗn hợp mảnh cao cấp cho gà thịt(từ 1-14 ngày tuổi)                                                                                | 3000S                    | AF.HD.03/09 |  |
| 4539 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho gà thịt(từ 15-28 ngày tuổi)                                                                               | 3010S                    | AF.HD.04/09 |  |
| 4540 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho gà thịt(từ 29-42 ngày tuổi)                                                                               | 3020S                    | AF.HD.05/09 |  |
| 4541 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho gà thịt(trên 42 ngày tuổi)                                                                                | 3030S                    | AF.HD.06/09 |  |
| 4542 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho gà hậu bị(từ 11-19 tuần tuổi)                                                                             | 5030                     | AF.HD.08/09 |  |

|      |                                                                               |      |              |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------|------|--------------|--|
| 4543 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi - xuất chuồng | 2020 | AF.HD.100/05 |  |
| 4544 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho gà đẻ                                        | 3040 | AF.HD.101/05 |  |
| 4545 | Thức ăn hỗn hợp viên cho gà thịt 1-21 ngày tuổi                               | 3010 | AF.HD.65/04  |  |
| 4546 | Thức ăn hỗn hợp viên cho gà thịt 22-35 ngày tuổi                              | 3020 | AF.HD.66/04  |  |
| 4547 | Thức ăn hỗn hợp viên cho gà thịt trên 35 ngày tuổi                            | 3030 | AF.HD.67/04  |  |
| 4548 | Thức ăn hỗn hợp viên cho vịt, ngan đẻ                                         | 2040 | AF.HD.68/04  |  |
| 4549 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt(từ tập ăn-15kg)                                  | 1010 | AF.HD.70/04  |  |
| 4550 | Thức ăn hỗn hợp viên cho lợn thịt siêu nạc(từ 15kg-45kg)                      | 1020 | AF.HD.71/04  |  |
| 4551 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái mang thai                                         | 1040 | AF.HD.73/04  |  |
| 4552 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con                                          | 1050 | AF.HD.74/04  |  |
| 4553 | Thức ăn hỗn hợp viên cho lợn thịt siêu nạc(từ 45kg-xuất chuồng)               | 1030 | AF.HD.75/04  |  |
| 4554 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt(từ tập ăn-xuất chuồng)                           | 1110 | AF.HD.80/04  |  |
| 4555 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt(từ tập ăn-xuất chuồng)                           | 1120 | AF.HD.82/05  |  |
| 4556 | Siêu đậm đặc cho lợn thịt (từ tập ăn đến xuất chuồng)                         | M130 | AF.HD.85/05  |  |
| 4557 | Thức ăn hỗn hợp viên cho lợn con tập ăn (từ tập ăn -15 kg)                    | LO1  | AF.HD.86/05  |  |
| 4558 | Thức ăn hỗn hợp viên cho lợn choai (từ 15kg-30kg)                             | LO2  | AF.HD.87/05  |  |
| 4559 | Thức ăn hỗn hợp viên cho lợn thịt (từ 30kg-xuất chuồng)                       | LO3  | AF.HD.88/05  |  |
| 4560 | Thức ăn hỗn hợp viên cho gà thịt(từ 1-21 ngày tuổi)                           | GO1  | AF.HD.89/05  |  |
| 4561 | Thức ăn hỗn hợp viên cho gà thịt (từ 22 ngày tuổi-xuất chuồng)                | GO2  | AF.HD.90/05  |  |
| 4562 | Thức ăn hỗn hợp viên cho vịt, ngan con (từ 1-21 ngày tuổi)                    | VO1  | AF.HD.91/05  |  |
| 4563 | Thức ăn hỗn hợp viên cho vịt, ngan thịt (từ 22 ngày tuổi –xuất chuồng)        | VO2  | AF.HD.92/05  |  |
| 4564 | Thức ăn đậm đặc cho gà trứng thương phẩm                                      | M330 | AF.HD.94/05  |  |
| 4565 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho vịt, ngan con từ 1-21 ngày tuổi              | 2010 | AF.HD.99/05  |  |

|      |                                                                  |      |             |  |
|------|------------------------------------------------------------------|------|-------------|--|
| 4566 | Thức ăn hỗn hợp mảnh cao cấp cho gà thịt (từ 1-14 ngày tuổi)     | 200S | GC.HD.01/09 |  |
| 4567 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho gà thịt (từ 15-28 ngày tuổi)    | 201S | GC.HD.02/09 |  |
| 4568 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn sữa (từ 5 ngày tuổi- cai sữa)    | 300S | GC.HD.02/11 |  |
| 4569 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho gà thịt (từ 29-42 ngày tuổi)    | 202S | GC.HD.03/09 |  |
| 4570 | Siêu đậm đặc cho lợn thịt (từ tập ăn-xuất chuồng)                | 368S | GC.HD.03/11 |  |
| 4571 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho gà thịt (trên 42 ngày tuổi)     | 203S | GC.HD.04/09 |  |
| 4572 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn con (từ tập ăn-15kg thể trọng) | 301S | GC.HD.06/09 |  |
| 4573 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn choai (từ 15-45kg thể trọng)   | 302S | GC.HD.07/09 |  |
| 4574 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt (từ 45kg-xuất chuồng)     | 303S | GC.HD.08/09 |  |
| 4575 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chửa                       | 306S | GC.HD.09/09 |  |
| 4576 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái đẻ                         | 309S | GC.HD.10/09 |  |
| 4577 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt (từ 15kg-xuất chuồng)               | 3801 | GC.HD.11/09 |  |
| 4578 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt (Từ tập ăn-xuất chuồng)     | 3802 | GC.HD.12/09 |  |
| 4579 | Siêu đậm đặc cho lợn thịt (từ tập ăn-xuất chuồng)                | 3808 | GC.HD.13/09 |  |
| 4580 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn nái                              | 3800 | GC.HD.14/09 |  |
| 4581 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt (từ 1 ngày tuổi-xuất chuồng) | 2909 | GC.HD.15/09 |  |
| 4582 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ                                | 1900 | GC.HD.16/09 |  |
| 4583 | Thức ăn đậm đặc cho gà hậu bị giống trứng                        | 1901 | GC.HD.17/09 |  |
| 4584 | Thức ăn đậm đặc cho gà trứng bố mẹ                               | 1902 | GC.HD.18/09 |  |
| 4585 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn con (từ tập ăn – 15kg)         | 311L | GC.HD.19/09 |  |
| 4586 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn choai (từ 15-30kg)             | 312L | GC.HD.20/09 |  |
| 4587 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt (từ 30kg-xuất chuồng)     | 313L | GC.HD.21/09 |  |

|      |                                                                                                                                              |      |                         |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------------------|--|
| 4588 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt (từ 1-21 ngày tuổi)                                                                                   | 411V | GC.HD.22/09             |  |
| 4589 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt (từ 22 ngày tuổi-xuất chuồng)                                                                         | 412V | GC.HD.23/09             |  |
| 4590 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho vịt thịt (từ 1-21 ngày tuổi)                                                                                | 401S | GC.HD.24/09             |  |
| 4591 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho vịt thịt (từ 22 ngày tuổi-xuất chuồng)                                                                      | 402S | GC.HD.25/09             |  |
| 4592 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho vịt đẻ                                                                                                      | 405S | GC.HD.26/09             |  |
| 4593 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt (từ 1-21 ngày tuổi)                                                                                    | 211G | GC.HD.27/09             |  |
| 4594 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt (từ 22-35 ngày tuổi)                                                                                   | 212G | GC.HD.28/09             |  |
| 4595 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt (trên 35 ngày tuổi)                                                                                    | 213G | GC.HD.29/09             |  |
| 4596 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho gà hậu bị (từ 11-19 tuần tuổi)                                                                              | 104S | GC.HD.30/09             |  |
| 4597 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho gà đẻ                                                                                                       | 105S | GC.HD.31/09             |  |
| 4598 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho chim cút (từ 1-35 ngày tuổi)                                                                                     | 501S | GC.HD.32/09             |  |
| 4599 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút đẻ                                                                                                           | 505S | GC.HD.33/09             |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH ANT (HN)</b><br/> Địa chỉ: Tân Trường, Cẩm Giàng, Hải Dương.<br/> Tel: 0320.3785121; Fax: 0320.3785122</p> |      |                         |  |
| 4600 | Thức ăn đậm đặc gà thịt từ 1 ngày – xuất chuồng                                                                                              | 2122 | 001:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4601 | Thức ăn đậm đặc gà thịt từ 1 ngày – xuất chuồng                                                                                              | N500 | 001:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4602 | Thức ăn đậm đặc gà thịt từ 1 ngày – xuất chuồng                                                                                              | 6000 | 001:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4603 | Thức ăn đậm đặc gà thịt từ 1 ngày – xuất chuồng                                                                                              | 2146 | 001:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4604 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 10 kg - xuất chuồng                                                                                          | 8000 | 002:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4605 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5 kg - xuất chuồng                                                                                           | N140 | 002:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4606 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 10 kg - xuất chuồng                                                                                          | 8000 | 002:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |

|      |                                                           |      |                         |  |
|------|-----------------------------------------------------------|------|-------------------------|--|
| 4607 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 10 kg - xuất chuồng       | 8000 | 002:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4608 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5 kg - xuất chuồng        | 1240 | 003:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4609 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn - xuất chuồng      | N144 | 003:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4610 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn - xuất chuồng      | 8840 | 003:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4611 | Thức ăn đậm đặc siêu nạc cho lợn trang trại               | 9940 | 003:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4612 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5 kg - xuất chuồng        | 1242 | 004:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4613 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn - xuất chuồng      | N146 | 004:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4614 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5 kg - xuất chuồng        | 8842 | 004:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4615 | Thức ăn đậm đặc cao đạm cho lợn từ 5 kg - xuất chuồng     | 9942 | 004:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4616 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn - xuất chuồng      | 1244 | 005:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4617 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 – 8 tuần               | N521 | 005:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4618 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ sau cai sữa - xuất chuồng | 1244 | 005:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4619 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng   | 1244 | 005:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4620 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn - xuất chuồng      | 188  | 006:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4621 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 9 – 17 tuần              | N523 | 006:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4622 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ sau cai sữa - xuất chuồng | 8846 | 006:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4623 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng           | 9946 | 006:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4624 | Thức ăn đậm đặc lợn nái                                   | 1666 | 007:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4625 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần - đào thải           | N524 | 007:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4626 | Thức ăn đậm đặc cho lợn nái                               | 9000 | 007:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |

|      |                                                 |       |                            |  |
|------|-------------------------------------------------|-------|----------------------------|--|
| 4627 | Thức ăn đậm đặc lợn nái                         | 9960  | 007:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4628 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 – 8 tuần     | 3130  | 008:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4629 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ sinh sản – cao sản | 3910  | 008:2010/ANT.NB<br>(HN)-HD |  |
| 4630 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 – 8 tuần     | 3210  | 008:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4631 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 9 – 17 tuần    | 2110  | 008:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4632 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 9-17 tuần      | 3140  | 009:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4633 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ bố mẹ giống           | 3910T | 009:2010/ANT.NB<br>(HN)-HD |  |
| 4634 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 9 – 17 tuần    | 3310  | 009:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4635 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần - đào thải | 2120  | 009:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4636 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần - đào thải | 3150  | 010:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4637 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 – 21 ngày      | N510  | 010:2010/ANT.NB<br>(HN)-HD |  |
| 4638 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần - đào thải | 3510  | 010:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4639 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ sinh sản – cao sản | 3910  | 010:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4640 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ sinh sản – cao sản | 3910  | 011:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4641 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 – 21 ngày      | N510S | 011:2010/ANT.NB<br>(HN)-HD |  |
| 4642 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ sinh sản – cao sản | 3910  | 011:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4643 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ bố mẹ giống           | 3910T | 011:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4644 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ bố mẹ giống           | 3910T | 012:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4645 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 - 42 ngày     | N520  | 012:2010/ANT.NB<br>(HN)-HD |  |
| 4646 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ bố mẹ giống           | 3910T | 012:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4647 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 – 21 ngày      | 3101  | 012:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |

|      |                                                          |       |                            |  |
|------|----------------------------------------------------------|-------|----------------------------|--|
| 4648 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 – 21 ngày               | 2101  | 013:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4649 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 - 42 ngày              | N520M | 013:2010/ANT.NB<br>(HN)-HD |  |
| 4650 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 – 21 ngày               | 6230  | 013:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4651 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 – 21 ngày               | 3101S | 013:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4652 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 – 21 ngày               | 2101S | 014:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4653 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 43 ngày – xuất chuồng     | N530  | 014:2010/ANT.NB<br>(HN)-HD |  |
| 4654 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 – 21 ngày               | 6230S | 014:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4655 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 22 - 42 ngày             | 3102  | 014:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4656 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 - 42 ngày              | 2102  | 015:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4657 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 - 42 ngày              | 6320  | 015:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4658 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 - 42 ngày              | 3102M | 015:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4659 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 - 42 ngày              | 2102M | 016:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4660 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 – 42 ngày           | N501  | 016:2010/ANT.NB<br>(HN)-HD |  |
| 4661 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 - 42 ngày              | 6320M | 016:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4662 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 43 ngày – xuất chuồng     | 3103  | 016:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4663 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 43 ngày – xuất chuồng    | 2103  | 017:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4664 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 43 ngày – xuất chuồng | N502  | 017:2010/ANT.NB<br>(HN)-HD |  |
| 4665 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 43 ngày – xuất chuồng     | 6420  | 017:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4666 | Thức ăn hỗn hợp cho gà gột từ 1 – 35 ngày                | 6666G | 018:2010/ANT(HN)<br>) -HD  |  |
| 4667 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 ngày – xuất chuồng  | N555  | 018:2010/ANT.NB<br>(HN)-HD |  |
| 4668 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 1 – 42 ngày                | 5101  | 018:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |

|      |                                                             |       |                         |  |
|------|-------------------------------------------------------------|-------|-------------------------|--|
| 4669 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 – 42 ngày              | 2111  | 019:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4670 | Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 – 35 ngày               | N301  | 019:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4671 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 1 – 42 ngày                   | 6270  | 019:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4672 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 43 ngày – xuất chuồng         | 5102  | 019:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4673 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 43 ngày – xuất chuồng    | 2112  | 020:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4674 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ từ 36 ngày - đào thải            | N302  | 020:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4675 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 43 ngày – xuất chuồng         | 6370  | 020:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4676 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 1 ngày – xuất chuồng          | 5111  | 020:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4677 | Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng từ 1 ngày – xuất chuồng         | 2113  | 021:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4678 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 1 – 21 ngày           | N980  | 021:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4679 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 1 ngày – xuất chuồng          | 6370H | 021:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4680 | Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 – 35 ngày               | 7801  | 021:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4681 | Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 – 35 ngày               | 8011  | 022:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4682 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày – xuất chuồng | N982  | 022:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4683 | Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 – 35 ngày               | 3710  | 022:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4684 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ từ 36 ngày - đào thải            | 7802  | 022:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4685 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ từ 36 ngày - đào thải            | 8012  | 023:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4686 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ từ 18 tuần - đào thải      | N984  | 023:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4687 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ từ 36 ngày - đào thải            | 3810  | 023:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4688 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 1 – 21 ngày                | 8601  | 023:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4689 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 1 – 21 ngày                | 5120  | 024:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |

|      |                                                        |       |                         |  |
|------|--------------------------------------------------------|-------|-------------------------|--|
| 4690 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 1 – 21 ngày           | 5220  | 024:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4691 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 22 ngày – xuất chuồng | 8602  | 024:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4692 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 22 ngày – xuất chuồng | 5121  | 025:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4693 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn sữa từ 7 ngày – 8 kg           | N101A | 025:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4694 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 22 ngày – xuất chuồng | 5221  | 025:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4695 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 1 ngày – xuất chuồng  | 8603  | 025:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4696 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 1 ngày – xuất chuồng  | 5130  | 026:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4697 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 1 ngày – xuất chuồng  | 5320V | 026:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4698 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ từ 18 tuần - đào thải | 8606  | 026:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4699 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ bổ mẹ giống           | 5150  | 027:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4700 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn thịt từ 15 – 30 kg     | N201A | 027:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4701 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan vỗ béo                   | 5420L | 027:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4702 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ từ 18 tuần - đào thải | 8608  | 027:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4703 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ giai đoạn đẻ trứng    | 5140  | 028:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4704 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 15 – 30 kg             | N201  | 028:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4705 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ bổ mẹ giống           | 5620  | 028:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4706 | Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan đẻ trứng thương phẩm         | 5180  | 029:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4707 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30 kg – 60kg           | N202  | 029:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4708 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ giai đoạn đẻ trứng    | 5720  | 029:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4709 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ 7 ngày – 8 kg           | 9900  | 029:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4710 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái mang thai                  | N211  | 030:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |

|      |                                                     |       |                         |  |
|------|-----------------------------------------------------|-------|-------------------------|--|
| 4711 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ trứng thương phẩm  | 5820  | 030:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4712 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ 7 ngày – 8 kg        | S110  | 031:2010/ANT(HN)-HD     |  |
| 4713 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ 7 ngày – 8 kg        | 1000  | 031:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4714 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái đẻ nuôi con             | N222  | 031:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4715 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn trại từ 15 – 30 kg  | 822   | 031:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4716 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 15 – 30 kg               | N102  | 032:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4717 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn sữa tập ăn từ 7 ngày – 8 kg | 800   | 032:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4718 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn trại từ 15 – 30 kg          | 9902  | 032:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4719 | Thức ăn hỗn hợp kháng bệnh cao từ 7 ngày đến 8 kg   | 800R  | 033:2010/ANT.(HN)-HD    |  |
| 4720 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn thịt từ 15 – 30 kg  | 822   | 033:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4721 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 25 kg – 50kg         | N102S | 033:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4722 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn trại từ 30 kg – 60kg        | 9903  | 033:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4723 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 15 – 30 kg          | 1102  | 034:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4724 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 – 60 kg           | N103  | 034:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4725 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn trại từ 15 – 30 kg  | 822   | 034:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4726 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái mang thai               | 9600  | 034:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4727 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30 kg – 60kg        | 1103  | 035:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |
| 4728 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 kg – xuất chuồng  | N104  | 035:2010/ANT.NB (HN)-HD |  |
| 4729 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 15 – 30 kg               | 802   | 035:2010/ANT.NP (HN)-HD |  |
| 4730 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái đẻ nuôi con             | 9700  | 035:2010/ANT.RE (HN)-HD |  |
| 4731 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái mang thai               | 1600  | 036:2010/ANT.DC (HN)-HD |  |

|      |                                                                                                                                                                                                         |                         |                            |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|--|
| 4732 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30 kg – 60kg                                                                                                                                                                 | 803                     | 036:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4733 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 15 – 30 kg                                                                                                                                                                   | 9200                    | 036:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4734 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái để nuôi con                                                                                                                                                                 | 1700                    | 037:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4735 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái mang thai                                                                                                                                                                   | 855                     | 037:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4736 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 25 kg – xuất chuồng                                                                                                                                                     | 102S                    | 037:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4737 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 15 – 30 kg                                                                                                                                                               | 1200                    | 038:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4738 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái để nuôi con                                                                                                                                                                 | 866                     | 038:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4739 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 – 60 kg                                                                                                                                                               | 9300                    | 038:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4740 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 25 kg – xuất chuồng                                                                                                                                                      | 102S                    | 039:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4741 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 15 – 30 kg                                                                                                                                                               | 882                     | 039:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4742 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 kg – xuất chuồng                                                                                                                                                      | 9400                    | 039:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4743 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 – 60 kg                                                                                                                                                               | 1400                    | 040:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4744 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 25 kg – xuất chuồng                                                                                                                                                     | 102S                    | 040:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4745 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 kg – xuất chuồng                                                                                                                                                      | 1444                    | 041:2010/ANT.DC<br>(HN)-HD |  |
| 4746 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 – 60 kg                                                                                                                                                               | 883                     | 041:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4747 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng                                                                                                                                                         | 1246                    | 041:2010/ANT.RE<br>(HN)-HD |  |
| 4748 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 kg – xuất chuồng                                                                                                                                                      | 884                     | 042:2010/ANT.NP<br>(HN)-HD |  |
| 4749 | Thức ăn hỗn hợp hỗ trợ xử lý PRRS                                                                                                                                                                       | 82RS                    | 043:2010/ANT(HN)<br>) -HD  |  |
|      | <b>Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hoàng Gia Việt</b><br>Địa chỉ: 23/15 phố Cựu Khê, khu 9, phường Bình Hàn, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.<br>Điện thoại: 0320-3610777. Fax: 0320-3610666. |                         |                            |  |
| 4750 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ tập ăn đến 15kg                                                                                                                                                         | COMBIFEED61,<br>GOLDLAC | 01:2011/HGV-HD             |  |

|      |                                                                |                                                   |                |  |
|------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------|--|
| 4751 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 15kg đến 30kg             | COMBIFEED62                                       | 02:2011/HGV-HD |  |
| 4752 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30kg đến 60kg             | COMBIFEED63                                       | 03:2011/HGV-HD |  |
| 4753 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 15kg đến 50kg             | VIETROYAL R01                                     | 04:2011/HGV-HD |  |
| 4754 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 50kg đến xuất.            | VIETROYAL R02                                     | 05:2011/HGV-HD |  |
| 4755 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30kg đến xuất bán         | COMBIFEED65,<br>VIETROYAL<br>R02B                 | 06:2011/HGV-HD |  |
| 4756 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt siêu nạc từ 15kg đến 30kg    | COMBIFEED66,<br>VIETROYAL<br>R01S                 | 07:2011/HGV-HD |  |
| 4757 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt siêu nạc từ 30kg đến 60kg    | COMBIFEED67,<br>VIETROYAL<br>R02S                 | 08:2011/HGV-HD |  |
| 4758 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt siêu nạc từ 12kg đến 25kg    | COMBIFEED66S,<br>VIETROYAL<br>R01A                | 09:2011/HGV-HD |  |
| 4759 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 20kg đến 40kg             | COMBIFEED63S,<br>VIETROYAL<br>R02A                | 10:2011/HGV-HD |  |
| 4760 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo mang thai và chờ phối             | COMBIFEED68,<br>VIETROYAL N03                     | 11:2011/HGV-HD |  |
| 4761 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa, nuôi con            | COMBIFEED69,<br>VIETROYAL N04                     | 12:2011/HGV-HD |  |
| 4762 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái cao sản mang thai và chờ phối | COMBIFEED68S,<br>VIETROYAL<br>N03S                | 13:2011/HGV-HD |  |
| 4763 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái cao sản tiết sữa, nuôi con    | COMBIFEED69S,<br>VIETROYAL<br>N04S                | 14:2011/HGV-HD |  |
| 4764 | Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất bán            | COMBIFEED<br>7777, ROYAY<br>R47, VIETROYAL<br>R47 | 15:2011/HGV-HD |  |
| 4765 | Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 5kg đến xuất bán               | COMBIFEED209,<br>ROYAL R44,<br>VIETROYAL R44      | 16:2011/HGV-HD |  |
| 4766 | Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái heo đực giống                 | COMBIFEED207,<br>VIETROYAL R38                    | 17:2011/HGV-HD |  |
| 4767 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 1 ngày đến 28 ngày         | COMBIFEED511,<br>VIETROYAL<br>G611                | 18:2011/HGV-HD |  |

|      |                                                                |                                          |                |  |
|------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------|--|
| 4768 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 29 ngày đến xuất bán       | COMBIFEED512,<br>VIETROYAL 612           | 19:2011/HGV-HD |  |
| 4769 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 1 ngày đến xuất bán        | COMBIFEED513,<br>VIETROYAL<br>G613       | 20:2011/HGV-HD |  |
| 4770 | Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt từ 1 ngày đến xuất bán        | COMBIFEED555,<br>VIETROYAL G46           | 21:2011/HGV-HD |  |
| 4771 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp từ 1 ngày đến 14 ngày  | COMBIFEED<br>611S,<br>VIETROYAL<br>G511S | 22:2011/HGV-HD |  |
| 4772 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp từ 15 ngày đến 30 ngày | COMBIFEED<br>612S,<br>VIETROYAL<br>G512S | 23:2011/HGV-HD |  |
| 4773 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp từ 31 ngày đến xuất    | COMBIFEED<br>613S,<br>VIETROYAL<br>G513S | 24:2011/HGV-HD |  |
| 4774 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan từ 01 đến 21 ngày           | COMBIFEED811,<br>VIETROYAL<br>V221       | 25:2011/HGV-HD |  |
| 4775 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan từ 22 đến xuất bán          | COMBIFEED812,<br>VIETROYAL<br>V222       | 26:2011/HGV-HD |  |
| 4776 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan từ 01 ngày đến xuất bán     | COMBIFEED813,<br>VIETROYAL<br>V223       | 27:2011/HGV-HD |  |
| 4777 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan vỗ béo                      | COMBIFEED815,<br>VIETROYAL<br>V220       | 28:2011/HGV-HD |  |
| 4778 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ                          | COMBIFEED888,<br>VIETROYAL 225           | 29:2011/HGV-HD |  |
| 4779 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ chạy đồng                | COMBIFEED889,<br>VIETROYAL 226           | 30:2011/HGV-HD |  |
| 4780 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ hậu bị                          | COMBIFEED 514,<br>VIETROYAL<br>G614      | 31:2011/HGV-HD |  |
| 4781 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ chuyên trứng                    | COMBIFEED 515,<br>VIETROYAL<br>G615      | 32:2011/HGV-HD |  |
| 4782 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ                                 | COMBIFEED 516,<br>VIETROYAL<br>G616      | 33:2011/HGV-HD |  |

|      |                                                                                                                                                                             |                                     |                |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------|--|
| 4783 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút úm từ 1 ngày đến 28 ngày                                                                                                                       | COMBIFEED 911,<br>VIETROYAL<br>C711 | 34:2011/HGV-HD |  |
| 4784 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ từ 29 ngày tuổi                                                                                                                             | COMBIFEED 912,<br>VIETROYAL<br>C712 | 35:2011/HGV-HD |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Phú Thành</b></p> <p align="center">Địa chỉ: Cụm CN Quỳnh Phúc, huyện Kim Thành, Hải Dương.<br/>Tel: 03203.721785. Fax: 03203.721785.</p> |                                     |                |  |
| 4785 | Đạm đặc siêu tốc cho lợn thịt từ 15-100kg                                                                                                                                   | OMEGA D05                           | 03:2011/PT-HD  |  |
| 4786 | Sản phẩm đặc biệt cho trang trại từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                                  | OMEGA D.178                         | 06:2011/PT-HD  |  |
| 4787 | Sản phẩm đặc biệt cho trang trại từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                                  | OMEGA D.1080                        | 07:2011/PT-HD  |  |
| 4788 | Sản phẩm đặc biệt cho trang trại từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                                  | OMEGA D.1710                        | 08:2011/PT-HD  |  |
| 4789 | Sản phẩm đặc biệt cho trang trại từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                                  | OMEGA D.8000                        | 09:2011/PT-HD  |  |
| 4790 | Hỗn hợp viên cho lợn con siêu nạc từ tập ăn - 20kg                                                                                                                          | OSIMIC 2255                         | 10:2011/PT-HD  |  |
| 4791 | Đạm đặc cao cấp cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng                                                                                                                | OMEGA D20                           | 11:2011/PT-HD  |  |
| 4792 | Hỗn hợp viên cho lợn thịt siêu nạc từ 20kg-45kg                                                                                                                             | OSIMIC 2266                         | 11:2011/PT-HD  |  |
| 4793 | Hỗn hợp viên cho lợn con tập ăn từ tập ăn đến 15kg                                                                                                                          | OMEGA 255                           | 12:2011/PT-HD  |  |
| 4794 | Hỗn hợp viên cho lợn choai từ 15kg-30kg                                                                                                                                     | OMEGA 256                           | 13:2011/PT-HD  |  |
| 4795 | Hỗn hợp viên cho lợn thịt từ 30kg-xuất chuồng                                                                                                                               | OMEGA257                            | 14:2011/PT-HD  |  |
| 4796 | Hỗn hợp viên cho lợn thịt từ 20kg-50kg                                                                                                                                      | OMEGA 258                           | 15:2011/PT-HD  |  |
| 4797 | Hỗn hợp viên cho lợn thịt từ 30kg-xuất chuồng                                                                                                                               | OMEGA 259                           | 16:2011/PT-HD  |  |
| 4798 | Hỗn hợp viên cho lợn choai từ 15kg-35kg                                                                                                                                     | OSIMIC X206                         | 16:2011/PT-HD  |  |
| 4799 | Hỗn hợp viên cho lợn choai từ 15kg-35kg                                                                                                                                     | OMEGA 268                           | 17:2011/PT-HD  |  |
| 4800 | Hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg-xuất chuồng                                                                                                                                    | OSIMIC X.207                        | 17:2011/PT-HD  |  |
| 4801 | Hỗn hợp cho lợn thịt từ 35kg-xuất chuồng                                                                                                                                    | OSIMIC X.208                        | 18:2011/PT-HD  |  |
| 4802 | Hỗn hợp viên cho lợn con siêu nạc từ tập ăn - 15kg                                                                                                                          | OMEGA 1122                          | 20:2011/PT-HD  |  |
| 4803 | Hỗn hợp viên cho lợn thịt siêu nạc từ 45kg-xuất chuồng                                                                                                                      | OMEGA 1124                          | 22:2011/PT-HD  |  |
| 4804 | Hỗn hợp mảnh cho gà thịt lông màu từ 1 - 21 ngày tuổi                                                                                                                       | OSIMIC G116                         | 22:2011/PT-HD  |  |

|      |                                                                                                                                                                                       |             |               |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|--|
| 4805 | Hỗn hợp cho lợn thịt siêu nạc từ 10kg-30kg                                                                                                                                            | OMEGA 1123S | 23:2011/PT-HD |  |
| 4806 | Hỗn hợp viên cho gà thịt từ 22 -42 ngày tuổi                                                                                                                                          | OSIMIC G117 | 23:2011/PT-HD |  |
| 4807 | Hỗn hợp viên dành cho trang trại từ 15kg-30kg                                                                                                                                         | OMEGA 6868  | 24:2011/PT-HD |  |
| 4808 | Hỗn hợp viên cho vịt, ngan siêu thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                                  | OSIMIC V123 | 26:2011/PT-HD |  |
| 4809 | Hỗn hợp viên cho gà thịt từ 1 - 21 ngày tuổi                                                                                                                                          | OMEGA G521  | 27:2011/PT-HD |  |
| 4810 | Hỗn hợp viên cho gà thịt từ 22 ngày tuổi-xuất chuồng                                                                                                                                  | OMEGA G522  | 28:2011/PT-HD |  |
| 4811 | Hỗn hợp viên cho vịt, ngan con siêu thịt từ 1 - 21 ngày tuổi                                                                                                                          | OMEGA V312  | 29:2011/PT-HD |  |
| 4812 | Hỗn hợp viên cho vịt, ngan con siêu thịt từ 22 ngày tuổi-xuất chuồng                                                                                                                  | OMEGA V313  | 30:2011/PT-HD |  |
|      | <p style="text-align: center;"><b>Công ty cổ phần Q&amp;T</b><br/> Địa chỉ: Cụm CN Ba Hàng, Nam Đồng, Tp. Hải Dương, Hải Dương.<br/> Điện thoại: 0320.3751233. Fax: 0320.3751227.</p> |             |               |  |
| 4813 | Thức ăn đậm đặc cho lợn gột từ tập ăn - 25kg                                                                                                                                          | P.101       | 01/2007/QT-HD |  |
| 4814 | Thức ăn đậm đặc cho lợn gột từ tập ăn - 25kg                                                                                                                                          | L21         | 01/2008/QT-HD |  |
| 4815 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt (từ tập ăn - xuất chuồng)                                                                                                                        | D11         | 01/2011/QT-HD |  |
| 4816 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ 5kg - xuất chuồng                                                                                                                                          | P.102       | 02/2007/QT-HD |  |
| 4817 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng                                                                                                                                       | L22         | 02/2008/QT-HD |  |
| 4818 | Siêu đậm đặc cho lợn thịt hướng nạc (tập ăn - xuất chuồng)                                                                                                                            | D12         | 02/2011/QT-HD |  |
| 4819 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng                                                                                                                                       | P.103       | 03/2007/QT-HD |  |
| 4820 | Thức ăn đậm đặc dành cho trang trại lợn từ tập ăn - xuất chuồng                                                                                                                       | L24         | 03/2008/QT-HD |  |
| 4821 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt (từ 5kg - xuất chuồng)                                                                                                                           | D13         | 03/2011/QT-HD |  |
| 4822 | Thức ăn đậm đặc cho lợn 10kg - xuất chuồng                                                                                                                                            | P.104       | 04/2007/QT-HD |  |
| 4823 | Sản phẩm đặc biệt dành cho lợn thịt                                                                                                                                                   | L23         | 04/2008/QT-HD |  |
| 4824 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt (từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng)                                                                                                                            | D15         | 04/2011/QT-HD |  |
| 4825 | Thức ăn đậm đặc cho nái chữa và nuôi con                                                                                                                                              | P.105       | 05/2007/QT-HD |  |

|      |                                                                     |           |               |  |
|------|---------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|--|
| 4826 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 7 ngày tuổi - 15kg             | L41       | 05/2008/QT-HD |  |
| 4827 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ tập ăn - 15 kg                       | H21       | 05/2011/QT-HD |  |
| 4828 | Thức ăn đậm đặc dành cho trang trại lợn từ tập ăn - xuất chuồng     | T.333     | 06/2007/QT-HD |  |
| 4829 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho lợn từ 15 kg - 30kg                    | Landco.02 | 06/2008/QT-HD |  |
| 4830 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 15kg - 30kg                          | H22       | 06/2011/QT-HD |  |
| 4831 | Thức ăn đậm đặc dành cho trang trại lợn từ tập ăn - xuất chuồng     | T.555     | 07/2007/QT-HD |  |
| 4832 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho lợn từ 30kg - xuất chuồng              | Landco.03 | 07/2008/QT-HD |  |
| 4833 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 20 - 50kg                            | H23       | 07/2011/QT-HD |  |
| 4834 | Sản phẩm đặc biệt dành cho lợn thịt                                 | S.200     | 08/2007/QT-HD |  |
| 4835 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho lợn từ 25kg - 60kg                     | Landco.04 | 08/2008/QT-HD |  |
| 4836 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30kg - xuất chuồng                   | H24       | 08/2011/QT-HD |  |
| 4837 | Sản phẩm đặc biệt dành cho lợn thịt                                 | S.300     | 09/2007/QT-HD |  |
| 4838 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 15kg - 30kg                    | L42       | 09/2008/QT-HD |  |
| 4839 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 kg - xuất chuồng                  | H25       | 09/2011/QT-HD |  |
| 4840 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng (bao ảnh) | S.500     | 10/2007/QT-HD |  |
| 4841 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 30kg - xuất chuồng             | L43       | 10/2008/QT-HD |  |
| 4842 | Thức ăn hỗn hợp cho cho lợn siêu nạc từ 15 - 40kg                   | H26S      | 10/2011/QT-HD |  |
| 4843 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng (bao ảnh) | S.600     | 11/2007/QT-HD |  |
| 4844 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 30kg - xuất chuồng             | L44       | 11/2008/QT-HD |  |
| 4845 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc từ 40kg - xuất chuồng              | H27S      | 11/2011/QT-HD |  |
| 4846 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán               | P.205     | 12/2007/QT-HD |  |
| 4847 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 15 kg - 50kg                   | L45       | 12/2008/QT-HD |  |
| 4848 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái mang thai                               | H28       | 12/2011/QT-HD |  |

|      |                                                                         |           |               |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|--|
| 4849 | Thức ăn đậm đặc cho ngan vịt siêu trứng                                 | DV.704    | 13/2007/QT-HD |  |
| 4850 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng                | L91       | 13/2008/QT-HD |  |
| 4851 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con                                    | H29       | 13/2011/QT-HD |  |
| 4852 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn từ 7 ngày tuổi - 15kg (bao ảnh)    | S.900     | 14/2007/QT-HD |  |
| 4853 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà lông màu từ 1 - 31 ngày tuổi           | L92       | 14/2008/QT-HD |  |
| 4854 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1- 21 ngày tuổi                      | A31       | 14/2011/QT-HD |  |
| 4855 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho lợn từ 7 ngày tuổi - 15kg                  | Landco.01 | 15/2007/QT-HD |  |
| 4856 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 22 ngày tuổi - xuất chuồng | L93       | 15/2008/QT-HD |  |
| 4857 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 22 - 42 ngày                         | A32       | 15/2011/QT-HD |  |
| 4858 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 7 ngày tuổi - 15kg                 | M.501     | 16/2007/QT-HD |  |
| 4859 | Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ                                               | L.95      | 16/2008/QT-HD |  |
| 4860 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng           | A33       | 16/2011/QT-HD |  |
| 4861 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 15kg - 30kg                        | M.502     | 17/2007/QT-HD |  |
| 4862 | Thức ăn hỗn hợp chuyên dùng cho gà đẻ                                   | L.707     | 17/2008/QT-HD |  |
| 4863 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng            | A34       | 17/2011/QT-HD |  |
| 4864 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 30kg - xuất chuồng                 | M.503     | 18/2007/QT-HD |  |
| 4865 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng siêu thịt từ 1 - 14 ngày tuổi         | L.87      | 18/2008/QT-HD |  |
| 4866 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 1- 14 ngày tuổi                         | A35       | 18/2011/QT-HD |  |
| 4867 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 20kg - xuất chuồng                 | M.505     | 19/2007/QT-HD |  |
| 4868 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng siêu thịt từ 15 -28 ngày tuổi         | L.88      | 19/2008/QT-HD |  |
| 4869 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 15 - 28 ngày tuổi                       | A36       | 19/2011/QT-HD |  |
| 4870 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 30kg - xuất chuồng                 | M.505 S   | 20/2007/QT-HD |  |
| 4871 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng siêu thịt từ 28 - xuất bán            | L.89      | 20/2008/QT-HD |  |

|      |                                                                              |       |               |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------|--|
| 4872 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 29 ngày tuổi - xuất chuồng                   | A37   | 20/2011/QT-HD |  |
| 4873 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa, nuôi con                         | M.506 | 21/2007/QT-HD |  |
| 4874 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt siêu thịt từ 1 - 21 ngày tuổi        | L77   | 21/2008/QT-HD |  |
| 4875 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng                   | A38   | 21/2011/QT-HD |  |
| 4876 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 15 kg - 50 kg                           | M.508 | 22/2007/QT-HD |  |
| 4877 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt siêu thịt từ 22 ngày tuổi - xuất bán | L78   | 22/2008/QT-HD |  |
| 4878 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 7 tuần - 18 tuần                            | A41   | 22/2011/QT-HD |  |
| 4879 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà lông màu từ 1-21 ngày tuổi                  | G.601 | 23/2007/QT-HD |  |
| 4880 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt siêu trứng                           | L09   | 23/2008/QT-HD |  |
| 4881 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng                                         | A42   | 23/2011/QT-HD |  |
| 4882 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 22 ngày - xuất chuồng           | G.602 | 24/2007/QT-HD |  |
| 4883 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ siêu trứng                                  | L09S  | 24/2008/QT-HD |  |
| 4884 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 1 - 21 ngày                             | V51   | 24/2011/QT-HD |  |
| 4885 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà đẻ                                               | L.707 | 25/2007/QT-HD |  |
| 4886 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt vỗ béo                               | L79   | 25/2008/QT-HD |  |
| 4887 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày - xuất chuồng                  | V52   | 25/2011/QT-HD |  |
| 4888 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng siêu thịt từ 01 - 14 ngày tuổi             | Q01   | 26/2007/QT-HD |  |
| 4889 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, gà, vịt từ 1 ngày - xuất chuồng          | L68   | 26/2008/QT-HD |  |
| 4890 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 1 ngày - xuất chuồng                        | V53   | 26/2011/QT-HD |  |
| 4891 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng siêu thịt từ 01 - 14 ngày tuổi             | G.603 | 27/2007/QT-HD |  |
| 4892 | Thức ăn hỗn hợp cho cú đẻ                                                    | L99   | 27/2008/QT-HD |  |
| 4893 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ siêu trứng                                  | V54   | 27/2011/QT-HD |  |

|      |                                                                                                                                                                 |       |                  |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------|--|
| 4894 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi                                                                                                | G.604 | 28/2007/QT-HD    |  |
| 4895 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút hậu bị                                                                                                                             | C61   | 28/2011/QT-HD    |  |
| 4896 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng siêu thịt từ 29 - xuất bán                                                                                                    | G.605 | 29/2007/QT-HD    |  |
| 4897 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút đẻ                                                                                                                                 | C62   | 29/2011/QT-HD    |  |
| 4898 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt siêu thịt từ 1 - 21 ngày tuổi                                                                                           | V.701 | 30/2007/QT-HD    |  |
| 4899 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan vịt siêu thịt từ 22 ngày tuổi - xuất bán                                                                                     | V.702 | 31/2007/QT-HD    |  |
| 4900 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt siêu trứng                                                                                                              | V.704 | 32/2007/QT-HD    |  |
| 4901 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt chạy đồng                                                                                                               | V.705 | 33/2007/QT-HD    |  |
| 4902 | Thức ăn hỗn hợp dành cho ngan, gà, vịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán                                                                                                | G.909 | 34/2007/QT-HD    |  |
|      | <b>Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Tiên Trung</b><br>Địa chỉ: Tiên Trung, Ái Quốc, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.<br>Điện thoại: 03203.574.936. Fax: 03203.574.938. |       |                  |  |
| 4903 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà trắng (1 ngày - 14 ngày tuổi)                                                                                                  | 310   | TL101:2011/TT-HD |  |
| 4904 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà trắng (15 ngày - 21 ngày tuổi)                                                                                                 | 311   | TL102:2011/TT-HD |  |
| 4905 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà trắng (22 ngày - 42 ngày tuổi)                                                                                                 | 312   | TL103:2011/TT-HD |  |
| 4906 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà trắng (43 ngày - xuất)                                                                                                         | 313   | TL104:2011/TT-HD |  |
| 4907 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà màu (1 ngày - 28 ngày tuổi)                                                                                                    | 314   | TL105:2011/TT-HD |  |
| 4908 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà màu (29 ngày - xuất)                                                                                                           | 315   | TL106:2011/TT-HD |  |
| 4909 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thả vườn (22 ngày - xuất)                                                                                                      | 316   | TL107:2011/TT-HD |  |
| 4910 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị (1 - 8 tuần tuổi)                                                                                                       | 331   | TL109:2011/TT-HD |  |
| 4911 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị (9 tuần - 18 tuần tuổi)                                                                                                 | 332   | TL110:2011/TT-HD |  |
| 4912 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ trên 18 tuần tuổi                                                                                                           | 334   | TL111:2011/TT-HD |  |
| 4913 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ trứng giống (trên 18 tuần tuổi)                                                                                             | 334T  | TL111:2011/TT-HD |  |

|      |                                                                                                                                                                                                    |      |                  |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------|--|
| 4914 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ (Gà Ai Cập - Gà nuôi bán công nghiệp) trên 18 tuần tuổi                                                                                                        | 334L | TL112:2011/TT-HD |  |
| 4915 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị trứng giống (1 - 8 tuần tuổi)                                                                                                                              | 331T | TL113:2011/TT-HD |  |
| 4916 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị trứng giống (9 - 18 tuần tuổi)                                                                                                                             | 332T | TL114:2011/TT-HD |  |
| 4917 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt siêu nạc (15 kg - 50 kg)                                                                                                                                    | 352  | TL203:2011/TT-HD |  |
| 4918 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt siêu nạc (50 kg - xuất)                                                                                                                                     | 353  | TL204:2011/TT-HD |  |
| 4919 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai (15kg - 30kg)                                                                                                                                                | 321  | TL207:2011/TT-HD |  |
| 4920 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai (30kg - 60kg)                                                                                                                                                | 322  | TL208:2011/TT-HD |  |
| 4921 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái mang thai                                                                                                                                                    | 324  | TL210:2011/TT-HD |  |
| 4922 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con                                                                                                                                                     | 325  | TL211:2011/TT-HD |  |
| 4923 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt (5kg - xuất)                                                                                                                                                 | 3000 | TL212:2011/TT-HD |  |
| 4924 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn 3/4 máu ngoại (15kg - 30kg)                                                                                                                                      | 320  | TL212:2011/TT-HD |  |
| 4925 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt (5kg - xuất)                                                                                                                                                 | 3010 | TL213:2011/TT-HD |  |
| 4926 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt (5kg - xuất)                                                                                                                                                 | 3020 | TL214:2011/TT-HD |  |
| 4927 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan con (1 - 21 ngày tuổi)                                                                                                                                     | 360  | TL301:2011/TT-HD |  |
| 4928 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan (22 ngày tuổi - xuất)                                                                                                                                      | 361  | TL302:2011/TT-HD |  |
| 4929 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan đẻ siêu trứng                                                                                                                                              | 364  | TL305:2011/TT-HD |  |
| 4930 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan đẻ trứng giống                                                                                                                                             | 364T | TL306:2011/TT-HD |  |
| 4931 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho chim cút hậu bị (1 - 35 ngày tuổi)                                                                                                                                    | 381  | TL401:2011/TT-HD |  |
| 4932 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho chim cút đẻ                                                                                                                                                           | 382  | TL402:2011/TT-HD |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi XINAN Hải Dương</b><br/> Địa chỉ: Km64+500, Quốc lộ 5A, Cộng Hoà, Kim Thành, Hải Dương.<br/> Điện thoại: 0320.3562.791. Fax: 0320.3562.790</p> |      |                  |  |

|      |                                                                                                                                                   |                |                |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|--|
| 4933 | Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho lợn từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                         | XN - 888       | 01:2011/XN-HD  |  |
| 4934 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp lợn con cao cấp từ tập ăn – 15kg                                                                                        | XN - 800       | 02:2011/XN-HD  |  |
| 4935 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp lợn siêu nạc từ 15 – 45kg                                                                                               | XN - 862S      | 03:2011/XN-HD  |  |
| 4936 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp lợn lai từ 15 – 30kg                                                                                                    | XN - 862       | 04:2011/XN-HD  |  |
| 4937 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp lợn lai từ 30kg – xuất chuồng                                                                                           | XN - 863       | 05:2011/XN-HD  |  |
| 4938 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp lợn lai đặc biệt từ 20 - 50kg                                                                                           | XN - 866       | 06:2011/XN-HD  |  |
| 4939 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cao cấp chuyên úm cho gà con từ 1 – 21 ngày                                                                             | XN - 510S      | 07:2011/XN-HD  |  |
| 4940 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp gà thịt đặc biệt từ 22ngày – xuất chuồng                                                                                | XN - 511S      | 08:2011/XN-HD  |  |
| 4941 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp gà lông màu từ 28ngày – xuất chuồng                                                                                     | XN - 511L      | 09:2011/XN-HD  |  |
| 4942 | Thức ăn chăn nuôi đậm đặc gà thịt từ 1ngày – xuất chuồng                                                                                          | XN - 555       | 10:2011/XN-HD  |  |
| 4943 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp vịt, ngan từ 1 – 21ngày                                                                                                 | XN - 221       | 11:2011/XN-HD  |  |
| 4944 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp vịt, ngan từ 22ngày – xuất chuồng                                                                                       | XN - 222       | 12:2011/XN-HD  |  |
| 4945 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp vịt đẻ từ 19 tuần tuổi trở lên                                                                                          | XN - 200       | 13:2011/XN-HD  |  |
| 4946 | Thức ăn hỗn hợp lợn lai từ 51kg – xuất chuồng                                                                                                     | XN - 863S      | 14:2011/XN-HD  |  |
| 4947 | Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp dùng cho gà vỗ béo                                                                                                      | XN - 513S      | 15:2011/ XN-HD |  |
|      | <b>Công ty TNHH Huỳnh Thanh</b><br>Địa chỉ: 179 Quốc lộ 61, ấp Xẻo Cao, xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, Hậu Giang.<br>Điện thoại: 07113953243. |                |                |  |
| 4948 | Premix Vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                               | BETA GLUCAN 40 | 01:2011/HTHHGi |  |
| 4949 | Premix Vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                               | GLUCAN-C       | 2:2011/HTHHGi  |  |
| 4950 | Premix Vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                               | GLUCAN-100     | 03:2011/HTHHGi |  |
| 4951 | Premix Vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                               | VET-C10        | 04:2011/HTHHGi |  |
| 4952 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                        | ADE-BC         | 05:2011/HTHHGi |  |
| 4953 | Premix Vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                               | VET C25        | 06:2011/HTHHGi |  |

|      |                                                                                                                                                                                        |                    |                |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------|--|
| 4954 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | B.COMPLEX C        | 07:2011/HTHHGi |  |
| 4955 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | CROMIX-TẠO NẠC     | 08:2011/HTHHGi |  |
| 4956 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | DƯỠNG TRỨNG GV     | 09:2011/HTHHGi |  |
| 4957 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | EGGS-PLUS          | 10:2011/HTHHGi |  |
| 4958 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | SUPER-VIT 100      | 11:2011/HTHHGi |  |
| 4959 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | AD3E CALCIUM       | 12:2011/HTHHGi |  |
| 4960 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | ELEC Nước biển khô | 13:2011/HTHHGi |  |
| 4961 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | HT - TẠO SỮA       | 14:2011/HTHHGi |  |
| 4962 | Premix Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                     | KHOÁNG TĂNG TRỌNG  | 15:2011/HTHHGi |  |
| 4963 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | OLATOVIT           | 16:2011/HTHHGi |  |
| 4964 | Premix Vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                    | SOBITAL ADE        | 17:2011/HTHHGi |  |
| 4965 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | ÚM GÀ VỊT CÚT      | 18:2011/HTHHGi |  |
| 4966 | Thức ăn đậm đặc dùng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                              | SUPER PRO-HT       | 19:2011/HTHHGi |  |
| 4967 | Premix Vitamin-Khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                             | MIX GÀ             | 20:2011/HTHHGi |  |
| 4968 | Thức ăn đậm đặc dùng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                              | HT-CÁM MEN         | 21:2011/HTHHGi |  |
| 4969 | Chế phẩm sinh học dùng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                            | HT-MEN TIỂU HÓA    | 22:2011/HTHHGi |  |
| 4970 | Chế phẩm sinh học dùng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                            | HT-MEN SỐNG        | 23:2011/HTHHGi |  |
| 4971 | Chế phẩm sinh học dùng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                            | HAZYME P           | 24:2011/HTHHGi |  |
| 4972 | Chế phẩm sinh học dùng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                            | LACTOBAC           | 25:2011/HTHHGi |  |
| 4973 | Chế phẩm sinh học dùng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                            | EMP BIO&BZT        | 26:2011/HTHHGi |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Mỹ Phú</b><br/> Địa chỉ: 67, Quốc lộ 61, ấp 1, xã Thanh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.<br/> Điện thoại: 0918 830 126</p> |                    |                |  |

|      |                                                                                                                                                                                                |                 |               |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--|
| 4974 | Premix vitamin, khoáng cho gia cầm                                                                                                                                                             | MP – SIÊU TRỨNG | 01:2011/MPHGi |  |
| 4975 | Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                        | MP - VITAMIX    | 02:2011/MPHGi |  |
| 4976 | Premix vitamin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                               | CORBIC 10%      | 03:2011/MPHGi |  |
| 4977 | Premix vitamin, acid amin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                    | GLUCANPHOS      | 04:2011/MPHGi |  |
| 4978 | Premix khoáng, acid amin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                     | CANXI - AMIN    | 05:2011/MPHGi |  |
| 4979 | Premix khoáng, acid amin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                     | SUPER MEAT      | 06:2011/MPHGi |  |
| 4980 | Premix vitamin, khoáng, acid amin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                            | BỘT ỦM GIA CẦM  | 07:2011/MPHGi |  |
| 4981 | Premix khoáng dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                                | MP – ĐIỆN GIẢI  | 08:2011/MPHGi |  |
| 4982 | Premix khoáng, acid amin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                     | SẮT – AMIN      | 09:2011/MPHGi |  |
| 4983 | Premix khoáng, vitamin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                       | TCP - MILK      | 10:2011/MPHGi |  |
| 4984 | Premix vitamin, acid amin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                    | MP - ANTOVIT    | 11:2011/MPHGi |  |
| 4985 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                            | MPT - BIO       | 12:2011/MPHGi |  |
| 4986 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                            | BIO - PROTIC    | 13:2011/MPHGi |  |
| 4987 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                            | MP - SOTIBAC    | 14:2011/MPHGi |  |
| 4988 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                            | MP - SOTIZYME   | 15:2011/MPHGi |  |
| 4989 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                            | MP - SUBTYL     | 16:2011/MPHGi |  |
| 4990 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                            | B.A.S           | 17:2011/MPHGi |  |
| 4991 | Premix vitamin, khoáng, Oxytetracyclin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                       | MP - OXIFAC     | 18:2011/MPHGi |  |
| 4992 | Premix vitamin, khoáng, Chlotetracyclin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                      | MP - TRAXIN     | 19:2011/MPHGi |  |
| 4993 | Phụ gia thức ăn cho vật nuôi (acid hữu cơ)                                                                                                                                                     | MP - ORACID     | 20:2011/MPHGi |  |
| 4994 | Phụ gia thức ăn cho vật nuôi (ngũ cốc lên men)                                                                                                                                                 | MP - PROTIZYME  | 21:2011/MPHGi |  |
| 4995 | Phụ gia thức ăn cho vật nuôi (ngũ cốc lên men)                                                                                                                                                 | MP - SAZYME     | 22:2011/MPHGi |  |
|      | <p style="text-align: center;"><b>Công ty TNHH Thanh Khôi</b><br/> Địa chỉ: 724A, Ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, Hậu Giang.<br/> Tel: 07113.848661. Fax; 07113.848.925.</p> |                 |               |  |

|      |                                                                                                                                                                                |                     |               |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|--|
| 4996 | Mỡ cá tra                                                                                                                                                                      | MCT                 | 06:2010/TK HG |  |
| 4997 | Bột cá tra                                                                                                                                                                     | BCT                 | 07:2010/TK HG |  |
| 4998 | Cám ướt sấy                                                                                                                                                                    | CUS                 | 08:2011/TK HG |  |
| 4999 | Cám khô sấy                                                                                                                                                                    | CKS                 | 09:2011/TK HG |  |
|      | <b>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Trí Hưng</b><br>Địa chỉ: Ấp Láng Hần, xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, Hậu Giang.<br>Tel: 07113.936080. Fax: 07113936117. |                     |               |  |
| 5000 | Bột cá                                                                                                                                                                         |                     | 01:2010/TH-FM |  |
| 5001 | Mỡ cá                                                                                                                                                                          |                     | 02:2010/TH-FO |  |
|      | <b>Công ty TNHH VS</b><br>Địa chỉ: Số 206, Quốc lộ 61, Phú Khởi, Thạnh Hòa, Phụng Hiệp, Hậu Giang.<br>Điện thoại: 07113.936677. Fax: 07113.936677.                             |                     |               |  |
| 5002 | Premix vitamin, khoáng cho gia cầm                                                                                                                                             | VS – TĂNG TRỨNG     | 01:2011/VSHGi |  |
| 5003 | Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi                                                                                                                                        | VS – SUPER LEAN     | 02:2011/VSHGi |  |
| 5004 | Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi                                                                                                                                        | VS – CHỐNG CÒI      | 03:2011/VSHGi |  |
| 5005 | Premix vitamin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                               | LAROS - C           | 04:2011/VSHGi |  |
| 5006 | Premix vitamin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                               | AD3E - BIOTIN       | 05:2011/VSHGi |  |
| 5007 | Premix khoáng, vitamin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                       | CALPHOMIX           | 06:2011/VSHGi |  |
| 5008 | Premix khoáng dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                | ORGA – MIN 1        | 07:2011/VSHGi |  |
| 5009 | Premix khoáng dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                | ORGA- MIN 2         | 08:2011/VSHGi |  |
| 5010 | Premix khoáng dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                | ORGA- MIN 3         | 09:2011/VSHGi |  |
| 5011 | Premix vitamin dùng cho vật nuôi                                                                                                                                               | AD3E - BCOMPLEX     | 10:2011/VSHGi |  |
| 5012 | Premix khoáng dùng cho vật nuôi                                                                                                                                                | VS - ELECTROLYTE    | 11:2011/VSHGi |  |
| 5013 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                            | FORZYME             | 12:2011/VSHGi |  |
| 5014 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                            | VS - LACTOCIN       | 13:2011/VSHGi |  |
| 5015 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                            | VS - LACTO SKIP     | 14:2011/VSHGi |  |
| 5016 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                            | VS – YUCCA (Liquid) | 15:2011/VSHGi |  |
| 5017 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                            | NUTRAFITO 100       | 16:2011/VSHGi |  |
| 5018 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                            | ODOCEA 30 (Liquid)  | 17:2011/VSHGi |  |
| 5019 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                            | NUTRAZYME           | 18:2011/VSHGi |  |
| 5020 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                            | NUTRAMIX            | 19:2011/VSHGi |  |
| 5021 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                            | NUTRAFITO 500       | 20:2011/VSHGi |  |

|      |                                                                                                                                                                                   |                   |               |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|--|
| 5022 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                               | NUTRAFITO PLUS VS | 21:2011/VSHGi |  |
| 5023 | Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi                                                                                                                                               | ODOCEA 20         | 22:2011/VSHGi |  |
|      | <b>Công ty Cổ phần Dinh dưỡng quốc tế AG</b><br>Địa chỉ: 9C, Dãy A, ngõ 61/10 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.<br>Điện thoại: 04.36364945. Fax: 04.36364944. |                   |               |  |
| 5024 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho heo thịt từ tập ăn - xuất bán                                                                                                                         | D.911             | AG-HN-/01/09  |  |
| 5025 | Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ tập ăn – 20kg                                                                                                                                      | D.921             | AG-HN-/02/09  |  |
| 5026 | Thức ăn hỗn hợp cho heo lai từ 20 -50kg                                                                                                                                           | D.925             | AG-HN-/03/09  |  |
| 5027 | Thức ăn hỗn hợp cho heo siêu nạc từ 20 50kg                                                                                                                                       | D.922             | AG-HN-/04/09  |  |
| 5028 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai                                                                                                                                             | D.927             | AG-HN-/05/09  |  |
| 5029 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con                                                                                                                                              | D.928             | AG-HN-/06/09  |  |
| 5030 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1ngày - xuất bán                                                                                                                                   | D.611             | AG-HN-/07/09  |  |
| 5031 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 1-14 ngày                                                                                                                                         | D.621             | AG-HN-/08/09  |  |
| 5032 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 15-28 ngày                                                                                                                                        | D.622             | AG-HN-/09/09  |  |
| 5033 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 29-42 ngày                                                                                                                                        | D.623             | AG-HN-/10/09  |  |
| 5034 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 43-xuất bán                                                                                                                                       | D.624             | AG-HN-/11/09  |  |
| 5035 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1-35 ngày                                                                                                                                      | D.625             | AG-HN-/12/09  |  |
| 5036 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 36-xuất bán                                                                                                                                    | D.626             | AG-HN-/13/09  |  |
| 5037 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 8-18 tuần tuổi                                                                                                                                   | D.627             | AG-HN-/14/09  |  |
| 5038 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng                                                                                                                                              | D.628             | AG-HN-/15/09  |  |
| 5039 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ 15Kg-xuất bán                                                                                                                                          | D.912             | AG-HN-/16/09  |  |
| 5040 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 01-21 ngày                                                                                                                                   | D.821             | AG-HN-/17/09  |  |
| 5041 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 22-xuất bán                                                                                                                                  | D.822             | AG-HN-/18/09  |  |
| 5042 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 1-xuất bán                                                                                                                                   | D.825             | AG-HN-/19/09  |  |

|      |                                                                                                                                                                          |                                    |              |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------|--|
| 5043 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ siêu trứng                                                                                                                              | D.828                              | AG-HN-/20/09 |  |
| 5044 | Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị                                                                                                                                           | D.521                              | AG-HN-/21/09 |  |
| 5045 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ                                                                                                                                               | D.522                              | AG-HN-/22/09 |  |
|      | <b>Doanh nghiệp tư nhân Trung tâm Ba Vì</b><br>Địa chỉ: Số 7A3, phố Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội.<br>Điện thoại: 04.38216463. Fax: 04.36879027. |                                    |              |  |
| 5046 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cảnh                                                                                                                                            | Cám trứng                          | 01-2011/BVHN |  |
|      | <b>Công ty TNHH Biomin Việt Nam</b><br>Địa chỉ: Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội<br>Tel: 04.3 876 5632. Fax: 04.3 876 5748.                                  |                                    |              |  |
| 5047 | Premix vitamin-khoáng cho vịt đẻ                                                                                                                                         | BA 115 HP                          | 01:2009/BVC  |  |
| 5048 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi đặc biệt cho lợn                                                                                                                          | PIG MINERAL<br>PREMIX NH 01        | 01:2010/BVC  |  |
| 5049 | Premix vitamin-khoáng cho vịt đẻ                                                                                                                                         | BA 115 C                           | 02:2009/BVC  |  |
| 5050 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho gà thịt                                                                                                                               | POULTRY<br>MINERAL<br>PREMIX NH 02 | 02:2010/BVC  |  |
| 5051 | Premix đặc biệt vitamin-khoáng cho lợn thịt                                                                                                                              | BA 133 C                           | 03:2009/BVC  |  |
| 5052 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi đặc biệt cho lợn thịt                                                                                                                     | PREMIX BA 133<br>CPX 04/10         | 03:2010/BVC  |  |
| 5053 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho gia súc                                                                                                                               | BA131 CPX 03/11<br>AUF             | 03:2011/BVC  |  |
| 5054 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho heo con                                                                                                                               | DH 100 CPX<br>04/11                | 04:2011/BVC  |  |
| 5055 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thịt                                                                                                                                       | BA 132 C                           | 05:2009/BVC  |  |
| 5056 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho gia cầm đẻ                                                                                                                            | EH 21                              | 06:2009/BVC  |  |
| 5057 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho gà giò                                                                                                                                | EH 22                              | 07:2009/BVC  |  |
| 5058 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho vịt đẻ                                                                                                                                | BIO 648                            | 08:2009/BVC  |  |
| 5059 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho gà đẻ, cút đẻ                                                                                                                         | BIO 3483                           | 09:2009/BVC  |  |
| 5060 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho vịt thịt                                                                                                                              | BIO 628                            | 10:2009/BVC  |  |
| 5061 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho lợn thịt                                                                                                                              | BA 133 WH                          | 10:2010/BVC  |  |
| 5062 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho heo thịt                                                                                                                              | BIO 128                            | 11:2009/BVC  |  |
| 5063 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi đặc biệt cho lợn thịt                                                                                                                     | BA 133 CPX<br>07/10 VP             | 11:2010/BVC  |  |
| 5064 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi đặc biệt cho lợn thịt                                                                                                                     | BA 133 HP                          | 12:2009/BVC  |  |

|      |                                                              |                      |             |  |
|------|--------------------------------------------------------------|----------------------|-------------|--|
| 5065 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi đặc biệt cho lợn thịt         | PREMIX AFC-31230 PIG | 13:2010/BVC |  |
| 5066 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho gà thịt                   | BIO 2180             | 16:2010/BVC |  |
| 5067 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho khỉ                       | Premix CPX 18/11-NH  | 18:2011/BVC |  |
| 5068 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho vịt đẻ                    | 7620_DUCK LAYER CPX  | 20:2010/BVC |  |
| 5069 | Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi cho lợn thịt                  | BA133 CPX HL 09/10   | 27:2010/BVC |  |
| 5070 | Premix vitamin-khoáng cho gà úm                              | BA 111               | BV HN 01/03 |  |
| 5071 | Premix vitamin-khoáng cho gà thịt 1-21 ngày tuổi             | VBS 10 Profi         | BV HN 01/05 |  |
| 5072 | Premix vitamin-khoáng cho vịt đẻ                             | BA 115               | BV HN 01/06 |  |
| 5073 | Premix vitamin-khoáng cho vịt đẻ trứng thương phẩm           | BA 113 CPX/TL        | BV HN 01/07 |  |
| 5074 | Premix vitamin-khoáng cho heo nái chua                       | DABACO-NAI CHUA      | BV HN 01/08 |  |
| 5075 | Premix vitamin cho vịt đẻ                                    | Premix HV CPX 03/09  | BV HN 01/09 |  |
| 5076 | Premix vitamin-khoáng cho gà thịt                            | BA 112               | BV HN 02/03 |  |
| 5077 | Premix vitamin-khoáng cho gà thịt 22-36 ngày tuổi            | VBS 11 Profi         | BV HN 02/05 |  |
| 5078 | Premix vitamin-khoáng đặc biệt cho lợn thịt                  | Thăng Long Super Mix | BV HN 02/06 |  |
| 5079 | Premix vitamin-khoáng cho heo thịt                           | BA 133 CPX VINA      | BV HN 02/07 |  |
| 5080 | Premix vitamin-khoáng cho heo nái hậu bị                     | DABACO-NAI HAU BI    | BV HN 02/08 |  |
| 5081 | Premix vitamin cho vịt thịt                                  | Premix HV CPX 04/09  | BV HN 02/09 |  |
| 5082 | Premix vitamin-khoáng cho gà đẻ trứng thương phẩm            | BA 113               | BV HN 03/03 |  |
| 5083 | Premix vitamin-khoáng cho gà thịt 37 ngày tuổi - xuất chuồng | VBS 12 Profi         | BV HN 03/05 |  |
| 5084 | Premix vitamin-khoáng đặc biệt cho lợn thịt                  | Biomin Super Red     | BV HN 03/06 |  |
| 5085 | Premix vitamin-khoáng cho vịt đẻ                             | BA 115-VFC           | BV HN 03/07 |  |
| 5086 | Premix vitamin-khoáng cho heo nái nuôi con                   | DABACO-NAI NUOI CON  | BV HN 03/08 |  |
| 5087 | Premix vitamin cho gà thịt                                   | Premix HV CPX 05/09  | BV HN 03/09 |  |
| 5088 | Premix vitamin-khoáng cho gà giống hậu bị                    | BA 120               | BV HN 04/03 |  |

|      |                                                             |                             |             |  |
|------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|--|
| 5089 | Premix vitamin-khoáng cho gà đẻ trứng hậu bị và thương phẩm | VBS 15 Profi                | BV HN 04/05 |  |
| 5090 | Premix vitamin-khoáng cho gà thịt                           | BA 112 CPX                  | BV HN 04/06 |  |
| 5091 | Premix vitamin-khoáng cho heo đực giống                     | PREMIX-DABACO HEO DUC GIONG | BV HN 04/07 |  |
| 5092 | Premix vitamin-khoáng cho lợn con 5-15 kg                   | BA 131/DABACO               | BV HN 04/08 |  |
| 5093 | Premix vitamin-khoáng cho heo thịt                          | DUPREMIX-VIC CPX 01/09      | BV HN 04/09 |  |
| 5094 | Premix vitamin-khoáng cho gà đẻ trứng giống                 | BA 122                      | BV HN 05/03 |  |
| 5095 | Premix vitamin-khoáng cho vịt đẻ hậu bị và thương phẩm      | VBS 16 Profi                | BV HN 05/05 |  |
| 5096 | Premix vitamin-khoáng cho gà đẻ trứng thương phẩm           | BA113 CPX                   | BV HN 05/06 |  |
| 5097 | Premix vitamin-khoáng cho heo nái hậu bị                    | PREMIX-DABACO NAI HAU BI    | BV HN 05/07 |  |
| 5098 | Premix vitamin-khoáng cho vịt con                           | EH 111                      | BV HN 05/08 |  |
| 5099 | Premix vitamin cho lợn                                      | Premix HV CPX 02/09         | BV HN 05/09 |  |
| 5100 | Premix vitamin-khoáng cho lợn con 5kg-15kg                  | BA 131                      | BV HN 06/03 |  |
| 5101 | Premix vitamin-khoáng cho lợn tập ăn đến cai sữa            | VBS 30 Profi                | BV HN 06/05 |  |
| 5102 | Premix vitamin-khoáng cho lợn con từ 5 kg đến 15 kg         | BA131 CPX                   | BV HN 06/06 |  |
| 5103 | Premix vitamin-khoáng cho heo nái nuôi con                  | PREMIX-DABACO NAI NUOI CON  | BV HN 06/07 |  |
| 5104 | Premix khoáng cho gia cầm                                   | Premix AFC-2000 Poultry     | BV HN 06/09 |  |
| 5105 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thịt                          | BA 132                      | BV HN 07/03 |  |
| 5106 | Premix vitamin-khoáng cho lợn con từ 5 đến 25 kg            | VBS 31 Profi                | BV HN 07/05 |  |
| 5107 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thịt                          | BA134 CPX                   | BV HN 07/06 |  |
| 5108 | Premix vitamin-khoáng cho heo nái chữa                      | PREMIX-DABACO NAI CHUA      | BV HN 07/07 |  |
| 5109 | Premix vitamin cho gia cầm                                  | Premix AFC-21270 Poultry    | BV HN 07/09 |  |
| 5110 | Premix vitamin-khoáng đặc biệt cho lợn thịt                 | BA 133                      | BV HN 08/03 |  |

|      |                                                                     |                        |             |  |
|------|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|--|
| 5111 | Premix vitamin-khoáng cho lợn từ 15 kg đến xuất chuồng              | VBS 32 Profi           | BV HN 08/05 |  |
| 5112 | Premix vitamin-khoáng cho lợn giống                                 | BA140 CPX              | BV HN 08/06 |  |
| 5113 | Premix vitamin-khoáng cho gà, vịt thịt                              | TB CPX 02/07           | BV HN 08/07 |  |
| 5114 | Premix vitamin cho lợn                                              | Premix AFC-31230 Pig   | BV HN 08/09 |  |
| 5115 | Premix vitamin-khoáng cho lợn giống                                 | BA 140                 | BV HN 09/03 |  |
| 5116 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thịt từ 25 kg đến xuất chuồng         | VBS 33 Profi           | BV HN 09/05 |  |
| 5117 | Premix vitamin-khoáng cho vịt đẻ hậu bị và thương phẩm              | Biomin VBS 16 PG Profi | BV HN 09/06 |  |
| 5118 | Premix vitamin-khoáng cho gà, vịt đẻ                                | TB CPX 03/07           | BV HN 09/07 |  |
| 5119 | Premix khoáng cho lợn                                               | Premix AFC-3000 Pig    | BV HN 09/09 |  |
| 5120 | Premix vitamin-khoáng cho vịt siêu thịt                             | BA 151                 | BV HN 10/03 |  |
| 5121 | Premix vitamin-khoáng cho lợn nọc và lợn nái nuôi con               | VBS 40 Profi           | BV HN 10/05 |  |
| 5122 | Premix vitamin-khoáng cho gà đẻ trứng thương phẩm                   | Biomin VBS 15 PG Profi | BV Hn 10/06 |  |
| 5123 | Premix vitamin cho ngan vịt                                         | Premix AFC-41240 Duck  | BV HN 10/09 |  |
| 5124 | Premix vitamin-khoáng cho ngan thịt và vịt thịt                     | BA 171                 | BV HN 11/03 |  |
| 5125 | Premix vitamin-khoáng cho lợn nái mang thai đến trước khi đẻ 1 tuần | VBS 41 Profi           | BV HN 11/05 |  |
| 5126 | Premix vitamin cho heo                                              | Premix Sunfeed 01-06   | BV HN 11/06 |  |
| 5127 | Premix vitamin-khoáng cho bò sữa                                    | BA 181                 | BV HN 12/03 |  |
| 5128 | Premix vitamin-khoáng cho vịt thịt từ lúc mới nở đến xuất chuồng    | VBS 71 Profi           | BV HN 12/05 |  |
| 5129 | Premix vitamin cho heo giống                                        | Premix Sunfeed 02-06   | BV HN 12/06 |  |
| 5130 | Premix vitamin-khoáng cho gà thịt                                   | BA 211                 | BV HN 13/03 |  |
| 5131 | Premix vitamin-khoáng cho lợn con tập ăn đến 15 kg                  | VBS 80 Jumbo           | BV HN 13/05 |  |
| 5132 | Premix vitamin cho gia cầm đẻ                                       | Premix Sunfeed 03-06   | BV HN 13/06 |  |
| 5133 | Premix vitamin-khoáng cho gà đẻ trứng thương phẩm                   | BA 213                 | BV HN 14/03 |  |
| 5134 | Premix vitamin-khoáng cho lợn con từ 5 kg đến 25 kg                 | VBS 81 Jumbo           | BV HN 14/05 |  |

|      |                                                                                                                                                                    |                                 |              |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|--|
| 5135 | Premix vitamin cho heo con, heo choai, heo vỗ béo                                                                                                                  | EH61.<br>Customermix            | BV HN 14/06  |  |
| 5136 | Premix vitamin-khoáng cho lợn con tập ăn                                                                                                                           | BA 231                          | BV HN 15/03  |  |
| 5137 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thịt từ 25 kg đến xuất chuồng                                                                                                        | VBS 83 Jumbo                    | BV HN 15/05  |  |
| 5138 | Premix vitamin cho gà thịt                                                                                                                                         | EH63.<br>Customermix            | BV HN 15/06  |  |
| 5139 | Premix vitamin-khoáng cho lợn con                                                                                                                                  | BA 233                          | BV HN 16/03  |  |
| 5140 | Premix vitamin-khoáng cho lợn nọc và lợn nái nuôi con                                                                                                              | VBS 88 Jumbo                    | BV HN 16/05  |  |
| 5141 | Premix vitamin-khoáng cho lợn choai                                                                                                                                | BS 135 Super Mix                | BV HN 16/06  |  |
| 5142 | Premix vitamin-khoáng cho lợn giống                                                                                                                                | BA 240                          | BV HN 17/03  |  |
| 5143 | Premix vitamin-khoáng cho lợn nái mang thai cho đến trước khi đẻ một tuần                                                                                          | VBS 89 Jumbo                    | BV HN 17/05  |  |
| 5144 | Premix vitamin-khoáng đặc biệt cho lợn thịt                                                                                                                        | BA 133                          | BV HN 17/06  |  |
| 5145 | Premix vitamin-khoáng cho lợn con từ 5-15 kg                                                                                                                       | NAMDUNG-CPX<br>01/04            | BV HN 18/05  |  |
| 5146 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thương phẩm                                                                                                                          | NAMDUNG-CPX<br>02/04            | BV HN 19/05  |  |
| 5147 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thịt siêu nạc                                                                                                                        | NAMDUNG-CPX<br>04/04            | BV HN 20/05  |  |
| 5148 | Premix vitamin-khoáng cho gà úm từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                              | NAMDUNG-CPX<br>06/04            | BV HN 21/05  |  |
| 5149 | Premix vitamin-khoáng cho lợn giống                                                                                                                                | NAMDUNG-CPX<br>07/04            | BV HN 22/05  |  |
| 5150 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thịt                                                                                                                                 | BA 134                          | BV HN 23/05  |  |
| 5151 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thịt                                                                                                                                 | SUNFEED-<br>PREMIX CPX<br>01/04 | BV HN 24/05  |  |
| 5152 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thịt                                                                                                                                 | VIC PREMIX-CPX<br>08/03         | BV HN 25/05  |  |
| 5153 | Premix vitamin-khoáng cho lợn thịt                                                                                                                                 | ĐỒNG HIỆP CPX<br>01/04          | BV HN 26/05  |  |
| 5154 | Premix vitamin-khoáng cho heo nái                                                                                                                                  | ĐỒNG HIỆP CPX<br>02/04          | BV HN 27/05  |  |
|      | <b>Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam - Chi nhánh Xuân Mai Hà Nội</b><br>Địa chỉ: Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội.<br>Điện thoại: 0433.840.501. Fax: 0433.840.416. |                                 |              |  |
| 5155 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn sữa (7 ngày - 6 tuần tuổi)                                                                                                       | 550S                            | 01:2010/CPHN |  |

|      |                                                                                          |                                              |              |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------|--|
| 5156 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn con tập ăn (7 ngày tuổi - 15 kg thể trọng)             | 551, 951, HT11, 9651, 8651                   | 02:2010/CPHN |  |
| 5157 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn con tập ăn (5 kg - 20 kg thể trọng)                    | 6551                                         | 03:2010/CPHN |  |
| 5158 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt (15 kg - 30 kg thể trọng)                         | 552, 952, HT12, 9652, 8652                   | 04:2010/CPHN |  |
| 5159 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt (20 kg - 70 kg thể trọng)                         | 552M, 952M, HT12M, 9652M, 8652M              | 05:2010/CPHN |  |
| 5160 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt siêu nạc (20 kg - 40 kg thể trọng)                | 552S, 952S, HT12S, 9652S, 8652S              | 06:2010/CPHN |  |
| 5161 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt siêu nạc (40 kg - xuất chuồng)                    | 553S, 953S, HT13S, 9653S, 8653S              | 07:2010/CPHN |  |
| 5162 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt (30 kg - 60 kg thể trọng)                         | 553, 953, HT13, 9653, 8653                   | 08:2010/CPHN |  |
| 5163 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt (60 kg - xuất chuồng)                             | 554, 954, HT14, 9654, 8654                   | 09:2010/CPHN |  |
| 5164 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt (30 kg - xuất chuồng)                             | 555                                          | 10:2010/CPHN |  |
| 5165 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn giống (40 kg - 110 kg thể trọng)                       | 562                                          | 11:2010/CPHN |  |
| 5166 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn giống (80 kg - 110 kg thể trọng)                       | 563                                          | 12:2010/CPHN |  |
| 5167 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn đực (3 tuần tuổi trước khi khai thác - loại thải)      | 568                                          | 13:2010/CPHN |  |
| 5168 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chửa (sau phối giống - 2 tuần trước khi đẻ)        | 566, 966, HG 16, 9666, 8666                  | 14:2010/CPHN |  |
| 5169 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con (2 tuần trước khi đẻ - cai sữa)           | 567, 967, HG17, 9667, 8667                   | 15:2010/CPHN |  |
| 5170 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con giống tốt (2 tuần trước khi đẻ - cai sữa) | 567S                                         | 16:2010/CPHN |  |
| 5171 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt (5 kg thể trọng - xuất chuồng)                     | 150S, 1500, 750S (CĐ01), HT20S, 9250S, 8250S | 17:2010/CPHN |  |
| 5172 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt (5 kg thể trọng - xuất chuồng)                     | 150M, 750M (CĐ02), HT20M, 9250M, 8250M       | 18:2010/CPHN |  |
| 5173 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt (5 kg thể trọng - xuất chuồng)                     | 150, 750 (CĐ03), HT20, 9250, 8250            | 19:2010/CPHN |  |
| 5174 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt (5 kg thể trọng - xuất chuồng)                     | 151, 151SN, 751, HT21, 9251, 8251            | 20:2010/CPHN |  |

|      |                                                                                   |                                                   |              |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------|--|
| 5175 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái chữa                                         | 156                                               | 21:2010/CPHN |  |
| 5176 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái chữa và nái nuôi con                         | 157, 757, HG27, 9257, 8257                        | 22:2010/CPHN |  |
| 5177 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai (15 kg - 30 kg thể trọng)                   | 552L, 952L, HL12, 9652L, 8652A                    | 23:2010/CPHN |  |
| 5178 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai (15 kg - 30 kg thể trọng)                   | 553L, 953L, HL13, 9653L, 8653A                    | 24:2010/CPHN |  |
| 5179 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai (30 kg thể trọng - xuất chuồng)             | 554L, 954L, HL14, 9654L, 8654A                    | 25:2010/CPHN |  |
| 5180 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa (sau phối giống - đẻ)                  | 566L                                              | 26:2010/CPHN |  |
| 5181 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con                                    | 567L                                              | 27:2010/CPHN |  |
| 5182 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai (20 kg - 50 kg thể trọng)                   | F1                                                | 28:2010/CPHN |  |
| 5183 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai (20 kg - xuất chuồng)                       | F2                                                | 29:2010/CPHN |  |
| 5184 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt (1 ngày - xuất chuồng)                       | 113, 713, GT 23, 9213, 8213                       | 30:2010/CPHN |  |
| 5185 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt (21 ngày - xuất chuồng)                      | 114                                               | 31:2010/CPHN |  |
| 5186 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt (1 ngày - 14 ngày tuổi)                     | 510, 910, GT 11, 9610, 8610                       | 32:2010/CPHN |  |
| 5187 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt (15 ngày - 21 ngày tuổi)                    | 511A, 911A, GT12A, 9611A, 8611A                   | 33:2010/CPHN |  |
| 5188 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt (22 ngày - 42 ngày tuổi)                    | 511C, 911C, GT12C, 9611C, 8611C                   | 34:2010/CPHN |  |
| 5189 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt (22 ngày - 42 ngày tuổi)                    | 511, 911, GT12, 9611, 8611                        | 35:2010/CPHN |  |
| 5190 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt vỗ béo (43 ngày - 7 ngày trước khi bán)     | 512, 912                                          | 36:2010/CPHN |  |
| 5191 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt (7 ngày trước khi xuất chuồng)              | 513, 913, GT13, 9613, 8613                        | 37:2010/CPHN |  |
| 5192 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt lông màu (1 ngày - 4 tuần tuổi)             | 0510L                                             | 38:2010/CPHN |  |
| 5193 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên / dạng mảnh cho gà lông màu (4 tuần tuổi - xuất chuồng) | 0511L, 0511L(M), 0511L(S), 911L, 911L(M), 911L(S) | 39:2010/CPHN |  |

|      |                                                                               |                                 |              |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|--|
| 5194 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt lông màu vổ béo (1 tuần trước khi bán)  | 0513L                           | 40:2010/CPHN |  |
| 5195 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ (9 - 18 tuần tuổi)                         | 122                             | 41:2010/CPHN |  |
| 5196 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ (19 tuần tuổi - loại)                      | 124                             | 42:2010/CPHN |  |
| 5197 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ (19 tuần tuổi - loại)                      | 126                             | 43:2010/CPHN |  |
| 5198 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ (1 ngày - 8 tuần tuổi)                    | 0521                            | 44:2010/CPHN |  |
| 5199 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ (9 tuần - 18 tuần tuổi)                   | 0522                            | 45:2010/CPHN |  |
| 5200 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ (9 tuần - 18 tuần tuổi)                   | 523NP                           | 46:2010/CPHN |  |
| 5201 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh / dạng viên cho gà đẻ (19 tuần tuổi - loại thải)    | 524, 924, GD13, 9624, 8624      | 47:2010/CPHN |  |
| 5202 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ trứng thương phẩm                         | 524A, 924A, GD13A, 9624A, 8624A | 48:2010/CPHN |  |
| 5203 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ (52 tuần - loại thải)                     | 525                             | 49:2010/CPHN |  |
| 5204 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ trứng thương phẩm                         | 026                             | 50:2010/CPHN |  |
| 5205 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà bố mẹ giống trứng (20 tuần tuổi - loại)      | 524BR                           | 51:2010/CPHN |  |
| 5206 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà bố mẹ giống thịt (1 ngày - 4 tuần tuổi)      | 531                             | 52:2010/CPHN |  |
| 5207 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà bố mẹ giống thịt (5 tuần - 22 tuần tuổi)     | 532                             | 53:2010/CPHN |  |
| 5208 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà bố mẹ giống thịt (18 - 23 tuần tuổi)         | 532NP                           | 54:2010/CPHN |  |
| 5209 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà bố mẹ giống thịt (23 tuần tuổi - loại)       | 534                             | 55:2010/CPHN |  |
| 5210 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà trống bố mẹ giống thịt (23 tuần tuổi - loại) | 535                             | 56:2010/CPHN |  |
| 5211 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho chim cú con (1 ngày - 35 ngày tuổi)              | 0301                            | 57:2010/CPHN |  |
| 5212 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho chim cú đẻ                                       | 0302A                           | 58:2010/CPHN |  |
| 5213 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho chim cú đẻ                                       | 0302                            | 59:2010/CPHN |  |
| 5214 | Thức ăn đậm đặc dạng viên cho ngan, vịt đẻ (20 tuần tuổi - loại)              | 144, 744, VD24, 9244, 8244      | 60:2010/CPHN |  |

|      |                                                                                                                                                                      |                                 |                |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------|--|
| 5215 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt đẻ (20 tuần tuổi - loại)                                                                                                     | 544, 944, VĐ14, 9644, 8644      | 61:2010/CPHN   |  |
| 5216 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt (1ngày - 21 ngày tuổi)                                                                                                  | 0548                            | 62:2010/CPHN   |  |
| 5217 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt (22 ngày tuổi - bán)                                                                                                    | 0549                            | 63:2010/CPHN   |  |
| 5218 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt (1ngày - 21 ngày tuổi)                                                                                                  | 0548L                           | 64:2010/CPHN   |  |
| 5219 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt (22 ngày tuổi - xuất bán)                                                                                               | 549L, 949L, VT13L, 9649L, 8649L | 65:2010/CPHN   |  |
| 5220 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò sữa cao sản (21 ngày trước khi đẻ - 3 tháng sau khi đẻ)                                                                             | 581                             | 66:2010/CPHN   |  |
| 5221 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò sữa                                                                                                                                 | 584                             | 67:2010/CPHN   |  |
| 5222 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò sữa (2 tháng trước khi cai sữa)                                                                                                     | 585                             | 68:2010/CPHN   |  |
| 5223 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò sữa (1 ngày - 3 tháng tuổi)                                                                                                         | 073                             | 69:2010/CPHN   |  |
| 5224 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò sữa                                                                                                                                 | 005                             | 70:2010/CPHN   |  |
| 5225 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò thịt (150 kg - 300 kg)                                                                                                              | 593                             | 71:2010/CPHN   |  |
| 5226 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò, dê, cừu thịt vỗ béo                                                                                                                | 595                             | 72:2010/CPHN   |  |
| 5227 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà chọi (1 ngày tuổi trở lên)                                                                                                          | A10                             | 73:2010/CPHN   |  |
| 5228 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò hậu bị (từ 9 - 24 tháng tuổi)                                                                                                       | 005(TH)                         | 74:2010/CPHN   |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao</b><br/> Địa chỉ: Cụm CN Trường An, An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.<br/> Điện thoại/ Fax: 04.3 8685558.</p> |                                 |                |  |
| 5229 | Bổ sung Vitamin, axit amin, các chất bổ dưỡng cho gia súc (dạng nước)                                                                                                | MORIMIN                         | 01:2010/Hitech |  |
| 5230 | Bổ sung Vitamin, axit amin men vi sinh cho gia súc, gia cầm.                                                                                                         | BIO - BUMINVIT                  | 02:2010/Hitech |  |
| 5231 | Bổ sung Vitamin và điện giải cho gia súc, gia cầm                                                                                                                    | GUM - PLUS                      | 03:2010/Hitech |  |
| 5232 | Bổ sung Vitamin C và Anagin bồi bổ sức khỏe, hạ nhiệt cho gia súc, gia cầm                                                                                           | ANAGIN +C                       | 04:2010/Hitech |  |
| 5233 | Bổ sung Vitamin C, điện giải, axit amin cho gia súc, gia cầm                                                                                                         | ĐIỆN GIẢI ACIMIN K+C            | 05:2010/Hitech |  |

|      |                                                                                                                                                              |                       |                |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------|--|
| 5234 | Bổ sung Vitamin K+C điện giải cho gia súc, gia cầm                                                                                                           | GLUCO K+C             | 06:2010/Hitech |  |
| 5235 | Bổ sung Vitamin C và các chất tăng cường hô hấp cho gia súc, gia cầm                                                                                         | BROMECIN + C          | 07:2010/Hitech |  |
| 5236 | Bổ sung Vitamin K+C cho gia súc, gia cầm                                                                                                                     | VITAMIN K+C           | 08:2010/Hitech |  |
| 5237 | Bổ sung Vitamin, khoáng và các chất bổ dưỡng cho gia súc, gia cầm                                                                                            | CANXI ADE             | 09:2010/Hitech |  |
| 5238 | Bổ sung Vitamin, axit amin các chất bổ dưỡng cho gia súc, gia cầm (dạng nước)                                                                                | AD <sub>3</sub> E VIT | 10:2010/Hitech |  |
| 5239 | Bổ sung Vitamin, khoáng đa vi lượng cho gia súc, gia cầm.                                                                                                    | KHOÁNG-ĐA VI LƯỢNG    | 11:2010/Hitech |  |
| 5240 | Bổ sung Vitamin, khoáng, oxytetracycline tăng cường sức phòng bệnh cho gia cầm                                                                               | ÚM GIA CẦM            | 12:2010/Hitech |  |
| 5241 | Bổ sung Vitamin tổng hợp cho gia súc, gia cầm.                                                                                                               | MUTIVITA              | 13:2010/Hitech |  |
| 5242 | Bổ sung đường Sorbitol, Atiso giải độc gan thận cho gia súc, gia cầm (dạng nước)                                                                             | BITOL-ACIMIN          | 14:2010/Hitech |  |
| 5243 | Bổ sung men vi sinh, axit amin tăng cường tiêu hóa cho gia súc, gia cầm                                                                                      | LACTO-ACIMIN          | 15:2010/Hitech |  |
| 5244 | Bổ sung men vi sinh tăng cường tiêu hóa, khử mùi hôi chuồng trại cho gia súc, gia cầm                                                                        | PROZYM                | 16:2010/Hitech |  |
| 5245 | Bổ sung Vitamin, khoáng đa vi lượng và các chất bổ dưỡng cho gia súc, gia cầm                                                                                | ANTI-BALI             | 17:2010/Hitech |  |
| 5246 | Bổ sung Vitamin B <sub>2</sub> và các vitamin tổng hợp cho gia súc, gia cầm                                                                                  | BIOTIN-SUPER          | 18:2010/Hitech |  |
| 5247 | Bổ sung Vitamin C cho gia súc, gia cầm                                                                                                                       | VITAMIN C             | 19:2010/Hitech |  |
| 5248 | Bổ sung các Vitamin tổng hợp, các chất bổ dưỡng cho gia súc, gia cầm                                                                                         | POLY-MUTIVIT          | 20:2010/Hitech |  |
| 5249 | Bổ sung các Vitamin tổng hợp cho gia súc, gia cầm                                                                                                            | ADE B-COMPLEX         | 21:2010/Hitech |  |
| 5250 | Bổ sung Vitamin tổng hợp nhóm B cho gia súc, gia cầm                                                                                                         | B-COMPLEX             | 22:2010/Hitech |  |
| 5251 | Bổ sung Vitamin, khoáng, oxytetracycline tăng cường đẻ trứng cho gia cầm                                                                                     | TETRA TRỨNG           | 23:2010/Hitech |  |
| 5252 | Bổ sung Vitamin, Protein cho gia súc, gia cầm                                                                                                                | LACTO-MILK            | 24:2010/Hitech |  |
| 5253 | Bổ sung Enzym, men vi sinh, Vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                     | KENZYM SUPER          | 25:2010/Hitech |  |
|      | <p><b>Công ty Cổ phần Dược phẩm xanh Việt Nam</b></p> <p>Địa chỉ: 186 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 04. 565 9240. Fax : 04. 565 9593.</p> |                       |                |  |

|      |                                                                                                                                                       |                  |               |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|--|
| 5254 | Bổ sung men vi sinh cho gia súc, gia cầm                                                                                                              | BIOLAC           | 05:2011/GRP   |  |
| 5255 | Bổ sung men vi sinh, enzyme và acid hữu cơ cho gia súc, gia cầm.                                                                                      | ACID LAC WAY     | 06:2011/GRP   |  |
| 5256 | Bổ sung men vi sinh, enzyme và vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                           | TURBO PRO        | 07:2011/GRP   |  |
| 5257 | Bổ sung vitamin và điện giải cho gia súc, gia cầm                                                                                                     | TONIC VIT C      | 08:2011/GRP   |  |
| 5258 | Chống nóng, chống stress                                                                                                                              | C.MAX Plus       | 09:2011/GRP   |  |
| 5259 | Chiết xuất men và acid hữu cơ                                                                                                                         | BIOMUN LIQUID    | 10:2011/GRP   |  |
| 5260 | Acid hữu cơ xử lý nguồn nước                                                                                                                          | CLEANOCIDS       | 11:2011/GRP   |  |
| 5261 | Thức ăn bổ sung khoáng đa, vi lượng và vitamin dùng cho gia súc, gia cầm                                                                              | CANXI-VIT        | 12:2011/GRP   |  |
| 5262 | Bột hút ẩm, khử mùi hôi chuồng                                                                                                                        | GOOD FARM        | 13:2011/GRP   |  |
| 5263 | Giải độc, tăng cường chức năng gan, thận                                                                                                              | HEPADETOX Powder | 14:2011/GRP   |  |
| 5264 | Sữa bò đã tách bơ dùng cho chăn nuôi                                                                                                                  | GREEN MILK       | 15:2011/GRP   |  |
| 5265 | Kích thích tiêu hóa                                                                                                                                   | ORGALAC          | 16:2011/GRP   |  |
| 5266 | Men sống và Acid hữu cơ                                                                                                                               | PROSOL           | 17:2011/GRP   |  |
| 5267 | Kích thích tiêu hóa và tăng cường hấp thu thức ăn                                                                                                     | PRO-MIX          | 18:2011/GRP   |  |
| 5268 | Thuốc bột, cung cấp điện giải, vitamin C và acid chanh                                                                                                | ORESOL-C         | 19:2011/GRP   |  |
| 5269 | Thuốc bột, kích thích tính thèm ăn, mau lớn                                                                                                           | B.COMPLEX        | 20:2011/GRP   |  |
| 5270 | Bổ sung khoáng và canxi thiết yếu                                                                                                                     | CANPHOS-P        | 21:2011/GRP   |  |
| 5271 | Giải độc- tăng cường chức năng gan, thận                                                                                                              | TOXY-SOL         | 22:2011/GRP   |  |
|      | <b>Công ty TNHH Dinh Dưỡng Động Vật EH Hà Tây Việt Nam</b><br>Địa chỉ: KCN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội<br>Điện thoại: 04 63264888; Fax: 04 63267401. |                  |               |  |
| 5272 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa (05 ngày-16kg)                                                                            | T-EH-077         | 001:2010/EHHT |  |
| 5273 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn sữa từ 05 ngày – 16kg                                                                                            | T-EH-001         | 002:2011/EHHT |  |
| 5274 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn sữa từ 05 ngày – 16kg                                                                                            | T-EH-002         | 003:2011/EHHT |  |
| 5275 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn sữa từ 05 ngày – 16kg                                                                                            | T-EH-003         | 004:2011/EHHT |  |
| 5276 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn con từ 16kg – 30kg                                                                                               | T-EH-004         | 005:2011/EHHT |  |

|      |                                                                        |           |               |  |
|------|------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|--|
| 5277 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dành cho lợn con từ 16-30KKg                   | T-EH-004A | 006:2010/EHHT |  |
| 5278 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn thịt trên 31kg                    | T-EH 005  | 007:2011/EHHT |  |
| 5279 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn thịt trên 31kg                    | T-EH 006  | 008:2011/EHHT |  |
| 5280 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn nái có chữa                       | T-EH 007  | 009:2011/EHHT |  |
| 5281 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn nái nuôi con                      | T-EH 008  | 010:2011/EHHT |  |
| 5282 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt từ 01 – 20 ngày               | T-EH 810  | 011:2011/EHHT |  |
| 5283 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt từ 21 – 40ngày                | T-EH 811  | 012:2011/EHHT |  |
| 5284 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt sau 41 ngày                   | T-EH 812  | 013:2011/EHHT |  |
| 5285 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu từ 01 – 28 ngày           | T-EH 810L | 014:2011/EHHT |  |
| 5286 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu từ sau 29 ngày            | T-EH 811L | 015:2011/EHHT |  |
| 5287 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu từ 01 ngày đến xuất bán   | T-EH 812L | 016:2011/EHHT |  |
| 5288 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà con từ 01 – 14 ngày                | T-EH-810S | 017:2011/EHHT |  |
| 5289 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt từ 15 – 28 ngày               | T-EH-811S | 018:2011/EHHT |  |
| 5290 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt từ 29 – 42 ngày               | T-EH-812S | 019:2011EHHT  |  |
| 5291 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt sau 43 ngày                   | T-EH-813S | 020:2011EHHT  |  |
| 5292 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà đẻ hậu bị từ 0-6 tuần              | T-EH 806  | 021:2011/EHHT |  |
| 5293 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà đẻ hậu bị từ 7-20 tuần             | T-EH 807  | 022:2011/EHHT |  |
| 5294 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà đẻ sau 20 tuần                     | T-EH 808  | 023:2011/EHHT |  |
| 5295 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt, ngan từ 01-28ngày                | T-EH 710  | 024:2011/EHHT |  |
| 5296 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt, ngan sau 29ngày                  | T-EH 711  | 025:2011/EHHT |  |
| 5297 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt, ngan từ 01ngày tuổi đến xuất bán | T-EH 712  | 026:2011/EHHT |  |

|      |                                                                               |          |               |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|--|
| 5298 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt, ngan đẻ hậu bị từ 01-42 ngày            | T-EH 606 | 027:2011/EHHT |  |
| 5299 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt, ngan đẻ hậu bị sau 43 ngày              | T-EH 607 | 028:2011/EHHT |  |
| 5300 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt, ngan đẻ                                 | T-EH 608 | 029:2011/EHHT |  |
| 5301 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa từ 05 ngày – 16kg | EH-888   | 041:2011/EHHT |  |
| 5302 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn sữa từ 07ngày – 10kg                             | EH-880S  | 042:2011/EHHT |  |
| 5303 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn sữa từ 07ngày – 15kg                             | EH-880   | 043:2011/EHHT |  |
| 5304 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn sữa từ 07ngày – 15kg                             | EH-881   | 044:2011/EHHT |  |
| 5305 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt từ 15kg-30kg                                | EH-882   | 045:2011/EHHT |  |
| 5306 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn con từ 15kg -30kg                                | EH-882A  | 046:2011/EHHT |  |
| 5307 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt trên 30kg                                   | EH-883   | 047:2011/EHHT |  |
| 5308 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt trên 30kg                                   | EH-884   | 048:2011/EHHT |  |
| 5309 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt trên 30kg                                   | EH-8845  | 049:2011/EHHT |  |
| 5310 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái co chửa                                      | EH-866   | 050:2011/EHHT |  |
| 5311 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi con                                     | EH-868   | 051:2011/EHHT |  |
| 5312 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01-21ngày                                 | EH-510   | 052:2011/EHHT |  |
| 5313 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 22-42ngày                                 | EH-511   | 053:2011/EHHT |  |
| 5314 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt sau 43ngày                                   | EH-512   | 054:2011/EHHT |  |
| 5315 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01-21ngày                                 | EH-510L  | 055:2011/EHHT |  |
| 5316 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 22-42ngày                                 | EH-511L  | 056:2011/EHHT |  |
| 5317 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt sau 43ngày                                   | EH-512L  | 057:2011/EHHT |  |
| 5318 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà lông màu từ 1ngày đến xuất chuồng       | EH-233   | 058:2011/EHHT |  |
| 5319 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 01-21 ngày                           | EH-211   | 059:2011/EHHT |  |

|      |                                                                             |         |               |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|--|
| 5320 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 22-42 ngày                         | EH-212  | 060:2011/EHHT |  |
| 5321 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng sau 43 ngày                           | EH-213  | 061:2011/EHHT |  |
| 5322 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 20 tuần                                  | EH-523  | 062:2011/EHHT |  |
| 5323 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà con từ 01 – 14 ngày                     | EH-510S | 063:2011/EHHT |  |
| 5324 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt từ 15 – 28 ngày                    | EH-511S | 064:2011/EHHT |  |
| 5325 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt từ 29 – 42 ngày                    | EH-512S | 065:2011/EHHT |  |
| 5326 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt sau 43 ngày                        | EH-513S | 066:2011/EHHT |  |
| 5327 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan con từ 01-21ngày                         | EH-411  | 067:2011/EHHT |  |
| 5328 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan từ 22-42ngày                             | EH-412  | 068:2011/EHHT |  |
| 5329 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan sau 43ngày                               | EH-413  | 069:2011/EHHT |  |
| 5330 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt sau 01ngày đến xuất chuồng          | EH-432  | 070:2011/EHHT |  |
| 5331 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ                                       | EH-423  | 071:2011/EHHT |  |
| 5332 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò hậu bị                                          | EH-8601 | 072:2011/EHHT |  |
| 5333 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò hậu bị                                          | EH-8602 | 073:2011/EHHT |  |
| 5334 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò hậu bị                                          | EH-8603 | 074:2011/EHHT |  |
| 5335 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho bê sữa                                             | EH-8401 | 075:2011/EHHT |  |
| 5336 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho bê sữa                                             | EH-8402 | 076:2011/EHHT |  |
| 5337 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt                                            | EH-8201 | 077:2011/EHHT |  |
| 5338 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt                                            | EH-8202 | 078:2011/EHHT |  |
| 5339 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt                                            | EH-8203 | 079:2011/EHHT |  |
| 5340 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa từ 5ngày – 16kg | P-999   | 103:2011/EHHT |  |

|      |                                                                             |        |               |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------|--------|---------------|--|
| 5341 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa từ 7ngày – 10kg                  | P-950S | 104:2011/EHHT |  |
| 5342 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa từ 7ngày – 15kg                  | P-950  | 105:2011/EHHT |  |
| 5343 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa từ 7ngày – 15kg                  | P-951  | 106:2011/EHHT |  |
| 5344 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn con 15kg-30kg                        | P-952  | 107:2011/EHHT |  |
| 5345 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn con từ 15kg-30kg                               | P-952A | 108:2011/EHHT |  |
| 5346 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg                       | P-953  | 109:2011/EHHT |  |
| 5347 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg                       | P-954  | 110:2011/EHHT |  |
| 5348 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg                       | P-955  | 111:2011/EHHT |  |
| 5349 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 01-21ngày                     | P-5510 | 112:2011/EHHT |  |
| 5350 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 22-42ngày                     | P-5511 | 113:2011/EHHT |  |
| 5351 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt sau 43ngày                       | P-5512 | 114:2011/EHHT |  |
| 5352 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà lông màu từ 01-30ngày                 | P-201  | 115:2011/EHHT |  |
| 5353 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà lông màu từ 30 ngày đến xuất bán      | P-202  | 116:2011/EHHT |  |
| 5354 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà lông màu từ 01 ngày đến xuất          | P-203  | 117:2011/EHHT |  |
| 5355 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ hậu bị từ 0-6tuần                            | P-501  | 118:2011/EHHT |  |
| 5356 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ hậu bị từ 7tuần-20tuần                       | P-502  | 119:2011/EHHT |  |
| 5357 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà đẻ trứng                              | P-503  | 120:2011/EHHT |  |
| 5358 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan con từ 01-30ngày               | P-401  | 121:2011/EHHT |  |
| 5359 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan từ 30ngày đến xuất chuồng      | P-402  | 122:2011/EHHT |  |
| 5360 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan từ 01ngày tuổi đến xuất chuồng | P-403  | 123:2011/EHHT |  |
| 5361 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ                                       | P-409  | 124:2011/EHHT |  |
|      | <b>Công ty TNHH Chăn nuôi Thú y Giang Nam</b>                               |        |               |  |

|      |                                                                                                                                        |              |                  |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|--|
|      | Địa chỉ: 138 phố Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.<br>Tel: 0438694151. Fax: 0436882357.                                                 |              |                  |  |
| 5362 | Siêu đậm đặc cao cấp cho heo từ tập ăn đến xuất bán                                                                                    |              | GN HN 01/01      |  |
| 5363 | Đậm đặc cao cấp đặc biệt cho lợn từ tập ăn đến xuất bán                                                                                |              | GN HN 02/01      |  |
| 5364 | Đậm đặc cao cấp đặc biệt chuyên dùng vỗ béo cho heo                                                                                    |              | GN HN 03/01      |  |
| 5365 | Đậm đặc cao cấp đặc biệt cho heo nái                                                                                                   |              | GN HN 05/01      |  |
| 5366 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán                                                                                |              | GN HN 06/01      |  |
| 5367 | Siêu đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán                                                                           |              | GN HN 10/01      |  |
|      | <b>Công ty Liên doanh GUYOMARC'H-VCN</b><br>Địa chỉ: Chèm, Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội.<br>Điện thoại: 04.38389209. Fax: 04.38387110. |              |                  |  |
| 5368 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 30 kg đến xuất chuồng                                                                        | GUYO 3000    | 09:2010/GUYO-VCN |  |
| 5369 | Thức ăn siêu đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ sau cai sữa đến xuất chuồng                                                              | Guyo J Dan   | 11:2010/GUYO-VCN |  |
| 5370 | Thức ăn siêu đậm đặc dạng bột cho lợn từ 5 kg - xuất chuồng                                                                            | CF113        | 12:2010/GUYO-VCN |  |
| 5371 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 15 kg đến xuất chuồng                                                                         | BOSS-1       | 13:2010/GUYO-VCN |  |
| 5372 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 15 kg đến xuất chuồng                                                                         | VIPig        | 14:2010/GUYO-VCN |  |
| 5373 | Thức ăn đậm đặc cao đậm dạng bột cho lợn thịt từ 15 kg – xuất chuồng                                                                   | BOSS-10      | 16:2010/GUYO-VCN |  |
| 5374 | Thức ăn đậm đặc cao đậm dạng bột cho lợn thịt từ 15 kg – xuất chuồng                                                                   | CF-10        | 17:2010/GUYO-VCN |  |
| 5375 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa                                                                                             | CFM-116      | 18:2010/GUYO-VCN |  |
| 5376 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con                                                                                         | CFM-118      | 19:2010/GUYO-VCN |  |
| 5377 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa                                                                                             | M 116        | 20:2010/GUYO-VCN |  |
| 5378 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con                                                                                         | M 118        | 21:2010/GUYO-VCN |  |
| 5379 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái nuôi con                                                                                          | M 18         | 22:2010/GUYO-VCN |  |
| 5380 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con từ 1 đến 10 ngày tuổi                                                                             | Super Gà con | 24:2009/GUYO-VCN |  |

|      |                                                                              |                  |                  |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--|
| 5381 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con từ 1 đến 21 ngày tuổi                   | CK. 210          | 25:2010/GUYO-VCN |  |
| 5382 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22 đến 42 ngày tuổi                 | CK. 211          | 26:2010/GUYO-VCN |  |
| 5383 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt vỗ béo từ 43 ngày tuổi đến xuất chuồng | CK. 212          | 27:2010/GUYO-VCN |  |
| 5384 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con từ 1 đến 21 ngày tuổi                   | COF1             | 28:2010/GUYO-VCN |  |
| 5385 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22 đến 42 ngày tuổi                 | COF2             | 29:2010/GUYO-VCN |  |
| 5386 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt vỗ béo từ 43 ngày tuổi đến xuất chuồng | COF3             | 30:2010/GUYO-VCN |  |
| 5387 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng          | CK 20            | 31:2011/GUYO-VCN |  |
| 5388 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng          | CF 210           | 32:2010/GUYO-VCN |  |
| 5389 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cho vịt, ngan con từ 1-21 ngày tuổi            | DK 701           | 38:2011/GUYO-VCN |  |
| 5390 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cho vịt – ngan siêu thịt từ 22 ngày đến xuất   | DK 702           | 39:2011/GUYO-VCN |  |
| 5391 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan con từ 1-21 ngày tuổi                | CF701            | 40:2011/GUYO-VCN |  |
| 5392 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cho vịt – ngan siêu thịt từ 22 ngày đến xuất   | CF702            | 41:2011/GUYO-VCN |  |
| 5393 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho Ngan Pháp từ 1 đến 22 ngày tuổi                | GUYO Ngan Pháp 1 | 42:2010/GUYO-VCN |  |
| 5394 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho Ngan Pháp từ 23 đến 55 ngày tuổi               | GUYO Ngan Pháp 2 | 43:2010/GUYO-VCN |  |
| 5395 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho Ngan Pháp từ 56 ngày tuổi đến xuất chuồng | GUYO NGAN Pháp 3 | 44:2010/GUYO-VCN |  |
| 5396 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà giống hậu bị                                 | GUYO 38          | 45:2010/GUYO-VCN |  |
| 5397 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ giống bố mẹ                               | GUYO 40          | 46:2010/GUYO-VCN |  |
| 5398 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà hậu bị siêu trứng                            | CF230            | 47:2010/GUYO-VCN |  |
| 5399 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ giống bố mẹ                               | CF231            | 48:2010/GUYO-VCN |  |
| 5400 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ siêu trứng                                | GUYO 4500        | 49:2010/GUYO-VCN |  |
| 5401 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ                                          | CK 145           | 50:2011/GUYO-VCN |  |

|      |                                                                             |              |                  |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|--|
| 5402 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt – ngan đẻ                                 | DK 164       | 51:2011/GUYO-VCN |  |
| 5403 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt – ngan đẻ                                 | CF164        | 52:2011/GUYO-VCN |  |
| 5404 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho chim cút đẻ                                    | GUYO 150     | 55:2010/GUYO-VCN |  |
| 5405 | Thức ăn đặc biệt dạng viên cho bò sữa                                       | BS 18        | 56:2010/GUYO-VCN |  |
| 5406 | Thức ăn đậm đặc giàu đạm dạng bột cho bò sữa                                | BS 68        | 57:2010/GUYO-VCN |  |
| 5407 | Thức ăn bổ sung dạng viên cho thỏ                                           | GUYO THỎ     | 59:2010/GUYO-VCN |  |
| 5408 | Bổ sung Vitamin, khoáng cho gia súc nhai lại                                | BS – Rumivix | 60:2009/GUYO-VCN |  |
| 5409 | Bổ sung khoáng đa lượng cho loài nhai lại                                   | BS – CALPHOS | 61:2009/GUYO-VCN |  |
| 5410 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà lông màu từ 1 đến 28 ngày tuổi             | CK. 222      | 63:2010/GUYO-VCN |  |
| 5411 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 29 đến 56 ngày tuổi            | CK. 224      | 64:2010/GUYO-VCN |  |
| 5412 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu vổ béo từ 57 ngày đến xuất chuồng | CK. 226      | 65:2010/GUYO-VCN |  |
| 5413 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà lông màu từ 1 đến 28 ngày tuổi             | CF. 201      | 66:2010/GUYO-VCN |  |
| 5414 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 29 đến 56 ngày tuổi            | CF. 202      | 67:2010/GUYO-VCN |  |
| 5415 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu vổ béo từ 57 ngày đến xuất chuồng | CF. 203      | 68:2010/GUYO-VCN |  |
| 5416 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt dạng viên cho lợn con từ tập ăn đến 10 kg          | Jolie 1-S    | 69:2011/GUYO-VCN |  |
| 5417 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 20 kg đến 50 kg                   | Jolie 2-S    | 70:2011/GUYO-VCN |  |
| 5418 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 50 kg đến xuất chuồng             | Jolie 3-S    | 71:2011/GUYO-VCN |  |
| 5419 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt dạng viên cho lợn con từ tập ăn đến 20 kg          | Jolie 1      | 72:2011/GUYO-VCN |  |
| 5420 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 20 kg đến 40 kg                   | Jolie 2      | 73:2011/GUYO-VCN |  |

|      |                                                                                                                                      |                        |                  |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------|--|
| 5421 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 40 kg đến 60 kg                                                                            | Jolie 3                | 74:2011/GUYO-VCN |  |
| 5422 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 60 kg đến xuất chuồng                                                                      | Jolie 4                | 75:2011/GUYO-VCN |  |
| 5423 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 20 kg đến 50 kg                                                                            | CF 110                 | 76:2011/GUYO-VCN |  |
| 5424 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 50 kg đến xuất chuồng                                                                      | CF 112                 | 77:2011/GUYO-VCN |  |
| 5425 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt dạng viên cho lợn con từ tập ăn đến 20 kg                                                                   | Baby up 1              | 78:2011/GUYO-VCN |  |
| 5426 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 20 kg đến 40 kg                                                                            | Baby up 2              | 79:2011/GUYO-VCN |  |
| 5427 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 40 kg đến 60 kg                                                                            | CF 108                 | 80:2011/GUYO-VCN |  |
| 5428 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 60 kg đến xuất chuồng                                                                      | CF 109                 | 81:2011/GUYO-VCN |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Hà Việt</b><br/> Địa chỉ: KCN Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội.<br/> Tel: 0436483088. Fax: 0436483089.</p> |                        |                  |  |
| 5429 | Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                               | E8000, S900, AAA       | 01:2011/HV       |  |
| 5430 | Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                               | A900                   | 02:2011/HV       |  |
| 5431 | Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                               | No1, E555              | 03:2011/HV       |  |
| 5432 | Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ 15kg đến xuất chuồng                                                                                 | 9930                   | 04:2011/HV       |  |
| 5433 | Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn nái chữa, nái nuôi con.                                                                                 | E333,9940,334          | 05:2011/HV       |  |
| 5434 | Thức ăn đậm đặc dùng cho gà từ 1 ngày tuổi đến xuất.                                                                                 | DD10, E9001, 950, 6600 | 06:2011/HV       |  |
| 5435 | Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan nuôi đẻ trứng.                                                                                    | E116, 885, 8860        | 07:2011/HV       |  |
| 5436 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn con từ 7 ngày tuổi – 15kg (siêu nạc)                                                                    | E230,S500, A21         | 08:2011/HV       |  |
| 5437 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt từ 15kg – 30kg (siêu nạc)                                                                          | E240, S600, A22        | 09:2011/HV       |  |
| 5438 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt từ 30kg – 60kg (siêu nạc)                                                                          | E260, S700, A26        | 10:2011/HV       |  |

|                                                        |                                                                          |                  |            |  |
|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|------------|--|
| 5439                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái chữa.<br>nái hậu bị.                    | E270,554,5570.   | 11:2011/HV |  |
| 5440                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi<br>con.                            | E280,555,5580    | 12:2011/HV |  |
| 5441                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt từ 15kg<br>– 30kg (hướng nạc )         | E28,552,5530     | 13:2011/HV |  |
| 5442                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt từ 30kg<br>– xuất chuồng (hướng nạc )  | E29,553A,5540    | 14:2011/HV |  |
| 5443                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt từ 40kg<br>– xuất chuồng (trang trại ) | F2               | 15:2011/HV |  |
| 5444                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt từ 10kg<br>– xuất chuồng               | B1               | 16:2011/HV |  |
| 5445                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn thịt từ 30kg<br>– xuất chuồng.              | 553, 5550        | 17:2011/HV |  |
| 5446                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ<br>1 – 21 ngày tuổi.          | E80, 881,8800    | 18:2011/HV |  |
| 5447                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ<br>21 ngày tuổi – xuất        | E81, 882, 8810   | 19:2011/HV |  |
| 5448                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan nuôi<br>để trứng                      | E801, 884, 8830  | 20:2011/HV |  |
| 5449                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt nuôi thả<br>đồng                       | HV113,883, 8840  | 21:2011/HV |  |
| 5450                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà siêu thịt từ<br>1 – 14 ngày tuổi             | E510T, 951, 220A | 22:2011/HV |  |
| 5451                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà siêu thịt từ<br>15 – 35 ngày tuổi            | E511T, 952.      | 23:2011/HV |  |
| 5452                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà siêu thịt từ<br>36 – xuất chuồng             | E512T, 953, 222A | 24:2011/HV |  |
| 5453                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ<br>1 – 28 ngày tuổi              | E90, 2200, 910   | 25:2011/HV |  |
| 5454                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ<br>29 ngày tuổi – xuất bán       | E91, 2210, 911   | 26:2011/HV |  |
| 5455                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà nuôi thả<br>vườn                             | 155, 915, 2220   | 27:2011/HV |  |
| 5456                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ hậu bị                                    | E518, 916, 2270  | 28:2011/HV |  |
| 5457                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà nuôi để<br>trứng                             | E519,918, 2280   | 29:2011/HV |  |
| 5458                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho chim cú nuôi<br>hậu bị                          | E234, 712        | 30:2011/HV |  |
| 5459                                                   | Thức ăn hỗn hợp dùng cho chim cú nuôi<br>để trứng                        | E235, 710        | 31:2011/HV |  |
| <b>Công ty Cổ phần Phát triển chăn nuôi Hoàng Long</b> |                                                                          |                  |            |  |

|      |                                                                                                                            |                      |              |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------|--|
|      | Địa chỉ: Tập thể Vật tư thủy lợi, Km10, QL1A, xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội.<br>Điện thoại: 04.36861790. Fax: 04.36865962. |                      |              |  |
| 5460 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ tập ăn đến 100kg                                                                                | 550, 1090, 181, 6010 | 01:2011/HLHN |  |
| 5461 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                          | 559, 1080, 191, 6000 | 02:2011/HLHN |  |
| 5462 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ 05kg đến xuất chuồng                                                                            | 558, 161, 237        | 03:2011/HLHN |  |
| 5463 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái chữa và nuôi con                                                                               | 555, 1050, 131       | 04:2011/HLHN |  |
| 5464 | Thức ăn đậm đặc cho gà siêu thịt từ 1 ngày đến xuất chuồng                                                                 | 303, 4000, 201       | 05:2011/HLHN |  |
| 5465 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt lông màu từ 1 ngày đến xuất chuồng                                                             | 170,370              | 06:2011/HLHN |  |
| 5466 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt lông màu từ 1 ngày đến 28 ngày                                                                 | 175,375              | 07:2011/HLHN |  |
| 5467 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt lông màu từ 29 ngày đến xuất                                                                   | 174, 374             | 08:2011/HLHN |  |
| 5468 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt và ngan con siêu thịt từ 1 ngày đến 28 ngày                                                        | 101, 301             | 09:2011/HLHN |  |
| 5469 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt và ngan siêu thịt từ 29 ngày đến xuất                                                              | 103, 203             | 10:2011/HLHN |  |
| 5470 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt và ngan siêu thịt từ 1 ngày đến xuất                                                               | 104, 304             | 11:2011/HLHN |  |
| 5471 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt và ngan đẻ siêu trứng                                                                              | 113, 333             | 12:2011/HLHN |  |
| 5472 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái hậu bị, heo nái chữa                                                                           | 417, 427             | 13:2011/HLHN |  |
| 5473 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con                                                                                       | 418, 428             | 14:2011/HLHN |  |
| 5474 | Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ tập ăn đến 20kg                                                                             | 404, 504             | 15:2011/HLHN |  |
| 5475 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 20kg đến 60kg                                                                                   | 405, 505             | 16:2011/HLHN |  |
| 5476 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg đến xuất                                                                                   | 406, 506             | 17:2011/HLHN |  |
| 5477 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg đến xuất                                                                                   | 407, 507             | 18:2011/HLHN |  |
| 5478 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                          | S18, S55, S109       | 19:2011/HLHN |  |
| 5479 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng                                                                                       | 173, 373             | 20:2011/HLHN |  |
| 5480 | Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 01 ngày đến 14 ngày                                                                    | S15, S35             | 21:2011/HLHN |  |
| 5481 | Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 14 ngày đến 32 ngày                                                                    | S16, S36             | 22:2011/HLHN |  |

|      |                                                                                                                                                                  |                                             |              |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------|--|
| 5482 | Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 33 ngày đến xuất                                                                                                             | S17, S37                                    | 23:2011/HLHN |  |
| 5483 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ                                                                                                                                       | C51, C52                                    | 24:2011/HLHN |  |
| 5484 | Thức ăn hỗn hợp cho cút con                                                                                                                                      | C54, C55                                    | 25:2011/HLHN |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty Cổ phần Hương Giang</b></p> <p align="center">Địa chỉ: Số 47 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.<br/>Điện thoại/ Fax: 04.38685108.</p> |                                             |              |  |
| 5485 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn con từ tập ăn - 25kg                                                                                                            | A90,B40                                     | 01:11/HG     |  |
| 5486 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho bò sữa                                                                                                                              | B53,VF101                                   | 02:11/HG     |  |
| 5487 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 5kg-xuất chuồng                                                                                                         | A92,B42,VF7                                 | 03:11/HG     |  |
| 5488 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 15kg-xuất chuồng                                                                                                        | A93,B43,9999                                | 04:11/HG     |  |
| 5489 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 30kg-xuất chuồng                                                                                                        | A94,B50                                     | 05:11/HG     |  |
| 5490 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái                                                                                                                             | A95,B51                                     | 06:11/HG     |  |
| 5491 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà, vịt thịt 1 ngày- xuất bán                                                                                                       | A96,B52,113,<br>C20,909,VF4                 | 07:11/HG     |  |
| 5492 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ tập ăn-xuất chuồng                                                                                                      | B49,B100,X02,<br>VF9,VF10,VF19,<br>F100,K09 | 08:11/HG     |  |
| 5493 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn tập ăn - 20kg                                                                                                                  | B14,VF102                                   | 09:11/HG     |  |
| 5494 | Thức ăn bổ sung dạng Premix khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                                                          | APOLLO                                      | 10:11/HG     |  |
| 5495 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 15-30kg                                                                                                                     | L15,VF103                                   | 11:11/HG     |  |
| 5496 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 30kg - xuất chuồng                                                                                                          | L16,VF104                                   | 12:11/HG     |  |
| 5497 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 15-50kg                                                                                                                     | L17,VF105                                   | 13:11/HG     |  |
| 5498 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn từ 50kg-xuất chuồng                                                                                                            | L18,VF106                                   | 14:11/HG     |  |
| 5499 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa                                                                                                                       | L19,VF107                                   | 15:11/HG     |  |
| 5500 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con                                                                                                                   | L20,VF108                                   | 16:11/HG     |  |
| 5501 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan từ 1-21ngày                                                                                                              | V21,VF109                                   | 17:11/HG     |  |
| 5502 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan từ 22ngày-xuất bán                                                                                                       | V22,VF110                                   | 18:11/HG     |  |

|      |                                                                                                                                                            |           |              |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|--|
| 5503 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan từ 1ngày-xuất bán                                                                                                  | V23,VF111 | 19:11/HG     |  |
| 5504 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan đẻ trứng                                                                                                           | V19,VF112 | 20:11/HG     |  |
| 5505 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà trắng từ 1-14ngày                                                                                                         | G24,VF113 | 21:11/HG     |  |
| 5506 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà trắng từ 15-32ngày                                                                                                        | G25,VF114 | 22:11/HG     |  |
| 5507 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà trắng từ 33ngày-xuất bán                                                                                                  | G26,VF115 | 23:11/HG     |  |
| 5508 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà màu từ 1-28ngày                                                                                                           | G27,VF116 | 24:11/HG     |  |
| 5509 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà màu từ 29ngày-xuất bán                                                                                                    | G28,VF117 | 25:11/HG     |  |
| 5510 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà trắng từ 1ngày-xuất bán                                                                                                   | G29,VF118 | 26:11/HG     |  |
| 5511 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà màu vỏ béo                                                                                                                | G30,VF119 | 27:11/HG     |  |
| 5512 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ trứng                                                                                                                  | G31,VF120 | 28:11/HG     |  |
| 5513 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút hậu bị                                                                                                                    | G32,VF121 | 29:11/HG     |  |
| 5514 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ trứng                                                                                                                  | G33,VF122 | 30:11/HG     |  |
| 5515 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn tập ăn - xuất chuồng                                                                                                      | B808,VF68 | 31:11/HG     |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH New Hope Hà Nội</b><br/> Địa chỉ: KCN Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội.<br/> Điện thoại: 04.38752514. Fax: 04.38752972.</p> |           |              |  |
| 5516 | Thức ăn siêu đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng và cút nhỏ từ 1 ngày tuổi đến 35 ngày tuổi                                                 | 113       | 01:2005/NHHN |  |
| 5517 | Thức ăn hỗn hợp cho gà gột từ 1 ngày tuổi – 35 ngày tuổi                                                                                                   | 510G      | 01:2008/NHHN |  |
| 5518 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt chạy đồng                                                                                                                     | 989A      | 01:2010/NHHN |  |
| 5519 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc từ 15kg đến 50kg                                                                                                          | 2018      | 01:2011/NHHN |  |
| 5520 | Thức ăn siêu đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán và cút nhỏ từ 1 ngày tuổi đến 35 ngày tuổi                                                    | 131       | 02:2005/NHHN |  |
| 5521 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ Ai Cập từ 19 tuần tuổi trở lên                                                                                                   | 244       | 02:2009/NHHN |  |

|      |                                                               |      |              |  |
|------|---------------------------------------------------------------|------|--------------|--|
| 5522 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến 14 ngày tuổi   | GT1  | 02:2010/NHHN |  |
| 5523 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc từ 40kg đến xuất chuồng      | 2017 | 02:2011/NHHN |  |
| 5524 | Thức ăn siêu đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán      | 450  | 03:2005/NHHN |  |
| 5525 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn sữa từ 7 ngày tuổi đến tập ăn | 99   | 03:2008/NHHN |  |
| 5526 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 15 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi  | GT2  | 03:2010/NHHN |  |
| 5527 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái mang thai và lợn nái hậu bị       | 2115 | 03:2011/NHHN |  |
| 5528 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho heo thịt từ 5kg – 100kg           | 151S | 04:2005/NHHN |  |
| 5529 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn sữa từ 7 ngày tuổi đến 15kg   | 88   | 04:2008/NHHN |  |
| 5530 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 29 ngày tuổi đến 42 ngày tuổi  | GT3  | 04:2010/NHHN |  |
| 5531 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con                          | 2117 | 04:2011/NHHN |  |
| 5532 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30kg đến xuất bán             | 555  | 05:2010/NHHN |  |
| 5533 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng     | V46  | 05:2011/NHHN |  |
| 5534 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 15kg đến 30kg                 | 552  | 06:2010/NHHN |  |
| 5535 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn con từ 5kg đến xuất chuồng    | V42  | 06:2011/NHHN |  |
| 5536 | Thức ăn siêu đậm đặc cho heo nái nuôi con                     | 154  | 07:2005/NHHN |  |
| 5537 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30kg đến xuất chuồng          | 2015 | 07:2011/NHHN |  |
| 5538 | Thức ăn siêu đậm đặc cho vịt ngan đẻ từ 20 tuần trở lên       | 184  | 08:2005/NHHN |  |
| 5539 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 5kg – 60kg            | 101  | 10:2005/NHHN |  |
| 5540 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 5kg – 100kg           | 102  | 11:2005/NHHN |  |
| 5541 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc từ 7 ngày tuổi đến 15kg      | Số 1 | 17:2005/NHHN |  |
| 5542 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc từ 15kg – 30kg               | Số 2 | 18:2005/NHHN |  |
| 5543 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc từ 30kg đến xuất bán         | Số 3 | 19:2005/NHHN |  |

|      |                                                                   |          |              |  |
|------|-------------------------------------------------------------------|----------|--------------|--|
| 5544 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất chuồng  | 151S+    | 21:2007/NHHN |  |
| 5545 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con                              | 568      | 22:2005/NHHN |  |
| 5546 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất chuồng    | Hope 100 | 23:2007/NHHN |  |
| 5547 | Thức ăn hỗn hợp cho heo mẹ chờ phối và nái chữa                   | 567      | 25:2005/NHHN |  |
| 5548 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi       | 510      | 26:2005/NHHN |  |
| 5549 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 tuần tuổi đến 4 tuần tuổi    | 510L     | 30:2005/NHHN |  |
| 5550 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 4 tuần tuổi trở lên            | 511L     | 31:2005/NHHN |  |
| 5551 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu vỗ béo                            | 512L     | 32:2005/NHHN |  |
| 5552 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến 14 ngày tuổi       | 230      | 33:2005/NHHN |  |
| 5553 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi   | 230L     | 38:2005/NHHN |  |
| 5554 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 29 ngày tuổi trở lên           | 231L     | 39:2005/NHHN |  |
| 5555 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu vỗ béo                            | 233L     | 40:2005/NHHN |  |
| 5556 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 7 tuần tuổi – 18 tuần tuổi           | 542      | 41:2005/NHHN |  |
| 5557 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi trở lên                 | 544      | 42:2005/NHHN |  |
| 5558 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ từ 20 tuần tuổi trở lên          | 984      | 43:2005/NHHN |  |
| 5559 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng      | 987      | 44:2005/NHHN |  |
| 5560 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 1 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi | 988      | 45:2005/NHHN |  |
| 5561 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán   | 989B     | 46:2005/NHHN |  |
| 5562 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng      | 640      | 47:2005/NHHN |  |
| 5563 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 1 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi | 641      | 48:2005/NHHN |  |

|      |                                                                                                                                                                      |             |                |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------|--|
| 5564 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                   | 642         | 49:2005/NHHN   |  |
| 5565 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ từ 19 tuần tuổi trở lên                                                                                                             | 644         | 50:2005/NHHN   |  |
| 5566 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút hậu bị từ 1 ngày tuổi – 35 ngày tuổi                                                                                                    | 531         | 51:2005/NHHN   |  |
| 5567 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút đẻ từ 36 ngày tuổi đến loại thải                                                                                                        | 533         | 52:2005/NHHN   |  |
|      | <b>Công ty TNHH Phát triển chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</b><br>Địa chỉ: Số 36 Hoàng Ngân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội<br>Điện thoại: 04.3858.4816. Fax: 04.3858.4815. |             |                |  |
| 5568 | Premix vitamin-khoáng-axit amin cho heo con sau cai sữa                                                                                                              | 401         | 01:2012/PH HN  |  |
| 5569 | Premix vitamin-khoáng-axit amin cho heo sinh trưởng từ 15-40kg                                                                                                       | 402         | 02:2012/PH HN  |  |
| 5570 | Premix vitamin-khoáng-axit amin cho heo sinh trưởng từ 15-40kg                                                                                                       | 402 Super   | 03:2012/PH HN  |  |
| 5571 | Premix vitamin-khoáng-axit amin cho heo sinh trưởng từ 40-60kg                                                                                                       | 404         | 04:2012/PH HN  |  |
| 5572 | Premix vitamin-khoáng-axit amin cho heo thịt từ 60kg – xuất chuồng                                                                                                   | 405T        | 05:2012/PH HN  |  |
| 5573 | Premix vitamin-khoáng-axit amin cho heo nái chữa                                                                                                                     | 406         | 06:2012/PH HN  |  |
| 5574 | Premix vitamin-khoáng-axit amin cho heo nái nuôi con                                                                                                                 | 407         | 07:2012/PH HN  |  |
| 5575 | Premix vitamin-khoáng-axit amin cho heo đực giống                                                                                                                    | 408         | 08:2012/PH HN  |  |
| 5576 | Premix vitamin-khoáng-axit amin cho heo nái hậu bị                                                                                                                   | 409         | 09:2012/PH HN  |  |
| 5577 | Premix vitamin-khoáng-axit amin cho heo con sau cai sữa                                                                                                              | 400         | 10:2012/PH HN  |  |
| 5578 | Premix vitamin-khoáng cho bê                                                                                                                                         | 2105C       | 11:2012/PH HN  |  |
| 5579 | Premix vitamin-khoáng cho bò sữa                                                                                                                                     | 2105        | 12:2012/PH HN  |  |
|      | <b>Công ty TNHH thuốc thú y Việt nam (Pharmavet co, LTD)</b><br>Địa chỉ: Lô 28, Khu CN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội<br>ĐT: 043.8182625. Fax: 043.8182525.             |             |                |  |
| 5580 | Thức ăn bổ sung đường gluco cho gia súc, gia cầm                                                                                                                     | GLUCO-PHARM | 01: 2012/ PHAR |  |
| 5581 | Thức ăn bổ sung Vitamin C, Aspirin cho gia súc, gia cầm                                                                                                              | PHAR-CA MIX | 02: 2012/ PHAR |  |

|      |                                                                                                                                                       |                                   |                                  |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|--|
| 5582 | Thức ăn bổ sung Vitamin K cho gia súc, gia cầm                                                                                                        | PHAR-K VIMIX                      | 03: 2012/ PHAR                   |  |
| 5583 | Thức ăn bổ sung Vitamin C, K cho gia súc, gia cầm                                                                                                     | PHAR-K&C MIX                      | 04: 2012/ PHAR                   |  |
| 5584 | Thức ăn bổ sung men tiêu hoá, probiotic cho lợn                                                                                                       | HEOMIX-PHARM<br>(PROPIG-PHARM)    | 05: 2012/ PHAR                   |  |
| 5585 | Thức ăn bổ sung men tiêu hoá, probiotic cho gia cầm                                                                                                   | GAVIMIXX-PHARM<br>(PROPOUL-PHARM) | 06: 2012/ PHAR                   |  |
| 5586 | Thức ăn bổ sung chất điện giải, Vitamin C, K cho gia súc, gia cầm                                                                                     | GLUCO-K&C PLUS                    | 07: 2012/PHAR                    |  |
| 5587 | Thức ăn bổ sung Vitamin A, D, E, selen cho gia súc, gia cầm                                                                                           | ADE-SELPLEX                       | 08: 2012/PHAR                    |  |
| 5588 | Thức ăn bổ sung men tiêu hoá, probiotic cho gia súc, gia cầm                                                                                          | PHARBIOZYM                        | 09: 2012/PHAR<br>(Phar.HN-01/02) |  |
| 5589 | Thức ăn bổ sung polivitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                                      | PROMOCHICK                        | 10: 2012/PHAR<br>(Phar.HN-02/04) |  |
| 5590 | Thức ăn bổ sung chất điện giải, Vitamin, khoáng vi lượng cho gia súc, gia cầm                                                                         | PHAR-M COMIX                      | 11: 2012/PHAR<br>(Phar.HN-05/02) |  |
| 5591 | Thức ăn bổ sung chất điện giải, polivitamin, khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                              | DIZAVIT-PLUS                      | 12: 2012/PHAR<br>(Phar.HN-06/02) |  |
| 5592 | Thức ăn bổ sung men vitamin, thảo dược bổ gan, giải độc cho gia súc, gia cầm                                                                          | GATONIC-PLUS                      | 13: 2012/PHAR                    |  |
| 5593 | Thức ăn bổ sung men tiêu hoá, probiotic, selen hữu cơ cho gia súc, gia cầm                                                                            | PHARSELENZYM                      | 14: 2012/PHAR<br>(Phar.HN-02/02) |  |
| 5594 | Thức ăn bổ sung Vitamin C cho gia súc, gia cầm                                                                                                        | PHAR-C VIMIX                      | 15: 2012/PHAR<br>(Phar.HN-04/02) |  |
| 5595 | Thức ăn bổ sung Calci cho gia súc, gia cầm                                                                                                            | PhAR-CALBOVIN                     | 16: 2012/PHAR<br>(PV.VP-01/07)   |  |
| 5596 | Thức ăn bổ sung acid amin, bổ gan thận cho gia súc, gia cầm                                                                                           | PhAR-BOGA T                       | 17: 2012/PHAR<br>(PV.VP-02/07)   |  |
| 5597 | Thức ăn bổ sung men tiêu hoá, probiotic cho gia súc, gia cầm                                                                                          | PHARTIZYM-BSA                     | 18: 2012/PHAR<br>(Phar.HN-01/04) |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Phúc Sinh</b><br/> Địa chỉ: 127 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.<br/> Điện thoại: 043.6865431. Fax: 043.6865431.</p> |                                   |                                  |  |
| 5598 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn - 30kg                                                                                                     | 107,505, 001,113                  | 01:2011/PS                       |  |
| 5599 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ trứng                                                                                                             | C.66                              | 02:2011/PS                       |  |
| 5600 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn - xuất chuồng                                                                                              | 117, 303, 171, 002,114            | 03:2011/PS                       |  |

|      |                                                                                       |                     |            |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|--|
| 5601 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ 15kg - xuất chuồng                                | 137, 004, 101,116   | 04:2011/PS |  |
| 5602 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái nuôi con                                         | 147, 202, 006,120   | 05:2011/PS |  |
| 5603 | Thức ăn đậm đặc dạng bột siêu tốc chuyên dùng vỗ béo cho heo                          | 157, 257, 007, 500, | 06:2011/PS |  |
| 5604 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tách mẹ - xuất chuồng                             | 167, 9999, 005, 118 | 07:2011/PS |  |
| 5605 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ 05kg - xuất chuồng                                | 377, 9999,003,115   | 08:2011/PS |  |
| 5606 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - Xuất bán                        | 307, 300, 008, 121  | 09:2011/PS |  |
| 5607 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn - xuất chuồng                              | Đ09                 | 10:2011/PS |  |
| 5608 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn - xuất chuồng                              | 114S, Đ10           | 11:2011/PS |  |
| 5609 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho bò sữa                                                   | BS73                | 12:2011/PS |  |
| 5610 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn - xuất chuồng (chuyên dùng cho trang trại) | P.100               | 13:2011/PS |  |
| 5611 | Sữa khô đặc biệt cho heo con tập ăn                                                   | P.01                | 14:2011/PS |  |
| 5612 | Thức ăn hỗn hợp viên cho heo lai từ 15kg – 30kg                                       | P.66                | 15:2011/PS |  |
| 5613 | Thức ăn hỗn hợp viên cho heo lai từ 30kg - xuất chuồng                                | P68                 | 16:2011/PS |  |
| 5614 | Thức ăn hỗn hợp mảnh cho gà lông màu từ 1 - 28 ngày                                   | G.36                | 17:2011/PS |  |
| 5615 | Thức ăn hỗn hợp viên cho gà lông màu từ 29 ngày - xuất bán                            | G.38                | 18:2011/PS |  |
| 5616 | Thức ăn hỗn hợp viên cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày - xuất bán                          | V.11                | 19:2011/PS |  |
| 5617 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo từ tập ăn – 15kg                                      | P.02                | 20:2011/PS |  |
| 5618 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho heo từ tập ăn – 20kg                                 | P.03                | 21:2011/PS |  |
| 5619 | Thức ăn hỗn hợp viên cho heo siêu nạc từ 15kg – 30kg                                  | P.04                | 22:2011/PS |  |
| 5620 | Thức ăn hỗn hợp viên cho heo lai từ 15kg – 30kg                                       | P.05                | 23:2011/PS |  |
| 5621 | Thức ăn hỗn hợp viên cho heo lai từ 30kg - xuất chuồng                                | P.06                | 24:2011/PS |  |

|      |                                                                                                                                                                    |               |            |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------|--|
| 5622 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho heo siêu nạc từ 30kg -60kg                                                                                                        | P.07          | 25:2011/PS |  |
| 5623 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho heo siêu nạc từ 60kg - xuất chuồng                                                                                                | P.08          | 26:2011/PS |  |
| 5624 | Thức ăn hỗn hợp viên cho heo nái mang thai                                                                                                                         | P.09          | 27:2011/PS |  |
| 5625 | Thức ăn hỗn hợp viên cho heo nái nuôi con                                                                                                                          | P.10          | 28:2011/PS |  |
| 5626 | Thức ăn hỗn hợp mảnh cho gà trắng từ 1 - 14 ngày tuổi                                                                                                              | G.61          | 29:2011/PS |  |
| 5627 | Thức ăn hỗn hợp viên cho gà trắng từ 15 - 32 ngày tuổi                                                                                                             | G.62          | 30:2011/PS |  |
| 5628 | Thức ăn hỗn hợp viên cho gà trắng từ 33 ngày - xuất bán                                                                                                            | G.63          | 31:2011/PS |  |
| 5629 | Thức ăn hỗn hợp viên cho gà lông màu giai đoạn vỗ béo                                                                                                              | G.66          | 32:2011/PS |  |
| 5630 | Thức ăn hỗn hợp mảnh cho gà hậu bị từ 9 – 18 tuần                                                                                                                  | G.67          | 33:2011/PS |  |
| 5631 | Thức ăn hỗn hợp mảnh cho gà đẻ trứng thương phẩm                                                                                                                   | G.68          | 34:2011/PS |  |
| 5632 | Thức ăn hỗn hợp mảnh cao cấp cho gà đẻ siêu trứng                                                                                                                  | G.69          | 35:2011/PS |  |
| 5633 | Thức ăn hỗn hợp mảnh cho gà lông màu từ 1ngày - xuất bán                                                                                                           | G.86          | 36:2011/PS |  |
| 5634 | Thức ăn hỗn hợp viên cho ngan, vịt thịt từ 1 - 21 ngày                                                                                                             | V.12          | 37:2011/PS |  |
| 5635 | Thức ăn hỗn hợp viên cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày - xuất bán                                                                                                      | V.16          | 38:2011/PS |  |
| 5636 | Thức ăn hỗn hợp viên cho ngan, vịt đẻ trứng                                                                                                                        | V.18          | 39:2011/PS |  |
| 5637 | Thức ăn hỗn hợp viên cao cấp cho ngan, vịt đẻ trứng                                                                                                                | V.19          | 40:2011/PS |  |
| 5638 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút hậu bị                                                                                                                            | C.33          | 41:2011/PS |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty Cổ phần Sóng Hồng</b><br/> Địa chỉ: Cụm CN Trường An, An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.<br/> Điện thoại: 04.33650835. Fax: 04.33650834.</p> |               |            |  |
| 5639 | Bổ sung Premix, khoáng, vi lượng cho gia súc, gia cầm                                                                                                              | TĂNG TỐC      | 01:2010/SH |  |
| 5640 | Bổ sung Premix, khoáng, vi lượng cho gia súc, gia cầm.                                                                                                             | NGÀY NGÀY LỚN | 04:2010/SH |  |
| 5641 | Bổ sung khoáng đa vi lượng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                    | KHOÁNG PREMIX | 06:2010/SH |  |

|      |                                                                                           |                         |                |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------|--|
| 5642 | Bổ sung Protein, khoáng, các chất bổ dưỡng cho gia súc, gia cầm                           | MILK ROLAC-UR           | 13:2009/SH     |  |
| 5643 | Bổ sung Vitamin, các chất bổ dưỡng cho gia súc, gia cầm.                                  | ADE-C                   | 14:2010/SH     |  |
| 5644 | Bổ sung men vi sinh tăng cường tiêu hóa cho gia súc, gia cầm                              | TYZYM - SA              | 16:2010/SH     |  |
| 5645 | Bổ sung Protein, khoáng, các chất bổ dưỡng cho gia súc, gia cầm                           | POVILAC                 | 52:2009/SH     |  |
| 5646 | Bổ sung Vitamin, axit amin các chất bổ dưỡng cho gia cầm (dạng nước)                      | MATAMIN                 | 54:2009/SH     |  |
| 5647 | Bổ sung Vitamin, axit amin, men vi sinh cho gia súc, gia cầm.                             | BIOBUMIN                | 55:2009/SH     |  |
| 5648 | Bổ sung men vi sinh, enzym tăng cường tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                      | MEN TIÊU HÓA            | 55:2010/SH     |  |
| 5649 | Bổ sung Vitamin, paracetamol, điện giải cho gia súc, gia cầm.                             | GUM + C                 | 56:2009/SH     |  |
| 5650 | Bổ sung Vitamin C và Anagin hạ nhiệt giảm sốt cho gia súc, gia cầm                        | ANAGIN + C              | 57:2009/SH     |  |
| 5651 | Bổ sung Vitamin K + C, điện giải cho gia súc                                              | GLUCO K+C               | 58:2009/SH     |  |
| 5652 | Bổ sung Vitamin C, điện giải, axit amin cho gia súc, gia cầm                              | ĐIỆN GIẢI + ACIMIN + C  | 59:2009/SH     |  |
| 5653 | Bổ sung Vitamin, Bromecin tăng cường hô hấp cho gia súc, gia cầm                          | BROMECCIN+C             | 60:2009/SH     |  |
| 5654 | Bổ sung Vitamin K cho gia súc, gia cầm.                                                   | VITAMIN K               | 61:2009/SH     |  |
| 5655 | Bổ sung Vitamin, axit amin các chất bổ dưỡng cho gia súc, gia cầm.                        | A-D <sub>3</sub> -E-VIT | 62:2009/SH     |  |
| 5656 | Bổ sung Vitamin, axit amin các chất bổ dưỡng cho gia súc, gia cầm (dạng nước)             | AD <sub>3</sub> E       | 63:2009/SH     |  |
| 5657 | Bổ sung Vitamin, khoáng đa vi lượng, các chất bổ dưỡng cho gia súc, gia cầm               | KHOÁNG ĐA VI LƯỢNG      | 64:2009/SH     |  |
| 5658 | Bổ sung Vitamin, khoáng, kháng sinh cho gia cầm                                           | BỘ ÚM GÀ                | 65:2009/SH     |  |
| 5659 | Bổ sung Vitamin B <sub>1</sub> + B <sub>2</sub> + A + D + E + K + C cho gia súc, gia cầm. | VITA K+C-FOR            | 66:2009/SH     |  |
| 5660 | Bổ sung chất điện giải, Vitamin K + C cho gia súc, gia cầm                                | ĐIỆN GIẢI K+C           | 67:2009/SH     |  |
| 5661 | Bổ sung chất giải độc gan thận cho gia súc, gia cầm                                       | B - TISOMIN             | 68:2009/SH     |  |
| 5662 | Bổ sung men vi sinh tăng cường tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.                             | KENZYM - FOR            | 69:2009/SH     |  |
| 5663 | Canxi – Vitamin dùng cho gia súc, gia cầm                                                 | BIOTIN-SUPER            | SH – HTa 01/05 |  |

|      |                                                                            |                       |                |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------|--|
| 5664 | Vitamin – Muối – Dextrose dùng cho gia súc, gia cầm.                       | Điện giải BCOMLEX + C | SH – HTa 02/05 |  |
| 5665 | Vitamin – Acid Amin dùng cho gia súc, gia cầm                              | MORE - USH            | SH – HTa 03/05 |  |
| 5666 | Vitamin – Khoáng – Vi lượng dùng cho trâu, bò, dê, cừu.                    | TOMAT                 | SH – HTa 04/05 |  |
| 5667 | Vitamin – Khoáng – Vi lượng cho gia súc gia cầm                            | CANXI - ADE           | SH – HTa 05/05 |  |
| 5668 | Vitamin – Khoáng – Vi lượng cho gia súc gia cầm                            | SENLEN - VIT          | SH – HTa 06/05 |  |
| 5669 | Protein – Acid amin dùng cho gia súc                                       | ENSULAC               | SH – HTa 07/05 |  |
| 5670 | Men vi sinh cho gia súc, gia cầm                                           | V.S.C                 | SH – HTa 08/05 |  |
| 5671 | Acid amin – Vi lượng cho lợn con tập ăn từ 7 ngày – 15 kg                  | HEMO – L.C            | SH – HTa 11/05 |  |
| 5672 | Vitamin dạng viên dùng cho gia súc, gia súc                                | VITAMIN 3B            | SH – HTa 12/05 |  |
| 5673 | Glucose và Vitamin dùng cho gia súc, gia cầm                               | GLUCO - C             | SH – HTa 13/05 |  |
| 5674 | Đường Sorbitol dùng cho gia súc, gia cầm                                   | SORBITOL              | SH – HTa 14/07 |  |
| 5675 | Promix-Vitamin và điện giải dùng cho gia cầm.                              | PARAGUM               | SH – HTa 15/07 |  |
| 5676 | Vitamin C cho gia súc, gia cầm                                             | VITAMIN C             | SH – HTa 16/07 |  |
| 5677 | Vitamin B1 cho gia súc, gia cầm                                            | VITAMIN B1 MONO       | SH – HTa 17/07 |  |
| 5678 | Methionim cho gia súc, gia cầm                                             | METHIONIM 99%         | SH – HTa 18/07 |  |
| 5679 | Glucose cho gia súc gia cầm                                                | GLUCOSE               | SH – HTa 19/07 |  |
| 5680 | Vitamin K và Vitamin C cho gia súc, gia súc                                | VITAK+C               | SH – HTa 20/07 |  |
| 5681 | Chất giải độc gan cho gia súc, gia cầm                                     | ATISO-FOR             | SH – HTa 21/07 |  |
| 5682 | Giải độc gan, tăng cường chức năng gan SOBI-TISO dùng cho gia súc, gia cầm | SOBI-TISO             | SH – HTa 22/07 |  |
| 5683 | Vitamin B1 dùng cho gia súc, gia cầm (dạng viên)                           | VITAMIN B1            | SH – HTa 23/07 |  |
| 5684 | Men vi sinh, men tiêu hóa HITEX – ZYM dùng cho gia súc, gia cầm.           | HITEX – ZYM           | SH – HTa 24/07 |  |
| 5685 | Canxi – Khoáng – Vi lượng dùng cho gia súc, gia cầm                        | APOVIT                | SH – HTa 25/07 |  |
| 5686 | Premix – Vitamin bồi bổ cơ thể dùng cho gia súc, gia cầm                   | B COMPLEX             | SH – HTa 26/07 |  |
| 5687 | Kháng sinh phòng tiêu chảy dùng cho gia súc, gia cầm (dạng viên)           | TETRACYCLIN           | SH – HTa 27/07 |  |

|      |                                                                                                       |               |                |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|--|
| 5688 | Premix Vitamin – Kháng sinh phòng tiêu chảy dùng cho gia súc, gia cầm                                 | TETRA TRÚNG   | SH – HTa 28/07 |  |
| 5689 | Vitamin – Kháng sinh phòng tiêu chảy dùng cho gia súc, gia cầm                                        | NORCOLI       | SH – HTa 29/07 |  |
| 5690 | Premix Vitamin bồi bổ cơ thể - Kháng sinh dùng phòng bệnh cho thủy cầm                                | EPS VỊT       | SH – HTa 30/07 |  |
| 5691 | Premix Vitamin bồi bổ cơ thể - Kháng sinh dùng phòng chống bệnh hô hấp dùng cho gia cầm (dạng viên)   | VIÊN ỔN THANH | SH – HTa 31/07 |  |
| 5692 | Premix Vitamin bồi bổ cơ thể - Kháng sinh phòng tiêu chảy dùng cho gia súc, gia cầm                   | AMPICOLIOR    | SH – HTa 32/07 |  |
| 5693 | Premix Vitamin bồi bổ cơ thể - Khoáng vi lượng phòng tiêu chảy dùng cho úm gia cầm                    | ÚM GÀ         | SH – HTa 33/07 |  |
| 5694 | Premix VitaminK bồi bổ cơ thể - Khoáng sinh phòng chống bệnh cầu trùng dùng cho gia súc, gia cầm      | DIACOOCID     | SH – HTa 34/07 |  |
| 5695 | Premix VitaminK bồi bổ cơ thể - Kháng sinh phòng bệnh suyễn gà.                                       | FACICOLI      | SH – HTa 35/07 |  |
| 5696 | Premix Vitamin bồi bổ cơ thể - Kháng sinh phòng bệnh hen gia cầm.                                     | GENTADOX      | SH – HTa 36/07 |  |
| 5697 | Premix Vitamin – Acid amin bồi bổ cơ thể - Kháng sinh phòng bệnh hen suyễn cho gia súc, gia cầm.      | SOHOMYCIN     | SH – HTa 37/07 |  |
| 5698 | Premix Vitamin – Kháng sinh bồi bổ cơ thể phòng bệnh sưng phù đầu cho gia súc, gia cầm                | T-H-S         | SH – HTa 38/07 |  |
| 5699 | Premix Vitamin – Kháng sinh bồi bổ cơ thể phòng bệnh tiêu chảy, thương hàn cho gia súc, gia cầm       | D.O.C         | SH – HTa 39/07 |  |
| 5700 | Premix Vitamin bồi bổ cơ thể – Kháng sinh dùng cho gia súc, gia cầm (dạng nước uống)                  | ENROTRYL      | SH – HTa 40/07 |  |
| 5701 | Premix Vitamin – Chất điện giải và Kháng sinh phòng viêm ruột dùng cho gia súc, gia cầm               | FLO - T       | SH – HTa 41/07 |  |
| 5702 | Premix Vitamin – Kháng sinh bổ dưỡng phòng chống phân xanh, phân trắng cho gia cầm                    | SPEC - L      | SH – HTa 42/07 |  |
| 5703 | Vitamin – Kháng sinh bồi bổ cơ thể phòng chống bệnh hô hấp dùng cho gia súc, gia cầm (dạng nước uống) | ENRO 10       | SH – HTa 43/07 |  |

|      |                                                                                                                                                                                                      |             |                |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------|--|
| 5704 | Vitamin – Kháng sinh bồi bổ cơ thể phòng chống bệnh hô hấp dùng cho gia súc, gia cầm (dạng nước uống)                                                                                                | OXYLOX      | SH – HTa 44/07 |  |
| 5705 | Vitamin – Kháng sinh bồi bổ cơ thể phòng chống bệnh tuyến dùng cho gia súc, gia cầm (dạng viên)                                                                                                      | SOHO - 5    | SH – HTa 45/07 |  |
| 5706 | Vitamin – Kháng sinh bồi bổ cơ thể phòng chống bệnh tiêu chảy dùng cho gia súc, gia cầm (dạng nước uống)                                                                                             | ERACIN      | SH – HTa 46/07 |  |
| 5707 | Premix Vitamin – Kháng sinh bồi bổ cơ thể phòng chống bệnh hô hấp dùng cho gia súc, gia cầm.                                                                                                         | ENRO - H    | SH – HTa 47/07 |  |
| 5708 | Vitamin – Kháng sinh bồi bổ cơ thể phòng chống bệnh phân xanh, phân trắng dùng cho gia súc, gia cầm (dạng nước uống)                                                                                 | SPECTYL -LC | SH – HTa 48/07 |  |
| 5709 | Vitamin – Acidamin – Khoáng vi tăng trọng nhanh dùng cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                           | MARYGOL     | SH – HTa 49/07 |  |
| 5710 | Vitamin, kháng sinh đường ruột phòng tiêu chảy gia súc, gia cầm (dạng viên)                                                                                                                          | OLAQUIN     | SH – HTa 50/08 |  |
| 5711 | Vitamin, kháng ký sinh trùng phòng bệnh lý sinh trùng                                                                                                                                                | LEVAMYSOL   | SH – HTa 51/08 |  |
| 5712 | Vitamin, kháng ký sinh trùng phòng bệnh lý sinh trùng (dạng viên)                                                                                                                                    | LEVAMYSOL   | SH – HTa 52/08 |  |
| 5713 | Vitamin, kháng sinh đường ruột phòng tiêu chảy cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                  | NEOSOL      | SH – HTa 53/08 |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thức ăn chăn nuôi Hà Nội</b><br/> Địa chỉ: Số 5 M4 thấp tầng 6, Bắc Linh Đàm, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.<br/> Điện thoại: 04.36889105.</p> |             |                |  |
| 5714 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng 9999 dùng cho heo từ tập ăn - xuất thịt                                                                                                                                    | 111         | 01:2011/HN     |  |
| 5715 | Thức ăn đậm đặc vỗ béo siêu nạc dùng cho heo từ 30kg-xuất chuồng                                                                                                                                     | 131         | 02:2011/HN     |  |
| 5716 | Thức ăn đậm đặc heo nái chữa đẻ                                                                                                                                                                      | 141         | 03:2011/HN     |  |
| 5717 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho heo từ 5kg - xuất chuồng                                                                                                                                            | 151         | 04:2011/HN     |  |
| 5718 | Thức ăn đậm đặc ngan pháp - vịt siêu thịt từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng                                                                                                                               | 211         | 05:2011/HN     |  |
| 5719 | Thức ăn đậm đặc gà nuôi thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                                                          | 113         | 06:2011/HN     |  |
| 5720 | Thức ăn đậm đặc siêu cao đạm dùng cho heo từ tập ăn - xuất chuồng                                                                                                                                    | 828         | 07:2011/HN     |  |

|      |                                                                                                                                                  |                              |             |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------|--|
| 5721 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng 9999 dùng cho heo từ tập ăn - xuất chuồng                                                                              | 838                          | 08:2011/HN  |  |
| 5722 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho heo từ 5kg - xuất chuồng                                                                                        | 858                          | 09:2011/HN  |  |
| 5723 | Thức ăn đậm đặc vỗ béo siêu nạc dùng cho heo trước lúc xuất chuồng                                                                               | 868                          | 10:2011/HN  |  |
| 5724 | Thức ăn đậm đặc heo nái cho nái hậu bị, nái mang thai và nuôi con                                                                                | 878                          | 11:2011/HN  |  |
| 5725 | Thức ăn đậm đặc gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                           | 888                          | 12:2011/HN  |  |
| 5726 | Thức ăn đậm đặc siêu cao đạm dùng cho heo từ tập ăn - xuất chuồng                                                                                | 111A                         | 13:2011/HN  |  |
| 5727 | Thức ăn đậm đặc siêu cao đạm dùng cho heo từ 5kg - xuất chuồng                                                                                   | H5000                        | 14:2011/HN  |  |
| 5728 | Thức ăn bổ sung Premix vitamin - khoáng cho heo                                                                                                  | Tăng tốc lợn 01              | 15:2011/HN  |  |
| 5729 | Thức ăn bổ sung vitamin - axit amin và khoáng cho gia súc, gia cầm                                                                               | Men tiêu hóa cao cấp         | 16:2011/HN  |  |
| 5730 | Thức ăn bổ sung Vitamin và axit amin cho gia súc, gia cầm                                                                                        | Honomilac                    | 17:2011/HN  |  |
| 5731 | Thức ăn bổ sung Khoáng - vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                            | Canxi-ADE                    | 18:2011/HN  |  |
| 5732 | Thức ăn bổ sung vitamin dùng cho gia súc, gia cầm                                                                                                | B complex                    | 19:2011/HN  |  |
|      | <b>Công ty TNHH Tân Thành Trung</b><br>Địa chỉ: 157 Đại La, phường Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội.<br>Điện thoại: 043.6810519. Fax: 043.6810519. |                              |             |  |
| 5733 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                       | B48,155,B40,150,01A,113,N999 | 01:2011/TTT |  |
| 5734 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                       | 151,B41,02,114               | 02:2011/TTT |  |
| 5735 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn từ 10Kg đến xuất chuồng                                                                                         | 152,N555,03,115              | 03:2011/TTT |  |
| 5736 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn vỗ béo                                                                                                          | 07,117,153, 333              | 04:2011/TTT |  |
| 5737 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái mang thai và nuôi con                                                                                       | 156,B44                      | 05:2011/TTT |  |
| 5738 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                              | 211,B52, N777                | 06:2011/TTT |  |
|      | <b>Công ty TNHH Thái Bình Dương</b><br>Địa chỉ: Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội.<br>Điện thoại : 04.38178580. Fax: 04.38178580.                        |                              |             |  |

|      |                                                                                                                                                |                                 |              |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|--|
| 5739 | Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                           | Sao Việt – Siêu cao đạm 909     | TBD VP 27/05 |  |
| 5740 | Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                           | Việt Tiến – S8800               | TBD VP 27/05 |  |
| 5741 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ tập ăn – 15kg                                                                                                   | Sao Việt S9000                  | TBD VP 29/08 |  |
| 5742 | Thức ăn hỗn hợp viên cho lợn thịt từ 15kg – 30kg                                                                                               | Sao Việt S9010                  | TBD VP 30/08 |  |
| 5743 | Thức ăn hỗn hợp viên cho lợn thịt từ 30kg – xuất chuồng                                                                                        | Sao Việt – S9020                | TBD VP 31/08 |  |
| 5744 | Thức ăn hỗn hợp viên cho lợn lai từ 30kg – xuất chuồng                                                                                         | Sao Việt – S9030                | TBD VP 32/08 |  |
| 5745 | Thức ăn đậm đặc chuyên dùng cho gà thịt từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng                                                                           | Dream 200                       | TBD.VP 04/03 |  |
| 5746 | Thức ăn đậm đặc chuyên dùng cho lợn nái chữa và nuôi con                                                                                       | Future 116                      | TBD.VP 10/04 |  |
| 5747 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn – 25kg                                                                                                  | Sao Việt – Siêu cao đạm 01      | TBD.VP 11/04 |  |
| 5748 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                           | Sao Việt – Siêu cao đạm 02      | TBD.VP 12/04 |  |
| 5749 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                                | Việt Tiến – Siêu hạng 48        | TBD.VP 14/04 |  |
| 5750 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                                | Việt Tiến – Siêu hạng 44        | TBD.VP 15/04 |  |
| 5751 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                                | Sao Việt – Siêu cao đạm 101     | TBD.VP 17/04 |  |
| 5752 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                                | Future Feed – Siêu cao đạm 8888 | TBD.VP 18/04 |  |
| 5753 | Thức ăn đậm đặc cho gà từ 01 ngày tuổi – xuất chuồng                                                                                           | Future 213S                     | TBD.VP 22/04 |  |
|      | <b>Công ty TNHH Công nghệ xanh Thành Châu</b><br>Địa chỉ: Tổ 29, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội.<br>Tel: 0436805270. Fax: 0439870812. |                                 |              |  |
| 5754 | Enzyme phytaza                                                                                                                                 | Enzyme phytaza VS1              | 02           |  |
| 5755 | Lactobacillus acidophilus                                                                                                                      | Men tiêu hóa Lactomen           | 03           |  |
|      | <b>Công ty TNHH Sản xuất &amp; Thương mại Thành Vinh</b><br>Địa chỉ: An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.<br>Điện thoại: 04.33650035. Fax 04.33650247.  |                                 |              |  |

|      |                                                                                |        |            |           |
|------|--------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|-----------|
| 5756 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt từ 15 kg đến 30 kg                 | 315s   | 09:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5757 | Hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến 60kg                                | 325    | 10:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5758 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt từ 15 kg đến 30 kg                 | 325    | 11:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5759 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt từ 30 kg đến 60 kg                 | 328    | 12:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5760 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ 40 kg đến xuất chuồng            | 388    | 13:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5761 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi | 551    | 23:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5762 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 22 ngày đến xuất                            | 552    | 24:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5763 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất      | 6226   | 29:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5764 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà đẻ                                       | 6368   | 30:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5765 | Hỗn hợp đặc biệt cho lợn con tập ăn                                            | G 888  | 31:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5766 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn lai từ 15kg đến 30kg                              | G833   | 34:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5767 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn lai từ 30kg đến xuất chuồng                       | G844   | 35:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5768 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn lai từ 40kg đến xuất                              | G455   | 37:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5769 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng               | G855s  | 38:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5770 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị và cút thịt                                | C222   | 46:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5771 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ                                                | C333   | 47:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5772 | Thức ăn đặc biệt dùng cho heo tập ăn                                           | Prolac | 50:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5773 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ 15kg đến 40kg                    | 838    | 51:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5774 | Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng                         | G866s  | 55:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5775 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn lai từ 40kg đến xuất chuồng                       | 848    | 56:2011/TV | 28/SNN-CN |
| 5776 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ 30kg đến xuất                    | 824    | 57:2011/TV | 28/SNN-CN |

|      |                                                                                                                                         |                |             |           |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|-----------|
| 5777 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn lai từ 20kg đến 60 kg                                                                                      | 838s           | 58:2011/TV  | 28/SNN-CN |
| 5778 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất                                                                                | 555            | 60:2011/TV  | 28/SNN-CN |
| 5779 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt từ 30kg đến 6 kg                                                                            | 325s           | 61:2011/TV  | 28/SNN-CN |
|      | <b>Công ty Cổ phần Thú y xanh Việt Nam</b><br>Địa chỉ: 186 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội<br>Điện thoại: 04.36782932. Fax: 04. 36783471. |                |             |           |
| 5780 | Men vi sinh và vitamin thiết yếu cho gia súc, gia cầm                                                                                   | E.LAC          | 01:2011/GRV |           |
| 5781 | Hấp phụ độc tố nấm mốc                                                                                                                  | MAGNET         | 12:2011/GRV |           |
| 5782 | Chống độc tố nấm mốc                                                                                                                    | ESCENT         | 13:2011/GRV |           |
| 5783 | Acid hữu cơ                                                                                                                             | NOVICID        | 14:2011/GRV |           |
| 5784 | Acid hữu cơ                                                                                                                             | NOVICID-S      | 15:2011/GRV |           |
| 5785 | Giải độc, tăng lực                                                                                                                      | ESCENT-L       | 16:2011/GRV |           |
| 5786 | Tăng hấp thu thức ăn, hạn chế tiêu chảy                                                                                                 | NOVIRATE-C     | 17:2011/GRV |           |
| 5787 | Acid hữu cơ                                                                                                                             | NOVICID-YY     | 18:2011/GRV |           |
| 5788 | Chất chống oxy hóa                                                                                                                      | NOVINOX        | 19:2011/GRV |           |
| 5789 | Chống độc tố nấm mốc                                                                                                                    | DETOX-BIO PLUS | 20:2011/GRV |           |
| 5790 | Acid hữu cơ                                                                                                                             | MAXCID         | 21:2011/GRV |           |
| 5791 | Acid hữu cơ                                                                                                                             | MAXCID-S       | 22:2011/GRV |           |
| 5792 | Giải độc, tăng lực                                                                                                                      | NOVIGOLD       | 23:2011/GRV |           |
| 5793 | Tăng hấp thu thức ăn, hạn chế tiêu chảy                                                                                                 | VIRATE-C       | 24:2011/GRV |           |
| 5794 | Thuốc bột pha vaccine cho gia cầm uống                                                                                                  | SKIM MILK      | 25:2011/GRV |           |
| 5795 | Giải độc gan, tăng cường chức năng gan thận                                                                                             | HEPATOL        | 26:2011/GRV |           |
| 5796 | Bổ sung điện giải và vitamin cho gia súc, gia cầm                                                                                       | UNILYTE VIT C  | 27:2011/GRV |           |
| 5797 | Bổ sung vitamin và điện giải                                                                                                            | ALL-LYTE       | 28:2011/GRV |           |
| 5798 | Bổ sung vitamin A, D3, E và men vi sinh                                                                                                 | ADE PRO        | 29:2011/GRV |           |

|      |                                                                                                                                                                                                           |                    |             |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------|--|
| 5799 | Bổ sung men vi sinh và enzyme cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                        | ALL-ZYM            | 30:2011/GRV |  |
| 5800 | Bổ sung men vi sinh và enzym                                                                                                                                                                              | PROLAC             | 31:2011/GRV |  |
| 5801 | Bổ sung khoáng vi lượng và vitamin trong thức ăn cho heo thịt                                                                                                                                             | GREENMIX-H80       | 32:2011/GRV |  |
| 5802 | Premix khoáng và vitamin đặc biệt cho gia cầm đẻ                                                                                                                                                          | GREENMIX-T72       | 33:2011/GRV |  |
| 5803 | Premix khoáng và vitamin đặc biệt cho gia cầm thịt                                                                                                                                                        | GREENMIX-T73       | 34:2011/GRV |  |
| 5804 | Premix khoáng và vitamin đặc biệt cho gia cầm non                                                                                                                                                         | GREENMIX-T74       | 35:2011/GRV |  |
| 5805 | Bổ sung men vi sinh vào trong thức ăn chăn nuôi                                                                                                                                                           | BIOGREEN           | 36:2011/GRV |  |
| 5806 | Bổ sung vitamin A, D3, E và enzym                                                                                                                                                                         | Vit AD3E Extra Egg | 37:2011/GRV |  |
| 5807 | Giải độc gan, tăng cường chức năng gan thận                                                                                                                                                               | A-TOX Plus         | 38:2011/GRV |  |
| 5808 | Thức ăn bổ sung men vi sinh, enzym, vitamin và acid hữu cơ                                                                                                                                                | Lactacids          | 39:2011/GRV |  |
| 5809 | Bột hút ẩm, khử mùi hôi chuồng nuôi                                                                                                                                                                       | SAFE GUARD         | 40:2011/GRV |  |
| 5810 | Premix khoáng bổ xung cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                                               | CAMIX              | 42:2011/GRV |  |
| 5811 | Bổ sung vitamin thiết yếu cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                            | ALL-VIT            | 43:2011/GRV |  |
| 5812 | Men vi sinh, vitamin thiết yếu dùng cho gia súc và gia cầm                                                                                                                                                | BIOGUARD           | 44:2011/GRV |  |
| 5813 | Bổ sung vitamin thiết yếu cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                            | VITASOL            | 45:2011/GRV |  |
|      | <p style="text-align: center;"><b>Công ty Cổ phần Thuốc thú y Toàn Thắng</b><br/> Địa chỉ: Số 9A3, Ngách 1194/155 Đường Láng, Tổ 42, Đống Đa, Hà Nội.<br/> Điện thoại: 04.62754015. Fax: 04.62754013.</p> |                    |             |  |
| 5814 | Bổ sung "Probiotic" và A-D-E cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                         | ADE-POWDER         | 01:2009/TT  |  |
| 5815 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                                      | NEOLAC-P           | 01:2010/TT  |  |
| 5816 | Bổ sung khoáng, vi lượng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                             | CALXI-PLUS         | 01:2011/TT  |  |
| 5817 | Bổ gan và thận cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                                       | HEPA-PRO           | 02:2009/TT  |  |
| 5818 | Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm                                                                                                                                                                      | MYWAY              | 02:2010/TT  |  |
| 5819 | Kích thích sinh trưởng, tăng cường đáp ứng miễn dịch.                                                                                                                                                     | GLUCAN-C           | 02:2011/TT  |  |

|      |                                                                                       |               |             |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|--|
| 5820 | Tăng cường sức đề kháng, phòng ngừa bệnh Gumboro trên gia cầm.                        | GUMBO-S       | 03:2011/TT  |  |
| 5821 | Bổ sung men tiêu hoá, enzym và thảo dược cho gia súc, gia cầm                         | DYZYM         | 04:2009/TT  |  |
| 5822 | Bổ gan, giải độc thận, tăng cường sức đề kháng.                                       | HEPA-SOL      | 04:2011/TT  |  |
| 5823 | Kích trứng, kéo dài chu kỳ đẻ, tăng cường tiêu hoá                                    | MULTYVIT      | 05:2011/TT  |  |
| 5824 | Bổ sung dinh dưỡng, hỗ trợ điều trị bệnh cầu trùng, tăng cường miễn dịch cho gia cầm. | K.G-50        | 06:2009/TT  |  |
| 5825 | Bổ sung vitamin K hàm lượng cao giúp cầm máu nhanh                                    | NEO-K33       | 06:2011/TT  |  |
| 5826 | Bổ sung dinh dưỡng, tăng sức đề kháng, phòng bệnh đường hô hấp cho gia súc, gia cầm   | BROMEX        | 07:2009/TT  |  |
| 5827 | Giải nhiệt, giải độc, chống stress                                                    | NEO-KC        | 07:2011/TT  |  |
| 5828 | Giảm ho, long đờm, thông khí quản                                                     | NEO-BROM      | 08:2011/TT  |  |
| 5829 | Bổ sung men tiêu hoá sống.                                                            | NEOLAC        | 09:2011/TT  |  |
| 5830 | Dung dịch bổ sung khoáng đa lượng, vi lượng cho gia súc, gia cầm.                     | MIXOPLUS      | 10:2009/TT  |  |
| 5831 | Bổ sung điện giải, vitamin và men vi sinh vật.                                        | NEOLYTE       | 10:2011/TT  |  |
| 5832 | Kích thích tiêu hoá, phòng tiêu chảy, giảm mùi hôi chuồng trại                        | NEO-ZYM       | 11:2011/TT  |  |
| 5833 | Kích trứng, kéo dài chu kỳ đẻ                                                         | VITADE        | 12:2011/TT  |  |
| 5834 | Tăng cường sức đề kháng kích thích tăng trưởng                                        | HIWAY         | 13:2011/TT  |  |
| 5835 | Men tiêu hoá sống                                                                     | TT-PROLAC     | TT HN 01/07 |  |
| 5836 | Chế phẩm sinh học phòng bệnh và tăng trọng cho gia súc, gia cầm                       | TT-BIOLACZIM  | TT HN 02/07 |  |
| 5837 | chế phẩm sinh học phòng bệnh và tăng trọng cho gia súc, gia cầm                       | TT-NUTRIFAM   | TT HN 03/07 |  |
| 5838 | Bổ sung Calxi, vitamin cho gia súc, gia cầm                                           | TT-CALCI ADE  | TT HN 04/07 |  |
| 5839 | Tăng lực, phục hồi sức khoẻ và chống sốc cho gia súc, gia cầm                         | TT-SUPPERLYTE | TT HN 05/07 |  |
| 5840 | "Vitamin & Probiotic" dùng cho gà, vịt và cút đẻ                                      | TT-MULTIPRO   | TT HN 06/07 |  |
| 5841 | Chế phẩm sinh học tăng miễn dịch, phòng bệnh Gumboro cho gà                           | TT-ANTIGUM    | TT HN 07/07 |  |
| 5842 | Chế phẩm sinh học kích thích miễn dịch phòng bệnh tiêu chảy và tăng trọng             | TT-GLUCAN     | TT HN 09/07 |  |

|      |                                                                                                                                                                                                    |                |               |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|--|
| 5843 | Enzym tiêu hoá, các chất sinh học tổng hợp dùng cho gia súc, gia cầm                                                                                                                               | TT-ENZYM       | TT HN 10/07   |  |
| 5844 | Chất điện giải cho các loại vật nuôi                                                                                                                                                               | TT-BIOLYTE     | TT HN 11/07   |  |
| 5845 | Chế phẩm sinh học kích thích miễn dịch, phòng bệnh và tăng trọng                                                                                                                                   | TT-GLU.K.C     | TT HN 12/07   |  |
| 5846 | Chất hấp phụ độc tố thể hệ mới                                                                                                                                                                     | TT-MYCOD       | TT HN 15/07   |  |
| 5847 | Chế phẩm sinh học chuyên dùng úm gà, vịt và cút con                                                                                                                                                | TT-CK9         | TT HN 16/08   |  |
| 5848 | Chất hấp phụ độc tố thể hệ mới cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                               | TT-MYCOZIM     | TT HN 17/08   |  |
| 5849 | Chế phẩm sinh học chuyên dùng cho gia súc, gia cầm.                                                                                                                                                | TT-PAKWAY      | TT HN 18/08   |  |
| 5850 | Dung dịch bổ gan, thận cho gia cầm, gia súc                                                                                                                                                        | HEPA PLUS      | TT HN 19/08   |  |
|      | <p style="text-align: center;"><b>Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung ương</b><br/> Địa chỉ: Km 14 Quốc lộ 1A, Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội.<br/> Điện thoại: 043.6861138. Fax: 043.8680574</p> |                |               |  |
| 5851 | Thức ăn hỗn hợp lợn con tập ăn từ 7kg đến 15 kg                                                                                                                                                    | VILICO 1015S   | 01 : 2009/VLF |  |
| 5852 | Thức ăn hỗn hợp heo con tập ăn từ 7 ngày đến 15 kg                                                                                                                                                 | NGỌC HỒI 101S  | 01 : 2010/NHF |  |
| 5853 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con lông màu từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                                                          | NGỌC HỒI 205M  | 01 : 2011/NHF |  |
| 5854 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con lông màu từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                                                          | VILICO 2028M   | 01 : 2011/VLF |  |
| 5855 | Thức ăn hỗn hợp lợn thịt từ 15 đến 30 kg                                                                                                                                                           | VILICO 1030HL  | 02 : 2009/VLF |  |
| 5856 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt trang trại                                                                                                                                                            | NGỌC HỒI 117TR | 02 : 2011/NHF |  |
| 5857 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt trang trại                                                                                                                                                            | VILICO 1071TR  | 02 : 2011/VLF |  |
| 5858 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt siêu nạc từ 20 đến 45 kg                                                                                                                                                  | NGỌC HỒI 102S  | 02: 2010/NHF  |  |
| 5859 | Thức ăn hỗn hợp lợn thịt siêu nạc từ 20 đến 45 kg                                                                                                                                                  | VILICO 1045    | 03 : 2009/VLF |  |
| 5860 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt siêu nạc từ 45 đến 90 kg                                                                                                                                                  | NGỌC HỒI 103S  | 03 : 2010/NHF |  |
| 5861 | Thức ăn hỗn hợp lợn thịt từ 25 đến 70 kg                                                                                                                                                           | VILICO 1070HL  | 04 : 2009/VLF |  |
| 5862 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 15 đến 30 kg                                                                                                                                                           | NGỌC HỒI 104HL | 04 : 2010/NHF |  |
| 5863 | Thức ăn hỗn hợp lợn thịt từ 30 kg đến xuất chuồng                                                                                                                                                  | VILICO 1080HL  | 05 : 2009/VLF |  |
| 5864 | Thức ăn hỗn hợp heo nái chữa                                                                                                                                                                       | NGỌC HỒI 10 C  | 05 : 2010/NHF |  |

|      |                                                           |                 |                |  |
|------|-----------------------------------------------------------|-----------------|----------------|--|
| 5865 | Thức ăn hỗn hợp lợn thịt từ 30 kg đến xuất chuồng         | VILICO 1090HL   | 06 : 2009/VLF  |  |
| 5866 | Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con                          | NGỌC HỒI 106N   | 06: 2010/NHF   |  |
| 5867 | Thức ăn hỗn hợp lợn thịt siêu nạc từ 45 đến 90 kg         | VILICO 1090S    | 07 : 2009/VLF  |  |
| 5868 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 25 đến 70 kg                  | NGỌC HỒI 107 HL | 07: 2010/NHF   |  |
| 5869 | Thức ăn hỗn hợp lợn nái ngoại nuôi con                    | VILICO 1091S    | 08 : 2009/VLF  |  |
| 5870 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 30 kg đến xuất chuồng         | NGỌC HỒI 108HL  | 08 : 2010/NHF  |  |
| 5871 | Thức ăn hỗn hợp lợn nái nuôi con                          | VILICO 1092     | 09 : 2009/VLF  |  |
| 5872 | Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 30 kg đến xuất chuồng         | NGỌC HỒI 109HL  | 09: 2010/NHF   |  |
| 5873 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5 kg đến xuất chuồng      | VILICO 9005     | 10 : 2009/VLF  |  |
| 5874 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5 kg đến xuất chuồng      | NGỌC HỒI 888    | 10 : 2010/NHF  |  |
| 5875 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng    | VILICO 9006     | 11 : 2009 /VLF |  |
| 5876 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng    | NGỌC HỒI 999    | 11 : 2010/NHF  |  |
| 5877 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con từ 1 đến 14 ngày tuổi          | VILICO 2014     | 12 : 2009/VLF  |  |
| 5878 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con từ 1 đến 14 ngày tuổi          | NGỌC HỒI 201    | 12 : 2010/NHF  |  |
| 5879 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị giống                       | VILICO 2017     | 13 : 2009/VLF  |  |
| 5880 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con từ 15 đến 28 ngày tuổi         | NGỌC HỒI 202    | 13 : 2010/NHF  |  |
| 5881 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con từ 15 đến 28 ngày tuổi         | VILICO 2028     | 14 : 2009/VLF  |  |
| 5882 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 29 đến 42 ngày tuổi        | NGỌC HỒI 203    | 14 : 2010/NHF  |  |
| 5883 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con lông màu từ 1 đến 21 ngày tuổi | VILICO 2028M    | 15 : 2009/VLF  |  |
| 5884 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 42 ngày đến xuất chuồng    | NGỌC HỒI 204    | 15 : 2010/NHF  |  |
| 5885 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con lông màu từ 22 đến xuất bán    | VILICO 2029M    | 16 : 2009/VLF  |  |
| 5886 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con lông màu từ 1 đến 21 ngày tuổi | NGỌC HỒI 205M   | 16 : 2010/NHF  |  |

|      |                                                                 |               |               |  |
|------|-----------------------------------------------------------------|---------------|---------------|--|
| 5887 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi đến xuất bán     | VILICO 2030M  | 17 : 2009/VLF |  |
| 5888 | Thức ăn hỗn hợp cho gà con lông màu từ 22 đến xuất bán          | NGỌC HỒI 206M | 17 : 2010/NHF |  |
| 5889 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 29 đến 42 ngày tuổi              | VILICO 2042   | 18 : 2009/VLF |  |
| 5890 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi đến xuất bán     | NGỌC HỒI 207M | 18 : 2010/NHF |  |
| 5891 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 42 ngày đến xuất chuồng          | VILICO 2060   | 19 : 2009/VLF |  |
| 5892 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị giống                             | NGỌC HỒI 211  | 19 : 2010/NHF |  |
| 5893 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng                            | VILICO 2085   | 20 : 2009/VLF |  |
| 5894 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng giống                           | NGỌC HỒI 212  | 20 : 2010/NHF |  |
| 5895 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trống sinh sản                           | VILICO 2086   | 21 : 2009/VLF |  |
| 5896 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng                            | NGỌC HỒI 214  | 21 : 2010/NHF |  |
| 5897 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng giống                           | VILICO 2095   | 22 : 2009/VLF |  |
| 5898 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ,ngan từ 1 đến 21 ngày tuổi             | NGỌC HỒI 301  | 22 : 2010/NHF |  |
| 5899 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ,ngan từ 1 đến 21 ngày tuổi             | VILICO 3021   | 23 : 2009/VLF |  |
| 5900 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ,ngan thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán | NGỌC HỒI 302  | 23 : 2010/NHF |  |
| 5901 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ,ngan thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán | VILICO 3060   | 24 : 2009/VLF |  |
| 5902 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan đẻ                                 | NGỌC HỒI 303  | 24 : 2010/NHF |  |
| 5903 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan đẻ                                 | VILICO 3085   | 25 : 2009/VLF |  |
| 5904 | Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 đến 35 ngày tuổi            | NGỌC HỒI 401  | 25 : 2010/NHF |  |
| 5905 | Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 đến 35 ngày tuổi            | VILICO 4040   | 26 : 2009/VLF |  |
| 5906 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ từ 36 ngày đến loại thải             | NGỌC HỒI 402  | 26: 2010/NHF  |  |
| 5907 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ từ 36 ngày đến loại thải             | VILICO 4045   | 27 : 2009/VLF |  |
| 5908 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày đến xuất bán              | NGỌC HỒI 555  | 27 : 2010/NHF |  |
| 5909 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày đến xuất bán              | VILICO 8070   | 28 : 2009/VLF |  |
| 5910 | Thức ăn hỗn hợp cho bò thịt                                     | NGỌC HỒI 501  | 28 : 2010/NHF |  |
| 5911 | Thức ăn đậm đặc cho bò thịt                                     | NGỌC HỒI 505  | 29 : 2010/NHF |  |

|      |                                                                                                                                                                   |               |               |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|--|
| 5912 | Thức ăn đậm đặc cho vịt , ngan đẻ                                                                                                                                 | VILICO 3005   | 29 : 2010/VLF |  |
| 5913 | Thức ăn đậm đặc cho vịt , ngan đẻ                                                                                                                                 | NGỌC HỒI 333  | 30 : 2010/VLF |  |
| 5914 | Thức ăn hỗn hợp gà đẻ ai cập                                                                                                                                      | VILICO 2084   | 30 : 2010/VLF |  |
|      | <b>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dinh dưỡng quốc tế Việt Áo</b><br>Địa chỉ: 138A Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.<br>Điện thoại: 04.36557667. Fax: 04.36557303 |               |               |  |
| 5915 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái dùng cho heo nái chữa và nái nuôi con                                                                                                 | B52.Số 5      | VA HN 17/05   |  |
| 5916 | Thức ăn đậm đặc cho heo thịt dùng cho lợn từ 10kg – 100kg                                                                                                         | B52.Số3       | VA HN 18/05   |  |
| 5917 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                        | B52.Số2       | VA HN 19/05   |  |
| 5918 | Thức ăn đậm đặc cho heo gột dùng cho heo từ tập ăn -45kg                                                                                                          | B52.Số1       | VA HN 20/05   |  |
| 5919 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                        | B52.A20       | VA HN 21/05   |  |
| 5920 | Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                            | USB           | VA HN 22/05   |  |
| 5921 | Thức ăn đậm đặc siêu cao cấp dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                               | SH-888        | VA HN 23/05   |  |
| 5922 | Thức ăn đậm đặc siêu cao cấp dùng cho heo từ 5kg đến xuất chuồng                                                                                                  | SH-151S       | VA HN 24/05   |  |
| 5923 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con tập ăn từ 7kg – 15kg                                                                                                                  | B52.111       | VA HN 26/05   |  |
| 5924 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg – 40kg                                                                                                                            | Topten - 1211 | VA HN 42/08   |  |
| 5925 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 40kg - xuất chuồng                                                                                                                     | Topten - 1212 | VA HN 43/08   |  |
| 5926 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg – 30kg                                                                                                                            | B52-112       | VA HN 45/08   |  |
| 5927 | Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - Xuất chuồng                                                                                                                     | B52-113       | VA HN 46/08   |  |
| 5928 | Siêu đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                               | G7            | VA HN 47/07   |  |
| 5929 | Siêu đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                               | Topten T10    | VA HN 48/07   |  |
| 5930 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt lông màu từ 1 ngày tuổi - xuất bán                                                                                               | VA.530        | VA HN 49/08   |  |
| 5931 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt lông màu từ 1 ngày tuổi - xuất bán                                                                                        | VA.430        | VA HN 50/08   |  |

|      |                                                                                                                                                                                                                                         |       |             |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|--|
|      | <p align="center"><b>Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Việt Tín</b><br/> Địa chỉ: 54/395 Tập thể Bưu Điện, Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội. Nhà máy: Xã Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội.<br/> Điện thoại: 04.5964688. Fax: 04.596466.</p> |       |             |  |
| 5932 | Thức ăn siêu đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng                                                                                                                                                                           | T619  | 07:2010/VT  |  |
| 5933 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan thịt từ 22 ngày tuổi – xuất chuồng                                                                                                                                                                         | 662   | 100:2010/VT |  |
| 5934 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan thịt từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng                                                                                                                                                                          | 663   | 101:2010/VT |  |
| 5935 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan đẻ siêu trứng                                                                                                                                                                                              | 660   | 102:2010/VT |  |
| 5936 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ tập ăn – 15 kg                                                                                                                                                                                           | 311   | 105:2010/VT |  |
| 5937 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 15 – 30 kg                                                                                                                                                                                               | 322   | 106:2010/VT |  |
| 5938 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 20 – 50 kg                                                                                                                                                                                               | 333   | 107:2010/VT |  |
| 5939 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30– 70 kg                                                                                                                                                                                                | 344   | 108:2010/VT |  |
| 5940 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 kg – xuất chuồng                                                                                                                                                                                      | 345   | 109:2010/VT |  |
| 5941 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 1 – 14 ngày tuổi                                                                                                                                                                                        | A510  | 116:2010/VT |  |
| 5942 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 15 – 28 ngày tuổi                                                                                                                                                                                       | A511  | 117:2010/VT |  |
| 5943 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 29 – 42 ngày tuổi                                                                                                                                                                                       | A512  | 118:2010/VT |  |
| 5944 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng                                                                                                                                                                              | A513  | 119:2010/VT |  |
| 5945 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị                                                                                                                                                                                                           | A514  | 120:2010/VT |  |
| 5946 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng D1                                                                                                                                                                                                 | A515  | 121:2010/VT |  |
| 5947 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng D2                                                                                                                                                                                                 | A516  | 122:2010/VT |  |
| 5948 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cú hậu bị                                                                                                                                                                                                      | C21   | 123:2010/VT |  |
| 5949 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cú đẻ                                                                                                                                                                                                          | C22   | 124:2010/VT |  |
| 5950 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                                                                                                            | 123   | 126:2010/VT |  |
| 5951 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt siêu nạc từ 15 – 40 kg                                                                                                                                                                                     | 8002S | 127:2010/VT |  |
| 5952 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con                                                                                                                                                                                                    | 8007  | 128:2010/VT |  |
| 5953 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con                                                                                                                                                                                                    | 307   | 129:2010/VT |  |
| 5954 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                                                                                                            | 168   | 13:2010/VT  |  |

|      |                                                                  |       |             |  |
|------|------------------------------------------------------------------|-------|-------------|--|
| 5955 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt siêu nạc từ 15 – 40 kg              | 322S  | 130:2010/VT |  |
| 5956 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng          | 212   | 131:2010/VT |  |
| 5957 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng          | 912   | 132:2010/VT |  |
| 5958 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt siêu nạc từ 40 kg – xuất chuồng     | 8004S | 133:2010/VT |  |
| 5959 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt siêu nạc từ 40 kg – xuất chuồng     | 344S  | 134:2010/VT |  |
| 5960 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng         | 2023  | 137:2010/VT |  |
| 5961 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng         | 993   | 138:2010/VT |  |
| 5962 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn – xuất chuồng     | 168   | 139:2010/VT |  |
| 5963 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái chữa                                 | 306   | 140:2010/VT |  |
| 5964 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 kg – xuất chuồng               | 805L  | 141:2010/VT |  |
| 5965 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 kg – xuất chuồng               | 345L  | 142:2010/VT |  |
| 5966 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng | 303L  | 143:2010/VT |  |
| 5967 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan thịt từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng  | 663L  | 144:2010/VT |  |
| 5968 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho lợn từ 35 – 75 kg                   | 805A  | 147:2010/VT |  |
| 5969 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho lợn từ 35 – 75 kg                   | 345A  | 148:2010/VT |  |
| 5970 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 1 – 14 ngày tuổi                 | 231   | 149:2010/VT |  |
| 5971 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 15 – 28 ngày tuổi                | 232   | 150:2010/VT |  |
| 5972 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 29 – 42 ngày tuổi                | 233   | 151:2010/VT |  |
| 5973 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng       | 234   | 152:2010/VT |  |
| 5974 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt trang trại từ 1 – 21 ngày tuổi       | 241   | 153:2010/VT |  |
| 5975 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt trang trại từ 22 – 42 ngày tuổi      | 242   | 154:2010/VT |  |

|      |                                                                      |       |             |  |
|------|----------------------------------------------------------------------|-------|-------------|--|
| 5976 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt trang trại từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng | 243   | 155:2010/VT |  |
| 5977 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt trang trại từ 30 ngày tuổi – xuất chuồng | 252   | 162:2010/VT |  |
| 5978 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn – xuất chuồng         | A1610 | 29:2010/VT  |  |
| 5979 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 1 – 21 ngày tuổi                       | 2001  | 68:2010/VT  |  |
| 5980 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 22 – 42 ngày tuổi                      | 2002  | 69:2010/VT  |  |
| 5981 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 1-21 ngày tuổi                  | 3001  | 70:2010/VT  |  |
| 5982 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi – xuất chuồng     | 3002  | 71:2010/VT  |  |
| 5983 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng      | 3003  | 72:2010/VT  |  |
| 5984 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ siêu trứng A1                             | 3100  | 73:2010/VT  |  |
| 5985 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ tập ăn – 15 kg                        | 8001  | 75:2010/VT  |  |
| 5986 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 15 – 30 kg                            | 8002  | 76:2010/VT  |  |
| 5987 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 20 – 50 kg                            | 8003  | 77:2010/VT  |  |
| 5988 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30– 70 kg                             | 8004  | 78:2010/VT  |  |
| 5989 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai từ 30 kg – xuất chuồng                   | 8005  | 79:2010/VT  |  |
| 5990 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái chữa                                     | 8006  | 80:2010/VT  |  |
| 5991 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 1 – 14 ngày tuổi                     | 2003  | 86:2010/VT  |  |
| 5992 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 15 – 28 ngày tuổi                    | 2004  | 87:2010/VT  |  |
| 5993 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 29 – 42 ngày tuổi                    | 2005  | 88:2010/VT  |  |
| 5994 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng           | 2006  | 89:2010/VT  |  |
| 5995 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị                                        | 2007  | 90:2010/VT  |  |
| 5996 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng A1                              | 2008  | 91:2010/VT  |  |
| 5997 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng A2                              | 2009  | 92:2010/VT  |  |
| 5998 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút hậu bị                                  | C401  | 93:2010/VT  |  |
| 5999 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút đẻ                                      | C402  | 94:2010/VT  |  |
| 6000 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 1 – 21 ngày tuổi                       | 991   | 97:2010/VT  |  |

|      |                                                                                                                                                                        |          |             |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|--|
| 6001 | Thức ăn hỗn hợp cho gà màu từ 22 – 42 ngày tuổi                                                                                                                        | 992      | 98:2010/VT  |  |
| 6002 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan con từ 1-21 ngày tuổi                                                                                                                     | 661      | 99:2010/VT  |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Vĩnh Hà</b><br/> Địa chỉ: Cụm công nghiệp Trường An, An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.<br/> Điện thoại: 04.33650555. Fax: 04.33650555.</p> |          |             |  |
| 6003 | Thức ăn đậm đặc cho lợn nái                                                                                                                                            | S 114    | 06:2011/VH  |  |
| 6004 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt đẻ hướng trứng                                                                                                                      | D 323    | 09:2011/VH  |  |
| 6005 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt                                                                                                                                           | Số 1     | 100:2011/VH |  |
| 6006 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt                                                                                                                                           | Số 2     | 101:2011/VH |  |
| 6007 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 15 – 30kg                                                                                                                   | Số 5     | 103:2011/VH |  |
| 6008 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ tập ăn đến 15 kg                                                                                                            | Số 3     | 103:2011/VH |  |
| 6009 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 30kg – Xuất chuồng                                                                                                          | Số 6     | 104:2011/VH |  |
| 6010 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nái                                                                                                                                 | F 555    | 120:2011/VH |  |
| 6011 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 15 – 30kg                                                                                                                   | Siêu tốc | 121:2011/VH |  |
| 6012 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ tập ăn đến 15 kg                                                                                                            | Starter  | 123:2011/VH |  |
| 6013 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 15 – 30kg                                                                                                                   | F 515    | 18:2011/VH  |  |
| 6014 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 30kg – Xuất chuồng                                                                                                          | F 525    | 19:2011/VH  |  |
| 6015 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt                                                                                                                                           | F 002    | 61:2011/VH  |  |
| 6016 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt                                                                                                                                           | F 007    | 63:2011/VH  |  |
| 6017 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt                                                                                                                                           | V 111    | 70:2011/VH  |  |
| 6018 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt                                                                                                                                           | V 112    | 71:2011/VH  |  |
| 6019 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt                                                                                                                                            | V 211    | 74:2011/VH  |  |
| 6020 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt                                                                                                                                            | F 005    | 76:2011/VH  |  |
| 6021 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 15 – 30kg                                                                                                                   | F 535    | 80:2011/VH  |  |
| 6022 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 30kg – Xuất chuồng                                                                                                          | F 545    | 81:2011/VH  |  |
| 6023 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 15 – 30kg                                                                                                                   | V 122    | 82:2011/VH  |  |

|      |                                                                                                                                                                                                       |        |              |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------|--|
| 6024 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 30kg – Xuất chuồng                                                                                                                                         | V 123  | 83:2011/VH   |  |
| 6025 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                                                          | B 201  | 86:2011/VH   |  |
| 6026 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                                                | B 212  | 87:2011/VH   |  |
| 6027 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                                                          | V 221  | 90:2011/VH   |  |
| 6028 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                                                | V 222  | 91:2011/VH   |  |
| 6029 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                                                         | D 1050 | 92:2011/VH   |  |
| 6030 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                                               | D 1051 | 93:2011/VH   |  |
| 6031 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                                                         | V 322  | 94:2011/VH   |  |
| 6032 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                                               | V 323  | 95:2011/VH   |  |
| 6033 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                                                          | B 1    | 96:2011/VH   |  |
| 6034 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                                                | B 2    | 97:2011/VH   |  |
| 6035 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà hậu bị                                                                                                                                                              | V 1    | 98:2011/VH   |  |
| 6036 | Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ hướng trứng                                                                                                                                                      | V 2    | 99:2011/VH   |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp quốc tế - Chi nhánh Hà Nam</b><br/> Địa chỉ: Lô A, KCN Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.<br/> Điện thoại: 03513 582874; Fax: 03513 584 374.</p> |        |              |  |
| 6037 | Thức ăn hỗn hợp lợn lai từ 20kg – xuất chuồng                                                                                                                                                         | U 52L  | 27:2009/ANCO |  |
| 6038 | Thức ăn hỗn hợp lợn lai từ 20kg – xuất chuồng                                                                                                                                                         | H 52L  | 28:2009/ANCO |  |
| 6039 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                                                         | U 12   | 29:2009/ANCO |  |
| 6040 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                                                         | H12    | 30:2009/ANCO |  |
| 6041 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất                                                                                                                                      | U 22   | 31:2009/ANCO |  |
| 6042 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất                                                                                                                                      | H 22   | 32:2009/ANCO |  |
| 6043 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ                                                                                                                                                                 | U 82   | 33:2009/ANCO |  |

|      |                                                                                         |      |              |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------|--|
| 6044 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ                                                   | H 82 | 34:2009/ANCO |  |
| 6045 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ giống                                             | U 84 | 35:2009/ANCO |  |
| 6046 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ giống                                             | H 84 | 36:2009/ANCO |  |
| 6047 | Hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà con từ 01 – 42 ngày tuổi                                  | U 14 | 37:2009/ANCO |  |
| 6048 | Hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà con từ 01 – 42 ngày tuổi                                  | H 14 | 38:2009/ANCO |  |
| 6049 | Hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 43 ngày tuổi - xuất                               | U 24 | 39:2009/ANCO |  |
| 6050 | Hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 43 ngày tuổi - xuất                               | H 24 | 40:2009/ANCO |  |
| 6051 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng để tập ăn cho heo con từ 7 ngày tuổi đến 7kg (PIGCARE 1) | U 11 | 41:2009/ANCO |  |
| 6052 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng để tập ăn cho heo con từ 7 ngày tuổi đến 7kg (GAIN 1)    | H 11 | 42:2009/ANCO |  |
| 6053 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 7 – 15kg (PIGCARE 2)                           | U 21 | 43:2009/ANCO |  |
| 6054 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt dạng viên cho heo con từ 7 – 15kg (GAIN 2)                     | H 21 | 44:2009/ANCO |  |
| 6055 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con cai sữa đến 15kg (BABYLAC)                        | U 31 | 45:2009/ANCO |  |
| 6056 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn đến 15kg (PROLAC)                          | H 31 | 46:2009/ANCO |  |
| 6057 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt 15 – 30kg                                        | U 41 | 47:2009/ANCO |  |
| 6058 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt 15 – 30kg                                        | H 41 | 48:2009/ANCO |  |
| 6059 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt 30 – 60kg                                        | U 51 | 49:2009/ANCO |  |
| 6060 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt 30 – 60kg                                        | H 51 | 50:2009/ANCO |  |
| 6061 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai                                         | U 71 | 53:2009/ANCO |  |
| 6062 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai                                         | H 71 | 54:2009/ANCO |  |
| 6063 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái nuôi con                                          | U 81 | 55:2009/ANCO |  |
| 6064 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái nuôi con                                          | H 81 | 56:2009/ANCO |  |

|      |                                                                                                                                                                         |        |              |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------|--|
| 6065 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo sữa tập ăn đến 30kg (BABIMIX)                                                                                                          | S 30   | 58:2009/ANCO |  |
| 6066 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo sữa tập ăn đến 30kg                                                                                                                    | D 42   | 59:2009/ANCO |  |
| 6067 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt siêu nạc từ 5kg đến xuất chuồng (SUPERLEAN)                                                                                       | S 40   | 60:2009/ANCO |  |
| 6068 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt siêu nạc từ 5kg đến xuất chuồng                                                                                                   | D 46   | 61:2009/ANCO |  |
| 6069 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt cao sản từ 15kg đến xuất chuồng (PROVIMIX)                                                                                        | S 50   | 62:2009/ANCO |  |
| 6070 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt cao sản từ 15kg đến xuất chuồng                                                                                                   | D 41   | 63:2009/ANCO |  |
| 6071 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái cao sản (SUPER SOW)                                                                                                                | S 80   | 64:2009/ANCO |  |
| 6072 | Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái cao sản                                                                                                                            | D 40   | 65:2009/ANCO |  |
| 6073 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo từ 15 – 45kg                                                                                                                          | U 41S  | 66:2009/ANCO |  |
| 6074 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo từ 15 – 45kg                                                                                                                          | H 41S  | 67:2009/ANCO |  |
| 6075 | Thức ăn đậm đặc gà thịt từ 01 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                                 | S 34   | 68:2009/ANCO |  |
| 6076 | Thức ăn đậm đặc gà thịt từ 01 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                                 | D 34   | 69:2009/ANCO |  |
| 6077 | Thức ăn siêu đậm đặc heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng                                                                                                                   | S 555  | 70:2009/ANCO |  |
| 6078 | Thức ăn siêu đậm đặc heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng                                                                                                                   | D 555  | 71:2009/ANCO |  |
| 6079 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái mang thai lại kinh tế                                                                                                              | U 700L | 72:2009/ANCO |  |
| 6080 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái mang thai lại kinh tế                                                                                                              | H 700L | 73:2009/ANCO |  |
| 6081 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai lại kinh tế                                                                                                             | U 701L | 74:2009/ANCO |  |
| 6082 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai lại kinh tế                                                                                                             | H 701L | 75:2009/ANCO |  |
|      | <p align="center"><b>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Uy</b><br/> Địa chỉ: KCN Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.<br/> Điện thoại: 0351.3582781. Fax: 0351.3582804.</p> |        |              |  |
| 6083 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng (từ 22 ngày - 35 ngày tuổi)                                                                                                                | H.211  | 100:2010/ĐU  |  |

|      |                                                                |        |             |  |
|------|----------------------------------------------------------------|--------|-------------|--|
| 6084 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng (từ 36 ngày - xuất bán)           | H.212  | 101:2010/ĐU |  |
| 6085 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu (từ 1 ngày - 35 ngày tuổi)     | H.213  | 102:2010/ĐU |  |
| 6086 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu (từ 36 ngày - xuất bán)        | H.214  | 103:2010/ĐU |  |
| 6087 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng                           | H.216  | 105:2010/ĐU |  |
| 6088 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan,vịt thịt (từ 1 ngày-28 ngày tuổi)     | H.910  | 106:2010/ĐU |  |
| 6089 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan,vịt thịt (từ 28 ngày- xuất bán)       | H.911  | 107:2010/ĐU |  |
| 6090 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan,vịt đẻ trứng                          | H.912  | 108:2010/ĐU |  |
| 6091 | Đạm đặc (cho vịt,ngan thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán)        | MV77   | 109:2010/ĐU |  |
| 6092 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc (từ 15 kg- 35 kg)             | S.1020 | 111:2010/ĐU |  |
| 6093 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc (từ 15 kg - 35 kg)            | D800   | 112:2010/ĐU |  |
| 6094 | Thức ăn hỗn hợp cho heo lai (từ 15 kg- 35 kg)                  | H.311  | 113:2010/ĐU |  |
| 6095 | Thức ăn hỗn hợp cho heo con (từ 7 ngày tuổi - 15 kg)           | H.310  | 116:2010/ĐU |  |
| 6096 | Thức ăn hỗn hợp cho heo lai (từ 35 kg - xuất bán)              | H.312  | 117:2010/ĐU |  |
| 6097 | Thức ăn hỗn hợp cho heo lai (từ 30 kg - xuất bán)              | H.313  | 118:2010/ĐU |  |
| 6098 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng dùng cho lợn từ tập ăn - xuất bán    | 6666   | 120:2010/ĐU |  |
| 6099 | Thức ăn đậm đặc siêu cao đậm dùng cho lợn từ tập ăn - xuất bán | 9999   | 121:2010/ĐU |  |
| 6100 | Thức ăn đậm đặc dùng cho heo thịt (từ tập ăn - xuất bán)       | H.5000 | 123:2010/ĐU |  |
| 6101 | Thức ăn đậm đặc dùng cho heo thịt (từ tập ăn - xuất bán)       | H.6000 | 124:2010/ĐU |  |
| 6102 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn lái nuôi con.                     | H.360  | 126:2010/ĐU |  |
| 6103 | Thức ăn hỗn hợp chất lượng cao dùng cho lợn từ 20kg- 70 kg.    | D.105  | 127:2010/ĐU |  |
| 6104 | Thức ăn hỗn hợp chất lượng cao dùng cho lợn từ 20kg- 70 kg.    | S.106  | 128:2010/ĐU |  |
| 6105 | Thức ăn hỗn hợp chất lượng cao dùng cho lợn từ 20kg- 70 kg.    | H.108  | 130:2010/ĐU |  |

|      |                                                                        |        |             |  |
|------|------------------------------------------------------------------------|--------|-------------|--|
| 6106 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt (từ 01 - 28 ngày tuổi)              | P.661  | 131:2011/ĐU |  |
| 6107 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt (từ 29 ngày tuổi - xuất chuồng)     | P.662  | 132:2011/ĐU |  |
| 6108 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt siêu trứng                               | P.663  | 133:2011/ĐU |  |
| 6109 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt (từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng)                 | P.666  | 134:2011/ĐU |  |
| 6110 | Thức ăn đậm đặc cho ngan, vịt siêu trứng                               | P.6610 | 135:2011/ĐU |  |
| 6111 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu (từ 1- 35 ngày tuổi)                   | P.831  | 136:2011/ĐU |  |
| 6112 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà lông màu(từ 35 ngày tuổi-xuất chuồng) | P.832  | 137:2011/ĐU |  |
| 6113 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu(từ 35 ngày tuổi-xuất chuồng) | P.832V | 137:2011/ĐU |  |
| 6114 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn(từ 1 ngày tuổi -xuất chuồng)           | P.834  | 138:2011/ĐU |  |
| 6115 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt (từ 1- 15 ngày tuổi)                       | P.881  | 139:2011/ĐU |  |
| 6116 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt (từ 16- 30 ngày tuổi)                      | P.882  | 140:2011/ĐU |  |
| 6117 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt (từ 31 ngày – xuất chuồng)                 | P.883  | 141:2011/ĐU |  |
| 6118 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt (từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng)             | P.8210 | 142:2011/ĐU |  |
| 6119 | Thức ăn đậm đặc cho gà thả vườn (từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng)         | P.8211 | 143:2011/ĐU |  |
| 6120 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái hậu bị và nái chữa                         | P.941  | 144:2011/ĐU |  |
| 6121 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con                                   | P.942  | 145:2011/ĐU |  |
| 6122 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con tập ăn (từ 7 ngày tuổi-15 kg)              | P.951  | 146:2011/ĐU |  |
| 6123 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn (từ 15-30 kg)                                  | P.952  | 147:2011/ĐU |  |
| 6124 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai (từ 30 kg- xuất chuồng)                    | P.953  | 148:2011/ĐU |  |
| 6125 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn (từ 31kg- xuất chuồng)                         | P.954  | 149:2011/ĐU |  |
| 6126 | Thức ăn đậm đặc cho lợn (từ tập ăn- xuất chuồng)                       | P.9100 | 150:2011/ĐU |  |
| 6127 | Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chữa và nuôi con                           | P.9600 | 151:2011/ĐU |  |
| 6128 | Thức ăn đậm đặc cho lợn (từ 5kg - xuất chuồng)                         | P.9610 | 152:2011/ĐU |  |

|      |                                                                    |        |             |  |
|------|--------------------------------------------------------------------|--------|-------------|--|
| 6129 | Thức ăn đậm đặc cho lợn (từ tập ăn - xuất chuồng)                  | P.9620 | 153:2011/ĐU |  |
| 6130 | Thức ăn đậm đặc cho lợn (từ tập ăn - 30 kg)                        | P.9630 | 154:2011/ĐU |  |
| 6131 | Thức ăn đậm đặc cho lợn (từ tập ăn - xuất chuồng)                  | P.9680 | 155:2011/ĐU |  |
| 6132 | Thức ăn hỗn hợp cho heo con (giai đoạn từ 20 đến 35kg)             | H.300  | 156:2011/ĐU |  |
| 6133 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc (từ 15 đến 30 kg)                 | P.926  | 157:2011/ĐU |  |
| 6134 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn siêu nạc (từ 30 kg đến xuất)          | P.927  | 158:2011/ĐU |  |
| 6135 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn trại (từ 15kg đến 50kg)                    | F2     | 159:2011/ĐU |  |
| 6136 | Thức ăn hỗn hợp chất lượng cao (dùng cho lợn từ 20kg - 70kg)       | F.107  | 160:2011/ĐU |  |
| 6137 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh (cho gà hậu bị từ 7 tuần tuổi)           | P5     | 161:2011/ĐU |  |
| 6138 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng(cho gà từ 18 tuần tuổi- loại thải) | P.888  | 162:2011/ĐU |  |
| 6139 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cú hậu bị (từ 01- 35 ngày tuổi)           | P440   | 163:2011/ĐU |  |
| 6140 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cú đẻ                                     | P441   | 164:2011/ĐU |  |
| 6141 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng (cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng)        | P.9000 | 165:2011/ĐU |  |
| 6142 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5kg -xuất chuồng                   | X9     | 166:2011/ĐU |  |
| 6143 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng                    | C2006  | 167:2011/ĐU |  |
| 6144 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng                    | MV32   | 168:2011/ĐU |  |
| 6145 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ 5kg-xuất chuồng                         | C2004  | 169:2011/ĐU |  |
| 6146 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ 5kg-xuất chuồng                         | MV31   | 170:2011/ĐU |  |
| 6147 | Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chữa & nái nuôi con                    | MV35   | 171:2011/ĐU |  |
| 6148 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5kg-xuất chuồng                    | S8     | 172:2011/ĐU |  |
| 6149 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng                    | M49    | 173:2011/ĐU |  |

|      |                                                          |       |             |  |
|------|----------------------------------------------------------|-------|-------------|--|
| 6150 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng          | M01   | 174:2011/ĐU |  |
| 6151 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5kg - xuất chuồng        | M47   | 175:2011/ĐU |  |
| 6152 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5kg - xuất chuồng        | M02   | 176:2011/ĐU |  |
| 6153 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 15kg - xuất chuồng       | M03   | 177:2011/ĐU |  |
| 6154 | Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chữa & nái nuôi con          | M08   | 178:2011/ĐU |  |
| 6155 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con tập ăn từ 7 ngày tuổi -15kg  | V1    | 179:2011/ĐU |  |
| 6156 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 15kg - 30kg                   | V2    | 180:2011/ĐU |  |
| 6157 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg - xuất chuồng            | V3    | 181:2011/ĐU |  |
| 6158 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái hậu bị và nái chữa           | V4    | 182:2011/ĐU |  |
| 6159 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi con                | V5    | 183:2011/ĐU |  |
| 6160 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ tập ăn đến 15kg           | MV331 | 184:2011/ĐU |  |
| 6161 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 15kg đến 60kg            | MV332 | 185:2011/ĐU |  |
| 6162 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg-xuất chuồng         | MV333 | 186:2011/ĐU |  |
| 6163 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ tập ăn đến 15kg               | M110  | 187:2011/ĐU |  |
| 6164 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 15kg đến 60 kg           | M220  | 188:2011/ĐU |  |
| 6165 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg- xuất chuồng        | M330  | 189:2011/ĐU |  |
| 6166 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con tập ăn từ 7 ngày tuổi - 15kg | S1    | 190:2011/ĐU |  |
| 6167 | Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 15kg - 30kg.             | S2    | 191:2011/ĐU |  |
| 6168 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg - xuất chuồng            | S3    | 192:2011/ĐU |  |
| 6169 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái hậu bị và nái chữa.          | S4    | 193:2011/ĐU |  |
| 6170 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con                     | S5    | 194:2011/ĐU |  |
| 6171 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán    | MV51  | 195:2011/ĐU |  |

|      |                                                                         |        |             |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------|--------|-------------|--|
| 6172 | Thức ăn đậm đặc cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi - xuất bán               | MV52   | 196:2011/ĐU |  |
| 6173 | Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán              | M21    | 197:2011/ĐU |  |
| 6174 | Thức ăn đậm đặc cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi - xuất bán               | M22    | 198:2011/ĐU |  |
| 6175 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 16 - 30 ngày tuổi.                       | MV552  | 200:2011/ĐU |  |
| 6176 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 31 ngày tuổi - xuất bán                  | MV553  | 201:2011/ĐU |  |
| 6177 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1- 35 ngày tuổi.                     | MV554  | 202:2011/ĐU |  |
| 6178 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 36 ngày tuổi - xuất bán (dạng viên)  | MV555V | 203:2011/ĐU |  |
| 6179 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 36 ngày tuổi - xuất bán (dạng mảnh)  | MV555  | 204:2011/ĐU |  |
| 6180 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng                                         | MV556  | 205:2011/ĐU |  |
| 6181 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1- 35 ngày tuổi.                     | M414   | 206:2011/ĐU |  |
| 6182 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 36 ngày tuổi - xuất bán (dạng viên)  | M424V  | 207:2011/ĐU |  |
| 6183 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 36 ngày tuổi - xuất bán (dạng mảnh)  | M424   | 208:2011/ĐU |  |
| 6184 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng                                         | M434   | 209:2011/ĐU |  |
| 6185 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan thịt từ 1-28 ngày tuổi.         | MV771  | 210:2011/ĐU |  |
| 6186 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan thịt từ 28 ngày tuổi - xuất bán | MV772  | 211:2011/ĐU |  |
| 6187 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ trứng.                                 | MV773  | 212:2011/ĐU |  |
| 6188 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 1 - 28 ngày tuổi.                 | M616   | 213:2011/ĐU |  |
| 6189 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 28 ngày tuổi - xuất bán.          | M626   | 214:2011/ĐU |  |
| 6190 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ.                                       | M636   | 215:2011/ĐU |  |
| 6191 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt từ 1 - 15 ngày tuổi.              | G1     | 216:2011/ĐU |  |
| 6192 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 16 - 30 ngày tuổi.                       | G2     | 217:2011/ĐU |  |
| 6193 | Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 31 ngày tuổi - xuất bán                  | G3     | 218:2011/ĐU |  |
| 6194 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cú đẻ                                          | MV991  | 219:2011/ĐU |  |

|      |                                                                                                                                                                                 |                        |             |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|--|
| 6195 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt từ 1 - 15 ngày tuổi.                                                                                                                      | MV551                  | 299:2011/ĐU |  |
| 6196 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút hậu bị (từ 01 - 35 ngày tuổi)                                                                                                                      | C1                     | 87:2010/ĐU  |  |
| 6197 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút hậu bị (từ 01 - 35 ngày tuổi)                                                                                                                      | 990                    | 89:2010/ĐU  |  |
| 6198 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút hậu bị (từ 01 - 35 ngày tuổi)                                                                                                                      | H.485                  | 90:2010/ĐU  |  |
| 6199 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút đẻ                                                                                                                                                 | C2                     | 91:2010/ĐU  |  |
| 6200 | Thức ăn hỗn hợp cho chim cút đẻ                                                                                                                                                 | H.486                  | 93:2010/ĐU  |  |
| 6201 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh (cho gà hậu bị từ 7 tuần tuổi)                                                                                                                        | M7                     | 95:2010/ĐU  |  |
| 6202 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh (cho gà hậu bị từ 7 tuần tuổi)                                                                                                                        | MV6                    | 96:2010/ĐU  |  |
| 6203 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh (cho gà hậu bị từ 7 tuần tuổi)                                                                                                                        | H.7000                 | 97:2010/ĐU  |  |
| 6204 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị (từ 1 tuần tuổi - 18 tuần tuổi)                                                                                                                   | H.215                  | 98:2010/ĐU  |  |
| 6205 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng (từ 1 ngày - 21 ngày tuổi)                                                                                                                         | H.210                  | 99:2010/ĐU  |  |
|      | <p style="text-align: center;"><b>Công ty TNHH Giang Hồng</b><br/> Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.<br/> Điện thoại: 0351.3582.605; Fax: 0351. 3582.773</p> |                        |             |  |
| 6206 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo con từ tập ăn - 15kg                                                                                                                     | GH 901, BH 550, BT 301 | 01:2010/GH  |  |
| 6207 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho lợn siêu nạc từ 15 - 30kg                                                                                                                    | GH 902                 | 02:2010/GH  |  |
| 6208 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho lợn siêu nạc từ 30kg - xuất                                                                                                                  | GH 903                 | 03:2010/GH  |  |
| 6209 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho lợn siêu nạc từ 20 - 60kg                                                                                                                    | GH 904                 | 04:2010/GH  |  |
| 6210 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho lợn siêu nạc từ 60kg - xuất                                                                                                                  | GH 905                 | 05:2010/GH  |  |
| 6211 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho lợn thịt từ 20 - 60kg                                                                                                                        | GH 09, BH 559, BT 304  | 06:2010/GH  |  |
| 6212 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo nái chữa và nuôi con                                                                                                                     | GH 25                  | 07:2010/GH  |  |
| 6213 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, mảnh, viên cho gà thịt từ 1 - 14 ngày tuổi                                                                                                            | GH 21, BH 201, BT 331  | 09:2010/GH  |  |
| 6214 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, mảnh, viên cho gà thịt từ 15 - 28 ngày tuổi                                                                                                           | GH 22, BH 202, BT 332  | 10:2010/GH  |  |

|      |                                                                                                                                                                       |                        |             |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|--|
| 6215 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, mảnh, viên cho gà thịt từ 29 - 42 ngày tuổi                                                                                                 | GH 23, BH 203, BT 333  | 11:2010/GH  |  |
| 6216 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, mảnh, viên cho gà thịt từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng                                                                                        | GH 24, BH 204, BT 334  | 12:2010/GH  |  |
| 6217 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, mảnh, viên cho chim cút đẻ                                                                                                                  | GH 18                  | 13:2010/GH  |  |
| 6218 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, mảnh, viên cho chim cút hậu bị                                                                                                              | GH 19                  | 14:2010/GH  |  |
| 6219 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, mảnh, viên cho gà thịt từ 1 - 21 ngày tuổi                                                                                                  | GH 11, BH 221, BT 321  | 15:2010/GH  |  |
| 6220 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, mảnh, viên cho gà thịt từ 22 ngày tuổi - xuất                                                                                               | GH 11A, BH 222, BT 322 | 16:2010/GH  |  |
| 6221 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, mảnh, viên cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất                                                                                                | GH 12, BH 227, BT 327  | 17:2010/GH  |  |
| 6222 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho vịt, ngan thịt từ 1 -21 ngày tuổi                                                                                                  | GH 14, BH 261, BT 361  | 18:2010/GH  |  |
| 6223 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi - xuất                                                                                              | GH 14A, BH 262, BH 362 | 19:2010/GH  |  |
| 6224 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi - xuất                                                                                               | GH 15, BH 263, BT 363  | 20:2010/GH  |  |
| 6225 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột viên cho vịt, ngan đẻ                                                                                                                        | GH 13, BH 216, BT 264  | 21:2010/GH  |  |
| 6226 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, mảnh, viên cho gà hậu bị                                                                                                                    | GH 28                  | 23:2010/GH  |  |
| 6227 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho lợn thịt từ 30kg - xuất                                                                                                            | GH 10, BH 554, BT 303  | 24:2010/GH  |  |
| 6228 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho lợn thịt từ 15 - 30kg                                                                                                              | GH 08, BH 552, BT 302  | 25:2010/GH  |  |
|      | <p style="text-align: center;"><b>Công ty TNHH H&amp;C</b><br/> Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam.<br/> Tel: 03513.533.947. Fax : 03513.533.946.</p> |                        |             |  |
| 6229 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con (từ tập ăn - 15kg)                                                                                                                        | s.315                  | 01:2011/H&C |  |
| 6230 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai (từ 15kg - 30kg )                                                                                                                         | S.325                  | 02:2011/H&C |  |
| 6231 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai (Từ 30kg - XC)                                                                                                                            | S.335                  | 03:2011/H&C |  |
| 6232 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai (Từ 30kg - XC)                                                                                                                            | S.345                  | 04:2011/H&C |  |
| 6233 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt (Từ 15kg - 50kg )                                                                                                                        | S.355                  | 05:2011/H&C |  |
| 6234 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái mang thai                                                                                                                                 | S.365                  | 06:2011/H&C |  |
| 6235 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con                                                                                                                                  | S.375                  | 07:2011/H&C |  |

|      |                                                                                                                                                                                |        |             |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------|--|
| 6236 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn lai (Từ 30kg - XC)                                                                                                                                     | S.385  | 08:2011/H&C |  |
| 6237 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc (Từ 10kg - 40kg )                                                                                                                             | S.666  | 09:2011/H&C |  |
| 6238 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn siêu nạc (Từ 40kg - XC)                                                                                                                                | S.888  | 10:2011/H&C |  |
| 6239 | Thức ăn siêu đậm đặc cho lợn thịt (Từ tập ăn - XC)                                                                                                                             | HC.313 | 11:2011/H&C |  |
| 6240 | Thức ăn siêu đậm đặc cho lợn thịt (Từ tập ăn - XC)                                                                                                                             | HC.323 | 12:2011/H&C |  |
| 6241 | Thức ăn siêu đậm đặc cho lợn thịt (Từ tập ăn - XC)                                                                                                                             | S.303  | 13:2011/H&C |  |
| 6242 | Thức ăn đậm đặc cho lợn nái                                                                                                                                                    | HC.363 | 14:2011/H&C |  |
| 6243 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu (Từ 1 - 35 ngày tuổi )                                                                                                                         | S.515  | 15:2011/H&C |  |
| 6244 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu (Từ 35 ngày tuổi - XC)                                                                                                                         | S.535  | 16:2011/H&C |  |
| 6245 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu (Từ 1 ngày tuổi - XC)                                                                                                                          | S.545  | 17:2011/H&C |  |
| 6246 | Siêu đậm đặc cho gà thịt (Từ tập ăn - xuất chuồng )                                                                                                                            | HC.513 | 18:2011/H&C |  |
| 6247 | Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt (1-14 ngày tuổi )                                                                                                                             | S.516  | 19:2011/H&C |  |
| 6248 | Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt (Từ 15 - 28 ngày tuổi )                                                                                                                       | S.526  | 20:2011/H&C |  |
| 6249 | Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt (Từ 29 - 42 ngày tuổi )                                                                                                                       | S.536  | 21:2011/H&C |  |
| 6250 | Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt (Từ 43 ngày tuổi - XC)                                                                                                                        | S.546  | 22:2011/H&C |  |
| 6251 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng Ai cập                                                                                                                                         | S.556  | 23:2011/H&C |  |
| 6252 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt đẻ trứng thương phẩm                                                                                                                             | S.616  | 24:2011/H&C |  |
| 6253 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan thịt, vịt thịt (Từ 1-21 ngày tuổi )                                                                                                                   | S.626  | 25:2011/H&C |  |
| 6254 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan thịt, vịt thịt (Từ 22 ngày tuổi -XC)                                                                                                                  | S.636  | 26:2011/H&C |  |
| 6255 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan thịt, vịt thịt (Từ 1 ngày tuổi -XC)                                                                                                                   | S.646  | 27:2011/H&C |  |
|      | <p align="center"><b>Chi nhánh Công ty CP Sản xuất và Thương mại Hoàn Dương</b><br/> Địa chỉ: KCN Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.<br/> Tel: 0351.3.582.027; Fax: 0351.836.977.</p> |        |             |  |

|      |                                                                   |       |                 |    |
|------|-------------------------------------------------------------------|-------|-----------------|----|
| 6256 | Thức ăn đậm đặc đặc biệt dành cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng   | H148  | 01:2011/HD-JSC  |    |
| 6257 | Thức ăn đậm đặc cao đậm dành cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng    | H145  | 02:2011/HD-JSC  |    |
| 6258 | Thức ăn đậm đặc dành cho lợn nái chữa và lợn nái nuôi con         | H139  | 03:2011/HD-JSC  |    |
| 6259 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng dành cho gà thịt                        | H200  | 04:2011/HD-JSC  |    |
| 6260 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dành cho ngan, vịt đẻ                     | H500  | 05:2011/HD-JSC  |    |
| 6261 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt dành cho lợn con từ tập ăn đến 15kg      | H101S | 06:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6262 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn siêu nạc từ 15 – 30 kg               | H102S | 07:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6263 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn siêu nạc từ 30 – 60 kg               | H103S | 08:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6264 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn siêu nạc từ 30 kg đến xuất chuồng    | H104S | 09:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6265 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn lai từ 15 – 30 kg                    | H102  | 10:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6266 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn lai từ 30 – 60 kg                    | H103  | 11:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6267 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn lai từ 30 kg đến xuất chuồng         | H104  | 12:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6268 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn nái chờ phối và nái chữa giai đoạn 1 | H106  | 13:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6269 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn nái nuôi con                         | H107  | 14:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6270 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 01 đến 14 ngày tuổi          | H211  | 15:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6271 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 15 đến 28 ngày tuổi          | H212  | 16:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6272 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 29 đến 42 ngày tuổi          | H213  | 17:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6273 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 42 ngày tuổi đến xuất chuồng | H214  | 18:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6274 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 01 đến 21 ngày tuổi            | H215  | 19:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6275 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 22 ngày tuổi đến xuất bán      | H216  | 20:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6276 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu vỗ béo đến xuất bán               | H217  | 21: 2011/HD-JSC | 08 |
| 6277 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà hậu bị                                | H202  | 22:2011/HD-JSC  | 08 |

|      |                                                                         |            |                |    |
|------|-------------------------------------------------------------------------|------------|----------------|----|
| 6278 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà đẻ                                          | H203       | 23:2011/HD-JSC | 08 |
| 6279 | Thức ăn hỗn hợp dành cho ngan, vịt thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi           | H301       | 24:2011/HD-JSC | 08 |
| 6280 | Thức ăn hỗn hợp dành cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng | H302       | 25:2011/HD-JSC | 08 |
| 6281 | Thức ăn hỗn hợp dành cho ngan, vịt đẻ                                   | H303       | 26:2011/HD-JSC | 08 |
| 6282 | Thức ăn hỗn hợp dành cho cút hậu bị                                     | H402       | 27:2011/HD-JSC |    |
| 6283 | Thức ăn hỗn hợp dành cho cút đẻ                                         | H403       | 28:2011/HD-JSC |    |
| 6284 | Hỗn hợp đặc biệt dành cho heo con từ tập ăn – 15 kg                     | Baby swine | 29:2011/HD-JSC | 08 |
| 6285 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dành cho heo từ tập ăn – xuất bán               | S55        | 30:2011/HD-JSC |    |
| 6286 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt dành cho gà gột từ 1 – 30 ngày tuổi            | 215S       | 31:2011/HD-JSC | 08 |
| 6287 | Thức ăn đậm đặc đặc biệt dành cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng         | \$148      | 32:2011/HD-JSC |    |
| 6288 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dành cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng          | \$145      | 33:2011/HD-JSC |    |
| 6289 | Thức ăn đậm đặc dành cho lợn nái chữa và lợn nái nuôi con               | \$139      | 34:2011/HD-JSC |    |
| 6290 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng dành cho gà thịt                              | \$200      | 35:2011/HD-JSC |    |
| 6291 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dành cho ngan, vịt đẻ                           | \$500      | 36:2011/HD-JSC |    |
| 6292 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt dành cho lợn con từ tập ăn đến 15kg            | \$101S     | 37:2011/HD-JSC | 08 |
| 6293 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn siêu nạc từ 15 – 30 kg                     | \$102S     | 38:2011/HD-JSC | 08 |
| 6294 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn siêu nạc từ 30 – 60 kg                     | \$103S     | 39:2011/HD-JSC | 08 |
| 6295 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn siêu nạc từ 30 kg đến xuất chuồng          | \$104S     | 40:2011/HD-JSC | 08 |
| 6296 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn lai từ 15 – 30 kg                          | \$102      | 41:2011/HD-JSC | 08 |
| 6297 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn lai từ 30 – 60 kg                          | \$103      | 42:2011/HD-JSC | 08 |
| 6298 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn lai từ 30 kg đến xuất chuồng               | \$104      | 43:2011/HD-JSC | 08 |
| 6299 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn nái chờ phối và nái chữa giai đoạn 1       | \$106      | 44:2011/HD-JSC | 08 |
| 6300 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn nái nuôi con                               | \$107      | 45:2011/HD-JSC | 08 |

|      |                                                                         |       |                 |    |
|------|-------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------|----|
| 6301 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 01 đến 14 ngày tuổi                | \$211 | 46:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6302 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 15 đến 28 ngày tuổi                | \$212 | 47:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6303 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 29 đến 42 ngày tuổi                | \$213 | 48:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6304 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 42 ngày tuổi đến xuất chuồng       | \$214 | 49:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6305 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 01 đến 21 ngày tuổi                  | \$215 | 50:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6306 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 22 ngày tuổi đến xuất bán            | \$216 | 51:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6307 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu vỗ béo đến xuất bán                     | \$217 | 52: 2011/HD-JSC | 08 |
| 6308 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà hậu bị                                      | \$202 | 53:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6309 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà đẻ                                          | \$203 | 54:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6310 | Thức ăn hỗn hợp dành cho ngan, vịt thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi           | \$301 | 55:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6311 | Thức ăn hỗn hợp dành cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng | \$302 | 56:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6312 | Thức ăn hỗn hợp dành cho ngan, vịt đẻ                                   | \$303 | 57:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6313 | Thức ăn hỗn hợp dành cho cút hậu bị                                     | \$402 | 58:2011/HD-JSC  |    |
| 6314 | Thức ăn hỗn hợp dành cho cút đẻ                                         | \$403 | 59:2011/HD-JSC  |    |
| 6315 | Thức ăn đậm đặc đặc biệt dành cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng         | S148  | 60:2011/HD-JSC  |    |
| 6316 | Thức ăn đậm đặc cao đạm dành cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng          | S145  | 61:2011/HD-JSC  |    |
| 6317 | Thức ăn đậm đặc dành cho lợn nái chữa và lợn nái nuôi con               | S139  | 62:2011/HD-JSC  |    |
| 6318 | Thức ăn đậm đặc siêu hạng dành cho gà thịt                              | S200  | 63:2011/HD-JSC  |    |
| 6319 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dành cho ngan, vịt đẻ                           | S500  | 64:2011/HD-JSC  |    |
| 6320 | Thức ăn hỗn hợp đặc biệt dành cho lợn con từ tập ăn đến 15kg            | S101S | 65:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6321 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn siêu nạc từ 15 – 30 kg                     | S102S | 66:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6322 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn siêu nạc từ 30 – 60 kg                     | S103S | 67:2011/HD-JSC  | 08 |

|      |                                                                                                                                                                           |       |                 |    |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------|----|
| 6323 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn siêu nạc từ 30 kg đến xuất chuồng                                                                                                            | S104S | 68:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6324 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn lai từ 15 – 30 kg                                                                                                                            | S102  | 69:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6325 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn lai từ 30 – 60 kg                                                                                                                            | S103  | 70:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6326 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn lai từ 30 kg đến xuất chuồng                                                                                                                 | S104  | 71:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6327 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn nái chờ phối và nái chữa giai đoạn 1                                                                                                         | S106  | 72:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6328 | Thức ăn hỗn hợp dành cho lợn nái nuôi con                                                                                                                                 | S107  | 73:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6329 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 01 đến 14 ngày tuổi                                                                                                                  | S211  | 74:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6330 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 15 đến 28 ngày tuổi                                                                                                                  | S212  | 75:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6331 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 29 đến 42 ngày tuổi                                                                                                                  | S213  | 76:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6332 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà trắng từ 42 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                         | S214  | 77:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6333 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 01 đến 21 ngày tuổi                                                                                                                    | S215  | 78:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6334 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 22 ngày tuổi đến xuất bán                                                                                                              | S216  | 79:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6335 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu vỗ béo đến xuất bán                                                                                                                       | S217  | 80: 2011/HD-JSC | 08 |
| 6336 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà hậu bị                                                                                                                                        | S202  | 81:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6337 | Thức ăn hỗn hợp dành cho gà đẻ                                                                                                                                            | S203  | 82:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6338 | Thức ăn hỗn hợp dành cho ngan, vịt thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi                                                                                                             | S301  | 83:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6339 | Thức ăn hỗn hợp dành cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng                                                                                                   | S302  | 84:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6340 | Thức ăn hỗn hợp dành cho ngan, vịt đẻ                                                                                                                                     | S303  | 85:2011/HD-JSC  | 08 |
| 6341 | Thức ăn hỗn hợp dành cho cút hậu bị                                                                                                                                       | S402  | 86:2011/HD-JSC  |    |
| 6342 | Thức ăn hỗn hợp dành cho cút đẻ                                                                                                                                           | S403  | 87:2011/HD-JSC  |    |
|      | <p align="center"><b>Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Hồng Hà</b><br/> Địa chỉ: KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.<br/> Điện thoại: 0351 3836840. Fax: 0351 3836845</p> |       |                 |    |

|      |                                                                  |          |             |  |
|------|------------------------------------------------------------------|----------|-------------|--|
| 6343 | Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chữa và nái nuôi con                 | 1800     | 06:2010/HH  |  |
| 6344 | Thức ăn đậm đặc cho gà siêu thịt từ 01 ngày-xuất                 | G211     | 100:2010/HH |  |
| 6345 | Thức ăn đậm đặc cho gà siêu thịt từ 01 ngày-xuất                 | G212     | 101:2010/HH |  |
| 6346 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà gột từ 0-35 ngày tuổi           | 2000 gột | 102:2010/HH |  |
| 6347 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà gột từ 0-35 ngày tuổi           | G220 gột | 103:2010/HH |  |
| 6348 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 07-18 tuần tuổi       | 2420     | 104:2010/HH |  |
| 6349 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà công nghiệp từ 43 ngày-xuất bán | 2300     | 12:2010/HH  |  |
| 6350 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà lông màu từ 1-39 ngày tuổi      | 2100L    | 13:2010/HH  |  |
| 6351 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà lông màu từ 40 ngày-xuất bán        | 2200L    | 14:2010/HH  |  |
| 6352 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà ta từ 1 ngày-xuất bán           | 2300L    | 15:2010/HH  |  |
| 6353 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ                              | 2430     | 17:2010/HH  |  |
| 6354 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan con từ 1-21 ngày tuổi    | 4100     | 19:2010/HH  |  |
| 6355 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày- xuất    | 4200     | 20:2010/HH  |  |
| 6356 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan đẻ siêu trứng            | 4420     | 21:2010/HH  |  |
| 6357 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt từ 1 ngày-xuất bán             | 4200L    | 23:2010/HH  |  |
| 6358 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn con từ 7-15kg                  | 1120     | 25:2010/HH  |  |
| 6359 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 15-30kg            | 1100     | 26:2010/HH  |  |
| 6360 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 30-60kg            | 1200     | 27:2010/HH  |  |
| 6361 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa                       | 1410     | 29:2010/HH  |  |
| 6362 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con                   | 1430     | 30:2010/HH  |  |
| 6363 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai từ 15-30kg                 | 1100L    | 31:2010/HH  |  |

|      |                                                                  |        |            |  |
|------|------------------------------------------------------------------|--------|------------|--|
| 6364 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai từ 30-60kg                 | 1170L  | 32:2010/HH |  |
| 6365 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai từ 30kg-xuất chuồng        | 1200L  | 33:2010/HH |  |
| 6366 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 15-60kg                | 1100LS | 34:2010/HH |  |
| 6367 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho chim cút con từ 1-35 ngày tuổi      | 6410   | 35:2010/HH |  |
| 6368 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho chim cút đẻ từ 35 ngày-loại thải    | 6430   | 36:2010/HH |  |
| 6369 | Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chữa và nái nuôi con                 | M118   | 43:2010/HH |  |
| 6370 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà công nghiệp từ 42 ngày-xuất bán | G223   | 49:2010/HH |  |
| 6371 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà lông màu từ 1-39 ngày tuổi      | G224   | 50:2010/HH |  |
| 6372 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà lông màu từ 40 ngày-xuất bán        | G225   | 51:2010/HH |  |
| 6373 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà ta từ 1 ngày-xuất bán           | G226   | 52:2010/HH |  |
| 6374 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ trứng                        | G228   | 54:2010/HH |  |
| 6375 | Thức ăn đậm đặc dạng viên cho vịt, ngan đẻ                       | V411   | 55:2010/HH |  |
| 6376 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan con từ 1-21 ngày tuổi    | V421   | 56:2010/HH |  |
| 6377 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày- xuất    | V422   | 57:2010/HH |  |
| 6378 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt, ngan đẻ siêu trứng            | V428   | 58:2010/HH |  |
| 6379 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt từ 1 ngày-xuất bán             | V424   | 60:2010/HH |  |
| 6380 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 15-30kg            | H122   | 63:2010/HH |  |
| 6381 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 30-60kg            | H123   | 64:2010/HH |  |
| 6382 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa                       | H128   | 66:2010/HH |  |
| 6383 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con                   | H129   | 67:2010/HH |  |
| 6384 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai từ 15-30kg                 | H125   | 68:2010/HH |  |

|      |                                                                 |              |            |  |
|------|-----------------------------------------------------------------|--------------|------------|--|
| 6385 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai từ 30-60kg                | H126         | 69:2010/HH |  |
| 6386 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn lai từ 30kg-xuất chuồng       | H127         | 70:2010/HH |  |
| 6387 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 15-60kg               | H125S        | 71:2010/HH |  |
| 6388 | Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho chim cút đẻ từ 35 ngày-loại thải   | C628         | 73:2010/HH |  |
| 6389 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 12-30kg           | 1100S        | 76:2010/HH |  |
| 6390 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 12-30kg           | H122S        | 77:2010/HH |  |
| 6391 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà công nghiệp từ 01-14 ngày tuổi | 2000         | 78:2009/HH |  |
| 6392 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà công nghiệp từ 15-28 ngày tuổi | 2100         | 79:2009/HH |  |
| 6393 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà công nghiệp từ 29-42 ngày tuổi | 2200         | 80:2009/HH |  |
| 6394 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng         | 9999S        | 81:2009/HH |  |
| 6395 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà công nghiệp từ 1-14 ngày tuổi  | G220         | 82:2009/HH |  |
| 6396 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà công nghiệp từ 15-28 ngày tuổi | G221         | 83:2009/HH |  |
| 6397 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà công nghiệp từ 29-42 ngày tuổi | G222         | 84:2009/HH |  |
| 6398 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn - xuất chuồng         | Max 9000S    | 85:2009/HH |  |
| 6399 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 40-100kg                        | 1170LS       | 86:2009/HH |  |
| 6400 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 40-100kg                        | H126S        | 87:2009/HH |  |
| 6401 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con tập ăn từ 7 ngày - 7kg              | Pigpall 1110 | 88:2009/HH |  |
| 6402 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ 7-15kg                           | 2005         | 89:2009/HH |  |
| 6403 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn đến xuất              | 9999         | 90:2010/HH |  |
| 6404 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn đến xuất              | S9999        | 91:2010/HH |  |

|      |                                                                                                                                                                                                                     |           |              |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|--|
| 6405 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn đến xuất                                                                                                                                                                  | 1660      | 92:2010/HH   |  |
| 6406 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5kg-xuất                                                                                                                                                                            | 1640      | 93:2010/HH   |  |
| 6407 | Thức ăn đậm đặc cho gà siêu thịt từ 01 ngày-xuất                                                                                                                                                                    | 2600      | 94:2010/HH   |  |
| 6408 | Thức ăn đậm đặc cho gà siêu thịt từ 01 ngày-xuất                                                                                                                                                                    | 2700      | 95:2010/HH   |  |
| 6409 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn đến xuất                                                                                                                                                                  | Max 9000  | 96:2010/HH   |  |
| 6410 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn đến xuất                                                                                                                                                                  | Max 9000S | 97:2010/HH   |  |
| 6411 | Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn đến xuất                                                                                                                                                                  | Max 8000  | 98:2010/HH   |  |
| 6412 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5kg-xuất                                                                                                                                                                            | M113      | 99:2010/HH   |  |
|      | <p style="text-align: center;"><b>Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thành Long</b><br/> Địa chỉ: Thôn Lạt Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.<br/> Điện thoại: 03513.820012. Fax: 03513.820012</p> |           |              |  |
| 6413 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                                                                                                     | X111      | TL-HN-/01/09 |  |
| 6414 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn – xuất chuồng                                                                                                                                                                     | A.111     | TL-HN-/01/09 |  |
| 6415 | Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ tập ăn – 15kg                                                                                                                                                                        | X121      | TL-HN-/02/09 |  |
| 6416 | Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ tập ăn – 15kg                                                                                                                                                                        | A.121     | TL-HN-/02/09 |  |
| 6417 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15 – 50 kg                                                                                                                                                                          | X122      | TL-HN-/03/09 |  |
| 6418 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15 – 50 kg                                                                                                                                                                          | A.122     | TL-HN-/03/09 |  |
| 6419 | Thức ăn hỗn hợp cho heo siêu nạc từ 20 – 50kg                                                                                                                                                                       | X125      | TL-HN-/04/09 |  |
| 6420 | Thức ăn hỗn hợp cho heo siêu nạc từ 20 – 50kg                                                                                                                                                                       | A.125     | TL-HN-/04/09 |  |
| 6421 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai                                                                                                                                                                               | X127      | TL-HN-/05/09 |  |
| 6422 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai                                                                                                                                                                               | A.127     | TL-HN-/05/09 |  |
| 6423 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con                                                                                                                                                                                | X128      | TL-HN-/06/09 |  |
| 6424 | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con                                                                                                                                                                                | A.128     | TL-HN-/06/09 |  |
| 6425 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày – xuất bán                                                                                                                                                                    | X211      | TL-HN-/07/09 |  |

|      |                                                    |       |              |  |
|------|----------------------------------------------------|-------|--------------|--|
| 6426 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày – xuất bán   | A.211 | TL-HN-/07/09 |  |
| 6427 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 1 -14 ngày         | X221  | TL-HN-/08/09 |  |
| 6428 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 1 -14 ngày         | A.221 | TL-HN-/08/09 |  |
| 6429 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 15 -28 ngày        | X222  | TL-HN-/09/09 |  |
| 6430 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 15 -28 ngày        | A.222 | TL-HN-/09/09 |  |
| 6431 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 29 – 42 ngày       | X223  | TL-HN-/10/09 |  |
| 6432 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 29 – 42 ngày       | A.223 | TL-HN-/10/09 |  |
| 6433 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 43 –xuất bán       | X224  | TL-HN-/11/09 |  |
| 6434 | Thức ăn hỗn hợp cho gà trắng từ 43 –xuất bán       | A.224 | TL-HN-/11/09 |  |
| 6435 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 – 35 ngày     | X225  | TL-HN-/12/09 |  |
| 6436 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 – 35 ngày     | A.225 | TL-HN-/12/09 |  |
| 6437 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 36 – xuất bán   | X226  | TL-HN-/13/09 |  |
| 6438 | Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 36 – xuất bán   | A.226 | TL-HN-/13/09 |  |
| 6439 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 8 – 18 tuần tuổi  | X227  | TL-HN-/14/09 |  |
| 6440 | Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 8 – 18 tuần tuổi  | A.227 | TL-HN-/14/09 |  |
| 6441 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng               | X228  | TL-HN-/15/09 |  |
| 6442 | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng               | A.228 | TL-HN-/15/09 |  |
| 6443 | Thức ăn đậm đặc cho vịt, ngan đẻ siêu trứng        | X311  | TL-HN-/16/09 |  |
| 6444 | Thức ăn đậm đặc cho vịt, ngan đẻ siêu trứng        | A.311 | TL-HN-/16/09 |  |
| 6445 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 1 – 21 ngày   | X321  | TL-HN-/17/09 |  |
| 6446 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 1 – 21 ngày   | A.321 | TL-HN-/17/09 |  |
| 6447 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 22 – xuất bán | X322  | TL-HN-/18/09 |  |

|      |                                                                                                                                                             |         |              |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------|--|
| 6448 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 22 – xuất bán                                                                                                          | A.322   | TL-HN-/18/09 |  |
| 6449 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 1 ngày – xuất bán                                                                                                      | X325    | TL-HN-/19/09 |  |
| 6450 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan con từ 1 ngày – xuất bán                                                                                                      | A.325   | TL-HN-/19/09 |  |
| 6451 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ siêu trứng                                                                                                                 | X328    | TL-HN-/20/09 |  |
| 6452 | Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ siêu trứng                                                                                                                 | A.328   | TL-HN-/20/09 |  |
| 6453 | Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị                                                                                                                              | X421    | TL-HN-/21/09 |  |
| 6454 | Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị                                                                                                                              | A.421   | TL-HN-/21/09 |  |
| 6455 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ                                                                                                                                  | X422    | TL-HN-/22/09 |  |
| 6456 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ                                                                                                                                  | A.422   | TL-HN-/22/09 |  |
| 6457 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15–50 kg                                                                                                                    | X123    | TL-HN-/23/09 |  |
| 6458 | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30-xuất chuồng                                                                                                              | A.123   | TL-HN-/23/09 |  |
|      | <p style="text-align: center;"><b>Công ty TNHH Việt Phương</b><br/> Địa chỉ: KCN Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.<br/> Tel: 03513.582553; Fax: 03513.582557.</p> |         |              |  |
| 6459 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                           | VP 8888 | 139:2010/VP  |  |
| 6460 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng                                                                                                           | S.5555  | 140:2010/VP  |  |
| 6461 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa                                                                                                                  | S.506   | 141:2010/VP  |  |
| 6462 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con                                                                                                              | S.507   | 142:2010/VP  |  |
| 6463 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa                                                                                                                  | VP.216  | 143:2010/VP  |  |
| 6464 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con                                                                                                              | VP.217  | 144:2010/VP  |  |
| 6465 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 12kg đến 30kg                                                                                                 | VP.224  | 145:2010/VP  |  |
| 6466 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 30-60kg                                                                                                       | VP.225  | 146:2010/VP  |  |
| 6467 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn trại từ 15-60 kg                                                                                                          | VP.214S | 147:2010/VP  |  |
| 6468 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà công nghiệp từ 1- 14 ngày tuổi                                                                                             | VP. 821 | 148:2010/VP  |  |

|      |                                                                           |         |               |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|--|
| 6469 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà công nghiệp từ 15- 28 ngày tuổi          | VP.822  | 149:2010/VP   |  |
| 6470 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà công nghiệp từ 29- 42 ngày tuổi          | VP.823  | 150:2010/VP   |  |
| 6471 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà công nghiệp từ 43- xuất chuồng           | VP.824  | 151:2010/VP   |  |
| 6472 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 12kg đến 30kg               | S.564   | 152:2010/VP   |  |
| 6473 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 30-60kg                     | S.565   | 153:2010/VP   |  |
| 6474 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn trại từ 15-60 kg                        | S.504S  | 154:2010/VP   |  |
| 6475 | Thức ăn đậm đặc cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng                         | S.512   | 155:2010/VP   |  |
| 6476 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà công nghiệp từ 1- 14 ngày tuổi           | S.616   | 156:2010/VP   |  |
| 6477 | Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà công nghiệp từ 15- 28 ngày tuổi          | S.617   | 157:2010/VP   |  |
| 6478 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà công nghiệp từ 29- 42 ngày tuổi          | S.618   | 158:2010/VP   |  |
| 6479 | Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà công nghiệp từ 43- xuất chuồng           | S.619   | 159:2010/VP   |  |
| 6480 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng                         | S.6000  | 160:2011/VP   |  |
| 6481 | Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng                         | S.512   | 161:2011/VP   |  |
| 6482 | Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai, nuôi con (Dạng bột)                | VP2003  | VP.HN 12/05   |  |
| 6483 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất chuồng (dạng viên)               | VP.213  | VP.HNa 100/08 |  |
| 6484 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 15kg đến 60kg (dạng viên)                      | VP.214  | VP.HNa 101/08 |  |
| 6485 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất chuồng (dạng viên)               | VP.215  | VP.HNa 102/08 |  |
| 6486 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi (dạng mảnh)        | VP.01   | VP.HNa 103/08 |  |
| 6487 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 28 ngày tuổi đến xuất thịt (dạng viên)          | VP.02   | VP.HNa 104/08 |  |
| 6488 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày tuổi đến xuất thịt (dạng mảnh)           | VP.03   | VP.HNa 105/08 |  |
| 6489 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 1 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi (dạng viên) | VP.5022 | VP.HNa 109/08 |  |

|      |                                                                           |         |               |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|--|
| 6490 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 22 ngày tuổi đến xuất thịt (dạng viên)   | VP.5005 | VP.HNa 110/08 |  |
| 6491 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 1 ngày tuổi đến xuất thịt (dạng viên)    | VP.5222 | VP.HNa 111/08 |  |
| 6492 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt đẻ trứng (dạng viên)                        | VP.5001 | VP.HNa 112/08 |  |
| 6493 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ trứng (dạng bột)                               | VP.902  | VP.HNa 113/08 |  |
| 6494 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn đến 25 kg (dạng bột)               | S.511   | VP.HNa 114/08 |  |
| 6495 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 10kg đến xuất chuồng (dạng bột)           | S.513   | VP.HNa 116/08 |  |
| 6496 | Thức ăn đậm đặc cho lợn vỗ béo đến xuất chuồng (dạng bột)                 | S.514   | VP.HNa 117/08 |  |
| 6497 | Thức ăn đậm đặc cho lợn nái mang thai và nuôi con (dạng bột)              | S.515   | VP.HNa 118/08 |  |
| 6498 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất thịt (dạng bột)       | S.611   | VP.HNa 119/08 |  |
| 6499 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất thịt (dạng bột)       | S.612   | VP.HNa 120/08 |  |
| 6500 | Thức ăn đậm đặc cho vịt và ngan đẻ (dạng viên)                            | S.811   | VP.HNa 121/08 |  |
| 6501 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ tập ăn đến 15 kg (dạng viên)                   | S.501   | VP.HNa 122/08 |  |
| 6502 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 15 đến 30 kg (dạng viên)                       | S.502   | VP.HNa 123/08 |  |
| 6503 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất chuồng (dạng viên)               | S.503   | VP.HNa 124/08 |  |
| 6504 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 15kg đến 60kg (dạng viên)                      | S.504   | VP.HNa 125/08 |  |
| 6505 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất chuồng (dạng viên)               | S.505   | VP.HNa 126/08 |  |
| 6506 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày tuổi đến 40 ngày tuổi (dạng mảnh)        | S.604   | VP.HNa 130/08 |  |
| 6507 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 41 ngày tuổi đến xuất thịt (dạng viên)          | S.605   | VP.HNa 131/08 |  |
| 6508 | Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày tuổi đến xuất thịt (dạng mảnh)           | S.606   | VP.HNa 132/08 |  |
| 6509 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 1 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi (dạng viên) | S.801   | VP.HNa 133/08 |  |
| 6510 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 22 ngày tuổi đến 21 xuất thịt(dạng viên) | S.802   | VP.HNa 134/08 |  |

|      |                                                                                                                                          |        |               |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------|--|
| 6511 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 1 ngày tuổi đến 21 xuất thịt(dạng viên)                                                                 | S.803  | VP.HNa 135/08 |  |
| 6512 | Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt đẻ trứng(dạng viên)                                                                                        | S.804  | VP.HNa 136/08 |  |
| 6513 | Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ trứng(dạng bột)                                                                                               | S.901  | VP.HNa 137/08 |  |
| 6514 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất thịt(dạng bột)                                                                       | VP.609 | VP.HNa 138/08 |  |
| 6515 | Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn đến 25 kg (dạng bột)                                                                              | VP.207 | VP.HNa 95/08  |  |
| 6516 | Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất thịt (dạng bột)                                                                      | VP.608 | VP.HNa 96/08  |  |
| 6517 | Thức ăn đậm đặc cho vịt và ngan đẻ (dạng viên)                                                                                           | VP.405 | VP.HNa 97/08  |  |
| 6518 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ tập ăn đến 15 kg (dạng viên)                                                                                  | VP.211 | VP.HNa 98/08  |  |
| 6519 | Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 15 đến 30 kg (dạng viên)                                                                                      | VP.212 | VP.HNa 99/08  |  |
|      | <b>Công ty TNHH De Heus Hải Phòng</b><br>Địa chỉ: Xã Trường Sơn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng.<br>Tel: 031.3679888/ 889; Fax: 031.3679898 |        |               |  |
| 6520 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo con tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 7kg (dạng viên)                                                            | 3800   | 01:2009/DH    |  |
| 6521 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo con tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 7kg (dạng viên)                                                            | 3810   | 01:2010/DH    |  |
| 6522 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo con sau cai sữa từ 7kg - 12kg (dạng viên)                                                                | 3820   | 02:2009/DH    |  |
| 6523 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho bò thịt vỗ béo (dạng viên)                                                                                   | 5959   | 02:2010/DH    |  |
| 6524 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo thịt cao sản từ 12kg - 30kg (dạng viên)                                                                  | 3840   | 03:2009/DH    |  |
| 6525 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo thịt cao sản từ 30kg - 60kg (dạng viên)                                                                  | 3540   | 04:2009/DH    |  |
| 6526 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo nái trước giao phối từ 5 – 7 ngày (dạng viên)                                                            | 3085   | 04:2010/DH    |  |
| 6527 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo thịt cao sản từ 60kg - 110kg (dạng viên)                                                                 | 3350   | 05:2009/DH    |  |
| 6528 | Thức ăn đậm đặc sử dụng cho heo thịt từ 7kg - 110kg (dạng bột)                                                                           | 3420   | 05:2010/DH    |  |
| 6529 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo thịt cao sản từ 15 - 30kg (dạng viên)                                                                    | 3850   | 06:2009/DH    |  |

|      |                                                                                           |      |            |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------|--|
| 6530 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho gà lông màu thả vườn từ 1 ngày tuổi đến xuất thịt (dạng mảnh) | 6600 | 06:2010/DH |  |
| 6531 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo nái mang thai (dạng viên)                                 | 3030 | 07:2009/DH |  |
| 6532 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo nái nuôi con (dạng viên)                                  | 3060 | 08:2009/DH |  |
| 6533 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo kinh tế từ 20kg - 50kg (dạng viên)                        | 3520 | 11:2009/DH |  |
| 6534 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho heo kinh tế từ 60kg - 110kg (dạng viên)                       | 3330 | 12:2009/DH |  |
| 6535 | Thức ăn đậm đặc sử dụng cho heo thịt từ 7 – 110kg (dạng bột)                              | 3400 | 13:2009/DH |  |
| 6536 | Thức ăn đậm đặc sử dụng cho heo thịt từ 7 – 110kg (dạng bột)                              | 3410 | 14:2009/DH |  |
| 6537 | Thức ăn đậm đặc sử dụng cho heo thịt từ 7 – 110kg (dạng bột)                              | 3430 | 15:2009/DH |  |
| 6538 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho gà thịt cao sản từ 1 - 14 ngày tuổi (dạng mảnh)               | 6620 | 24:2009/DH |  |
| 6539 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho gà thịt cao sản từ 15 - 30 ngày tuổi (dạng mảnh)              | 6830 | 25:2009/DH |  |
| 6540 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho gà thịt cao sản từ 31 ngày tuổi đến xuất chuồng (dạng viên)   | 6930 | 26:2009/DH |  |
| 6541 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho gà đẻ hậu bị cao sản từ 7 - 18 tuần tuổi (dạng mảnh)          | 7620 | 29:2009/DH |  |
| 6542 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho gà đẻ cao sản từ 18 - 54 tuần tuổi (dạng mảnh)                | 7700 | 31:2009/DH |  |
| 6543 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho gà thịt thả vườn từ 1 - 21 ngày tuổi (dạng mảnh)              | 6630 | 35:2009/DH |  |
| 6544 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho gà thả vườn từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng (dạng viên)       | 6840 | 36:2009/DH |  |
| 6545 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho vịt thịt cao sản từ 1 - 21 ngày tuổi (dạng viên)              | 7750 | 37:2009/DH |  |
| 6546 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho vịt thịt cao sản từ 22 - 42 ngày tuổi (dạng viên)             | 7760 | 38:2009/DH |  |
| 6547 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho vịt thịt cao sản sau 42 ngày tuổi (dạng viên)                 | 7765 | 39:2009/DH |  |
| 6548 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho vịt, ngan đẻ cao sản (dạng viên)                              | 7770 | 40:2009/DH |  |

|      |                                                                                                                                                           |            |              |                     |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|---------------------|
| 6549 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho cút hậu bị từ 1 - 35 ngày tuổi (dạng bột)                                                                                     | 7780       | 41:2009/DH   |                     |
| 6550 | Thức ăn hỗn hợp sử dụng cho cút đẻ (dạng bột)                                                                                                             | 7790       | 43:2009/DH   |                     |
| 6551 | Thức ăn đậm đặc sử dụng cho gà đẻ từ 18 - 54 tuần tuổi (dạng bột)                                                                                         | 8001       | 44:2009/DH   |                     |
| 6552 | Thức ăn đậm đặc sử dụng cho gà thịt 1ngày tuổi đến xuất chuồng(dạng bột)                                                                                  | 8050       | 46:2009/DH   |                     |
| 6553 | Thức ăn đậm đặc sử dụng cho vịt đẻ từ 18 tuần (dạng viên)                                                                                                 | 8060       | 47:2009/DH   |                     |
|      | <b>Công ty TNHH Dinh Dưỡng Động vật EH Hải Phòng Việt Nam</b><br>Địa chỉ: KCN Trảng Duệ, An Dương, Hải Phòng<br>Điện thoại: 0312.225180. Fax:0313.929680. |            |              |                     |
| 6554 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn sữa 05 ngày – 15kg                                                                                                   | EHSB -080  | 01:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6555 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn sữa 05 ngày – 15kg                                                                                                   | EHSB -081  | 02:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6556 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn con 15 ngày – 30kg                                                                                                   | EHSB -082  | 03:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6557 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn con 15 ngày – 30kg                                                                                                   | EHSB -0822 | 04:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6558 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn thịt 30 ngày – 60kg                                                                                                  | EHSB -083  | 05:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6559 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn thịt 30 ngày – 60kg                                                                                                  | EHSB -0833 | 06:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6560 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn thịt trên 60kg                                                                                                       | EHSB -084  | 07:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6561 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn thịt trên 60kg                                                                                                       | EHSB -0844 | 08:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6562 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn nái có chữa                                                                                                          | EHSB -08N  | 09:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6563 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn nái nuôi con                                                                                                         | EHSB -08S  | 10:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ    |
| 6564 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt 01-20 ngày                                                                                                       | EHSB -2010 | 11:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6565 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt 21-40 ngày                                                                                                       | EHSB -2020 | 12:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6566 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt sau 41 ngày                                                                                                      | EHSB -2030 | 13:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6567 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu 01-28 ngày                                                                                                   | EHSB -2110 | 14:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |

|      |                                                                   |            |              |                     |
|------|-------------------------------------------------------------------|------------|--------------|---------------------|
| 6568 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu 29 ngày đến xuất bán | EHSB -2120 | 15:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6569 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu 01 ngày đến xuất bán | EHSB -2130 | 16:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6570 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà đẻ hậu bị từ 0-6 tuần         | EHSB -2210 | 17:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6571 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà đẻ hậu bị từ 7-20 tuần        | EHSB -2220 | 18:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6572 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà đẻ trứng                      | EHSB -2230 | 19:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6573 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt ngan con từ 01-28 ngày       | EHSB -3010 | 20:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6574 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt ngan thịt từ 29-43 ngày      | EHSB -3020 | 21:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6575 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt ngan sau 43 ngày             | EHSB -3030 | 22:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6576 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt ngan đẻ hậu bị từ 01-42 ngày | EHSB -3110 | 23:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6577 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt ngan đẻ hậu bị sau 43 ngày   | EHSB -3120 | 24:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6578 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt ngan đẻ trứng                | EHSB -3130 | 25:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6579 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho gà thịt                          | EHSB -2400 | 26:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6580 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho gà thịt                          | EHSB -2420 | 27:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6581 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho gà đẻ                            | EHSB -2340 | 28:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6582 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn thịt 5kg ngày đến xuất bán   | EHSB -780  | 29:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6583 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn thịt 5kg ngày đến xuất bán   | EHSB -680  | 30:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6584 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn thịt 5kg ngày đến xuất bán   | EHSB -580  | 31:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6585 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn thịt 5kg ngày đến xuất bán   | EHSB -480  | 32:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6586 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn thịt 5kg ngày đến xuất bán   | EHSB -380  | 33:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6587 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn thịt 5kg ngày đến xuất bán   | EHSB -280  | 34:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6588 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn nái                          | EHSB -180  | 35:2011/EHHP | 01/2011/CB<br>HQ-HP |

|      |                                                                             |        |              |                     |
|------|-----------------------------------------------------------------------------|--------|--------------|---------------------|
| 6589 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa 05 ngày -15 kg  | P-888  | 36:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6590 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa từ 05 ngày-15kg | P-999  | 37:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6591 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn sữa 05ngày-15kg                        | P-950S | 38:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6592 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn sữa 05ngày-15kg                        | P-950  | 39:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6593 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn sữa 05ngày-15kg                        | P-951  | 40:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6594 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn con từ 15kg-30kg                       | P-952A | 41:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6595 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn con từ 15kg-30kg                       | P-952  | 42:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6596 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn thịt từ 30kg-60kg                      | P-939  | 43:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6597 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn thịt từ 30kg-60kg                      | P-953  | 44:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6598 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn thịt từ 30kg-60kg                      | P-954  | 45:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6599 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn thịt từ 30kg-60kg                      | P-955  | 46:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6600 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt từ 01-20 ngày                      | P-5510 | 47:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6601 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt từ 21-40 ngày                      | P-5511 | 48:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6602 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà thịt sau 41 ngày                        | P-5512 | 49:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6603 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu từ 01-28 ngày                  | P-201  | 50:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6604 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu từ 29 ngày đến xuất bán        | P-202  | 51:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6605 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu từ 01ngày đến xuất bán         | P-203  | 52:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6606 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà đẻ hậu bị từ 0-6 tuần                   | P-501  | 53:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6607 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà đẻ hậu bị từ 7-20 tuần                  | P-502  | 54:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6608 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà đẻ trứng                                | P-503  | 55:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |

|      |                                                                               |         |              |                     |
|------|-------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------|---------------------|
| 6609 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt<br>ngan con từ 01-28 ngày                | P-401   | 56:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6610 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt<br>ngan từ 29-43 ngày                    | P-402   | 57:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6611 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt<br>ngan sau 43 ngày tuổi đến xuất chuồng | P-403   | 58:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6612 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt<br>ngan đẻ                               | P-409   | 59:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6613 | Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt<br>ngan đẻ                               | EH -423 | 60:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6614 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho gà thịt                                      | P-122   | 61:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6615 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho gà thịt                                      | P-123   | 62:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6616 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho gà đẻ                                        | P-124   | 63:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6617 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho vịt<br>ngan đẻ                               | P-125   | 64:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6618 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ<br>tập ăn đến xuất bán                | P-160   | 65:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6619 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ<br>tập ăn đến xuất bán                | P-190   | 66:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6620 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ<br>tập ăn đến xuất bán                | P-189   | 67:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6621 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ<br>tập ăn đến xuất bán                | P-188   | 68:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6622 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ<br>tập ăn đến xuất bán                | P-187   | 69:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |
| 6623 | Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ<br>tập ăn đến xuất bán                | P-186   | 70:2011/EHHP | 02/2011/CB<br>HQ-HP |